NĂM THỨ MƯỜI HAI • # 141 • JANUARY 2001

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL: (714) 839-8746 • FAX: (714) 839-8215

XUÂN TÂN TỴ 2001

Hãy Thiết Kế Sớm
Hãy Thiết Kế đúng
Hãy Thiết Kế Thường Xuyên

Người nào nói rằng "Thiên hạ sự càng thay đổi thì càng y hệt như cũ" là người không bao giờ lập gia đình. Chắc chắn họ không bao giờ có con nhỏ. Và càng chắc hơn nữa là họ không bao giờ thay đổi việc làm. Và thật sự họ không hiểu thay đổi dễ sợ như thế nào. ***Đời sống là thế đó.***

Có lẽ đã đến lúc bạn nên nói chuyện với một người thực sự hiểu biết về bảo hiểm nhân thọ và các nhu cầu tài chánh khác của bạn. Một người không những đã được huấn luyện kỹ để thành một chuyên viên bảo hiểm giỏi, mà còn đã từng đi qua những bước đường của bạn nữa. Một người có gia đình. Hiện đang làm chủ một ngôi nhà. Một người biết rất rõ cái giá của nền đại học vào năm 2005 và đang suy tính về hưu vào năm 2016. Một người nào đó mà cuộc sống không khác gì của bạn nhưng họ còn biết thế nào là thay đổi nữa!

Đời sống New York Life là thế đó.

NEW YORK LIFE INSURANCE COMPANY

Cung ứng bảo hiểm và những dịch vụ tài chánh khác

IRVINE
2020 S. Main St., Suite 200
Irvine, CA 92614 • (949) 797-2441

LONG BEACH
6700 E. Pacific Coast Hwy, Suite 180
Long Beach, CA 90803 • (562) 493-2571

POMONA
3201 Temple Ave., Suite 200
Pomona, CA 91768 • (909) 598-2333

BREA
3230 E. Imperial Hwy, Suite 100
Brea, CA 92621 • (714) 572-2100

LA PALMA
6 Centerpointe Dr., Suite 600
La Palma, CA 90623 • (714) 228-2779

NEW YORK LIFE
The Company You Keep.®

©2000 New York Life Insurance Company, 51 Madison Avenue, New York, New York 10010. All rights reserved

www.newyorklife.com

MERRY CHRISTMAS
HAPPY NEW YEAR 2001

*** Quý vị đã hài lòng, khen ngợi Video Paris by Night 52, Long Beach 1999, chủ đề *Giã Từ Thế Kỷ*.**
*** Quý vị sẽ vô cùng thích thú khi thưởng ngoạn chương trình tuyệt vời Video Paris by Night 57, Long Beach 2001 thật sáng giá chào đón Thiên niên kỷ mới.**

*** Tưng bừng phát hành khắp thế giới vào Mùa Giáng Sinh December 2000.**
*** Món quà đặc sắc, tặng phẩm nghệ thuật mang niềm vui và hạnh phúc cho mọi gia đình trong mùa lễ Christmas 2000 và New Year 2001.**

MERRY CHRISTMAS
HAPPY NEW YEAR
2001

QUÀ TẶNG ĐẦY Ý NGHĨA

Một món quà tặng bạn bè, người thân mà suốt năm vẫn nhận được đều đều, suốt đời vẫn thưởng thức được, đó là **một năm báo THẾ KỶ 21.**

Nhân dịp đầu xuân, quý vị độc giả có thể tặng bất cứ ai một năm báo *Thế Kỷ 21* với giá đặc biệt, nếu người được tặng chưa phải độc giả dài hạn của TK 21.

PHIẾU TẶNG BÁO

Họ tên người tặng: .....

Họ tên người nhận: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Một năm báo *Thế Kỷ 21* (12 số) bắt đầu từ số .....

Giá đặc biệt: Bớt 10% so với giá bình thường.

Xin tham khảo nơi Phiếu Dài Hạn (Subscription Form) dưới đây.

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

PHIẾU DÀI HẠN
SUBSCRIPTION FORM

Họ tên / *Full name:*..... *ĐT. / Phone:*.....

Địa chỉ / *Address:*.....

Tôi đặt mua **Thế Kỷ 21** / *I would like The Ky 21 delivered to me:*

□ 06 số / *issues* □ 12 số / *issues* □ 24 số / *issues* Bắt đầu từ số / *Starting from issue #*.....

Gửi Bulk Rate	□ 1 năm / 1 year US$50.00	□ 2 năm / 2 years US$90.00
Gửi First Class:	□ 1 năm / 1 year US$64.00	□ 2 năm / 2 years US$120.00
Gửi ngoài nước Mỹ (Air Mail) CANADA	□ 1 năm / 1 year US$68.00	□ 2 năm / 2 years US$130.00
ÂU CHÂU / *EUROPE*	□ 1 năm / 1 year US$90.00	□ 2 năm / 2 years US$170.00
Á, ÚC CHÂU / *ASIA & AUSTRALIA*	□ 1 năm / 1 year US$106.00	□ 2 năm / 2 years US$196.00

GHI CHÚ / *NOTES:*

(1) Giá biểu này có hiệu lực từ ngày 15 tháng Giêng 1998. / *Effective from January 15, 1998.*

(2) Ngân phiếu, hoặc lệnh phiếu, xin trả bằng Mỹ Kim, đề tên "THẾ KỶ 21." / *Checks, or money orders, in US funds, pay to "THE KY 21."*

(3) Giá biểu *bulk rate* chỉ dùng trong nước Mỹ mà thôi. Phải mất từ một tới ba tuần báo mới tới nơi. / *Bulk rate is good for US addresses only. It takes from one to three weeks to reach destination.*

(4) Nếu thay đổi địa chỉ, xin thông báo trước, và gửi kèm nhãn gửi báo. / *Please let us know in advance when you change address. Attach your label.*

(5) Số báo đầu tiên và số báo cuối cùng in trên nhãn gửi báo. / *The first and the last subscribed issues are printed on the label.*

11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE CA 92840 USA. TEL: (714) 839-8746 FAX (714) 839-8215

"Đôi Mắt Là Cửa Sổ Của Tâm Hồn"

ThanhThảo đã được Bác Sĩ Michael Rose điều chỉnh thị giác bằng phương pháp LAZIK và nay đã có thị giác toàn hảo. Cuộc sống của Thanh Thảo đã có nhiều thay đổi tốt đẹp hơn từ ngày không còn bị lệ thuộc vào kính cận và contact lenses.

Nếu quý vị muốn có thị giác toàn hảo và khỏi phải lệ thuộc vào kính mắt hoặc contact lenses, xin hãy đến với những bác sĩ chuyên nghiệp. ***Bác sĩ Michael Rose*** và ***Bác sĩ Marc Rose*** là hai bác sĩ chuyên ngành về phương pháp ***LAZIK*** với trên 10 năm kinh nghiệm và đã hoàn tất trên 20,000 cuộc giải phẫu Laser và điều chỉnh thị giác. ***Bác sĩ Michael Rose*** là vị bác sĩ thứ nhì được chứng nhận được phép áp dụng phương pháp giải phẫu ***LAZIK*** tại miền Nam California.

SOUTH COAST LASER CENTER

3420 Bristol Street, Ste. 700
Costa Mesa, CA 92626
(714) 957-0272

ROSE EYE MEDICAL GROUP

3325 North Broadway
Los Angeles *(Lincoln Heights),* CA 90031
Tel: 1-888-LASER-03

Để được tham khảo miễn phí, xin gọi:

(714) 957-0272

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA

NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

* CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.
* HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.

** Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*

** Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
* TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG
* LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI
* NHA KHOA THẨM MỸ
* NHA KHOA NHI ĐỒNG

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843

(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Viễn Đông)

THẾ KỶ vừa phát hành

TÀ ÁO VĂN QUÂN

Tập truyện
NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

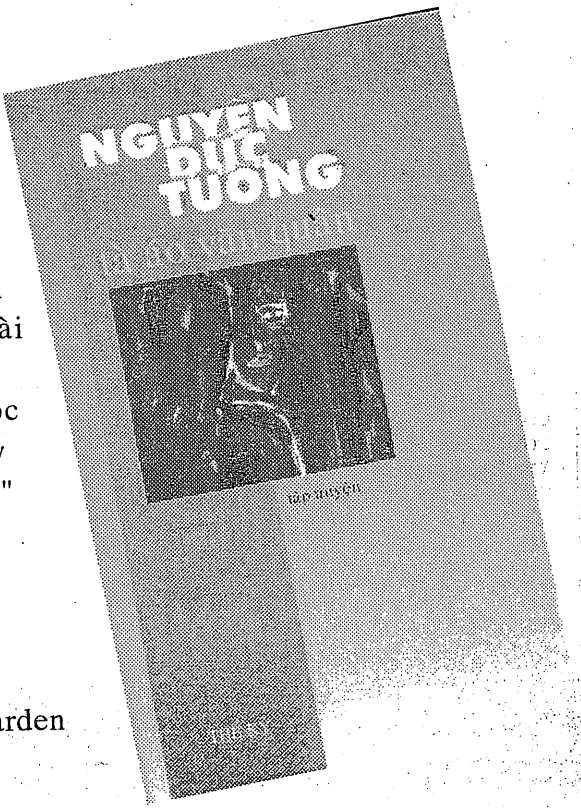

Một tập truyện tình. Tình từ thuở mới từ Bắc vào Huế. Huế vào Sài Gòn. Sài Gòn đi du học Mỹ, từ mấy mươi năm trước. Đậm chất cổ truyền của dân tộc hoặc lãng đãng với những cô gái Tây phương. Hoặc tái ngộ với "người xưa" trên đất lạ...
Tình chập chờn như tà áo bay.
TÀ ÁO VĂN QUÂN.
Giá US$16.00

THẾ KỶ
11022 Acacia Parkway #A Garden Grove CA 92840 - USA
Tel: (714) 839-8746.

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

DỮ HƠN RẮN ĐỘC

Tiểu thuyết phóng tác của tác giả nổi tiếng **HOÀNG HẢI THỦY.** Giá 15 Mỹ kim.

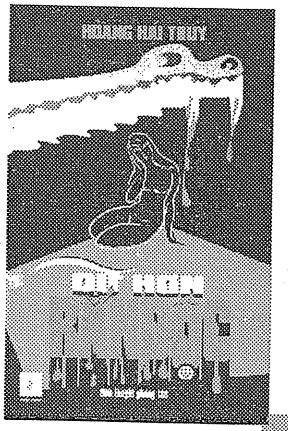

HẠNH PHÚC CÓ THẬT

Tập truyện của **BÙI BÍCH HÀ,** với "chữ nghĩa gọn ghẽ, kín đáo, lại vừa chính xác tài tình." Giá 10 Mỹ kim.

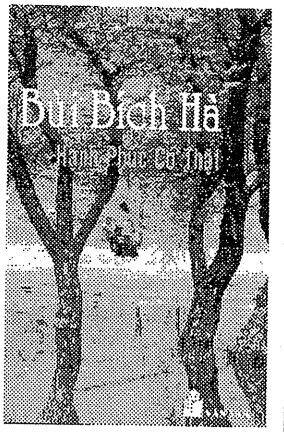

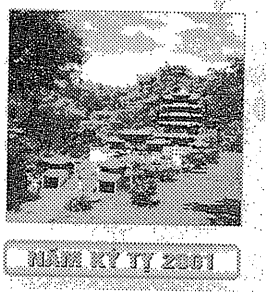

LỊCH TỬ VI KHÁNH ANH

năm Tân Tỵ 2001 Do **chùa Khánh Anh** tại Pháp biên soạn. Giá 18 Mỹ kim.

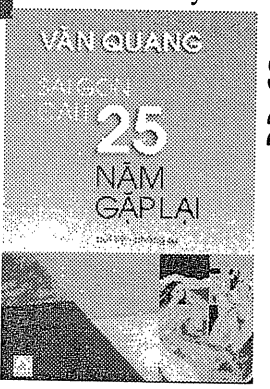

SÀI GÒN CALI 25 NĂM GẶP LẠI

Tùy bút - phóng sự về xã hội Sài Gòn ngày nay của **VĂN QUANG.** Giá 13 Mỹ kim.

SÁCH TUYỂN CHỌN - MỚI XUẤT BẢN / TÁI BẢN

- 250 bài thuốc đông y cổ truyền chọn lọc - SS Trần Văn Kỳ $8.00
- 800 mẹo vặt trong cuộc sống hàng ngày - Đới Thị Bình $10.00
- ABC Từ ngữ ngoại thương Anh-Việt chuyên dùng - Hà Nam $10.00
- Bắn rụng mặt trời (bộ 8 tập) - Vũ Ngọc Đĩnh $64.00
- Bệnh thất nhân tâm - Hoàng Xuân Việt $8.00
- Cảm xạ học và đời sống - Dư Quang Châu $18.00
- Chuyện cũ Hà Nội - Tô Hoài $22.00
- Chuyện Phật đời xưa - Đoàn Trung Còn $7.00
- Đại cương triết học sử Trung Quốc - Phùng Hữu Lan $13.00
- Dương liễu xanh xanh - Quỳnh Dao $10.00
- Dịch học tân thư (bộ hai tập, bìa cứng) - Lý M. Tuấn $26.00
- Hồi ký 60 năm cầm bút - Xuân Tước $15.00
- Khí công 100 ngày - Phương Xuân Dương $9.00
- Lịch sử Tư tưởng VN (bộ 6 tập) - Nguyễn Đăng Thục $54.00
- Lịch sử Thế giới (bằng tranh) - Bùi Đức Tịnh $22.00
- Nam Cao, Nhà văn hiện thực xuất sắc - Phương Ngân $16.00
- Nam thi hợp tuyển - Ôn Như $12.00
- Ngô Tất Tố - Về T.Gia và Tác Phẩm - Nhiều tác giả $19.00
- Nghệ Thuật Cắm Hoa Nhật Bản - Khắc Thành $14.00
- Nguyễn Công Hoan - Về T.giả và T.phẩm - Nhiều tác giả $19.00
- Nguyễn Huy Tưởng - Về T.giả và T.phẩm - Nhiều tác giả $19.00
- Những bài thuốc tâm huyết của 800 danh y Trung Quốc đươngđại (bìa cứng, 1587 trang) - Thang Nhất Tâm $32.00
- Những người khốn khổ (Bộ 4 tập) - Vichto Huygo $52.00
- Nhị Thập Tứ Hiếu - Quách Cư Nghiệp $6.00
- Phép xoa bóp mới ở bàn chân - Nguyễn Quốc Thái $7.00
- Quê Hương Thu Nhỏ 23 ca khúc - Nguyễn Đình Toàn $13.00
- Sách Đông Y Thực Hành - Đức Lôi $15.00
- Sử Ký Tư Mã Thiên (Bộ 2 tập) - Phan Ngọc $18.00
- Tám Chữ Há Lạc Quỉ Đạo Đời Người - Xuân Cang $15.00
- Tô Hoài, về tác giả và tác phẩm - nhiều tác giả $19.00
- Tìm về cội nguồn (bộ 2 tập) - Phan Huy Lê $49.00
- Thạch Lam và Văn Chương - Xuân Tùng $19.00
- Từ Điển Anh-Anh-Việt 300,000 từ - NXB Văn Hóa $58.00
- Từ Điển Phật Học - Chân Nguyên $24.00
- Từ Điển Y Học - Phạm Ngọc Trí $27.00
- Từ ngữ thơ văn Nguyễn Đình Chiểu - Nguyễn Thanh Giang $26.00
- Trở Lại Mặt Khu Sinh Lầy - Nguyễn Bửu Thoại $20.00
- Truyện Phật Thích Ca - Đoàn Trung Còn $7.00
- Tùy Đường Diễn Nghĩa (Bộ 3 tập) - Chủ Nhân Hoạch $45.00
- Ứng Dụng Trường Khí Trong Đời Sống - Trương Huệ Dân $18.00
- Tuyển tập Nguyễn Công Hoan (bộ 3 tập) - Nguyễn Công Hoan $39.00
- Vỏ sò tím - Quỳnh Giao $10.00
- Vũ Trọng Phụng - Về T.giả và T.phẩm - Nhiều tác giả $20.00
- Xuân Diệu - về tác giả và tác phẩm - Nhiều tác giả $18.00
- Viết về nước Mỹ giải thưởng Việt Báo $20.00

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
www.tuluc.com

Microsoft Certified Professional

PROMETRIC TESTING CENTER

Microsoft Certified Professional
Systems Engineer

(MCSE)

Microsoft Certified Systems Engineer

A+ Certification

Có lớp Ngày và Đêm

* Học 4 tháng rưỡi sẽ có chứng chỉ Thư Ký Phụ Tá Văn Phòng hoặc Computer Technichian.
* Học 6 tháng sẽ có chứng chỉ PC Network Engineer
* Học 8 tháng rưỡi, sẽ có chứng chỉ Thư Ký Kế Toán hoặc PC Technician & Networking Specialist.
* Học 11 tháng sẽ có chứng chỉ PC Technician và Network Engineer.

MONTEREY PARK COLLEGE · SINCE 1991

MPC

Để biết thêm chi tiết và địa điểm gần nhất xin quý vị gọi cho

John Lê

tại số miễn phí:

1-877-Want-MPC

1-877-926-8672

* Orange County
* Pomona
* Monterey Park

ACICS

ACCREDITED MEMBER

Trường MPC College chuyên dạy về Computer như các lớp học:

* MCSE (Microsoft Certified System Engineer)
* Thư Ký Văn Phòng (Office Support / Operation Assistance)
* Kế Toán trên Máy Điện Toán (Computerized Accounting)
* Sửa chữa và lắp ráp máy điện toán (P.C. Technician)

COMPUTING TECHNOLOGY INDUSTRY ASSOCIATION A+ CERTIFICATION

LỚP BAO GỒM:

* MCSE	* Windows 2000 / NT
* LINUX	* Microsoft Office 97
* DOS	* Peachtree Accounting
* INTERNET	* Quick Book

FINANCIAL AIDS

* Trường có trợ giúp của chính phủ nếu hội đủ điều kiện.
* Giúp tìm việc làm sau khi tốt nghiệp

MUỐN BIẾT THỜI VẬN TƯƠNG LAI CỦA BẠN NHƯ THẾ NÀO?

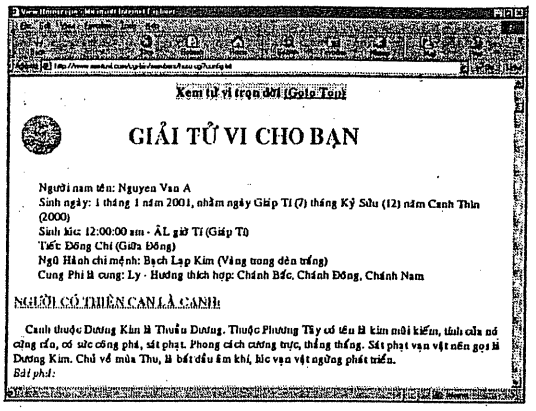

Hãy Xem Tử Vi Trên Internet

www.xemtuvi.com

VNI

14091 Goldenwest St.,
Westminster,
CA 92683

Tel: (714) 891-7656

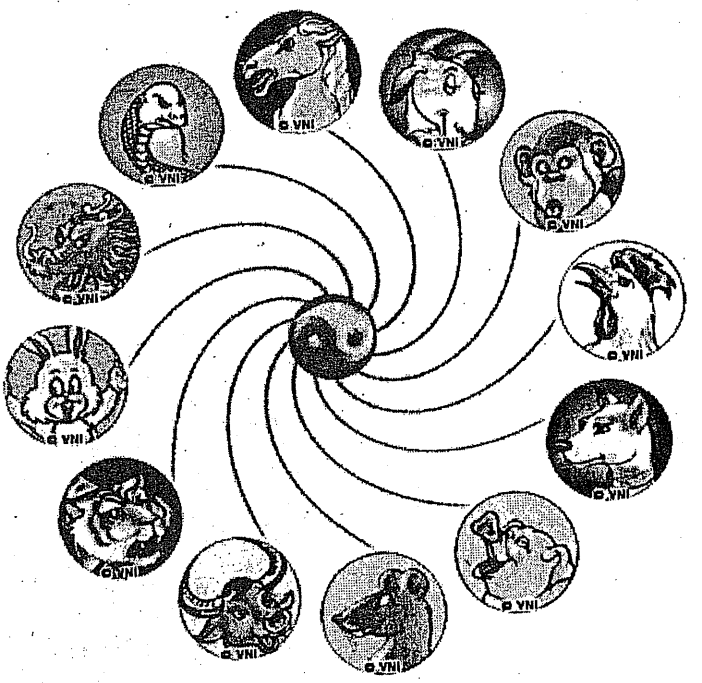

Sản phẩm mới phát hành

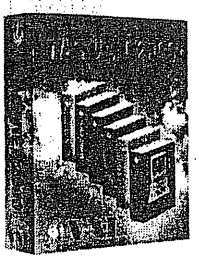

VNI Tân Việt 2000
Bộ chữ việt dùng trong Windows 95/98/NT & 2000

Em Học Tiếng Việt Trình độ 1
Giúp các em từ 3-8 tuổi hoặc cho beginner học tiếng việt

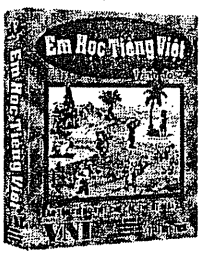

Em Học Tiếng Việt Trình Độ 2
Chương trình này sẽ dạy các em cách đánh vần, ráp câu, viết chính tả

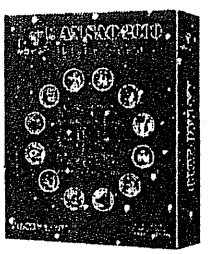

VNI An Sao 2000
An lá số từng năm và trọn đời. Lấy lá số theo ngày sinh dương lịch hay âm lịch.

HỘI VĂN HỌC NGHỆ THUẬT VIỆT MỸ
Vietnamese American Arts & Letters Association
(VAALA)

Hân hạnh giới thiệu

ĐẶNG THÁI SƠN

Huy Chương Vàng Giải Piano Quốc Tế Chopin, 1980

trong

Một chương trình gồm những tuyệt tác của
Chopin, Ravel, Bach-Busoni, Mendelssohn

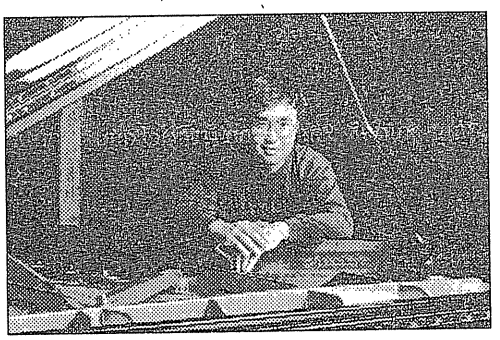

"A fully realized and exciting performance"
The New York Times

"Une interprétation lumineuse"
Le Monde, France

"Natural and effortless . . . deeply moving"
Business Times, Singapore

4:00 chiều Chủ Nhật ngày 18 tháng 2 năm 2001
tại La Mirada Theatre for the Performing Arts
14900 La Mirada Boulevard, La Mirada, California

Giá vé: $30, $50, và $100 **(Giảm 20% cho sinh viên học sinh và hội viên VAALA).** Vé có bán tại: VAALA/VNCR (714) 537-7686 hoặc (714) 534-9430
Tiệm nhạc Bích Thu Vân (714) 897-4519
Mua vé trên mạng lưới điện toán: http://vaala.vinamall.com, http://kicon.com
Ban tổ chức yêu cầu quý khán thính giả không chụp hình hoặc quay phim trong khi nhạc sĩ đang trình diễn và không đem theo pager *hoặc* cell phone *vào rạp. Xin cảm ơn sự hợp tác của quý vị.*

THẾ KỶ 21

Tạp chí ra hàng tháng.
Cty Người Việt sáng lập (1989).
Hội VAALA bảo trợ.

11022 Acacia Pkwy #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 839-8746
Fax: (714) 839-8215
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ , Lê Đình Điểu, Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu, Nguyễn Phước Quan, Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo, Tống Hoàng, Trần Văn Ngô

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-)
Chủ bút:
Vương Hữu Bột

Bài gửi cho Thế Kỷ 21 xin viết trên một mặt giấy. Nếu gửi bằng đĩa, xin để ở dạng ASCII và kèm theo bản in. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:

Phát hành & Quảng cáo:
Phan Mỹ Sương

Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp:
Lê Tất Luyện: 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương 01 39 84 00 84
Tr. T. Diệu Tâm: 01 45 70 72 35
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiểu Nhân*
(450) 466-0895
Western Australia: *Bình Anson*
(61- 8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

Hình bìa: tranh của họa sĩ **Nguyễn Thị Hợp**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng** và **Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui**
Ảnh: **Đỗ Tăng Bí, Kicon,** tư liệu

MỤC LỤC

Số 141 . Tháng Giêng 2001

THỜI SỰ - CHÍNH TRỊ

10 Hết Rồng đến Rắn - **Phạm Phú Minh**
11 Cuộc tranh đấu cho tự do tôn giáo - **Đỗ Anh Tài**

VĂN HỌC - NGHỆ THUẬT

34 Đọc truyện Kiều bằng thống kê học - **Nguyễn Văn Tuấn**
63 Sự quan hệ giữa luật pháp và văn học nghệ thuật - **Nguyễn Văn Thành**
104 Thanh Lam. Mùa thu. Hà Nội - phỏng vấn của **Đỗ Tăng Bí**
114 Mùa Xuân, đọc Bên Giòng Sông Hằng - **Trần Phong Vũ**

LỊCH SỬ - VĂN HÓA

14 Tổ tiên tộc Việt cổ tại Triết Giang - **Nguyễn Quang Trọng**
20 Lịch và thơ giết người - **Trần Gia Phụng**
30 "Đại" hay "Thái" ... - **Nguyễn Ngọc Bích**
41 Ai tài trợ cho Pháp trong chiến tranh Đông Dương? - **Thụy Khuê** phỏng vấn cụ **Lê Văn Lâu**
70 Những thú tiêu khiển trong mấy ngày Tết - **Từ Nguyên**
74 Năm Tỵ nói chuyện rắn - **Trần Quán Niệm**

VĂN

54 Tấm hình của một thi sĩ - **Đỗ Quý Toàn**
78 Xuân về trên thành phố ngô đồng - **Lê Đình Thông**
82 Chuyến tàu - **Trần Doãn Nho**
90 Hồi ký của Nguyễn thị - **Ngô Nguyên Dũng**
97 Nghĩ trên niềm nhớ - **Lê Minh Hà**
101 Nhìn lại một lần - **Tâm Thanh**

THƠ

26. Giao thừa thiên niên kỷ - **Dương Cự. 45.** Mai này ta sẽ ra đi - **Lưu Nguyễn. 66.** Khuya trừ tịch đi vào rừng tên Diễm Ảo - **Trần Hồng Châu. 73.** Cõi Xuân - **Cổ Ngư. 77.** Thiên tài dỗ vợ trước khi đi đạp xe thồ - **Đynh Trầm Ca. 80.** Đêm hồng - **Nguyễn Ngọc Bội. 99.** Xông ngõ mười hai quan chức và nhân dân - **Đỗ Thì Kênh G. 103.** Cánh đồng chiêu niệm - **Thái Tú Hạp. 111.** Hỏi thật - **Luân Hoán**

MỤC THƯỜNG LỆ

Vì là số Xuân, chúng tôi tạm gác lại một số mục thường lệ, để dành chỗ cho các bài vở khác.
48 Đời sống quanh ta - **Kicon, Thanh Thảo, Trần Quán Niệm**
54 Sổ tay

HẾT RỒNG ĐẾN RẮN

PHẠM PHÚ MINH

Năm qua là năm rồng, con vật tưởng tượng bay trong mây. Năm nay là năm Tỵ, con rắn lại chuyên bò sát đất, thật là đi từ thái cực này đến thái cực khác. Và năm con rắn cùng với 2001 chính thức mở đầu cho thế kỷ 21, cho thiên niên kỷ thứ ba, có vẻ nhắc chúng ta nên thực tế hơn, hãy bớt nghĩ chuyện trên mây để lo những chuyện là là mặt đất.

Nhưng dù chuyện dưới đất, Mùa Xuân vẫn mang lại bao điều mới mẻ. Trời đất mùa xuân là chuyện muôn đời, chẳng cần biết đến năm tên gì, thế kỷ thứ mấy, thiên niên kỷ bao nhiêu. Không cần lịch loài người vẫn biết Mùa Xuân đang tới, với niềm hân hoan trong lòng ăn khớp cùng sự chuyển dịch bên ngoài. Mùa Xuân làm mới lại vạn vật muôn loài, trong đó có con người, và chúng ta đón xuân với bao hy vọng mới. Trang bị một tâm trạng vui tươi tin tưởng sau mỗi 365 ngày trên con đường thăm thẳm của thời gian, ai nấy có cảm tưởng mình đang làm một cuộc "lên đường trở lại" với nỗi hăm hở như tuổi thanh xuân. Đó cũng là cái mốc giúp chúng ta nhìn ngắm lại chính mình và đoạn đường đã qua.

Nhìn ngược lại một nghìn năm, thì thấy dân tộc Việt Nam từ trong đêm tối Bắc thuộc bước vào thời kỳ tự chủ, như vào một mùa xuân mới. Mười thế kỷ đã qua đi từ đó với bao nỗi thăng trầm, nhưng đất nước và dân tộc Việt Nam vẫn phát triển, từng bước một tiến về phía Nam cho đến khi đến bán đảo Cà Mau, gặp biển mới dừng lại.

Nhưng một trăm năm chót của thiên niên kỷ vừa qua, tức thế kỷ 20, có biết bao thay đổi lớn lao. Việt Nam bị rơi vào ách đô hộ của Tây phương, và từ giữa thế kỷ đã là bãi chiến trường lúc đầu là để dành độc lập, tiếp theo biến thành chiến trường cho cuộc tranh chấp giữa hai hệ ý thức tự do và cộng sản. Thế trận khiến đất nước bị chia cắt, làm dân tộc bị phân hóa trầm trọng, mà hậu quả là tuy phía cộng sản chiến thắng, nhưng vết thương phân hóa thì không những không lành khi đất nước được thống nhất, mà trái lại càng trầm trọng vì chế độ độc tài độc đảng. Hơn hai triệu người phải bỏ đất nước trốn chạy ra đi tá túc khắp nơi trên thế giới.

Việt Nam đóng lại một thế kỷ và một thiên niên kỷ với hình ảnh như thế: đất nước thống nhất dưới một chế độ độc tài lỗi thời với một mớ lý thuyết chẳng ăn nhập gì với thế giới đã thay đổi, và một "nước Việt Nam hải ngoại," lưu vong, không chính quyền không lãnh thổ. Người Việt lưu vong không giống như những di dân khác luôn luôn có một nước mẹ bảo bọc sau lưng về tình cảm, văn hóa và ngay cả nâng đỡ khi gặp những bước thất bại ê chề - họ phải tự lo lắng lấy tất cả, phải tự trưởng thành về học vấn, về kinh tế để xây dựng cuộc sống ổn định cho chính mình. Trong hoàn cảnh như thế người Việt Nam lưu vong vẫn không ngừng thao thức lo lắng cho quê cũ, hằng năm họ gửi về nước khoảng ba tỷ mỹ kim để giúp đỡ thân nhân, và luôn luôn vận động để đời sống người dân trong nước đỡ bị đè nén hơn.

Báo *Thế Kỷ 21* hơn một thập niên qua đã góp phần vào công cuộc vận động chung của người Việt hải ngoại. Mang tên của thế kỷ sắp tới ngay từ ngày thành lập, tờ báo nhằm những dự phóng cho tương lai, cùng lúc bảo tồn, củng cố các giá trị cũ mà người ra đi mang theo từ cố quốc. Nay thế kỷ 21 đã tới. Khi quý vị cầm đọc tờ báo này thì quý vị đang ở trong thế kỷ 21, nhưng nội dung của thế kỷ mới này là gì thì vẫn còn là ẩn số trong tương lai.

Và tạp chí *Thế Kỷ 21* lại xin cùng quý vị lên đường khám phá, trên hành trình thế kỷ 21. Chúc quý vị một Mùa Xuân hy vọng.●

CUỘC TRANH ĐẤU CHO TỰ DO TÔN GIÁO VIỆT NAM CỦA LINH MỤC NGUYỄN VĂN LÝ VÀ GIÁO DÂN XỨ NGUYỆT BIỀU-HUẾ

ĐỖ ANH TÀI

Nguyệt Biều (NB) là một giáo xứ nhỏ, nghèo, thuộc xã Thủy Biều, quận Hương Thủy, cách thị xã Huế 7km về hướng Tây, ngay ven bờ sông Hương, ngang với chùa Thiên Mụ ở bên kia sông. Thực ra, Nguyệt Biều chỉ là một họ nhánh của giáo xứ Phường Đúc, ở cách đó 2.5km, mà ở đó mới có họ Linh mục. Quản xứ, hiện là Lm. Trần Văn Quí, thành viên của Hội đồng Nhân Dân và Mặt Trận Tổ Quốc tỉnh Thừa Thiên - Huế.

Linh mục Nguyễn Văn Lý, người quê Quảng Trị, 53 tuổi, là cựu thư ký riêng của Đức Cố Tổng Giám Mục Huế Nguyễn Kim Điền, người đã bị chịu khổ vì đạo và chết vì đạo ngày 8/6/1988. Năm 1995 Lm. Lý bị chính quyền CS ép Giáo hội Công giáo đưa về xứ NB, không phải để làm Cha xứ, mà thực chất là để bị quản chế ở đây, sau thời gian hơn 10 năm bị cầm tù, lần cuối ở trại tù Nam Hà, gần Hà Nội, vì những đòi hỏi tự do Tôn giáo.

Khi Lm. Lý về NB năm năm trước, họ đạo này chỉ có 16 đơn vị gia đình. Lm. Lý ở đó dạy học Anh, Pháp văn, Nhạc, Thiên Văn, Giáo lý, và có cả một lớp computer. Học sinh, sinh viên nghèo đến học, đến 98% là không công giáo. Nay giáo xứ NB đã có 50 đơn vị gia đình, hơn 100 giáo dân, tỷ lệ hơn 1% so với 9000 dân xã Thủy Biều.

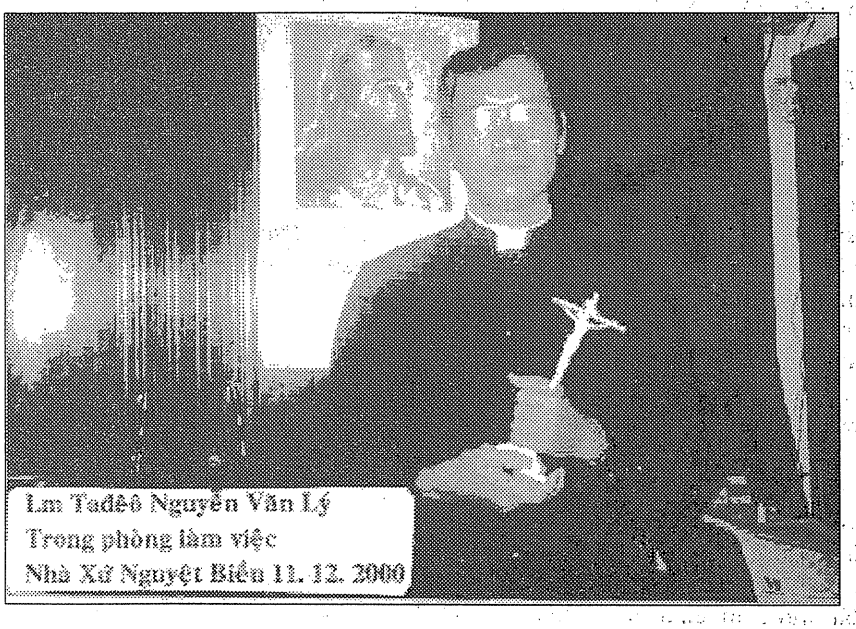

Lm Tađêô Nguyễn Văn Lý
Trong phòng làm việc
Nhà Xứ Nguyệt Biều 11. 12. 2000

Trước tình cảnh đất ruộng của giáo xứ NB cứ bị chính quyền Cộng sản (CQCS) chiếm đoạt gần hết - từ sau 1975, giáo xứ NB đã bị trưng thu 10.000 m2 ruộng, 3000 m2 đất ngoài khuôn viên nhà thờ - nay lại đang bị trưng thu thêm 1900 m2 đất thuộc khuôn viên nhà thờ, cộng thêm gần 200 m2 khác bị chiếm làm mương thủy lợi chảy băng ngang qua sát nhà thờ nữa, Lm. Lý đã cùng giáo dân xứ NB đứng lên đấu tranh đòi lại đất cho giáo xứ, từ cuối tháng 11-2000.

Chính quyền không chịu giải quyết, lại dùng mọi thủ đoạn đe dọa, trù dập, ly gián, gây khó khăn.

Ngày 4-12-2000, cuộc tranh đấu không còn chỉ giới hạn trong phạm vi đòi đất, mà là đòi thẳng đến quyền Tự Do Tôn Giáo. Giáo dân cùng Lm. Lý đã trương lên hai biểu ngữ trên thửa ruộng vừa tự động giành lại quyền canh tác thuộc khuôn viên nhà thờ NB: "CHÚNG TÔI CẦN TỰ DO TÔN GIÁO!" CQCS cho tháo bỏ hai biểu ngữ này, vùi xuống ao bùn. Tình hình trở nên căng thẳng. Giáo dân

làm lại hai biểu ngữ và treo lên trước tiền đình nhà thờ NB, và Lm. Lý sẵn sàng cuộc tuyệt thực vô hạn định. Cùng ngày đó, Lm. Lý cho phổ biến ở hải ngoại: "Lời kêu gọi cuối năm 2000 - CHÚNG TÔI CẦN TỰ DO TÔN GIÁO THỰC SỰ TẠI VIỆT NAM" cùng với "Bản Tuyên Ngôn 10 điểm về Thực Trạng Giáo Hội Công Giáo tại Giáo phận Huế," được cập nhật hóa và phổ biến lại, nhân kỷ niệm sáu năm Bản Tuyên Ngôn ra đời, ngày 24-11-1994.

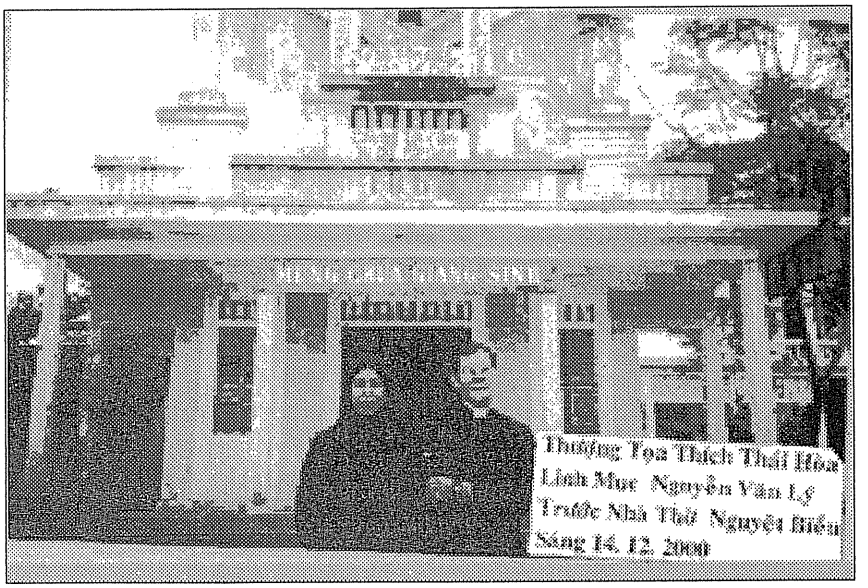
Thượng Tọa Thích Thái Hòa
Linh Mục Nguyễn Văn Lý
Trước Nhà Thờ Nguyện Hiền
Sáng 14. 12. 2000

Bản Tuyên Ngôn về Thực Trạng Giáo Hội Công Giáo tại Giáo Phận Huế

Bản TN này đã được Lm. Lý đưa ra từ 24/11/1994, sau 10 năm bị cầm tù vì những hoạt động đòi hỏi Tự do Tôn Giáo. Ngày 24-11-2000, nhân kỷ niệm sáu năm BTN, Lm. Lý đã phổ biến lại với những chú thích cập nhật hóa, rằng những điều đã trình bày trong BTN về thực trạng GHCG thuộc GP Huế, cũng như GHCG toàn VN, và cũng là thực trạng "của tất cả các giáo hội khác trên đất VN hôm nay," là "rất đúng vào thời điểm 1994, mà cũng vẫn hoàn toàn chính xác vào năm 2000 này."

Thực trạng đó là "tuy mang tiếng là 'tự do,' thực chất Giáo Hội hết sức bị động, phải ngửa tay xin ân huệ nhà nước, không tuyển chọn, phong chức và bổ nhiệm được người mình cho là xứng đáng và cần thiết"..., và "Chính quyền xen vào nội bộ Giáo Hội cách trắng trợn, dùng áp lực để sắp xếp, lèo lái theo ý mình... nhằm một ý đồ đen tối biến Giáo Hội thành một công cụ mềm dẻo, một nô bộc trung thành, một tay chân ngoan ngoãn..." Lm. Lý kêu gọi mọi người giúp phổ biến rộng rãi Bản Tuyên Ngôn "để đất nước tôi sớm có tự do tôn giáo và tự do Lương tâm đích thực."

"Lời kêu gọi cuối năm 2000" ngày 4-12-2000 (LKG 2000)

Với tiêu đề "Chúng tôi cần có Tự Do Tôn Giáo Thật sự tại Việt Nam," LKG nhận định rằng "Chính sách đối với các Tôn giáo nói chung và đối với Công giáo nói riêng tại VN của CQ CSVN từ 1954 cho đến cuối năm 2000 này, chỉ là một **Chiếc Dây Thòng Lọng Thắt Cổ Các Tôn Giáo** (như lời Đức Cố TGM Nguyễn Kim Điền đã nói)... và "Đối chiếu với các điều 18, 19 của Tuyên Ngôn Nhân Quyền của LHQ, và các điều 2, 4, 5, 13 Tuyên Ngôn về Tự Do Tôn Giáo của Công Đồng Vatican II..., thì GHCGVN hiện nay đang bị trói tay, trói chân, không hoạt động được như ý Thiên Chúa muốn qua Công đồng Vatican II."

Từ đó Lm. Lý kêu gọi:

- Mọi thành phần dân Chúa tại VN: "- phải ý thức cho rõ: GH chúng ta đang bị đàn áp một cách tinh vi và có hệ thống rõ rệt. Xin đừng ai đang vì địa vị, quyền lợi nhỏ nào đó mà tưởng lầm, và cho 'Tự do' như thế là tạm đủ rồi", và "- phải hành động sao cho GHVN được có Tự Do Tôn Giáo thật sự."

- Lm. Lý cũng kêu gọi mọi người CGVN tại hải ngoại, cùng mọi từng lớp dân chúng VN trong và ngoài nước, "tìm mọi cách giúp cho nước VN có được mọi quyền Tự Do cơ bản, mọi Tôn giáo trên đất nước VN được tự do sinh hoạt theo niềm tin của mình."

Khi gửi những tin tức và Lời Kêu Gọi này ra ngoài nước để nhờ phổ biến ngược trở lại về trong nước, Lm. Lý tâm sự: "Các bạn đừng có lo. *Không có tự do ai cho không, mà chúng ta phải gian khổ tự giành lại bằng NƯỚC MẮT, MÁU, và thậm chí cả MẠNG SỐNG nữa!"*

Ngày 8-12-2000, Lm. Lý đưa ra Lời Kêu

Gọi số 2, cùng với Bản Giải Thích cặn kẽ sau đó, chủ yếu có tính cách nội bộ trong GHCG, nhằm "Thống thiết và tha thiết kêu gọi," gửi đến mọi thành phần GHCG, từ Đức Hồng Y, các Đức Giám Mục, Linh Mục, Tu sĩ và Cộng Đồng Giáo dân, xin mọi người cương quyết áp dụng phương pháp đấu tranh bất bạo động để đòi Tự Do Tôn giáo thực sự, không chấp nhận tình trạng "Tự do Tôn giáo giả tạo" hiện nay. Với những đề nghị cụ thể và quyết liệt, Lm. Lý xin GHCG can đảm chứng tỏ cái "Chân dung đích thật của chính mình đang bị đàn áp," hầu giúp cho mọi người nhận đúng thực trạng của các Giáo Hội, đồng thời để gây áp lực lên người đang bắt bớ mình, để "Chính quyền CSVN dù rất không muốn, cũng buộc lòng phải chặt đứt chiếc thòng lọng có thật trên cổ mỗi Giáo Hội, nhanh chóng tránh tình trạng các Giáo Hội *Đồng loạt cùng nhau tự mình đứng lên tự chặt đứt chiếc thòng lọng có thật ấy, nếu bị chiếc thòng lọng ấy siết kéo dài quá lâu!"*

Ngày 13/12/2000, để phản ứng lại những biện pháp bao vây, đe dọa, ly gián và cô lập của chính quyền CS, Lm. Lý và giáo dân NB đã "đẩy cuộc đấu tranh giành tự do tôn giáo đến một mức cao hơn quyết liệt hơn," bằng cách treo thêm một tấm biểu ngữ thứ ba trên cao tiền đường nhà thờ NB: **"TỰ DO TÔN GIÁO HAY LÀ CHẾT!"** Lm. Lý viết: "với khẩu hiệu này, Lm. Lý buộc CQ CSVN phải lựa chọn một trong hai con đường: - hoặc phải dùng bạo lực tiêu diệt ngay Lm. Lý và toàn thể giáo dân NB., - hoặc phải cởi trói cho tất cả các Tôn giáo tại VN, trong đó có GHCGVN được hoàn toàn tự do theo Công đồng Vatican III đã quan niệm một cách chính đáng. Không thể có giải pháp thứ ba!"

- Ngày 14/12/2000, Thượng Tọa Thích Thái Hòa, Tổng Thư Ký GHPGVNTN, cũng gọi là Tăng Đoàn, thuộc Tổ Đình Từ Hiếu - Huế, đã cùng với một Thượng Tọa và một Linh mục khác đến thăm hỗ trợ cuộc tranh đấu của Lm. Lý tại Giáo xứ NB.

- Ngày 18/12/2000 tạ Saigon, Lm. Chân Tín và cụ Lê Quang Liêm, Hội trưởng Trung Ương GHPG Hòa Hảo, đã công bố bản Nhận định tán thành LKG cuối năm 2000 của Lm. Nguyễn Văn Lý và kêu gọi trợ giúp cuộc đấu tranh cho Tự Do Tôn Giáo tại Việt Nam.

Cho tới khi bài này được lên khuôn, tình hình cuộc tranh đấu tại giáo xứ NB vẫn chưa được giải quyết. CQCSVN còn tìm cách tránh sự can thiệp ở quy mô lớn, để cho chính quyền xã địa phương giải quyết. Trưa 14/12/2000, phái đoàn chính quyền xã Thủy Biều đã tới lập biên bản và yêu cầu Lm. Lý tháo bỏ ba tấm bảng "Chúng tôi cần TDTG," và "TDTG hay là chết" đang treo trên tiền đình nhà thờ NB, song Lm. Lý cương quyết từ chối cho đến khi CQCSVN phải trả lại hoàn toàn quyền tự do tôn giáo thật sự cho GHCG và cho tất cả các tôn giáo khác tại Việt Nam.

Trong phần cuối tờ biên bản do CQCS đưa ra ngày 14/12/2000 tại Nguyệt Biều Lm. Lý đã viết nguyên văn trước khi ký tên:

"Tôi xin xác nhận: Bảng "Tự Do Tôn Giáo hay là Chết" là do tôi đem cả mạng sống ra để viết và buộc CQ CSVN phải lựa chọn. Tôi sẽ duy trì lập trường của tôi cho đến chết.

Nguyệt Biều, 14-12-2000

Linh Mục Tadeo Nguyễn Văn Lý (ký tên)"

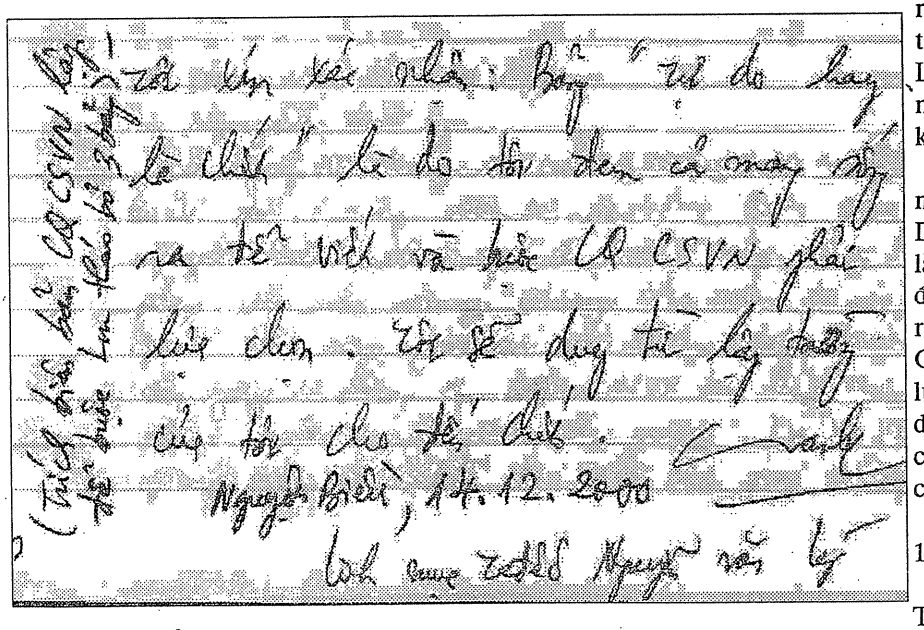

Trích biên bản

TỔ TIÊN TỘC VIỆT CỔ TẠI TRIẾT GIANG

NGUYỄN QUANG TRỌNG

Tây Thi, Câu Tiễn và U Việt

Có lẽ người Việt chúng ta ai cũng biết truyện "Tây Thi gái nước Việt." Người Tàu cũng vậy!

Truyện xảy ra vào thời Chiến Quốc (bên Tàu), cách nay gần 2500 năm. Tây Thi là cô gái nước Việt (thuộc tộc U Việt) nhan sắc tuyệt trần, được Việt Vương Câu Tiễn gởi sang nước Ngô mê hoặc vua Ngô Phù Sai cốt làm yếu nước Ngô là nước kình địch ở ngay phía bắc nước Việt.

Trong khi Việt Vương Câu Tiễn trọng đãi người tài như Ngô Chủng và Phạm Lãi, Ngô Phù Sai, trái lại, nghe lời Thái tể Phỉ bức tử công thần tài giỏi Ngũ Tử Tư. Trong khi Câu Tiễn nằm gai nếm mật để không quên mối nhục thua vua Ngô và ngày đêm tập luyện binh sĩ chuẩn bị phục thù, thì Phù Sai lo xây cung điện uy nga cho nàng Tây Thi trên núi Cô Tô (Lingyan, ngoại thành Tô Châu ngày nay).

Năm 473 B.C. (trước Công nguyên) vua Ngô thua trận, tự tử, nước mất về tay Câu Tiễn. Chuyện nước Ngô bị mất vì nàng Tây ghi lại trong sử, truyền tụng trong dân gian, và ngày nay khắp thế giới: hầu hết các sách sử và sách hướng dẫn du lịch đều nói đến!

Nước (U) Việt hơn trăm năm sau lại bị nước Sở nuốt, và biến mất cùng với nhiều nước thời đó khi Tần Thủy Hoàng đế chiếm hết vùng Trung nguyên rồi lấn về phía nam, lãnh thổ của các Bách Việt. Tộc U Việt bị đồng hóa dần dần, nhưng người U Việt và dòng quí tộc vẫn còn tồn tại cả nghìn năm sau. Tường thành Hàng Châu đầu tiên được xây nên bởi một bá tước người Việt vào đầu thế kỷ thứ bảy sau Công nguyên. Lò gốm của Việt vương trên triền đồi vùng hồ Shanglin vẫn tiếp tục sản xuất đồ gốm "Việt" nổi tiếng cho đến đời Đường, và là lò gốm đầu tiên làm ra loại men *celadon* màu lục.

Không ít người Việt ngày nay coi Tây Thi là (gái) nước Việt (Nam). Nhưng người Tàu ngày nay cũng coi Tây Thi là gái nước Tàu: Tây Thi được họ xem là một trong mươi mỹ nhân đẹp nhất trong lịch sử năm ngàn năm của Trung Quốc. Bởi vì với họ, nước Việt thời Chiến Quốc chỉ là một trong những nước nhỏ thời đó, lúc triều đình nhà Chu suy thoái không đủ sức kiểm soát các lãnh chúa. Đó là những sự kiện được chép trong sử sách, đặc biệt trong bộ Sử Ký Tư Mã Thiên. Nước Việt trong sử Tàu nằm phía nam sông Dương tử về phía bờ biển Đông, bây giờ thuộc địa phận tỉnh Triết Giang. Thủ đô nước Việt cổ này nằm ở Cối Kê, ngày nay gọi là Shaoxing.

Shaoxing chỉ cách Hàng Châu, thủ phủ Triết Giang độ 60 km nhưng du khách ít ai biết, riêng tên Cối Kê càng ít người biết hơn nữa. Hàng Châu được lập vào đời Tùy, sau Cối Kê cả nghìn năm. Nhưng Hàng Châu nổi tiếng hơn Shaoxing nhiều vì từng là thủ đô nhà Nam Tống và nhờ có (cảnh đẹp) Tây Hồ (Xihu). Hàng Châu nằm trên cửa sông Tiền Đường, nơi Thúy Kiều gieo mình tự vận. Tây Hồ là bối cảnh của các truyện Tàu nổi tiếng như "Thanh xà Bạch xà," "Lương sơn Bá Chúc Anh Đài," "Nhạc Phi Tần Cối," và cũng là nơi gợi hứng các nhà thơ lớn (kẻ sĩ làm quan to) như Bạch Cư Dị (Bai JuYi) và Tô Đông Pha (So DongPo hay Su Shi).

Người Tàu coi Tây Hồ với Tây Thi là những biểu tượng đẹp của nước họ.

Tàu và Việt vào thiên niên kỷ trước Công nguyên

Nước U Việt vào thời đó có thuộc Tàu không, và người nước Việt thuở đó có phải là người Tàu như người các nước Sở, Tần, Tề... hay không ?

Điểm quan trọng cần nhắc lại là tộc Hán của Tàu sinh ra tại Hoa Bắc và phát triển mạnh lúc đầu ở vùng Hoàng Hà phì nhiêu. Khi đã chiếm hết đất tốt ở đó, họ mới bành trướng về phía nam, nơi đã có người ở từ lâu đời, như chúng tôi sẽ trình bày sau đây. Theo truyền thuyết, vua Đại Vũ nhà Hạ hội chư hầu ở Cối Kê năm 2158 trước Công nguyên. Theo Bình Nguyên Lộc (BNL), người ta đã ngộ nhận địa danh Cối Kê của xứ Việt Câu Tiễn với một địa danh Cối Kê nào đó ở Hoa Bắc, vì vào đời nhà Hạ nước Tàu còn ở tít trên Hoa Bắc, cách đó mấy nghìn cây số. Cũng như người ta đã ngộ nhận đất Việt của Câu Tiễn với một miền đất khác trong câu sử: *"Năm Quý Mão (2085 B. C.) vua Thiếu Khang nhà Hạ phong cho con thứ nhì là Vô Dư ở đất Việt."* Bình Nguyên Lộc cho đất Việt này ở Kinh Cức hay Kinh Việt (Hồ Bắc), còn Kinh của rợ Việt, ở vào bờ đông sông Hán, trên đất U Việt. Tả truyện (của Tả Khâu Minh) chép: thời Chiến Quốc, bờ **đông sông Hán do rợ Việt làm chủ hoàn toàn**. Sách này còn ghi là Chu Công Đán, người nhiếp chính ấu vương Chu Thành Vương (1115- 1078 BC) đã xuống chiếu phủ dụ Sở Tử: *"Khanh hãy chế phục bọn man di Việt, ngăn chúng nó làm loạn và xâm phạm thiên trào."* Khổng tử (thế kỷ thứ 6 B.C.) cũng viết là **Ngô và Việt đều là man di**, chứ không phải dân Tàu.

Bình Nguyên Lộc cho rằng vua Việt Câu Tiễn thấy mình bị người Trung Hoa coi rẻ nên đã khoe láo mình là hậu duệ Vô Dư, tức là con cháu Đại Vũ (nên mới có đền thờ Đại Vũ ở Cối Kê). Sử Tàu chép lại lời xưng láo này nên ngày nay xứ Việt của Câu Tiễn mới ... thành của Tàu.

Thật ra trên đất U Việt, cũng như tại Kinh Việt, những tộc Việt khác nhau đã sống từ lâu, cho đến khi bị người Hoa tiến chiếm và đồng hóa dần. Tộc Việt là tộc có đời sống và phong tục khác với người Tàu thời đó: xâm mình, nhuộm răng đen (theo sử Tàu).

Tộc Hán ở Banpo (vùng Hoa bắc, gần Tây An ngày nay) ở nhà tròn nhó vách đất, phân nửa dưới chôn trong lớp đất loess, *ăn hạt kê, không nhuộm răng không xâm mình* và *không thích xuống nước.*

Những kết quả khảo cổ tìm thấy ở **Hemudu gần Cối Kê** cho thấy nhóm U Việt ở Cối Kê có rất nhiều điểm tương đồng với nhóm Lạc Việt ở bắc Việt Nam: *trồng và ăn lúa nước, ở nhà sàn dài, sử dụng đồ đan bằng tre - mây - lát để xây cất và làm đồ dùng thường ngày, bắt và ăn thủy sản.*

Di tích tiền sử Hemudu và nguồn gốc các tộc Việt

Di tích Hemudu nằm gần thành phố Yuyao, cách Shaoxing khoảng vài mươi cây số, được nông dân tìm thấy mùa hè năm 1973 khi đi làm thủy lợi. Đó là di tích một làng thuộc thời đại đồ đá mới, diện tích 40 000 m2. Trong hai mùa khảo cổ 1973 và 1977, các nhà khoa học Trung Quốc đã đào xới, khảo sát được 2800 m2, tìm được 6800 món vật trong bốn lớp đất khảo cổ. Các điểm đáng chú ý:

1) mặt trên lớp thứ tư, lớp sâu nhất, là một lớp rất dày chứa **trấu, thân** và **lá cây lúa**, và **dụng cụ trồng trọt**, đặc biệt là hàng loạt lưỡi xẻng bằng xương thú.

2) mấy nghìn **cọc cây** cùng những vết tích khác của nhiều nhà sàn to.

Lớp thứ tư có niên đại Carbon 14 từ 6500-7000 năm trước, lớp thứ ba: 5700-6400 năm, lớp trên cùng cũng xưa hơn 3000 năm. Như vậy dân làng nầy ở tại đấy liên tục cả 4000 năm, vào cuối thời đồ đá mới.

Hemudu là một trong những chứng tích quan trọng về cuộc sống, kiến trúc, đồ mặc, nghệ thuật và nguồn gốc người Á châu cổ trong vùng lưu vực sông Dương tử. Điểm cuối này đặc biệt quan trọng cho người Việt chúng ta hiện nay. Trong bài "Đất Việt ba thiên niên kỷ trước," tôi viết dân Đông sơn, tức dân Việt thời các vua Hùng, do hai nhóm dân chính trên miền bắc Việt Nam hợp lại: dân nói tiếng Nam Á (austroasiatic) sống ở miền đất cao gần sông và dân miền biển nói tiếng Nam Đảo (austronesian), là nhóm tiếng của dân các đảo từ Đài Loan, Hải Nam xuống đến các đảo nam Thái bình Dương. Giáo sư Hà Văn Tấn chủ trương thêm nhóm thứ ba là Tày-Thái. Trong các nhóm tiếng, tiếng Nam Á (trước gọi là tiếng Môn Khmer) chiếm thượng phong. Lý do chính không rõ: dân nói tiếng Nam Á đông hơn, có tổ chức hơn, hay chỉ vì tiếng dễ nói dễ học hơn? Hai yếu tố Nam Á-Nam Đảo của người Việt được tìm thấy qua ngữ học, khảo

cổ học, và qua phong tục, nhân chủng. Nguồn gốc của hai nhóm dân này trong vùng Đông Nam Á chưa được mọi người đồng ý. Nhưng cả hai nhóm có thể có nguồn gốc chung, theo Bình Nguyên Lộc, là cổ Mã Lai. Chắc chắn đã có những trao đổi văn hóa kỹ thuật, ngôn ngữ, và có lai giống giữa hai nhóm sống gần nhau trong địa bàn nhỏ hẹp miền bắc Việt Nam, trước khi tình trạng chín muồi cho việc hợp nhất thành nước Văn Lang.

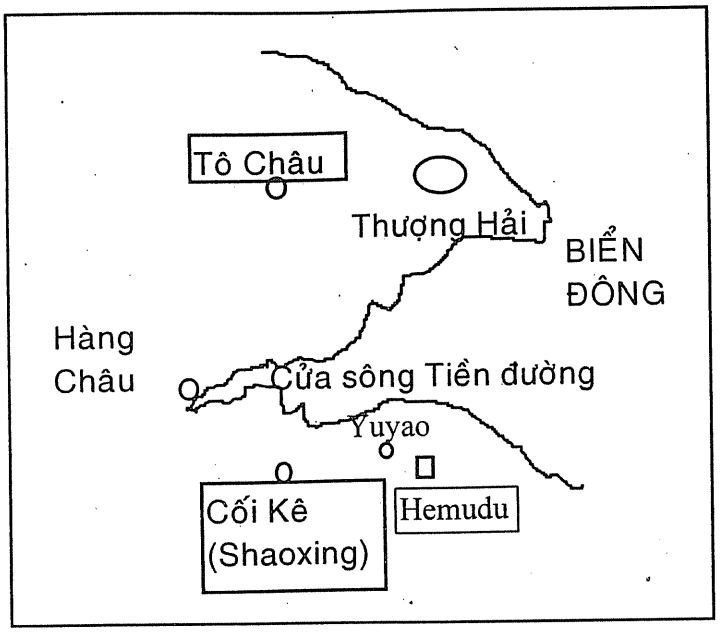

Sơ đồ vị trí Hemudu và nước U Việt

Cũng trong bài nói trên, tôi có đưa vài dẫn chứng về việc nhà nước Trung Quốc đề cao gốc "Hán" của dân Tàu Hoa Bắc. Khi tìm ra di tích Hemudu, Trung Quốc bị đặt trước một "vấn đề." Tại vùng này, xưa kia có mặt một nền văn minh xem chừng cao hơn văn minh Hoa Bắc, của một nhóm dân không cùng chủng tộc với dân Hoa Bắc (chủng Trung Mongoloid theo BNL). Làm sao chấp nhận sự hiện diện của một nền văn minh cao và khác hẳn văn minh Hoa Bắc? Một nền văn minh không thuộc khối văn minh Hoa Bắc và nó đã tồn tại cho đến gần 400 năm B.C trước Công nguyên. Họ chỉ ghi vỏn vẹn: *"Di tích Hemudu cũng như thung lũng Hoàng Hà, thung lũng Trường Giang (Dương Tử), là chứng minh hùng hồn một cái nôi của nền văn minh ... Tàu." Trong bảo tàng viện Hemudu họ không trưng bày sọ cổ dân Hemudu (trừ một bộ xương hài nhi chôn lấp một nửa trong đất). Họ cũng không trình bày về chủng tộc cư dân này theo các chỉ số sọ, dù họ đã tìm được một số sọ. Dù họ cố ý hay không cố ý, đây là điều đáng tiếc (cho người Việt ta? Cho nhân loại?), vì những dữ kiện khảo cổ về chủng biết trồng lúa nước, sống ở hạ lưu Dương tử, tổ tiên dân U Việt, có thể soi sáng nguồn gốc dân Bách Việt mà dân Lạc Việt cổ, tổ tiên chúng ta, là một thành phần.*

Theo tôi, những gì tìm được ở Hemudu cho thấy có một nhóm dân văn minh, lâu đời, khác với người Trung Hoa ở đó hiện nay. Dân Hemudu, về sau đó, hẳn là thành phần chính của người U Việt một thời lẫy lừng, trước khi họ bị Hoa tộc đồng hóa.

Thật vậy, Hemudu chỉ cách Cối Kê vài mươi cây số, mà người Hoa Bắc không thể có mặt (đông đảo) ở Cối Kê cho đến đời Chu Thành Vương. Lúc đó người Hoa còn gọi giống dân xa ngoài lãnh thổ họ như dân (U) Việt là man di, là rợ. Man di vì cách sống và tập tục khác người Tàu Hoa bắc... Sau khi sống 4000 năm ở Hemudu, dân Hemudu đã phát triển thành một nhóm có tổ chức; rồi thành một nước U Việt với thủ đô là Cối Kê. Không có chứng tích về một nhóm ngoại lai khác nào đến xăm lăng và lập thành U Việt. Nếu có, nhóm ngoại lai giả thiết này không thể đông hơn dân đã sống mấy nghìn năm tại chỗ, nên phần chính của dân nước Việt Câu Tiễn phải là người cùng chủng với người cổ Hemudu, không thuộc tộc Hán.

Tuy nhiên, ta hiểu tại sao Trung Quốc tránh đưa những dữ kiện chứng minh họ không phải là một giống thuần chủng (Hán). Có thể họ sợ những nhóm dân chiếm đa số ở một số vùng lấy cớ là dân khác chủng nổi lên đòi lại đất, đòi tự chủ (như ex-Nam Tư), sẽ có hại đến sức mạnh của một nước thống nhất và quá đông dân (nhất thế giới). Nội Mông, Tây Tạng, Tân Cương, Đài Loan theo họ phải là của Trung Quốc. Xin đừng quên rằng Đài Loan trong mấy nghìn năm là *đất của thổ dân nói tiếng Nam Đảo*, có nhiều liên hệ văn hóa với những nhóm dân miền biển bắc Việt vào những thiên niên kỷ trước Công nguyên.

Những di tích về khảo cổ (đồ đá, gốm) cho thấy rõ ràng họ thuộc chủng nói tiếng Nam Đảo, tức là cùng tổ tiên với dân hải đảo Thái bình Dương và dân thiểu số miền Trung Việt Nam. Người (nhà quê) Đài Loan hiện nay còn ăn trầu và khi xưa dùng ống xì đồng (blow pipe) đi săn, như dân Nam Đảo.

Dĩ nhiên, những khác biệt này không phải là những yếu tố quyết định tính độc lập hay hơn kém về văn hoá / văn minh của một dân tộc. Sở dĩ Trung Quốc không xem Việt Nam là đất của họ, như Tây Tạng, Đài Loan và Mông Cổ, chắc chắn vì dân Lạc Việt đã luôn luôn đoàn kết, chống ngoại xâm thành công (một phần nhờ điều kiện thiên nhiên thuận lợi), dù có lần bị Tàu đô hộ cả nghìn năm!

Các nhà khoa học đồng ý rằng cả vùng đất trải từ (hai bên) lưu vực sông Dương Tử đến khắp Đông Nam Á đã có người cư ngụ từ cuối thời cựu thạch khí (paleolithic). Những người này nói tiếng gì, thuộc chủng nào (austronesian hay austroasiatic)? Họ có phải là dân *cổ Mã Lai đợt một* như BNL quả quyết? Ngày nay các nhà khoa học vẫn chưa đồng ý về nơi phát xuất và lịch trình cuộc thiên di của nhóm người này.

Trước khi bị người Tàu chiếm và đô hộ, thượng nguồn Dương Tử đã có dân Thục với nền văn minh đồng thau và thành quách rực rỡ tại San Xing Dui cùng thời hoặc trước thời nhà Thương ở Hoa bắc (triều đại rất sáng giá cuả tộc Hán). Trên cùng giòng sông Dương Tử, đoạn tiếp theo, có dân Ba (vẫn còn tồn tại cho đến nay), và ở hạ lưu, vùng ven biển, dân U Việt.

Cây lúa và sự thiên di của các nhóm dân Đông Nam Á

Sự định cư và tăng trưởng của tất cả các nhóm dân trên thế giới vào thời đồ đá mới (tân thạch khí - neolithic-) đều đặt *căn bản* trên một loại cây cho *tinh bột với năng suất cao*. Dân sống trên lưu vực Dương Tử dựa vào cây lúa, trong khi dân Tàu tại lưu vực Hoàng Hà phát triển nhờ cây kê, cây lúa mì. Di tích vừa mới tìm ra ở hang Diaotonghuan (bờ nam sông Dương Tử, gần biển) cho thấy quá trình chọn lọc, thuần hóa cây lúa từ cây hoang đã bắt đầu từ *hơn mười nghìn năm trước trong vùng sông Dương Tử*. Về niên đại di tích, đó là niên đại xưa nhất trên thế giới của cây lúa. Có lẽ cư dân tại vùng này đã phát hiện ra lúa mọc hoang trong thiên nhiên, ăn thấy ngon, nên tìm cách trồng. Loài người chưa biết làm nồi niêu bằng đồ gốm vào trước thời tân thạch khí, nên tìm ra cách nấu lúa gạo không phải chuyện dễ. Người xưa có lẽ nấu cơm bằng cách cho gạo và nước vào trong ống nứa đậy chặt một đầu bằng, đầu kia là mắt nứa, rồi nướng thẳng trên lửa, như một số bộ tộc miền núi ở Đông Nam Á hiện nay vẫn làm. Trong hang Diaotonghuan còn di tích các bữa cơm với lúa hoang tiền sử xưa 13000 năm. Khác với dân Đông Nam Á, dân ở Cận Đông-Tiểu Á phát hiện ra lúa mì vào cùng khoảng thời gian này, nhưng họ ăn dưới hình thức bánh bột nướng, không cần nồi niêu: bột nhào thành hình tròn dẹp (dán/ ập) in thẳng vào bên trong thành lò hình ống khói tròn để nướng, ngày nay một số dân địa phương vẫn còn dùng.

Nhà khảo cổ người Tân Tây Lan Higham cho rằng việc trồng lúa xuất hiện riêng lẻ ở nhiều nơi trong toàn vùng Đông Nam Á. Ông căn cứ vào kết quả khảo cổ di tích xưa 6000 năm ở Khok Phanom Di, gần cửa biển nam Thái Lan. Tại đây, trong mộ người giàu có nhiều đồ táng (/cúng?) trong đó có thố gốm đựng *cơm*, và dao, liềm bằng vỏ sò có dấu mòn trên lưỡi tựa như đã được dùng để *gặt lúa*. Gần đây hơn, các nhà khảo cổ Thái cho rằng dân vùng bán đảo Mã Lai (Sakai, cực nam Thái) cũng đã trồng lúa trên 7000 năm trước. Tuy nhiên khó thể xác định nơi nào đã sinh ra nghề trồng lúa trước nhất trong toàn vùng, vì từ 18000 năm trước, nhiệt độ khí quyển tăng khiến băng tan, làm mực nước biển dâng cao. Nước biển dâng lên ba đợt và chỉ ngưng vào 6000 năm trước. Mực nước biển hiện nay thấp hơn mực nước cao nhất này vài mét, nhưng cao hơn mực nước vào 18000 năm trước đến cả trăm mét. Những di tích trồng lúa nước trước 6000 năm, nếu nằm tại thềm lục địa thấp như đa số ruộng lúa, đã bị chôn vùi dưới biển, ngày nay không thể tìm ra, ngoại trừ những di tích trong hang động hay trên vùng gò cao, như ở vùng sông Dương Tử.

Dù sao đi nữa, việc trồng lúa đã sinh ra rồi lan truyền khắp Đông Nam Á mấy nghìn năm nay, theo sự thiên di và trao đổi giữa những nhóm người khác nhau. Những dân trồng lúa từ trước công nguyên là những người nói tiếng Nam Á. Gốc tích của nghề trồng lúa trên thế giới hẳn là vùng nam sông Dương Tử này, chứ không phải ở Thái Lan, Việt Nam (ít di tích hơn, và sau), hay Ấn Độ (nơi cây trồng chính là kê). Thật thế, nhóm dân Ấn Độ trồng lúa

xưa nhất, những bộ lạc Munda nói tiếng Nam Á sống ở miền Vindhya (trung Ấn Độ), theo Highgam, đã từ bán đảo Đông Dương thiên di đến vì họ nói tiếng Nam Á chứ không nói tiếng Ấn Âu (indo-european) như hầu hết người Ấn.

Do điều kiện thiên nhiên thích hợp, lúa hoang đã mọc lên tại hạ lưu sông Dương Tử rồi được nơi đó thuần hóa thành lúa trồng. Hơn 40 di tích chứng minh những nhóm dân này đã trồng được lúa nước từ lâu và lúa là thức ăn chính của toàn vùng rộng lớn này. Và cũng chính các dân "man di" ở hạ lưu Dương Tử giang xưa kia (tức là dân Bách Việt vào cuối thiên kỷ I BC) đã "dạy" nghề trồng lúa nước và ăn cơm cho người Hoa chính gốc. Đũa ăn cơm hẳn cũng do cư dân trồng lúa phát minh và truyền cho người Hoa.

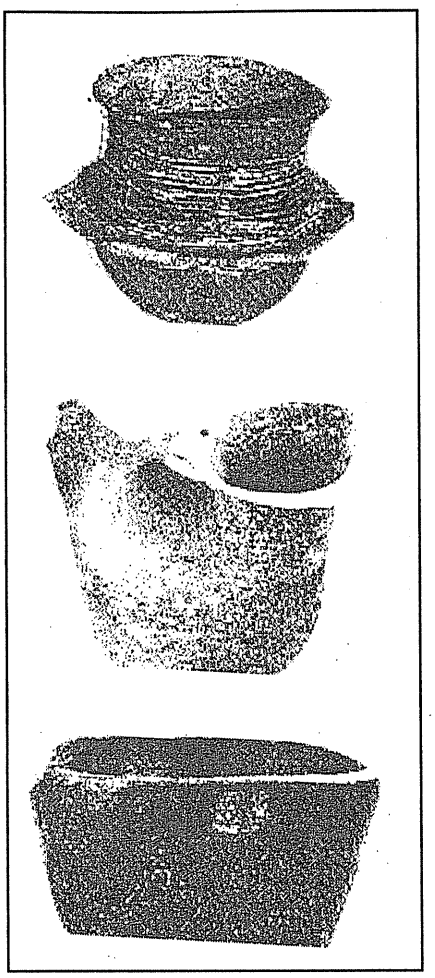

Vài loại đồ gốm Hemudu

Cuộc sống của cư dân tiền U Việt ở Hemudu

Sự kiện di tích lúa nước (thóc, trấu, rơm, lá...) để lại thành lớp dày trung bình 20-50 cm, có chỗ dày đến một thước chứng tỏ lúa là cây trồng chính của dân tiền U Việt. Lúa phần lớn thuộc loại *indica*, thứ đến là loại *japonica*. Trong số dụng cụ trồng trọt, đặc biệt hàng loạt (gần 200 cái) lưỡi xẻng bằng xương thú đẽo khoét lỗ đầu trên và giữa lưỡi để luồn dây cột chặt cán gỗ; có cả cối chày và bàn nghiền bột bằng đá với cục đá nghiến bằng đá đẽo tròn.

Nơi cư trú gần cửa sông rất thích hợp cho việc trồng trọt lẫn sử dụng nguồn thủy sản vốn đồi dào tại chỗ sông gặp biển (*vàm*: có nhiều sò ốc). Vào thời đó (holocene) nóng ẩm hơn bây giờ, nên vùng sông Dương Tử có khí hậu nhiệt đới như Việt Nam. Có lẽ đây là những yếu tố quan trọng cho việc phát minh kỹ thuật trồng lúa nước vốn phức tạp hơn kỹ thuật trồng các loại ngũ cốc khác.

Những mảnh xương, sừng của hơn 60 loài thú đào được trong hố khảo cổ cho thấy vùng rừng núi và đầm lầy quanh Hemudu rất nhiều cây, thú rừng nhiệt đới như : tê giác, nai, cá sấu, hươu, trâu (*bubalus*), khỉ, chim ưng, rùa... Và hơn 20 loại cây hạt (đôi khi còn cả vỏ) trái như táo nhiệt đới (*jujube*), ấu (*trapa bispinosa), quercus, laurecea, legenaria, eury forox,* bầu... Xương động vật được vót/chuốt nhọn làm đồ dùng như kim may, vũ khí: mũi tên thẳng có khấc, hoặc có lưỡi cong để bắn cá. Ngoài việc săn bắt cá, sò ốc và nguồn thịt thú săn, dân Hemudu còn biết nuôi lợn (qua đồ gốm hình lợn)...

Vũ khí không đa dạng, có lẽ vì chỉ dùng săn thú hơn là đánh nhau. Đồ đá mài chính có rìu tứ giác và đục. Dụng cụ bằng xương/sừng và gỗ rất nhiều, như đục bằng sừng, cưa bằng xương, lao, dao và dầm bơi làm bằng gỗ. Hình thức dụng cụ phong phú, nhưng phong phú nhất là đồ gốm dùng trong đời sống hằng ngày và đồ mỹ thuật. Các thức đựng và nấu ăn nhiều cỡ nhiều kiểu, đa dạng, đa màu. Những chứng tích của nghề xe sợi, dệt vải đã có mặt vào thời điểm này vì người ta tìm thấy nhiều dọi xe chỉ với hình dạng, trang trí khác nhau cùng với những thanh gỗ dẹp dài dùng trong khung dệt.

Đồ mỹ thuật bằng ngà, gốm, gỗ khắc nhiều hình trang trí, ngoài giá trị nghệ thuật, cho biết thêm phần nào về đời sống dân chúng. Nhiều món đồ có hình mặt trời ở giữa, cho thấy họ cũng là một dân tộc tôn sùng/thờ mặt trời như Lạc Việt. Đây là điều phổ biến của nhiều dân tộc trên thế giới vào thuở nông nghiệp chiếm địa vị quan trọng nhất trong đời sống. Mặt trời khắc trên đồ ngà ở Hemudu mang nhiều vòng tròn đồng tâm với những tia nhỏ bên trên, khác với mặt trời trên trống Đông Sơn mấy nghìn năm sau đó. Hình hai

con chim chầu mặt trời mọc khắc trên ngà được chọn làm biểu hiệu của bảo tàng viện Hemudu. Chim là biểu tượng thứ hai của dân Hemudu, với nhiều hình khắc hay tạc trên ngà. Trên đồ gốm ta thấy các hình trang trí liên quan với đời sống như *lá, bông, hạt lúa, lợn, cá, rong tảo*..., và một số hình thú cùng đồ dùng thu nhỏ (nồi, chậu *en miniature*) bằng gốm, có lẽ là đồ chơi trẻ con? Trên một chung nhỏ bằng ngà khắc hình con tằm và có đường viền mô típ tam giác vạch giống mô típ trang trí gốm tiền Đông Sơn. Ngoài ra còn nhiều nhạc khí, nhất là ống tiêu bằng xương xoi ba lỗ. Đồ trang sức có trâm cài tóc, hạt chuỗi hình trụ bằng xương hay răng lợn rừng, và khuyên tai bằng ngọc.

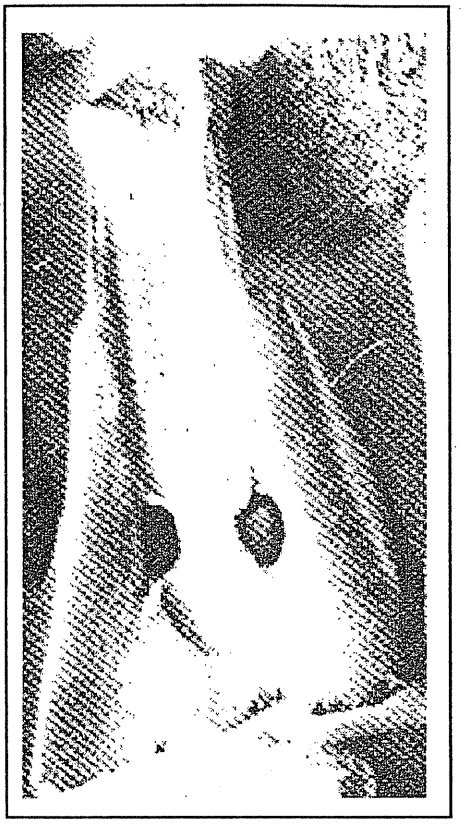

Lưỡi xuổng bằng xương vai thú, tìm thấy ở Hemudu.

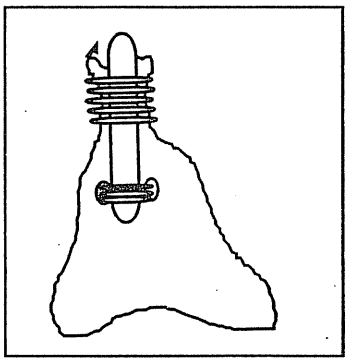

Hình vẽ lại xuổng với cán và dây buộc

Phát hiện tối quan trọng *cho chúng ta* là những dấu vết nhà ở khá còn nguyên vẹn. Hàng nghìn cọc cắm dày đặc vào bên dưới lớp khảo cổ xưa nhất, và những *đòn gỗ còn đủ lỗ mộng hình tròn hay chữ nhật*, và vết tích vách bằng *phên đan*. Dựa vào những khám phá khảo cổ này, tại địa điểm khảo cổ bên cạnh một con sông, trong khuôn viên viện bảo tàng Hemudu, các nhà khoa học Trung Quốc dựng lại mô hình đời sống thường nhật với nhà sàn vách phên mái tranh. Bên trong và bên ngoài nhà sàn, có những đồ dùng và tượng dân Hemudu đang xẻ thịt thú săn, nấu ăn, xe sợi, dệt vải, chế tạo đồ dùng bằng các vật liệu khác nhau... Nơi bờ sông, có đặt thuyền làm bằng thân cây khoét với đầm bơi chèo chế tạo theo mẫu di vật đào được. Đặc biệt một di tích miệng giếng cổ bằng khung cây ghép hình vuông, tránh nước dơ rơi trở vào lòng giếng: người Hemudu đã biết giữ vệ sinh mấy nghìn năm trước!

Qua những di vật đào được ta có thể hình dung một cuộc sống hiền hòa dựa trên nông nghiệp lúa nước, thủy sản, thú săn và chăn nuôi. Họ tự tạo đầy đủ vật dùng thường ngày bằng xương, gốm, đá và chắc chắn cũng có đồ làm bằng tre, mây, là những thứ bị tiêu hủy với thời gian. Họ sống trong một xã hội tập đoàn, với những buổi họp, hội hè, trong và chung quanh nhà hội, một *nhà sàn* rộng đủ chứa 300 người. Họ biết làm đẹp với đồ trang sức. Họ tôn sùng *mặt trời* và chim, và có lệ chôn người chết. Mức văn minh của cư dân Hemudu xem chừng cao hơn cư dân Âu châu cùng thời (5000-7000 năm trước), và hơi chậm hơn dân Cận Đông là nhóm đi vào nền văn minh nông nghiệp-chăn nuôi sớm nhất trong lịch sử nhân loại. Nếu ta xét khoảng cách không gian giữa nhóm văn minh sớm nhất (ở Thổ Nhĩ Kỳ và Palestine) và nhiều nhóm dân trong tình trạng kém hơn, ta có thể kết luận đây là một nền văn minh phát triển tại chỗ chứ không phải du nhập như văn minh Âu châu vào thời đồ đá mới.

(Còn tiếp)

LỊCH VÀ THƠ GIẾT NGƯỜI

TRẦN GIA PHỤNG

Trong cuộc chiến Việt Nam vừa qua, có một sự kiện rất ít được chú ý, nhưng lại là một trong những sự kiện chuẩn bị cho cuộc Tổng công kích Tết Mậu Thân của Việt Cộng vào năm 1968. Đó là việc thay đổi âm lịch ở Bắc Việt theo quyết định số 121/CP ngày 8-8-1967 của Hội đồng Chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (VNDCCH).

1. Lý do biểu kiến việc đổi lịch

Để hiểu rõ lý do biểu kiến bề ngoài việc thay đổi âm lịch của VNDCCH lúc đó, tốt nhất nên đọc lại lời của người trong cuộc, tức "Lời giới thiệu của Nha Khí tượng" Hà Nội trong lần ấn hành thứ nhất năm 1968 quyển *Lịch thế kỷ XX* của nhà xuất bản Phổ Thông (sau đổi thành nhà xuất bản Văn Hóa), Hà Nội, nguyên văn như sau:

"Ở nước ta, việc lưu hành cả dương lịch và âm lịch luôn luôn đề ra yêu cầu có một bảng đối chiếu chính thức ngày tháng giữa hai loại lịch.

*"**Lịch thế kỷ XX** là bảng ngày tháng dương lịch và âm lịch từ năm 1901 đến năm 2000, nhằm đáp ứng yêu cầu nói trên. Trong cuốn lịch nầy, phần dương lịch ghi năm theo số thứ tự kể từ Công nguyên, tháng, thứ tự ngày trong tuần và các tiết của lịch cổ truyền. Phần âm lịch ghi năm theo tên can chi của vòng Giáp Tý, tháng và ngày. Ngoài ra còn ghi các nhật thực và nguyệt thực đã và sẽ xảy ra trên thế giới và trong nước trong cả thế kỷ.*

*"**Lịch thế kỷ XX** gồm thời gian **đã qua** (1901-1967) và thời gian **sắp đến** (1968-2000).*

*"Đối với những **năm đã qua**, ngày tháng âm lịch và các tiết được sao lục theo đúng các lịch được công nhận là lịch chính thức trong từng thời kỳ, không đính chính. Phần nầy chúng tôi gọi là "Phần lịch sử (1901-1967)."*

*"Đối với những năm **sắp đến**, ngày tháng âm lịch và các tiết được tính toán dựa theo quyết định số 121/CP ngày 8-8-1967 của Hội đồng Chính phủ. Phần nầy chúng tôi gọi là là "Phần tính toán (1968-2000)."*

"I - *Phần lịch sử (1901-1967)*

"Trong phần nầy, ngày tháng và các tiết được sao lục theo các lịch chính thức dưới đây:

"- Từ 1901 đến 1944 (trong thời Pháp thuộc), theo "Bảng đối chiếu âm dương lịch từ 1802 đến 2010" của Gioóc-giơ Coóc-đi-ê [Georges Cordier] *và Lê Đức Hoạt được công nhận là lịch chính thức thời bấy giờ.*

"- Từ 1945 đến 1959 theo "Vạn niên thư" là lịch biên soạn từ thời nhà Thanh, khá thông dụng ở nước ta.

"- Từ 1960 đến 1967 theo "Nhị bách niên lịch biểu 1820-2020" là lịch đã thay thế "Vạn niên thư"

"- Trong thời gian 67 năm này, đã sao lục tất cả 1608 ngày tiết và 829 tháng âm lịch, trong đó có 439 tháng đủ, 390 tháng thiếu, 24 tháng nhuận. Ngoài ra cũng tra cứu được 155 nhật thực và 99 nguyệt thực, trong đó có 27 nhật thực và 60 nguyệt thực trông thấy được ở nước ta.

"II *Phầ n tính toá n (1968-2000)*

***"Phần nầy tính căn cứ theo Quyết định số 121/CP ngày 8-8-1967 của Hội đồng Chính phủ.** Đã tính tất cả 792 ngày tiết và 408 tháng âm lịch, trong đó có 217 tháng đủ, 191 tháng thiếu, 12 tháng nhuận. Trong thời gian 33 năm sắp tới trên thế giới sẽ xảy ra 73 nhật thực và 48 nguyệt thực: ở nước ta sẽ trông thấy 10 nhật thực và 29 nguyệt thực.*

"Ngày tháng âm lịch trong thời gian nói trên đều tính theo giờ chính thức của nước ta là múi giờ thứ 7. Nó khác với lịch cũ hoặc tính theo giờ Bắc Kinh (Vạn niên thư), hoặc tính theo múi giờ thứ 8 (Nhị bách niên lịch biểu). Cụ thể là, từ 1968 đến năm 2000 có thất cả 29 ngày tiết và 26 tháng âm lịch thiếu, đủ khác với lịch cũ. Sự khác nhau đó đưa đến kết quả là, so với lịch cũ, **ngày**

Tết Mậu Thân (1968) và Kỷ Dậu (1969) sớm hơn một ngày. *Ngày Tết Ất Sửu (1985) sớm hơn một tháng.*

"Việc biên soạn **Lịch thế kỷ XX** *đã tiến hành từ năm 1960 do Tổ Thiên văn thuộc Nha khí tượng phụ trách, đồng chí Nguyễn Mậu Tùng chủ biên dưới sự chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Xiển.*

"Các tư liệu lịch sử cũng như các phần tính toán trong lịch đã được thẩm tra qua nhiều tư liệu trong nước và nước ngoài.

"Công việc làm lịch có những khó khăn nhất định. Mong được các bạn góp ý kiến để chúng tôi rút kinh nghiệm, chuẩn bị tốt các cuốn lịch sau. (1)

2. Mục đích thật sự của việc đổi lịch

Qua quyết định trên đây, rõ ràng là nhà cầm quyền VNDCCH, do đảng Lao Động (LĐ) lãnh đạo, đã quyết định sửa đổi âm lịch và cho thi hành lịch mới kể từ 1-1-1968. Việc sửa đổi lịch nầy chỉ ảnh hưởng đến âm lịch chứ không dính dáng gì đến dương lịch. Đảng LĐ cướp quyền ở Hà Nội năm 1945 và cầm quyền ở Bắc Việt từ năm 1954. Nếu nhận thấy trước đây âm lịch có gì sai trái, thì ngay khi cầm quyền, chính phủ DCCH đã ra lệnh thay đổi lịch ngay. Đàng nầy sau 13 năm cai trị, chính phủ nầy mới ra lịnh đổi lịch; như vậy phải có một vấn đề gì xảy ra, mới đưa đến quyết định nầy. Trên lý thuyết, việc đổi lịch phải dựa trên sự tính toán những điều kiện thiên nhiên như sự di chuyển của mặt trời, mặt trăng, địa cầu, kinh độ của Việt Nam... Đọc kỹ bản văn trên đây, có **một ý được lặp lại hai lần** cần được chú ý, đó là: *"Đối với những năm* sắp đến, **ngày tháng âm lịch và các tiết được tính toán dựa theo quyết định số 121/CP ngày 8-8-1967 của Hội đồng Chính phủ";** và **"Phần nầy tính căn cứ theo Quyết định số 121/CP ngày 8-8-1967 của Hội đồng Chính phủ."** Từ việc đổi lịch nầy, Nha Khí tượng cho biết cụ thể, trong thế kỷ 20, có những sai biệt với âm lịch cũ (đang được Việt Nam Cộng Hòa sử dụng) như sau: *"Cụ thể là, từ 1968 đến năm 2000 có thất cả 29 ngày tiết và 26 tháng âm lịch thiếu, đủ* **khác với lịch cũ.** *Sự khác nhau đó đưa đến kết quả là, so với lịch cũ,* **ngày Tết Mậu Thân (1968) và Kỷ Dậu (1969) sớm hơn một ngày.** *Ngày Tết Ất Sửu sớm hơn một tháng."*

Nói cho rõ, theo âm lịch mới của VNDCCH (Bắc Việt), năm Đinh Mão không có ngày 30 tháng Chạp, mà chỉ đến 29 tháng Chạp, nghĩa là tháng Chạp thiếu. So sánh với dương lịch, năm Đinh Mão của Bắc Việt từ ngày thứ Năm 9-2-1967 đến ngày Chủ Nhật 28-1-1968. Trong khi đó, theo âm lịch cũ, cũng là lịch Việt Nam Cộng Hòa (VNCH, Nam Việt) đang sử dụng, trong năm Đinh Mão, tháng Chạp đủ 30 ngày. So sánh với dương lịch, năm Đinh Mão của Nam Việt từ ngày thứ Năm 9-2-1967 đến ngày thứ Hai 29-1-1968. (2) Như thế, theo âm lịch mới của **Bắc Việt, ngày mồng Một Tết Mậu Thân là ngày thứ Hai 29-1-1968,** còn ở **Nam Việt là ngày thứ Ba 30-1-1968.** Điều nầy có nghĩa là Bắc Việt ăn Tết trước Nam Việt một ngày.

Câu hỏi đặt ra ở đây là tại sao **phần tính toán** lại căn cứ trên quyết định của Hội đồng Chính phủ? Hội đồng chính phủ chỉ có thể ra lệnh san định lại lịch, còn tính toán thì Nha Khí tượng Hà Nội phải tính toán dựa trên những điều kiện thiên nhiên chứ không phải *"ngày tháng âm lịch và các tiết được tính toán dựa theo quyết định số 121/CP ngày 8-8-1967 của Hội đồng Chính phủ."* Vậy phải chăng đã có sự chỉ đạo (ngôn ngữ của cộng sản) tức là sự quyết định từ trên bắt buộc Nha Khí tượng phải làm lịch theo ý muốn của Hội đồng Chính phủ? Do đó, **Nha Khí tượng sợ trách nhiệm về sau nầy trước dân tộc và trước lịch sử, nên đã hai lần ghi lại rằng việc tính toán dựa theo quyết định của chính phủ Hà Nội, chứ không phải tự ý Nha Khí tượng tính toán và đề nghị sửa đổi.** Nói trắng ra, nhà cầm quyền Bắc Việt ra lệnh cho Nha Khí tượng Hà Nội là phải bớt đi ngày năm Đinh Mão để Tết Mậu Thân ở Bắc Việt sớm hơn một ngày ở Nam Việt theo lịch cũ.

Vậy thật sự nhà cầm quyền Hà Nội có ý định gì khi ra lệnh đổi âm lịch như trên đây? Muốn tìm hiểu câu hỏi nầy, cần đặt vấn đề trong hoàn cảnh chính trị và quân sự lúc đó, vì ai cũng biết rằng tất cả việc làm, dù nhỏ dù lớn, của nhà cầm quyền Hà Nội đều luôn luôn dựa trên những tính toán chính trị hữu cơ rất chi li.

Trước hết, cần chú ý hội nghị Trung ương đảng LĐ lần thứ 15 tại Hà Nội ngày 13-5-1959, **đưa ra nghị quyết thống nhất đất nước (tức đánh chiếm miền Nam bằng vũ lực)** và đưa miền Bắc tiến lên xã hội chủ nghĩa. (Nghị quyết đăng trên *Nhân Dân* ngày 14-5-1959).(3) Từ đó, Hà Nội ráo riết chuẩn bị tiến hành công việc xâm chiếm miền Nam. Đại hội 3 đảng LĐ, khai diễn tại Hà Nội từ ngày 5-9 đến ngày 10-9-1960, được mệnh danh là

"Đại hội xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà," đưa ra hai mục tiêu lớn của đảng LĐ là xây dựng miền Bắc tiến lên Xã hội chủ nghĩa và "giải phóng" miền Nam bằng võ lực. Cuối Đại hội nầy, Hồ Chí Minh được bầu làm chủ tịch đảng, Lê Duẩn làm bí thư thứ nhất. (3) Lê Duẩn là người gốc Quảng Trị, bí thư Trung ương cục miền Nam, đã được gài lại ở miền Nam sau năm 1954, và được gọi ra Bắc khoảng đầu năm 1957.

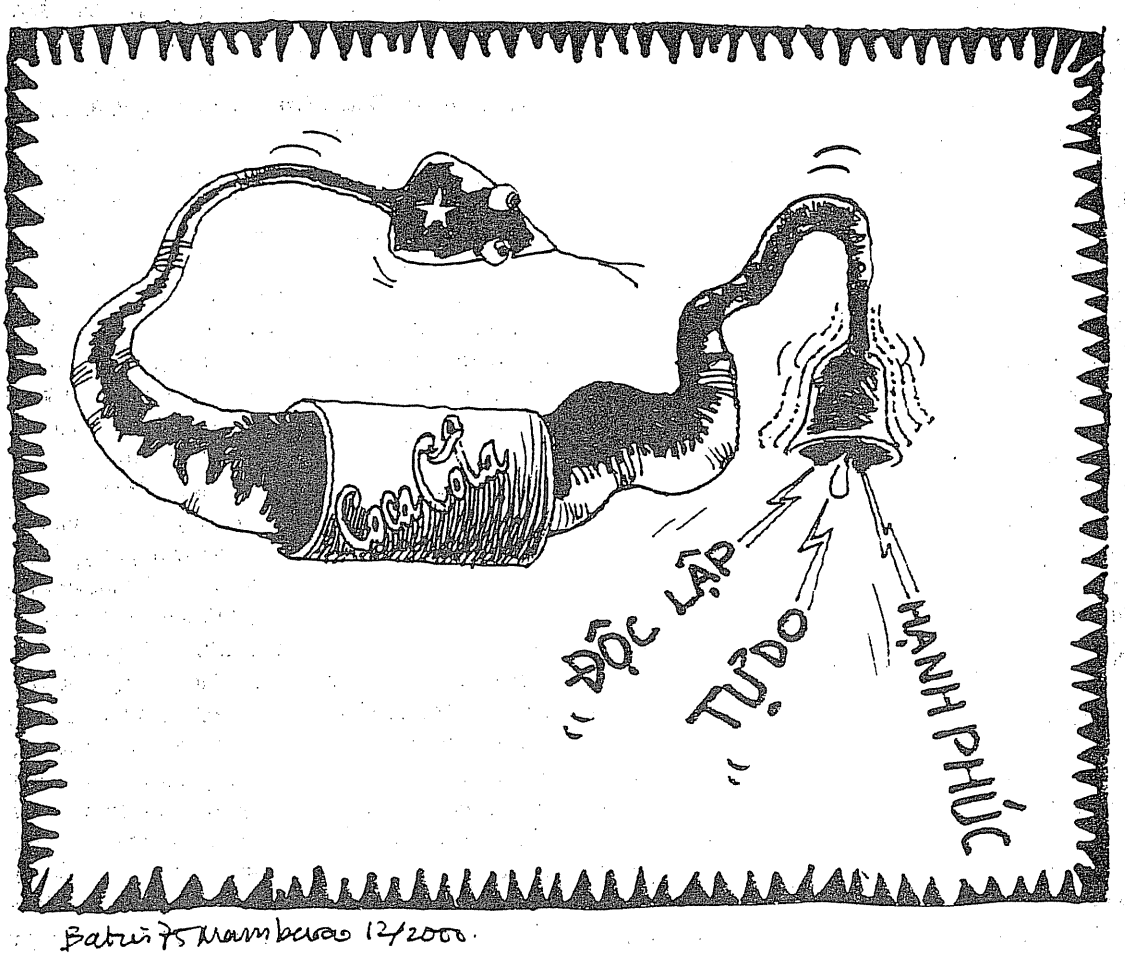

Điểm chót của việc chuẩn bị, trước khi chính thức bước qua giai đoạn tấn công miền Nam là việc công bố thành lập Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam Việt Nam (MTDTGPMNVN) ngày 12-12-1960 tại Hà Nội, và Mặt trận nầy chính thức ra mắt vào ngày 20-12-1960 tại chiến khu Dương Minh Châu ở Tây Ninh. (3)

Từ đó, chiến tranh du kích càng ngày càng lan rộng và càng ác liệt. Vào giữa thập niên 60, sau những năm xáo trộn liên tục ở miền Nam từ khi tổng thống Ngô Đình Diệm (1901-1963) bị lật đổ năm 1963, và nhất là từ khi quân đội Hoa Kỳ và Đồng minh càng ngày càng đông đảo ở miền Nam Việt Nam, cộng sản Hà Nội dự trù mở một cuộc tổng công kích để đánh chiếm nhanh chóng toàn bộ miền Nam hoặc ít nhất để chứng minh cho Hoa Kỳ thấy rằng họ không thể chiến thắng tại Việt Nam, (4) dù vào cuối năm 1967 số quân Hoa Kỳ tại Việt Nam đã lên đến 486.000 người. (5) Vào đầu tháng 7-1967, tại Hà Nội, diễn ra các cuộc họp quan trọng của Bộ chính trị và Quân ủy Trung ương, đã duyệt y kế hoạch phát động cuộc tấn công vào dịp Tết Mậu Thân (1968), (6) tức là một tháng trước khi Hội đồng Chính phủ Hà Nội đưa ra quyết định đổi lịch ngày 8-8-1967. Cần chú ý là năm 1968 là bầu cử tổng thống ở Hoa Ky, chính trường Hoa Kỳ rất dễ giao động trong giai đoạn vận động bầu cử. Sau đó, trong tháng 8-1967, Lê Duẩn và Quân ủy Trung ương Hà Nội ra lệnh nghiên cứu việc tấn công các thị xã miền Nam. (7) Những điều nầy chỉ được ghi nhận về sau mà thôi, chứ lúc đó, những sửa soạn nầy được giữ bí mật tối đa,

nhưng đảng LĐ vẫn lo ngại tin tức có thể lọt ra ngoài, nhất là từ sau khi vị tướng bốn sao của Hà Nội là Nguyễn Chí Thanh từ trần đột ngột vào ngày 6-7-1967. (8)

Như vậy, chính từ cuộc họp của Bộ chính trị và Quân uỷ trung ương của đảng LĐ vào đầu tháng **7-1967** đã đưa đến quyết định đổi lịch mà Hội đồng Chính phủ VNDCCH đưa ra ngày **8-8-1967** và buộc Nha Khí tượng Hà Nội phải thi hành theo tính toán của quyết định nầy.

Để chắc chắn thành công, Bắc Việt chọn tổ chức cuộc tấn công trong một thời điểm bất ngờ nhất. Trong cuộc chiến Quốc Cộng nầy, hai bên thường hưu chiến trong ba ngày Tết. Đây là một thông lệ bất thành văn giữa lực lượng hai bên tôn trọng tập tục truyền thống dân tộc Việt Nam. Ngày 17-11-1967, MTDTGPMNVN đưa ra đề nghị hưu chiến ba ngày trong dịp lễ Giáng Sinh, ba ngày lễ Tết dương lịch và bảy ngày Tết âm lịch. (9) Nguyễn Hữu Thọ, chủ tịch MTDTGPMNVN lại công khai ra lệnh cho binh sĩ thuộc quyền nghiêm chỉnh thi hành lệnh hưu chiến bảy ngày nhân dịp tết Mậu Thân bắt đầu từ 1 giờ sáng ngày 27-1-1968 (28 tháng Chạp ở miền Nam), còn Hà Nội thì tuyên bố trao trả ba tù binh Hoa Kỳ vì lý do nhân đạo. (10) Tình báo quân đội bắt được nhiều nguồn tin sẽ có tấn công lớn vào dịp Tết, và thông báo cho phía VNCH biết, nhưng trước tình hình ngoại giao có vẻ hòa hoãn nầy, nhất là vào cuối năm 1967, quân đội Hoa Kỳ hiện diện đông đảo ở miền Nam Việt Nam (486.000 người) đã tạo một ảo giác bình yên trong tâm lý dân chúng miền Nam, nên ngay cả cá nhân ông Nguyễn Văn Thiệu, vừa mới đắc cử tổng thống ngày 3-9-1967, đã rời Sài Gòn đưa gia đình về quê vợ ở Mỹ Tho, và trung tướng Vĩnh Lộc, tư lệnh quân đoàn 2, phụ trách lãnh thổ cao nguyên Trung phần, bỏ về Sài Gòn nghỉ Tết. (10)

Trong khi đó, về quân sự để đánh lạc hướng dự đoán của VNCH và Đồng minh, Việt cộng tấn công mãnh liệt các cứ điểm quân sự ở Cao nguyên Trung phần và đặc biệt tung ba sư đoàn chính quy là 325C, 304, và 308 bao vây Khe Sanh (Quảng Trị) từ ngày 20-1-1968. Khe Sanh là cứ điểm chiến lược kiểm soát trục giao thông và vận tải trên đường mòn Trường Sơn của cộng sản từ Bắc vào Nam, gần khu phi quân sự, do Lực lượng đặc biệt Mỹ trấn giữ, nằm trên đường số 9, giữa biên giới Lào và thị trấn Quảng Trị, cách biên giới khoảng 20 dặm và cách Quảng Trị khoảng 30 dặm. Báo chí Hà Nội lên tiếng rằng Khe Sanh sẽ là một Điện Biên Phủ thứ nhì, khiến các nhà lãnh đạo VNCH, Hoa Kỳ, và cả thế giới nữa, đổ dồn sự chú ý vào Khe Sanh, và chờ đợi một cuộc thử sức lớn lao sắp bùng nổ. (11)

Trở lại với việc đổi âm lịch, theo lời giới thiệu của Nha Khí tượng trích lại trên đây, việc sửa đổi âm lịch vào năm 1968 đưa đến kết quả là *"so với lịch cũ, ngày Tết Mậu Thân (1968) và Kỷ Dậu (1969) sớm hơn một ngày."* Sớm một ngày để làm gì?

Thứ nhất: Cộng sản để cho dân chúng Bắc Việt và bộ đội của họ ăn Tết trước một ngày. Điều nầy đạt được hai mục tiêu: Trong ngày mồng Một Tết của Bắc Việt theo lịch mới, dân chúng Bắc Việt cũng như bộ đội cộng sản ở Bắc và Nam Việt vui xuân bình thường như mọi năm; mục tiêu thứ nhì là bảo mật tối đa đến phút chót đối với binh sĩ của họ cũng như đối với quân đội VNCH. Trong lúc hưu chiến, chắc chắn vẫn có những bộ phận tình báo của các phe lâm chiến làm việc, theo dõi động tĩnh của đối phương. Chẳng những thế, các đài phát thanh quốc tế có chương trình tiếng Việt như như BBC (British Broadcasting Corporation, Anh), VOA (Voice of America, Hoa Kỳ), ABC (Australia Broadcasting Corporation, Úc), Moscow, Bắc Kinh, hoặc các cơ quan thông tấn quốc tế như AP (Associated Press, Hoa Kỳ), AFP (Agence France Presse), Reuters (Anh), Kyodo (Nhật), sẽ tường thuật tình hình ngày Tết của cả Bắc và Nam Việt Nam. Nếu có một sự kiện gì bất thường nhỏ nhặt thì sẽ bị phát hiện ngay và biết đâu thành một câu hỏi lớn cho các phân tích gia tình báo chiến lược bàn luận: Ngày mồng Một Tết Mậu Thân của Bắc Việt (tức là ngày 30 tháng chạp của Nam Việt), dân chúng Bắc Việt và bộ đội cộng sản, ở ngoài Bắc cũng như ở trong Nam, đều vui chơi hưởng Tết, khiến ai cũng nghĩ rằng cộng sản tôn trọng cuộc hưu chiến trong dịp Tết và không hoài nghi gì về việc cộng sản đang chuẩn bị một cuộc tấn công quy mô trên khắp VNCH.

Ngoài ra, lúc đó phi cơ VNCH và Hoa Kỳ thường oanh tạc Bắc Việt. Riêng trong năm 1967, từ ngày 2-1 đến 30-12, có tất cả 73 phi vụ tấn công khắp Bắc Việt. (12) Quân đội VNCH và Hoa Kỳ nghiêm chỉnh tôn trọng hưu chiến, không thả bom Bắc Việt trong những ngày Tết. Như thế, dân chúng Bắc Việt

được hưởng ngày Mồng Một Tết trọn vẹn an lành, cả dưới đất lẫn trên không. Sau đó, khi cộng sản mở cuộc tổng tấn công đêm Giao thừa trong Nam, tức đêm mồng Một rạng mồng Hai ngoài Bắc, nếu phi cơ Hoa Kỳ tái oanh tạc, thì sau một ngày vui Tết công cộng, dân chúng sơ tán về miền quê tiếp tục ăn Tết trong gia đình với nhau, thêm được ngày nghỉ phép.

Thứ nhì: Tuy chuẩn bị kế hoạch đầy đủ, nhưng vấn đề chính trị luôn luôn biến chuyển sinh động và đôi khi bất ngờ. Có thể có những yếu tố bất ngờ xoay chuyển cả lịch sử. Dầu đã đưa ra kế hoạch tổng công kích Tết Mậu Thân, nhưng lúc đó đang diễn ra những cuộc vận động ngoại giao ráo riết liên tục từ nhiều phía và nhiều nước trên thế giới để giải quyết chiến tranh Việt Nam, nên đảng LĐ vẫn phải đợi đến giờ chót mới quyết định tấn công hay không tấn công. Lúc đó phương tiện thông tin liên lạc của cộng sản còn rất kém. Muốn ra lịnh kịp thời vào giờ chót cho các lực lượng cộng sản trải dài từ sông Bến Hải đến mũi Cà mau (nghĩa là từ bắc xuống nam VNCH), thì chỉ còn phương tiện duy nhất là đài phát thanh Hà Nội, ở đâu trên miền toàn cõi VNCH cũng có thể nghe được. Do đó, Hà Nội dùng đài phát thanh Hà Nội để ra lệnh. Lệnh tổng tấn công được ngụy trang dưới hình thức bài thơ chúc Tết của Hồ Chí Minh. Các lãnh tụ miền Bắc thường sính làm thơ. Không kể thi sĩ tuyên truyền Tố Hữu (tên thật Nguyễn Kim Thành, sinh 1920), các ông Hồ Chí Minh (1890?-1969), Trường Chinh (tên thật Đặng Xuân Khu, 1907-1988), Lê Đức Thọ (tên thật Phan Đình Khải, 1911-1990), Xuân Thủy (tên thật Nguyễn Trọng Nhâm, 1912 1985) đều là những người làm thơ chúc Tết theo chính sách và đăng các báo ở Hà Nội. Riêng Hồ Chí Minh, với tư cách chủ tịch nước, **năm nào ông cũng lên đài Phát thanh Hà Nội đọc thơ chúc Tết.** Đây là điều bình thường hằng năm ở Bắc Việt nên chẳng ai chú ý. **Lần nầy thơ chúc Tết là lệnh tổng tấn công. Lệnh tấn công thì phải đọc trước giờ tấn công.** Giờ tấn công định vào giờ Giao thừa ở trong Nam. Nếu đã định vào giờ Giao thừa, mà đọc thơ chúc Tết sáng 30 tháng chạp thì sẽ bị chú ý ngay vì đây là một hiện tượng chưa hề xảy ra về trước. **Phải đọc thơ chúc Tết đúng đêm giao thừa và được lập lại nhiều lần sáng mồng Một ở Hà Nội bình thường như mọi năm,** mới tránh được sự nghi ngờ từ mọi phía. Vậy chỉ có một biện pháp duy nhất là **sửa lịch thế nào cho miền Bắc là mồng Một mà miền Nam vẫn là Ba mươi, tức là miền Bắc trước miền Nam 24 giờ.** Như thế ông Hồ đọc thơ chúc Tết đêm Giao thừa và lập lại sáng mồng Một ở Bắc Việt cũng là truyền lệnh tấn công theo đúng ý đồ đã định, hầu có thể khởi sự tổng công kích vào đêm Giao thừa tức đêm Ba mươi ở Nam Việt. Dĩ nhiên đài **Hà Nội phát đi phát lại nhiều lần bài thơ nầy trên làn sóng điện trong ngày mồng Một ở Bắc Việt, tức trong ngày Ba mươi ở Nam Việt,** nên ở đâu trên toàn cõi VNCH, các cấp chỉ huy cộng sản cũng đều nghe được mật lệnh nầy, và đều có thời giờ chuẩn bị nhất loạt hành động.

Thứ ba: Ngang đây, có một câu hỏi phụ thêm là cộng sản có thể giữ nguyên lịch cũ, sáng mồng Một, Hồ Chí Minh đọc thơ ra lệnh, tối mồng Một tấn công, cũng bất ngờ vậy? Điều nầy đúng, nhưng chắc chắn thời điểm tối mồng Một không thuận lợi bằng đêm Giao thừa. Đối với người Việt Nam ở Bắc cũng như Nam, ở thành thị cũng như nông thôn hay rừng núi, đêm Giao thừa có ý nghĩa linh thiêng, ở đâu mọi người đều lo cúng rước ông bà, tổ tiên về vui Tết với con cháu, và đón mừng năm mới theo tập tục cổ truyền của dân tộc. Chắc chắn việc trực gác cơ quan hay đơn vị quân sự lơ là hơn là các ngày mồng Một hay mồng Hai Tết. Tại các tiền đồn hẻo lánh, các đơn vị quân đội hẳn cũng tổ chức đón mừng năm mới vào đêm Giao thừa. Do đó, tấn công đêm Ba Mươi Tết là thời điểm bất ngờ hơn cả, cũng như bảo đảm đạt kết quả hơn cả. Đó là lý do cộng sản chọn đêm Ba Mươi để hành sự. Muốn chọn đêm Ba Mươi và bảo mật đến mức tối đa đến phút chót thì phải sửa lịch theo kế hoạch như đã trình bày ở trên.

Ngoài ra, các cấp chỉ huy cộng sản lúc xuất quân (tối Giao thừa theo lịch Nam Việt, tức tối mồng Một theo lịch Bắc Việt) có thể giải thích với binh sĩ thuộc quyền là đã vui xuân hưởng Tết trước đêm Ba Mươi và ngày mồng Một (theo lịch Bắc Việt), nay là lúc xuất quân đầu năm đánh chiếm miền Nam, như vua "Quang Trung hành quân Tết Kỷ Dậu (1789)". Ở đây cần chú ý: Đại đế Quang Trung tiến binh để đánh đuổi ngoại xâm Mãn Thanh, trong khi cộng sản Bắc Việt làm tay sai cho Nga Hoa, tấn công miền Nam để bành trướng chế độ cộng sản theo kế hoạch của Quốc tế Cộng sản, thực hiện tham vọng quyền lực của nhóm lãnh đạo đảng LĐ.

Sự bảo mật của cộng sản Bắc Việt còn được ngụy trang bằng lời rào đón của Nha Khí tượng Hà Nội lúc đó: *"Việc biên soạn* **Lịch thế kỷ XX** *đã tiến hành từ năm 1960 do Tổ Thiên văn thuộc Nha khí tượng phụ trách, đồng chí Nguyễn Mậu Tùng chủ biên dưới sự chỉ đạo của đồng chí Nguyễn Xiển..."* Nha Khí tượng Hà Nội tự biện minh rằng việc làm của mình khá thận trọng, nghiên cứu lâu dài, chứ không phải chỉ mới bắt đầu năm 1967, nhằm tránh sự chú ý của mọi người. Ở đây cần chú thêm sự khôn khéo của đảng LĐ. Đưa tên "đồng chí Nguyễn Xiển," Giám đốc Nha Khí tượng Hà Nội lúc đó cũng không ngoài mục đích che giấu âm mưu đen tối, vì ai cũng biết Nguyễn Xiển, bề ngoài là một trong những nhân vật lãnh đạo đảng Dân Chủ ở Bắc Việt, là đảng hoạt động hợp pháp, đóng vai trò đối lập cho có hình thức (tức đối lập cuội) với đảng LĐ. Nếu có gì bất lợi phát hiện, thì Nguyễn Xiển và đảng Dân Chủ phải chịu trách nhiệm chứ Hồ Chí Minh và đảng LĐ không dính dáng đến việc sửa lịch. Chẳng những thế, ngày **8-8-1967**, Hà Nội ra lệnh cho Nha Khí tượng lo việc đổi lịch; lịch mới sửa đổi được áp dụng từ ngày **1-1-1968**, nhưng nhà xuất bản Phổ Thông Hà Nội lại cho phát hành lịch vào **đầu năm 1968**, (13) tức là ngay cả dân chúng Bắc Việt, đến phút chót khi lịch được đưa ra vào đầu năm 1968, mới biết việc thay đổi âm lịch. Điều nầy, nhằm đánh lạc hướng sự liên hệ giữa việc sửa đổi lịch với việc chuẩn bị cho cuộc tổng tấn công Tết Mậu Thân. Do đó, về phần Nha Khí tượng Hà Nội, trong lời giới thiệu rất ngắn, để tránh bớt trách nhiệm, những nhà soạn lịch kín đáo nhắc lại hai lần: *"Đối với những năm* sắp đến, **ngày tháng âm lịch và các tiết được tính toán dựa theo quyết định số 121/CP ngày 8-8-1967 của Hội đồng Chính phủ.** *Phần nầy chúng tôi gọi là là "Phần tính toán (1968-2000)."* Ngoài ra, lần nào in lại lịch, Nha Khí tượng đều không quên nhắc lại lời nói đầu nầy như một cách tránh né trách nhiệm trước dư luận.

3. Bài thơ giết người

Nói đến chuyện nhà cầm quyền Hà Nội sửa lịch để bảo mật cho đến phút chót lệnh tổng tấn công Tết Mậu Thân 1968, thì cũng nên nhắc đến lệnh nầy dưới hình thức bài thơ chúc Tết của Hồ Chí Minh. Bài thơ đó nguyên văn như sau:

"Mừng xuân 1968

Xuân nầy hơn hẳn mấy xuân qua,
Thắng trận tin vui khắp mọi nhà.
Nam Bắc thi đua đánh giặc Mỹ,
Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta." (14)

Từ lâu, Hồ Chí Minh chủ trương *"Nay ở trong thơ nên có thép/ Nhà thơ cũng phải biết xung phong."* (15) Bài thơ "Mừng xuân 1968" không phải chỉ có thép, mà còn có dao, súng, đạn, hỏa tiễn, mồ chôn tập thể, đã giết hại không biết bao nhiêu lương dân vô tội ở miền Nam.

Theo tác giả Don Oberdorfer, trong sách *Tet!*, từ tháng 8 cho đến tháng 12-1967, Hồ Chí Minh không xuất hiện trước dân chúng. Nhiều dư luận đồn đoán rằng ông đã chết. Đây là đòn tâm lý để gây sự chú ý của dân chúng. Bất ngờ vào dịp hai ngày lễ lớn của Bắc Việt năm đó là lễ kỷ niệm 21 năm ngày "Toàn quốc kháng chiến" (19-12) và lễ kỷ niệm 23 năm thành lập "Quân đội nhân dân" (22-12), Hồ Chí Minh xuất hiện tại trụ sở Quốc Hội vào ngày 23-12, trong y phục của kẻ chỉ huy tối cao, nói chuyện khoảng 9 phút và lần đầu tiên đưa ra lời kêu gọi 31 triệu dân Việt [Bắc Việt 17 triệu, Nam Việt 14 triệu], nam phụ lão ấu, hãy đứng lên chiến đấu lập kỳ công chống "đế quốc Mỹ." Cao điểm của bài diễn văn của họ Hồ là kêu gọi dân chúng hãy cố gắng hơn nữa để tạo thêm nhiều chiến công trong dịp năm mới.

Sau buổi lễ nầy, nhật báo *Nhân Dân* của đảng LĐ, bình luận rằng bài nói chuyện của Hồ Chí Minh là *"một mệnh lệnh tiến lên con đường vinh quang và là dấu hiệu của một đợt tấn công mới."* Báo *Quân Đội Nhân Dân* thì viết rằng *"những lời nói của bác Hồ như tiếng kèn báo hiệu trận đánh."* (16)

Tiếp đó, vào ngày thứ Bảy 30-12-1967, một thiệp chúc Tết màu hồng có in bài thơ "Mừng xuân 1968" trên đây, được gởi đến Ngoại giao đoàn ở Hà Nội, cùng các nhân viên cao cấp của đảng và nhà nước. Bài thơ nầy còn được đọc trên đài phát thanh Hà Nội vào ngày Tết dương lịch (1-1-1968), và đêm Giao thừa Tết âm lịch [ở Bắc Việt]. Cần chú ý là tác giả người Mỹ nầy cũng biết giữa Bắc và Nam Việt có ngày Tết âm lịch khác nhau do việc sửa lịch. Ông cho biết Hà Nội đã giải thích việc nầy theo những điều kiện chuyển vận thiên nhiên giữa quả đất, mặt trăng và mặt trời. (16)

Việc Hà Nội phổ biến công khai trước bài thơ chúc Tết của Hồ Chí Minh, là một hành vi đặc biệt hơn các năm trước, vừa tránh sự chú

ý của giới tình báo (vì đã công khai cả với Ngoại giao đoàn), vừa cho các cấp chỉ huy quân sự cộng sản trong Nam chắc chắn biết trước nội dung bài thơ làm hiệu lệnh xuất phát. Trước giờ xuất phát, bộ đội cộng sản được nghe các cấp chỉ huy đọc nhật lệnh của bộ Tư lệnh các Lực lượng Võ trang MTDTGPMNVN, và **trong nhật lệnh nầy, câu đầu tiên xác định rõ ràng bài thơ chúc Tết của ông Hồ là lệnh xuất quân** chiến dịch Tổng công kích Tết Mậu Thân. (16)

Trong khi đọc bài thơ chúc Tết "Mừng xuân 1968" trên đài phát thanh Hà Nội vào đêm Giao thừa ở Bắc Việt, đến câu thơ chót (*Tiến lên! Toàn thắng ắt về ta*), Hồ Chí Minh đã dùng sức hét lên thật to rất khác thường hai chữ *"Tiến lên!"* Sau nầy người ta mới hiểu đó là mật khẩu của ông ta ra lệnh tổng tấn công ở miền Nam. (17)

Có một điều lạ là bài thơ nầy không được Viện Văn Học và nhà xuất bản Văn Học Hà Nội tuyển chọn trong tập Thơ Việt Nam 1945-1985 ấn hành năm 1985. Phải chăng những nhà tuyển chọn trong Viện Văn Học muốn giấu đi một vết nhơ lịch sử, nên không đăng bài nầy của Hồ Chí Minh? Viện Văn Học đổi vào đó bằng bài thơ khác của họ Hồ cũng làm vào đầu năm 1968, để ra lệnh tiếp tục tổng tấn công đợt thứ nhì ở miền Nam, nguyên văn như sau:

"Không đề
Đã lâu không làm bài thơ nào,
Nay lại thử làm xem ra sao.
Lục khắp giấy tờ vẫn chửa thấy,
Bỗng nghe vàng "thắng" vút lên cao.
Tháng 3 năm 1968" (18)

Đầu năm 1968, vừa làm bài thơ "Mừng xuân 1968" giết hại không biết bao nhiêu mạng người, nay mới tháng 3-1968 mà nói "Đã lâu không làm bài thơ nào." "Nay lại thử làm xem ra sao," tức là cổ vũ bộ đội cộng sản tiếp tục công cuộc chém giết. Như thế cũng chưa vừa, vào đầu năm Kỷ Dậu 1969, Hồ Chí Minh lại kêu gọi đẩy mạnh áp lực tấn công, nhưng lần nầy quân lực VNCH đã phòng bị kỹ, nên không bị bất ngờ như năm trước.

"Mừng xuân 1969
Năm qua thắng lợi vẻ vang
Năm nay tiền tuyến chắc càng thắng to.
Vì độc lập, vì tự do,
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào.
Tiến lên! Chiến sĩ, đồng bào!
Bắc Nam sum họp, xuân nào vui hơn." (18)

Việc sử dụng thơ văn để làm hiệu lệnh quân sự đã từng được quân Đồng minh dùng đến khi phản công quân đội Đức trong cuộc đổ bộ vào bờ biển Normandie (Pháp) vào ngày 6-6-1944 (Ngày dài nhất). (19) Về sau nầy, Hoa Kỳ cũng ứng dụng biện pháp trên để thông báo quyết định cho các công dân Hoa Kỳ di tản ra khỏi Việt Nam ngày 29-4-1975. (20)

4. Kết quả việc đổi lịch

Theo những tài liệu sau năm 1975, quyết định chọn đêm Giao thừa làm giờ G để "tổng công kích và tổng khởi nghĩa" Tết Mậu Thân được Bộ chính trị đảng LĐ đưa ra vào tháng 1-1968. (báo *Nhân Dân*, số kỷ niệm 20 năm cuộc tổng công kích, ngày 31-1-1988). Đây là quyết định tối hậu sau khi thẩm định lại lần chót công trình sửa soạn về mọi mặt, chứ thực ra mọi sự đã được trù bị từ cuộc họp của Bộ chính trị và Quân uỷ trung ương vào tháng 7-1967, mà trong đó, việc đổi lịch là một trong những chuẩn bị kín đáo để bảo mật giờ G trong cuộc chiến Mậu Thân.

DƯƠNG CỰ

GIAO THỪA THIÊN NIÊN KỶ...

Hai thế kỷ chớm giao mùa
Trăm năm chạnh tưởng như thừa hoàng hôn
Bao Xuân hạt nẩy trong hồn
Mà sao hoa nỡ ngậm buồn trên tay

... VÀ TUỔI 66

Sáu sáu năm giấc tỉnh say
Mưa đông nắng hạ sương bay chập chờn
Nghìn thu nước vẫn cùng non
Người, Trời với Đất hẹn còn mãi Xuân

11.2000

Việc đổi lịch và lệnh tổng công kích đêm Giao thừa Tết Mậu Thân của cộng sản Bắc Việt thật sự đã đạt được yếu tố bất ngờ khá cao. (21) Lực lượng Việt Nam Cộng Hòa lúc đầu bị lúng túng vì quá bất ngờ, nhưng nhờ khả năng phản ứng nhanh lẹ nên đã mạnh mẽ chận đứng được những đợt tấn công của cộng sản khắp nước. Tuy có gây thiệt hại về người và của cho VNCH, cuộc tổng công kích của cộng sản đã hoàn toàn bị bẻ gãy và thất bại về quân sự. Thống kê cho thấy, từ 29-1 đến 31-3-1968, số tử vong các bên là: 4.954 sĩ quan và binh sĩ VNCH, 14.300 thường dân VNCH, 58.373 sĩ quan và binh sĩ MTDTGPMNVN và Bắc Việt, 3.895 sĩ quan và nhân viên Hoa Kỳ (gồm Bộ binh, Không quân, Hải quân, và Thủy quân lục chiến), 214 sĩ quan và nhân viên Đại Hàn, Úc, Tân Tây Lan và Thái Lan trong các phái bộ viện trợ quân sự tại VNCH. (22) Dầu vậy, về phương diện chính trị, nhà cầm quyền Hà Nội đã đạt được hai thành quả sau đây:

Thứ nhất: Tuy không thành công về quân sự, nhưng cuộc tổng công kích bất ngờ đêm Giao thừa Tết Mậu thân (1968) đã gây một tiếng vang lớn trên thế giới, tạo một đòn tâm lý khá nặng đánh vào dân chúng Hoa Kỳ, đồng minh của VNCH. Việc quân đội cộng sản đột kích vào các thành phố miền Nam khiến cho dân chúng Hoa Kỳ, ở xa Việt Nam nửa vòng trái đất, lầm tưởng rằng tình hình quân sự VNCH quá xấu, nên họ lo ngại về số phận của thân nhân trong quân đội Hoa Kỳ đang chiến đấu tại Việt Nam. Đó là một cơ hội tốt cho phong trào phản chiến tại Hoa Kỳ hoạt động mạnh, vận động rút quân đội Hoa Kỳ ra khỏi Việt Nam, và cuối cùng việc nầy được thực hiện vào đầu năm 1973.

Thứ nhì: Trong đảng Cộng Sản Đông Dương, rồi đảng LĐ, và sau nầy đảng Cộng Sản Việt Nam, luôn luôn có sự tranh chấp quyền lực giữa hai nhóm Bắc và Nam. (23) Tuy là một bộ phận của đảng LĐ ở Bắc Việt, nhưng lúc đầu, miền Bắc chỉ gởi một số nhân vật cao cấp vào điều hành, còn cơ sở MTDTGPMNVN gồm hai thành phần chính: thứ nhất là những người cộng sản miền Nam và thứ nhì là một số người bất mãn với chế độ của tổng thống Ngô Đình Diệm, nhưng chưa theo cộng sản. Nhóm cộng sản miền Nam trong MTDTGPMNVN không được giới lãnh đạo cộng sản ngoài Bắc tin tưởng và Hà Nội luôn luôn tìm cơ hội để thay thế. Ngoài ra, sau khi tổng thống Ngô Đình Diệm bị lật đổ năm 1963, có dư luận đồn rằng một số lãnh đạo trong MTDTGPMN chống ông Diệm, nhưng không theo cộng sản, dự định trở về hợp tác với chế độ Cộng Hòa ở Sài Gòn. (24) Chính vì những lẽ nầy, nhà cầm quyền cộng sản Hà Nội cố tình đưa ra kế hoạch tổng công kích Tết Mậu Thân.

Cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân là sự đối đầu trực tiếp công khai giữa quân lực VNCH và lực lượng MTGPMNVN. Quân lực VNCH đã gây thiệt hại lớn lao cho Mặt trận nầy. Số cán binh và cán bộ của Mặt trận thương vong bị loại ra khỏi vòng chiến lên khá cao, trên 50.000 người. Ngoài ra, còn một số người lâu nay nằm vùng, hoạt động bí mật, nay lộ diện trong vụ tổng công kích Tết Mậu Thân, không thể ở lại tiếp tục hoạt động, phải rút đi nơi khác hoặc phải tránh ra mặt. Do đó, MTDTGPMNVN bị tê liệt một thời gian. Để bổ sung nhân số, chỉ còn một phương cách duy nhất là đưa người từ miền Bắc vào thay thế, tăng viện. Quân đội chính quy Bắc Việt được ghi nhận xuất hiện quy mô lần đầu tại miền châu thổ sông Cửu Long vào giữa tháng 3 năm 1968, nghĩa là sau vụ tổng công kích Tết Mậu Thân khoảng hơn một tháng. (25) Lớp cán binh và cán bộ mới nầy đương nhiên do Hà Nội chỉ huy và chi phối. Về phía những người không cộng sản trong ban lãnh đạo MTDTGPMNVN muốn quay về phía Cộng Hòa, nay họ hoàn toàn bị trở ngại sau vụ Mậu Thân, chỉ còn con đường duy nhất là tiếp tục theo cộng sản, và về sau trở thành đảng viên cộng sản. (26)

Nói cách khác, sau cuộc tổng công kích Tết Mậu Thân, Hà Nội đưa cán bộ các cấp ngoài Bắc vào nắm quyền điều khiển hoàn toàn MTDTGPMNVN, mà không gặp một phản ứng hay tai tiếng gì về việc tranh chấp quyền lực nội bộ.

Để đạt được mục đích tối hậu, những nhà lãnh đạo cộng sản Hà Nội đã không từ chối bất cứ hành động nào, kể cả những việc làm kinh thiên động địa. Việc sửa lịch thoạt xem không có gì quan trọng, nhưng đúng là động đến trời đất (kinh thiên động địa) vì đã cố tình tự ý ghi chép sai quy luật của thiên nhiên vũ trụ, chỉ cốt để làm thế nào đạt được chiến thắng trong cuộc tổng công kích năm Mậu Thân. Cuộc tổng công kích chà đạp cả niềm tin linh thiêng của người Việt, vì trong đêm Giao thừa, mọi người Việt cùng nhau hướng

về bàn thờ ông bà để tưởng nhớ tổ tiên, tưởng nhớ những người đã nằm xuống, và tưởng nhớ những người thân còn sống, nhưng không có điều kiện để trở về đoàn tụ gia đình. Đồng thời việc làm nầy đưa đến kết quả khốc hại là nhiều lương dân vô tội đã bị thương tật và chết oan ức, thiệt hại tài sản lên khá cao.

Có lẽ cũng nên thêm ở đây việc đổi lịch và chép lịch sai những quy luật thiên nhiên của nhà cầm quyền Hà Nội, còn gây những ảnh hưởng tai hại lâu dài về sau nầy. *"Sự khác nhau đó đưa đến kết quả là, so với lịch cũ, ngày Tết Mậu Thân (1968) và Kỷ Dậu (1969) sớm hơn một ngày. Ngày Tết Ất Sửu (1985) sớm hơn một tháng."* Việt Nam là một nước nông nghiệp. Đối với nhà nông Việt Nam, sự ghi chép lịch không đúng với quy luật thiên nhiên, đưa đến việc dự đoán sai thời tiết, gây trở ngại và thiệt hại lớn lao cho nông dân. (27)

Do tất cả những lẽ đó, đầu nhất thời chiến thắng về quân sự và chính trị, nhất thời nắm được quyền bính, những người chủ trương đổi lịch, dối trời, lừa người, cuối cùng vẫn không thể thu phục được lòng dân. Không thu phục được lòng dân thì chỉ còn cách thường xuyên dùng bạo lực để khống chế dân chúng. Bạo lực thất nhân tâm không thể lâu bền được. Đó là quy luật của cuộc sống.●

Chú thích:

1. Nha Khí tượng Việt Nam, *Lịch thế kỷ XX (1901-2000)*, Nxb. Văn Hóa, Hà Nội, 1982. "Lời giới thiệu của Nha Khí tượng," không ghi số trang. Những chữ in đậm theo nguyên bản. Những chữ gạch dưới do người viết gạch để lưu ý.

2. Lịch năm 1967 và 1968 của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa (Bắc Việt) theo Nha Khí tượng Hà Nội, sđd. không có số trang. Lịch năm 1967 và 1968 của Việt Nam Cộng Hòa (Nam Việt) theo Nguyễn Như Lân, *200 năm dương lịch và âm lịch đối chiếu* [1780-1980], Sài Gòn 1961, tt. 216-227.

3. Chính Đạo, *Việt Nam niên biểu 1939-1975, Tập I-C: 1955-1963,* Nxb. Văn Hóa, Houston, 2000, tt. 152, 181, 206-207.

4. Don Oberdorfer, *Tet*, Nxb. Da Capo, New York, 1984, tr. 52.

5. Đoàn Thêm, *1967 (việc từng ngày)*, Cơ sở xb. Phạm Quang Khai, Sài Gòn 1968, tr. 322.

6. * Judy Stowe, "Lịch sử chủ nghĩa xét lại tại Việt Nam", Đỗ Văn dịch, *Phụ Nữ Diễn Đàn*, số 136,1995.(Internet: http://members.aol.com/cahen/xetlai.htm) * Don Oberdorfer, sđd. tr. 54.

7. Chính Đạo, *Mậu Thân 68: thắng hay bại?* Tái bản có bổ sung, Nxb. Văn Hóa, 1998, Houston, tr. 339.

8. Việc Nguyễn Chí Thanh bị đột tử có hai cách giải thích khác nhau: 1) Theo Don Oberdorfer, *sđd.* tr. 42, thì Nguyễn Chí Thanh ở chiến trường miền Nam, bị trúng bom và bị thương ở ngực, được đưa qua Nam Vang, rồi từ Nam Vang được chở bằng máy bay về Hà Nội, và chết lúc 9 giờ sáng ngày 6-7-1967 tại bệnh viện 108 Quân đội. 2) Theo Judy Stowe, trong *bài báo đã dẫn,* Nguyễn Chí Thanh ra Bắc họp; sau cuộc họp ngày 6-7 của Bộ chính trị và Quân uỷ trung ương, nội bộ ăn mừng. Vì quá chén, đêm hôm đó Nguyễn Chí Thanh lên cơn đau tim và chết; lúc đó tại Hà Nội có tin Nguyễn Chí Thanh bị ám hại.

9. Don Oberdorfer, *sđd.* tr. 70.

10. * Chính Đạo, *Mậu Thân 68: thắng hay bại*, tt. 17, 28.

* Hoàng Lạc, Hà Mai Việt, *Nam Việt Nam 1954-1975, những sự thật chưa hề nhắc tới* [in lần thứ nhì], Texas, 1990, tr. 81.

11. * Hoàng Lạc, Hà Mai Việt, *sđd.* tt. 83-85

* Johm S. Bowman, The Vietnam War: Day by Day, Mallard Press, New York, 1989, tr. 118.

12. Đoàn Thêm, *sđd.* tt. 318-321.

13. Điều nầy được xác nhận trong "Lời nói đầu" hoặc "Lời giới thiệu" của các lần xuất bản về sau nầy; ví dụ lần xuất bản thứ nhì (1977), thứ ba (1982), và thứ tư (1991).

14. Cảnh Nguyên và Hồ Văn Sơn tuyển chọn, *Thơ Hồ Chí Minh,* Nxb. Nghệ An, 1995, tr. 170.

15. Nguyên văn bài thơ "Khán 'Thiên Gia Thi' hữu cảm," trích trong *Ngục trung nhật ký,* bằng chữ Nho như sau: *"Cổ thi thiên ái thiên nhiên mỹ/ Sơn thủy yên hoa tuyết nguyệt phong/ Hiện đại thi trung ưng hữu thiết/ Thì gia dã yếu hội xung phong."* Nam Trân dịch [1960]: *"Thơ xưa thường chuộng thiên nhiên đẹp / Mây, gió, trăng, hoa, tuyết, núi, sông; / Nay ở trong thơ nên có thép, / Nhà thơ cũng phải biết xung phong."* (Cảnh Nguyên và Hồ Văn Sơn, *sđd.* tt.468-469.) Lê Hữu Mục dịch: *"Thơ xưa riêng chuộng thiên nhiên đẹp, / Mây gió, trăng hoa, tuyết núi sông. / Nay ở trong thơ nên có sắt, / Thi gia cũng phải khéo xung phong."* (Lê Hữu Mục, *Hồ Chí Minh không phải là tác giả "Ngục trung nhật ký,"* Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, Montréal, 1990, tr. 154.)

16. Don Oberdorfer, sđd. tt. 66-75, 341.

17. Nguyễn Lý Tưởng, "Gặp LM Giuse Lê Văn Hộ lần cuối trước khi Ngài bị Việt Cộng chôn sống...", đăng trong *Thảm sát Mậu Thân ở Huế,* tuyển tập nhiều tác giả, Phong trào Giáo dân Hải ngoại, California, 1998, tr. 179.

18. *Thơ Việt Nam 1945-1985,* Nxb. Văn Học, Hà Nội, 1985, tt. 10-11.

19. Cornelius Ryan, *The Longest Day,* Nxb. Fawcett, Greenwich, Connecticut, 1959, tr. 33. Bài thơ dùng trong trường hợp nầy là hai câu đầu của bài "Chanson d'automne" [Bài ca mùa thu] của Paul Verlaine (1844-1896), nhà thơ người Pháp.

20. * Michael Maclear, *Vietnam: The Ten Thousand Day War* [Việt Nam: Cuộc chiến mười ngàn ngày], Nxb. Thames Methuen, London, 1981, tr. 458.

* Vũ Thụy Hoàng, *Sài Gòn tuyết trắng, Việt Nam Tháng 4, 1975,* Nxb. Vietnam Books, California, tái bản lần thứ nhất, năm 2000 (có sửa chữa), tr. 258.

Vào tháng 4-1975, Chuck Neil, phụ trách đài phát thanh quân đội Hoa Kỳ ở Việt Nam (AFRTS: Armed Forces Radio and Television Service), số 9 đường Hồng Thập Tự, Sài Gòn, được cho biết là phải chuẩn bị một tín hiệu cho người Hoa Kỳ tập họp ở những vị trí chỉ định sẵn trước, để được trực thăng bốc đi di tản khi có lệnh trên. Chuck Neil liền chọn bài "White Christmas" (Giáng Sinh trắng), nhạc và lời của Irving Berlin, trong đó có một câu được lập đi lập lại: "*I am dreaming of a white Christmas*" (Tôi đang mơ đến một mùa Giáng Sinh [tuyết] trắng). Lúc 11g30 phút (giờ Sài Gòn) sáng 29-4-1975, Chuck Neil được thông báo là phải tới tòa đại sứ Hoa Kỳ để di tản theo kế hoạch "Option IV: Frequent Wind". Chuck Neil liền làm sẵn một chương trình, gài vào máy tự động, cứ 15 phút phát lại một lần tín hiệu rút lui, bắt đầu bằng câu thông báo thời tiết: "Nhiệt độ Sài Gòn là 105 và đang tăng lên," kèm theo bài hát "White Christmas." Mơ đến một mùa Giáng Sinh có tuyết trắng thì chỉ còn cách duy nhất là rời Việt Nam về Mỹ mới thấy tuyết được. Theo Michael Maclear, bản nhạc trình bày trên AFRTS ngày đó do Bing Crosby hát, nhưng theo Larry Engelmann trong *Tears before the rain* [Những giọt nước mắt trước cơn mưa], Nxb. Oxford University Press, tr. 200, thì dĩa hát trình bày hôm đó do Tennesse Ernie Ford hát, nhưng mọi người đều lầm là Bing Crosby vì Bing Crosby quá nổi tiếng với bản nhạc nầy từ thời thập niên 40.

21. Theo tác giả James J. Wirtz trong sách *The Tet Offensive,* Cornell University Press, New York, 1991, tr. 28 thì trong cuộc chiến Việt Nam từ 1954 đến 1975, có ba sự kiện xảy ra bất ngờ nhất là: (1) Sự can thiệp và tham chiến trực tiếp của Hoa Kỳ năm 1964, mà Lê Duẩn đã phải thốt lên vào năm 1965: "*Tình hình biến chuyển mau lẹ hơn là chúng tôi đã dự đoán.*" (2) Vụ tổng tấn công Tết Mậu Thân. (3) Vụ ném bom ở Hà Nội và Hải Phòng vào ngày 23-12-1972.

22. Don Oberdorfer, *sđd.* trang đầu sách: "Tặng những người đã hy sinh (từ 29-1 đến 31-3-1968)", không ghi số trang.

23. Vấn đề kỳ thị Bắc Nam trong đảng Cộng Sản thấy rõ trong nhiều vụ việc từ 1945 cho đến ngày nay. Xin đọc một đoạn văn của Nguyễn Văn Trấn, một nhân vật cộng sản cấp Khu ủy 9, ở miền Nam, ra Bắc làm việc, để thấy thân phận người Nam trong đảng LĐ: "*Đi tới biên giới, chúng tôi nằm đợi đoàn của miền Bắc đi theo. Và trong đoàn này có người thay tôi làm lãnh đạo. Tôi biết thân phận là người Nam không dám so bì với người Bắc lại còn cảm thấy lý thú được rảnh rang.* (Nguyễn Văn Trấn, *Viết cho Mẹ và Quốc hội,* Nxb. Văn Nghệ, California, 1995, tr. 164.)

24. Dư luận nầy xin tồn nghi để tìm hiểu thêm.

25. Nguyễn Đình Tuyến, *Những biến cố lớn trong 30 năm chiến tranh tại Việt Nam 1945-1975,* Houston, 1995, tr. 225.

26. Cũng theo dư luận trên, luật sư Nguyễn Hữu Thọ (1907-1996) là một trong những người thuộc nhóm nầy vì khi MTDTGPMNVN được thành lập, ông Thọ chưa phải là đảng viên đảng LĐ. Ông Thọ theo Công giáo, tốt nghiệp luật sư ở Pháp, tổng thư ký Phong trào Bảo vệ Hòa bình năm 1949. Năm 1954 ông là Phó chủ tịch của phong trào nầy, bị ông Ngô Đình Diệm bắt ngày 7-11-1954, đày đi Củng Sơn (Phú Yên). Ông vẫn còn ở trong tù khi MTDTGPMNMN được thành lập ngày 20-12-1960, mà cộng sản để tên ông làm Chủ tịch. Ngày 30-10-1961, ông được cộng sản giải vây và đưa vào mật khu khi ông đang trên đường đi Nha Trang chữa bệnh. (Chính Đạo, *Việt Nam niên biểu nhân vật chí,* Nxb. Văn Hóa, Houston, Texas, 1997, tr. 243.)

27. Ví dụ: Theo lịch cũ, mùa Tết là mùa cây cao su rụng lá. Hiện tượng nầy có thể sớm vài ngày hay trễ vài ngày, nhưng chắc chắn lá cao su rụng trong mùa Tết âm lịch. Khi lá cao su rụng, cây cao su bị yếu và cho rất ít mủ, tức chất nhựa trắng để chế biến cao su. Do đó, người ta không cạo mủ trong mùa lá rụng, để cây cao su nghỉ một tháng lại sức. Công nhân các đồn điền cao su vốn là dân tứ xứ đến làm ăn, nên nhân mùa Tết âm lịch là mùa lá cao su rụng, họ nghỉ một tháng (hay bị nghỉ một tháng) để về quê ăn Tết. *Ngày Tết Ất Sửu (1985) sớm hơn một tháng,* lá cao su chưa rụng, nhưng theo thông lệ hàng năm, và theo lệnh trên, công nhân các nông trường cao su miền Nam nghỉ một tháng Tết Ất Sửu (1985). Đến hết phép nghỉ, công nhân trở về nông trường làm việc, khi đó cây cao su mới bắt đầu rụng lá, nên công nhân bị bắt buộc nghỉ thêm một tháng không lương. Về việc nầy, người viết có mặt tại các nông trường cao su Long Khánh và chứng kiến tại chỗ vào dịp Tết Ất Sửu (1985).

"ĐẠI" HAY "THÁI": MỘT CÁI CHẤM LÀM THAY ĐỔI LỊCH-SỬ NHÀ LÊ VÀ QUYẾT-ĐỊNH LỊCH-SỬ ĐỒ GỐM VN

NGUYỄN NGỌC BÍCH

Ở Istanbul, thủ-đô Thổ-nhĩ-kỳ, tại bảo-tàng-viện Topkapi Saray có một tuyệt-phẩm đồ gốm Việt-nam từ thế-kỷ XV, một cái lọ bình thật hãn-hữu vì cho đến nay nó là một món độc nhất vô nhị: ở nơi vai của lọ bình có ghi xuất-xứ của nó, người thợ hay nghệ-nhân vẽ các hoa-văn và năm làm ra nó. Tất cả được ghi gọn ghẽ thành 13 chữ nho/chữ Hán viết xen kẽ với hình mây phong-cách-hoá (nghĩa là cứ một chữ Hán thì lại có một hình mây) thành một hàng đi từ trái sang phải, nghĩa là đi ngược hướng kim đồng-hồ: ĐẠI-HOÀ BÁT NIÊN, TƯỢNG-NHÂN NAM-SÁCH-CHÂU BÙI-THỊ HÍ-BÚT.

Người đầu tiên bắt gặp cái lọ bình này trong thế-kỷ thứ XX là ông R.L. Hobson và ông có giới-thiệu nó trong bài "Chinese Porcelain at Constantinople" ("Đồ sứ Trung-hoa ở Constantinople," tên cũ của Istanbul), đăng trong *Transactions of the Oriental Ceramic Society* (Số 11, 1933-34, trang 13). Theo ông Hobson thì mấy chữ đó có nghĩa là: "Painted for pleasure by Chuang a workman of Nan Ts'e-chou in the 8th year of Ta Ho." Như vậy theo ông, chữ "tượng-nhân" (= người thợ) phải được hiểu là "một người thợ [tên hay họ] Chuang (= Tượng)" song đích-thực ông đã đọc sai: chữ "tượng" trong "tượng-nhân" không phải là tên riêng và đúng ra phải đọc là "Chiang" theo lối phiên âm Wade-Giles trong tiếng Trung-Hoa. Rồi thì ông cũng không biết "Nan Ts'e-chou (= Nam-sách-châu)" ở đâu và năm "Ta Ho" là những năm nào.

Phải đợi đến khoảng năm 1948 thì một chuyên-viên thượng-thặng của Mỹ về đồ gốm Trung-hoa, ông J.A. Pope, mới tìm ra manh mối về xuất-xứ của cái lọ bình nổi tiếng đó như ông đã ghi lại trong cuốn *Fourteenth Century Blue and White: A Group of Chinese Porcelains in the Topkapi Sarayi Muzesi, Istanbul* ("Gốm hoa lam thế-kỷ XIV: Một nhóm sứ Trung-Quốc ở bảo-tàng-viện Topkapi Saray, Istanbul") do Smithsonian Institution in ra năm 1952 (tái-bản có sửa chữa năm 1970). Lúc đầu, ông cứ tưởng lẫn trong sưu-tập đồ gốm của các vua chúa Á-rập ngày xưa thì cái lọ bình đó cũng phải là của Tàu. Nhưng không đúng! Xem niên-đại thì không thấy có vua Trung-Hoa nào mà lại có niên-đại mang tên "Đại-hoà" cả! Ông phải lần mò mãi mới khám phá ra rằng đó là một niên-đại của vua Việt-Nam, vua Lê Nhân-tông, trị vì từ năm 1443 đến năm 1459 với hai niên-hiệu, Đại-hoà (1443-1453) và Diên-ninh (1453-1459). "Đại-hoà bát niên," năm thứ 8 Đại-hoà, như vậy tất-yếu là 1443 + 8 1 = 1450.

Đến khi viết cuốn sách nổi tiếng *The Ceramics of South-East Asia: Their Dating and Identification* ("Đồ gốm Đông-Nam-Á: Cách định niên-đại và nhận dạng chúng," Singapore: Oxford University Press, 1977, tái-bản 1988), bà Roxanna M. Brown cho là ông Hobson đã đọc lầm chữ "Bùi" trong "Bùi-thị" ra thành Chuang. Thật không phải vậy và bà Brown đã hiểu lầm về chỗ sai của ông Hobson. Thành thử đến bà Brown thì chúng ta đã có một sự hiểu lầm chồng chất lên một sự lầm lẫn!

Được cái may là bà đã biết đi tìm người Tàu để đọc tiếng Tàu (chữ Hán), nghĩa là bà đã nhờ được ông giáo-sư D.C. Lau, dạy ở Trường Á-đông và Phi-châu-học ở Viện Đại-học Luân-đôn (School of Oriental and African Studies, University of London) đọc hộ, và ông này đã đọc đúng cả 13 chữ, chỉ trừ một điểm là ông đọc họ Bùi là "P'ei" (đúng cách phát âm Trung-hoa), làm cho ta có thể hiểu ngầm đó là một người thợ Trung-hoa. Điều

này, không có gì đảm bảo là đúng!

Dựa lên cách đọc của ông Lau, bà Roxanna Brown viết tiếp, có lẽ sau khi đã tham-khảo ý-kiến của một người Việt: "Chữ tiếp nối [chữ 'P'ei,' nghĩa là chữ 'thị'] là một loại-từ mà trong tiếng Trung-hoa chỉ có nghĩa là 'người,' không phân-biệt phái-tính. Nhưng khi dịch sang tiếng Việt thì loại-từ 'thị' đó giờ đây chỉ có thể áp-dụng được cho một người đàn bà. Nếu tập-tục xưa cũng thế thì ít nhất đây có nghĩa là đã có một người phụ nữ Việt-nam có ngón nghề trong ngành làm đồ gốm ở xứ này. Ngoài ra, ba chữ Hán nói về địa-danh (chữ thứ 5, 6 và 7), tức 'Nam Sách Phủ' trong tiếng Việt thì có được ghi nhận trong những bản-đồ thế-kỷ XV của miền Bắc Việt-nam — ở trong tỉnh Hải-dương, khoảng giữa Hà-nội và Hải-phòng. Chính tên 'phủ' ấy cũng còn hiện trên những bản-đồ cận-đại và không có thay đổi, nơi đây... người ta đã báo-cáo là tìm được bằng-chứng về di-chỉ của một lò gốm xưa." (Brown 1988:28)

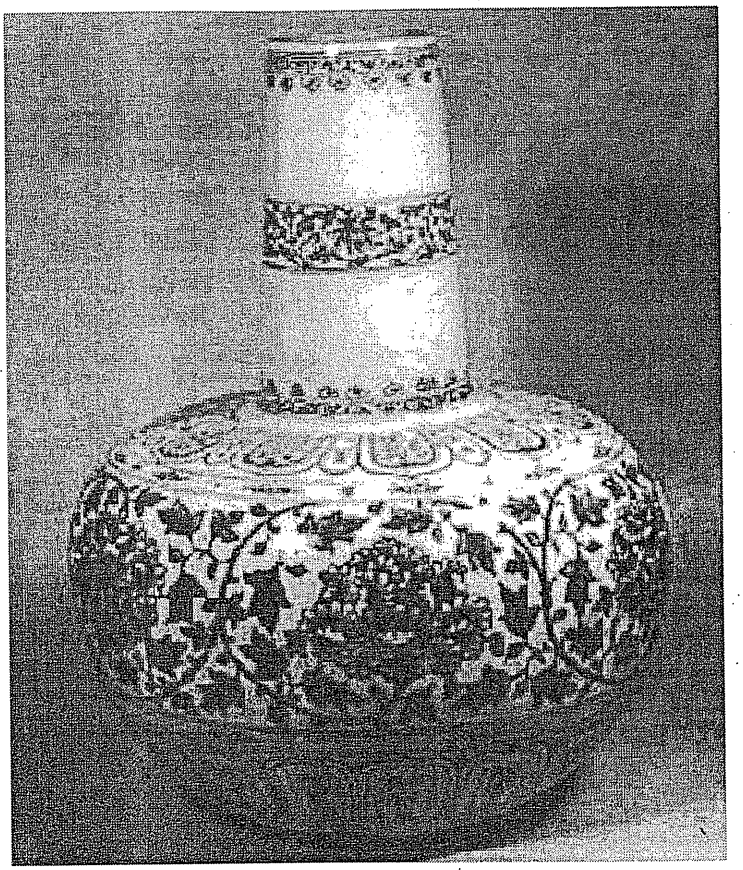

Sự thực, lời giải-thích của bà Brown đã có một số điều sai: (1) chữ "thị" đâu có nghĩa là "người" mà chính ra là "họ" hoặc "một người mang họ" Bùi (chứ không phải "họ P'ei"); (2) bà đọc thành "Nam Sách Phủ" nhưng đích thật trên lọ bình ghi "Nam-sách-châu" ("châu" khác "phủ," cao hơn phủ), *phủ* Nam-sách chỉ có dưới thời nhà Nguyễn; (3) bảo tên Nam-sách "còn hiện trên những bản-đồ cận-đại và không có thay đổi" cũng không hoàn-toàn đúng: *châu* Nam-sách sang đầu thời Lê Thánh-tông (1460-1497) đổi thành *đạo* Nam-sách, rồi sau khi ta lấy xong Chiêm-thành (1470) lại đổi thành *xứ* Hải-dương và đến đời nhà Nguyễn mới có *phủ* Nam-sách thuộc tỉnh Hải-dương, như vậy "Nam-sách-phủ" của bà Brown không thể ngang hàng với "Nam-sách-châu" của lọ bình ở Istanbul được. Còn như ở Nam-sách (hiểu là Hải-dương hay Hải-hưng sau này), "người ta đã báo-cáo là tìm được bằng-chứng về di-chỉ của một lò gốm xưa" thì tuy bà không nêu tên, ta vẫn có thể hiểu đó là di-chỉ Chu-đậu mà sau này sách vở đã nói đến nhiều (Hà Thúc Cần và Nguyễn Bích, "Discovery of the Chu Dau Kiln," trong *Arts of Asia* số 3 năm 1989, trang 116-121, và Tăng Bá Hoành, *Gốm Chu Đậu*, Bảo tàng tỉnh Hải Hưng, 1993).

Cũng trong thời-gian đó nhưng trước bà Brown một chút, ông Keith W. Taylor, một sử-gia uyên bác của Hoa-kỳ về Việt-nam, cho rằng 13 chữ Hán kia có nghĩa là "Viết/vẽ bằng bút lông trong lúc nhàn-hạ bởi một nữ-nghệ-nhân họ Bùi ở Nam-sách-tỉnh vào năm Ta Ho thứ 8 (1450)" (Nguyên-văn tiếng Anh: "Brushed at leisure by a lady artisan of the Bui clan at Nam-sach Province in the 8th year of Ta Ho," trong Keith W. Taylor, "A Brief Summary of Vietnamese History," trong Southeast Asian Ceramic Society, *Vietnamese Ceramics*, Singapore, 1982). Lối dịch của ông Taylor đã phần nào sát nguyên-bản khi ông chuyển chữ "bút" thành "brushed," nghĩa là viết hay vẽ

bằng bút lông, dùng mực Tàu, và dịch "châu" thành "tỉnh" nhưng "hí-bút" thì không phải là "nhàn-bút" vì "hí" có nghĩa là "chơi, đùa, giỡn" (vẽ chơi là một việc làm hoàn-toàn theo tinh-thần Việt-nam) nên không thể dịch là "brushed at leisure" được. Vì chữ "Bùi-thị" được hiểu như cách thông-thường ngày hôm nay là nói về một phụ nữ nên đã dịch thành "a lady... of the Bui clan," nhưng đích-thị chữ "thị" trong "Bùi-thị" chỉ có nghĩa là "họ Bùi" hoặc "một người họ Bùi" không phân-biệt phái-tính, đúng như ông Lau đã giải-thích cho bà Roxanna Brown. Dịch "Nam-sách-châu" (chứ không để nguyên trong tiếng Tàu là "Nan Ts'e-chou" như ông Hobson đã làm) thành "Nam-sach Province" thì chính-xác hơn bản dịch (và cả cách đọc) của bà Brown khi bà bảo đó là "Nam Sách Phủ." Nhưng tại sao lại không đọc niên-hiệu — một niên-hiệu Việt-nam-theo cách đọc tiếng Việt mà lại để trong dạng đọc Trung-hoa là "Ta Ho," một niên-hiệu không có trong lịch-sử Tàu? (Bà Cheng Lammers, trong sách viết chung với ông Abu Ridho, cuốn *Annamese Ceramics in the Museum Pusat, Jakarta,* Jakarta: Ceramic Society of Indonesia, 1974, đã sai khi bà giải-thích: "Ta-Ho là một ông vua ở Việt-nam từ 1443 đến 1454." Không hề, tên hiệu vua lúc bấy giờ là Lê Nhân-tông và "Đại-hoà" - "Ta-Ho" trong lối phát âm Trung-hoa-chỉ là niên-hiệu đầu của ông tính đến năm 1453, khi ông đã trưởng-thành và đổi niên-hiệu thành Diên-ninh cho đến khi ông mất vào năm 1459.)

"Đại-hoà" đổi thành "Thái-hoà"

Cho đến đây, ta thấy các tác-giả nói trên đều đọc niên-hiệu trên lọ bình ở Istanbul là "Đại-hoà bát niên" nhưng tự-nhiên vào năm 1960, hai chuyên-gia về đồ gốm Đông-Á, ông Koyama Fujio và ông John Figgess, bỗng tự-ý (hay do sơ-xuất) đổi niên-hiệu đó thành "T'ai-ho," nghĩa là "Thái-hoà," trong cuốn sách nổi tiếng của họ, cuốn *Two Thousand Years of Oriental Ceramics,* New York: Henry A. Abrams in ra, bắt đầu một chuỗi dài đọc lầm và hiểu lầm từ đó cho tới ngày nay, 40 năm sau.

Theo hai tác-giả Hà Thúc Cần và Nguyễn Bích, viết trong tập-san tuyệt đẹp *Arts of Asia* (số ra tháng 3-1989, trang 116-117) in ở Hồng-kông, thì các nhà chơi đồ cổ Nhật-bản dịch là "Vào năm 1450 [chữ Hán là 'Đại-hoà bát niên'], người nghệ-nhân họ Bùi ở Nam-sách-phủ giỡn chơi mà vẽ [lọ bình này]," nghĩa là khá đúng, ít nhất cũng đúng hơn tất cả các bản dịch mà ta đã đọc trên kia. Khổ nỗi, thay vì chấp nhận cách đọc (và dịch) đúng này, hai ông Cần và Bích (ông Bích là giáo-sư thuộc Viện Sử-học ở Hà-nội và cũng còn là tác-giả bài nghiên-cứu "Đồ gốm Việt Nam từ cuối thế kỷ XIV đến đầu thế kỷ XVIII," in trong tập-san *Nghiên Cứu Nghệ Thuật,* Tập I ra năm 1978) lại đã chọn đi theo ý của ông Anabuki Makoto, nguyên là Đệ-nhị Tham-tán tại Toà Đại-sứ Nhật ở Hà-nội, một người hoàn-toàn không có thẩm-quyền về đồ gốm hay lịch-sử Việt-nam, để đọc là: "In year 1450, an artisan named Mrs or Miss Bui Thi Hi at Nam Sach district drew this." Rồi hai ông còn thêm: "Đại Hòa (Great Concord) là tên do vua Lê Nhân Tông đặt ra cho những năm ông trị vì. Nhưng theo một số tài-liệu bằng tiếng Việt thì năm 1450, tên hiệu đó phải là *Thái Hòa* (Peace Concord) thay vì *Đại Hoà.*" Thật lạ quá, chuyện dựng đứng, chữ "tác" đánh ra chữ "tộ"! Sách nào, tài-liệu nào? Ít nhất theo sử-gia Trần Trọng Kim, một người mà ta biết chắc là chữ Hán rất vững vàng, thì ông viết trong *Việt-nam Sử-lược* (Nhà xb Tân Việt ở Sài-gòn in lại lần thứ 7 vào năm 1968, trang 243) là "Khi vua Thái-tông mất, thái-tử là Bang Cơ mới lên 2 tuổi. Các quan đại-thần là bọn Lê Khả, Nguyễn Xí, lập thái-tử lên làm vua, tức là Nhân-tông, để bà Hoàng-thái-hậu ra thính chính [nghĩa là]... cầm quyền." Như vậy thì vua "mới lên 2" không thể "đặt ra" được cái gì cho mình, dù như chỉ là niên-hiệu. Sở dĩ Lê Nhân-tông có hai niên-hiệu cũng vì lý-do đó, niên-hiệu "Đại-hoà" do các cận-thần đặt ra và niên-hiệu "Diên-ninh" mới là niên-hiệu do chính vua chọn, khi ấy ông đã 12 tuổi (1453), nghĩa là được xem là đã trưởng-thành.

Tại sao "Đại-hoà" mà không "Thái-hoà"? Vì một lẽ đơn-giản là xưa kia, ở Trung-hoa cũng như ở Việt-nam (thời phong-kiến, ta luôn luôn theo Trung-hoa về mặt này), chữ "Thái" là vô cùng quan-trọng và chỉ dành cho Trời, như trong chữ "Thái-cực." Vua tuy là con Trời ("Thiên-tử") song vẫn không được lạm vào những tính-từ ("attributes") của Trời, do đó chỉ có những ai *trên vua* mới được gọi là "Thái" như: Thái-thượng-hoàng (cha của vua), Thái-sư (thầy của vua, chức quan đứng đầu hàng tam công), Thái-phó (đứng thứ hai),

Thái-bảo (đứng thứ ba), Thái-úy (đứng đầu hàng quan võ), chỉ có "Thái-tử" là con vua song đây cũng ngụ ý là những người này có mặt là để phụ giúp Trời mà trị dân. Vậy thì không thể có chuyện một cậu bé lên hai mà lại có thể lấy niên-hiệu hống hách là "Thái-hoà" được! Đó là một lẽ!

Một lẽ thứ hai nằm ngay ở một điểm bất khả phủ-nhận: Đó là chữ "Đại-hoà" nằm ngay đó, nằm rõ như ban ngày ở trên vai lọ bình ở Istanbul.

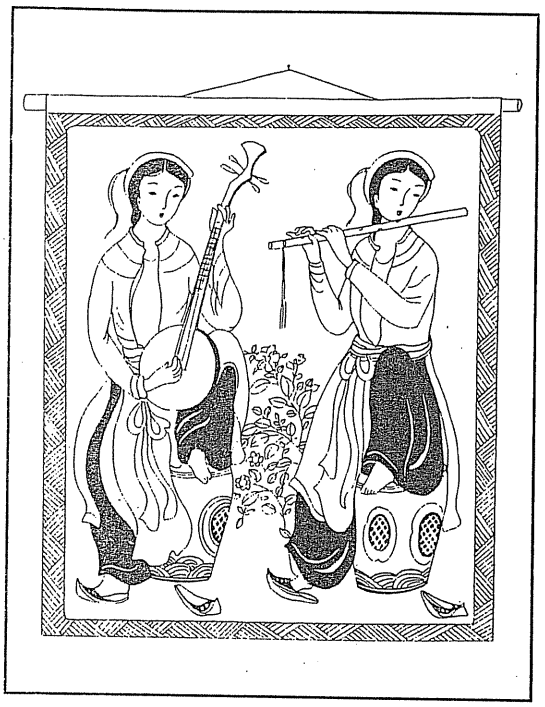

(Viết đến đây, tôi phải xin mở một dấu ngoặc. Đối với những người không biết chữ Hán thì có lẽ chuyện "Đại" hay "Thái" nghe như chuyện trời ơi, chuyện của mấy ông già gàn dở — mà trong đó có thể có tôi — hết chuyện bàn rồi nên đem chuyện "trẻ con" ra cãi vã với nhau. Thực-sự, tôi không có ý thế, và tôi cũng mong sẽ có vài vị kiên-nhẫn đủ để ở với tôi đến cuối bài mà trông thấy là chuyện quan-trọng hơn mình tưởng. Và cũng để câu chuyện có thể hiểu được, đối với những ai không biết chữ Hán, tôi phải thưa ngay là hai chữ đó rất giống nhau trong cách viết chữ Hán, nó chỉ khác nhau có một chi-tiết gần như không đáng kể, đó là chữ "Thái" có một cái chấm ở dưới khi so với chữ "Đại." Vì lẽ đó mà chứng-tích trên lọ bình Việt-nam 1450 ở Istanbul mới thành một chứng-tích bất khả đảo nghịch.)

Không thể nói như một vài người ngoan-cố cho rằng biết đâu đó, có thể cái chấm của chữ "Thái" đã bị rụng mất trong khi người ta nung cái lọ bình. Ta có thể nghiên-cứu chữ viết của tác-giả lọ bình và sẽ thấy ngay đó là một lối viết chân-phương rất rõ ràng, không có chuyện viết thảo hay là chữ viết của người ít học. Nói cách khác, không có trường-hợp "họ Bùi" kia viết mất đi một cái chấm, đó là chưa kể, viết niên-hiệu vua mà viết sai thì là chuyện mạn thượng, cái đầu có thể rụng bất cứ lúc nào. Không có ai, họ Bùi hay không họ Bùi mà dám đùa với số-mạng mình như vậy được!

Vậy thì ta phải loại-trừ khả-năng đó là một trường-hợp viết ẩu. Còn như viết kỹ mà lại rụng mất một cái chấm trong khi nung thì sao? Liệu có thể xảy ra được không? Tôi nghĩ, ta bắt buộc cũng phải gạt ra khả-năng này. Tại sao? Tại vì mực Tàu không phải là cái gì như đất hay cát mà bảo ta gắn vào được nên nó cũng có thể rụng được. Tuyệt-đối không! Người thợ dùng cái bút lông viết vào cốt thai của cái lọ bình thì vì nó là đất nên ngấm ngay lập-tức, nếu người ta dùng công-thức "underglaze," nghĩa là viết hay vẽ rồi mới tráng men lên trên. Còn nếu người ta lại dùng công-thức "overglaze," tức là tráng men cái lọ bình rồi mới viết lên trên thì mực sẽ khó thấm hay khô hơn, và như vậy nó có thể chảy xuống được chứ không thể rụng đi đâu được hết. Đằng này, ta nghiên-cứu kỹ cái lọ bình ở Istanbul, ta sẽ thấy là hàng chữ viết là viết trên vai của cái lọ bình, nghĩa là ở trên một mặt thoai thoải xuống, gần như mặt phẳng, không thể có mực chạy đi đâu được cả, dù là dùng công-thức "underglaze" hay "overglaze" đi nữa.

Trong một bài tới, chúng tôi sẽ trình bầy tất cả những hậu-quả của mấy cách đọc lầm nói trên. Vì kết-quả của nó không phải chỉ là đọc nhầm một chữ Hán mà là ta phải đặt lại thành vấn-đề toàn-bộ sự hiểu biết về Hán-Nôm ở Hà-nội nếu một chuyện nhỏ nhặt như thế mà có thể để cho sai lầm tệ hại dẫn đến những kết-luận quái-dị về lịch-sử phụ nữ, lịch-sử nhà Lê và lịch-sử đồ gốm của Việt-nam thì chuyện không còn là chuyện đùa nữa! Chuyện bắt buộc sẽ phải đòi hỏi chúng ta đính chính, nếu không đến đời cháu, đời con, chúng ta sẽ phải mất hết thời giờ ngồi mà tẩy xóa lịch-sử mà thôi.●

Springfield, VA
Ngày 19-20 tháng 1 đầu thế-kỷ 21

ĐỌC TRUYỆN KIỀU BẰNG THỐNG KÊ HỌC

NGUYỄN VĂN TUẤN

Kể từ ngày ra đời cho tới nay, *Truyện Kiều* (1) của Nguyễn Du (2) đã được giới nghiên cứu văn học tiếp cận từ nhiều góc độ khác nhau. Trong hàng trăm nghiên cứu, một số được tập trung vào tư tưởng và triết lý từ câu chuyện hay từ tác giả qua câu chuyện; một số xoay quanh các giá trị đạo lý có thể suy ra từ tác phẩm; và một số đặt trọng tâm về ngôn ngữ dùng trong truyện. Có thể nói các nghiên cứu trong quá khứ mang nặng tính "định chất," tức tính văn chương và văn học, nhưng hình như chưa có nghiên cứu nào đặt *Truyện Kiều* dưới lăng kính của khoa học định lượng, như toán học.

Nhưng tại sao lại dùng khoa học định lượng trong nghiên cứu văn chương? Theo tôi, khoa học định lượng có một mối tương giao thầm kín với nghệ thuật nói chung và văn học nói riêng. Chẳng hạn như câu chuyện dân gian về ông chồng tham ăn được bà vợ dùng cọng dây điều khiển, nếu phân tích cho đến nơi đến chốn, là một bài nhập môn về lý thuyết thông tin (information theory). Ngoài ra, trong nghệ thuật có khoa học, và trong khoa học có nghệ thuật. Tỷ lệ vàng có thể coi như một đặc tính nghệ thuật trong khoa học (kiến trúc). Tương tự, nguyên tắc âm luật trong thơ, nhạc, v.v... có thể coi như là một phát biểu toán học của nghệ thuật.

Đã từ lâu, tôi vẫn thường tự hỏi tại sao một tác phẩm văn chương được viết bằng thể thơ sáu-tám, được lặp đi lặp lại cả ngàn lần và có thể nói là... nhàm chán, nhưng lại được đại đa số quần chúng ngâm đi ngâm lại không biết chán. Thậm chí, thể thơ lục bác trong *Truyện Kiều* còn được các nhà thơ sau này mô phỏng theo, và cũng được nhiều người đọc ủng hộ. Có phải tại người Việt chúng ta quá dễ dãi với thơ văn, thích theo đường mòn, thiếu tính khai phá, hay tại vì thể thơ lục bát quá hay, quá hợp với ngôn ngữ Việt và tâm tình người Việt? Trong *Truyện Kiều* có những "công thức" thơ gì và sự phân phối từ ngữ như thế nào để có thể thu hút độc giả một cách mạnh mẽ như thế?

Nhằm mục đích khai thác câu hỏi trên, và nhân năm nay (2000), kỷ niệm 235 năm ngày sinh và 180 năm ngày mất của Nguyễn Du (1766-1820), tôi đã mạo muội làm một vài phân tích thống kê bản trường thi bất tử của cụ Nguyễn Du. Phân tích một tác phẩm văn chương bằng toán thống kê là một việc làm tương đối mới, và có thể nói là... ngược đời và ngông. Tuy nhiên, trong bài viết này, tôi chỉ trình bày một vài kết quả sơ lược của bản phân tích, đặc biệt chú trọng vào sự phân phối từ vựng. Phần nhận xét về ý nghĩa của kết quả phân tích sẽ được trình bày trong một bài viết sau. Tôi sẽ không trình bày các chi tiết về kỹ thuật tính toán, và thay vào đó là những ngôn từ mà độc giả không có kiến thức về môn toán thống kê vẫn có thể hiểu được. Việc phân tích này hoàn toàn mang tính khảo sát, không nhằm thử nghiệm một giả thuyết hay giải thích một lý thuyết nào.

Phương pháp và một vài định nghĩa

Toàn bộ *Truyện Kiều* đã được đưa lên liên mạng (internet) ở trang Văn Học Việt Nam do Tiến sĩ Trần Duy Trác dày công phát triển và quản lý (3). Bản *Truyện Kiều* điện tử này được viết bằng kiểu chữ VIQR (4), và do đó rất tiện cho việc phân tích bằng máy điện toán.

Quá trình phân tích được chia làm ba giai đoạn: giai đoạn một là việc chuẩn bị, sắp xếp bản *Truyện Kiều* điện tử dưới dạng thích hợp cho máy điện toán và hệ thống chương trình phân tích; giai đoạn hai là dùng hệ thống nhu

liệu có tên là "Statistical Analysis System" (SAS) để "đọc" toàn bộ *Truyện Kiều* từng chữ một, kể cả các dấu sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng vào bộ nhớ (memory); và giai đoạn ba là dùng SAS để phân tích dữ kiện và tính toán các chỉ số thống kê. Để tiện việc so sánh, bản truyện dài *Chí Phèo* cũng được "đọc" và phân tích. Cả hai bản truyện, tất cả các dấu chấm câu như dấu phẩy, chấm, chấm thang, dấu hỏi, v.v. phải được bỏ đi để chỉ còn lại hoàn toàn các "chữ nguyên."

Trong bài viết này, tôi có dùng một vài danh từ có lẽ hơi lạ với độc giả, và một vài hàng giải thích, định nghĩa có lẽ sẽ giúp cho việc thông hiểu bài viết dễ hơn. *Mẫu tự* (letter) là danh từ dùng để chỉ đơn vị căn bản nhất của một chữ. Ví dụ như chữ "Nghĩa" có năm mẫu tự (là *n, g, h, i* và *a*). *Từ đơn* là danh từ dùng để chỉ một chữ riêng biệt (ví dụ *rằng, khinh, hội, máu*, v.v.). *Từ kép* là danh từ dùng để chỉ hai hoặc hơn hai chữ được kết hợp với nhau (ví dụ như *thanh minh, giàu sang, cốt cách, hớt hơ hớt hải*, v.v.).

Cũng như bất cứ bài thơ nào, một số chữ được lặp lại nhiều lần. Điều này dẫn đến một định nghĩa về những *từ-duy-nhất (unique words)*. Ví dụ như trong câu thơ *"Một, hai nghiêng nước nghiêng thành,"* có tất cả là sáu từ đơn; nhưng trong đó, chữ nghiêng được lặp lại hai lần, và do đó, số từ-duy-nhất là năm.

Vì đây là một phân tích thống kê, thành ra, một vài định nghĩa về các từ chuyên môn dùng trong bài viết có lẽ cũng cần thiết. Trong Thống kê học, số trung bình (tiếng Anh gọi là *mean* hay *average*) là một chỉ số (*index*) trung tâm giữa hai cực, là số đại diện hay tiêu biểu cho một dãy số. Ví dụ như trong câu *"Trăm năm trong cõi người ta"* có tất cả 6 chữ và 23 mẫu tự; như vậy, tính trung bình, mỗi chữ có 3.83 mẫu tự (23 chia cho 6).

Bên cạnh số trung bình phản ánh độ trung tâm của một dãy số là chỉ số *lệch tiêu chuẩn (standard deviation)* phản ánh mức độ biến thiên giữa các con số trong một dãy số (5). Vì chỉ số này thường phụ thuộc vào đơn vị đo lường, nên người ta thường hay diễn tả sự biến thiên của một dãy số bằng cách chia số lệch tiêu chuẩn cho số trung bình và nhân cho 100 để có một *hệ số biến thiên (coefficient of variation)*. Một hệ số biến thiên cao phản ánh mức độ biến thiên hay "di động" cao giữa các con số trong một dãy số so với số trung bình.

Nhằm khai thác sự phân phối của các chữ trong các đoạn thơ, tôi đã phân nhóm *Truyện Kiều* thành 8 đoạn dựa theo các sự kiện được trình bày trong truyện như sau: đoạn 1: mở bài (câu 1 đến câu 38); đoạn 2: Thúy Kiều và Kim Trọng đính ước (câu 39-528); đoạn 3: Vương Công mắc oan; Thúy Kiều bán mình (câu 529-864); đoạn 4: Kiều ở Thanh Lâu (câu 865-1274); đoạn 5: Kiều vào tay Hoạn Thư (câu 1275-1992); đoạn 6: Kiều lấy Từ Hải (câu 1993-2736); đoạn 7: Kiều và Kim Trọng tái hợp (câu 2737-3240); và đoạn kết từ câu 3241 đến 3254.

Một vài kết quả

** Phân phối chữ*

Truyện Kiều gồm có 3254 (6) câu thơ lục bát (sáu-tám), với đúng 22.778 chữ. Tuy nhiên, toàn truyện chỉ dùng có 2.407 từ đơn duy nhất. Nói một cách khác, có một số chữ được lặp lại (repetition) nhiều lần. Tính trung bình, số lần được dùng là 9.5 lần cho mỗi từ. Trong số 2.407 từ, khoảng 69% được dùng tối đa là sáu lần; 20% từ được dùng từ bảy đến 21 lần; và 10% tự được dùng hơn 21 lần. Những chữ được dùng nhiều nhất là: *một* (321 lần), *đã* (262), *người* (224), *nàng* (199), *lòng* (174), *lời* (173), *là* (172), *cũng* (169), *cho* (169), *có* (163), *rằng* (160), *lại* (145), *hoa* (135), *tình* (126), v.v.

Trong truyện dài văn xuôi *Chí Phèo*, có 12.665 chữ; trong số này, có 1.713 từ-duy-nhất. Tức là, độ lặp lại trung bình trong Chí Phèo chỉ 7,4 lần, thấp hơn 2,4 lần so với *Truyện Kiều*.

** Độ dài của chữ*

Độ dài của chữ được tính bằng cách đếm số mẫu tự trong chữ đó. Dùng số từ-duy-nhất làm mẫu số, tính trung bình, mỗi từ đơn trong *Truyện Kiều* dài khoảng 3,45 mẫu tự với độ lệch tiêu chuẩn là 0.93 mẫu tự, và hệ số biến thiên khoảng 27%. Khoảng 74% trong tổng số 2.407 từ-duy-nhất có độ dài từ ba đến bốn mẫu tự, và chỉ có khoảng 14% dài từ một đến hai mẫu tự. Chữ dài nhất trong *Truyện Kiều* có bảy mẫu tự, đó là chữ *"Nghiêng"* được dùng tất cả là năm lần:

Một, hai nghiêng nước nghiêng thành (27)
Hiên tà bóng gác nghiêng nghiêng (241)
Hơn đời trí dũng nghiêng trời uy linh (2904)

Chỉ có 45 chữ (hay khoảng 2%) với sáu mẫu tự, đó là những chữ: *chiêng, chiềng, chương, chường, chuông, chuyện, chuyển, chuyền, giường, khoảng, khuâng, khuyết, khuyển, khuyên, khuynh, nghênh, nghiến, nghiệp, nghiệt,*

nghiêm, nghiên, nguyện, nguyệt, nguyên, nguyền, nhường, nhuyễn, phượng, phương, phường, thiêng, thoáng, thoảng, thoang, thưởng, thương, thường, thuyết, truyền, trường, trượng, trưởng, trương, và *truyền.*

Những chữ thường được dùng nhiều lần (tính theo số lần lặp lại trung bình) thường có hai mẫu tự (10,6 lần), kế đến là những chữ có năm mẫu tự (10,2 lần). Những chữ có sáu mẫu tự được dùng ít (trung bình 6.7 lần). Ngoài ra, những chữ có một và bốn mẫu tự cũng có độ dùng thấp hơn (khoảng 8.7 tới 8.8 lần) so với các chữ khác.

Trong *Chí Phèo*, số lần lặp lại trung bình cho mỗi từ là 7,4 lần, tức là thấp hơn trong *Truyện Kiều* đến 2,1 lần. Ngoài ra, độ dài trung bình của chữ trong *Chí Phèo* cũng ngắn hơn (nhưng độ lệch tiêu chuẩn và hệ số biến thiên tương đương với) *Truyện Kiều*. Trong *Chí Phèo*, độ dài trung bình của chữ là 3,19 với độ lệch tiêu chuẩn là 0,92 và hệ số biến thiên là 29%. Khoảng 69% chữ trong *Chí Phèo* có độ dài từ ba đến bốn mẫu tự. Trong *Chí Phèo*, những chữ ngắn (hai mẫu tự) có số lần lặp lại khá cao (11,1 lần), so với những chữ bốn mẫu tự (4,9 lần) hay năm mẫu tự (8,7 lần) và sáu mẫu tự (chỉ 2,4 lần). (Xem thêm chi tiết trong bảng thống kê số 1).

* *Phân phối dấu*

Trong số 2.407 chữ-duy-nhất, có 25,4% chữ không dấu, 24,7% dấu sắc, 19,1% dấu huyền, 15,3% dấu nặng, 9,7% dấu hỏi, và 5,8% dấu ngã. Nếu tổng số chữ (22.778) trong truyện làm mẫu số, gần một phần ba (chính xác hơn là 32,4%) là những chữ không dấu; những chữ mang dấu huyền chiếm 27,3%, theo sau là dấu sắc (17,7%), dấu nặng (11,1%), dấu hỏi (6%) và dấu ngã (5,5%). Điều này cũng có nghĩa là những chữ được dùng nhiều nhất thường mang dấu huyền (13,5 lần) hay không dấu (12,1 lần); những chữ mang các dấu khác có độ lặp lại khoảng 6,9 lần, tức thấp hơn trung bình.

Khuynh hướng phân phối dấu này có thể không đại diện được cho tiếng Việt nói chung, vì theo thể thơ lục bát, những chữ không dấu và dấu huyền phải chiếm đa số. Thực vậy, trong *Chí Phèo*, những chữ mang dấu huyền (16,2%) và không dấu (23,4%) tương đối ít hơn trong *Truyện Kiều*. Tuy nhiên, cũng như trong *Truyện Kiều*, những chữ được dùng đi dùng lại nhiều nhất trong *Chí Phèo* vẫn là những chữ mang dấu huyền (10,7 lần), tiếp theo là những chữ không dấu (7,5 lần). Có thể tham khảo thêm chi tiết trong bảng thống kê số 2.

Phân phối về độ dài của chữ cũng có khuynh hướng tùy thuộc vào dấu của chữ. Chẳng hạn như trong *Truyện Kiều*, những chữ mang dấu huyền có độ dài cao nhất (3,5 mẫu tự), kế theo là những chữ mang dấu sắc (3,4), nặng (3,3), hỏi (3,1) và ngắn nhất là những chữ mang dấu ngã (3,0).

* *Phân phối vần bằng trắc*

Trong tiếng Việt, dựa vào cách phát âm cao thấp, người ta chia các chữ thành hai thanh: bằng và trắc. Thanh bằng được phát ra bằng phẳng đều đều, và gồm những chữ không dấu hay mang dấu huyền; và thanh trắc là những thanh khi phát ra hoặc cao hoặc tự thấp lên cao, hoặc tự cao xuống thấp gồm những chữ mang dấu sắc, hỏi, ngã, và nặng. Theo thể thơ lục bát, câu sáu chữ và câu tám chữ được cấu trúc như sau:

b b t t b b

b b t t b b t b

(b = thanh bằng; t = thanh trắc). Tuy nhiên, cấu trúc trên chỉ là qui ước chung; trong thực tế, thơ lục bát có một vài ngoại lệ. Cụ thể là chữ thứ nhất, thứ ba, và thứ năm và bảy không nhất thiết phải là thanh bằng, trắc, bằng và trắc, nhưng có thể biến đổi. Ví dụ như hai câu sau đây là một ngoại lệ:

Trăm năm trong cõi người ta (1)

Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau (2),

Vì chữ *trong* đáng lẽ phải là thanh trắc, *chữ* và *khéo* đáng lẽ phải là thanh bằng.

Thực ra, trong *Truyện Kiều*, cụ Nguyễn Du đã dùng đến 22 biến thể (variations) khác nhau cho câu sáu chữ, và 16 biến thể cho câu tám chữ. Trong các câu sáu chữ, chỉ có khoảng 18% là tuân theo luật *bb tt bb*, và các biến thể khác được dùng khá nhiều như: *bb bt bb* (10,4%), *bb tt tb* (8,9%), *tb bt bb* (12,1%), *tb bt tb* (13,3%), *tb tt bb* (16,6%), *tb tt tb* (9,6%), và *bb bt tb* (9,7%). Ngoài ra, còn có những biến thể có vẻ hoàn toàn ngoại lệ như sau:

b b t b b b : Khi hương sớm, khi trà trưa (1297)

Khi Vô Tích khi, Lâm Truy (2291)

b b t b t b : Khi chè chén, khi thuốc thang (1749)

Càng trông mặt, càng ngẩn ngơ (1819)

b t b t b b : Đau đớn thay phận đàn bà (83)

b t b t t b : Người một nơi, hỏi một nơi (2829)

b t t b b b : Khi gió gác, khi trăng sân (1295)

b t t b t b : Khi tựa gối, khi cúi đầu (487)
Khi khóe hạnh, khi nét ngài (1213)
Khi chén rượu, khi cuộc cờ (3224)
b t t t b b : Mai cốt cách, tuyết tinh thần (17)
Nền phú hậu, bậc tài danh (149)
Người quốc sắc, kẻ thiên tài (163)
Người nách thước, kẻ tay dao (577)
Đồ tế nhuyễn, của tiêng tây (583)
Duyên hội ngộ, đức cù lao (601)
Tin nhạn vẩn, lá thư bời (945)
Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh (1233)
Người yểu điệu, kẻ văn chương (2841)
Thêm nến giá, nối hương bình (3189)
b t t t t b : Sao chẳng biết ý tứ gì? (1861)
t b b b b b : Tưởng bây giờ là bao giờ (3013)
t b t b b b : Mặt nhìn mặt càng thêm tươi (393)
t t b t b b : Hại một người, cứu muôn người (2685)
t t b t t b : Ấy mới gan, ấy mới tài (2005)
Mụ quản gia vãi Giác Duyên (2305)
t t t t b b : Nước vỏ lựu, máu mào gà (837)
Có cổ thụ, có sơn hồ (1915)
t t t t t b : Hết nạn ấy đến nạn kia (2667)

Tuy nhiên, trong các câu tám chữ, cụ Nguyễn Du không nhất thiết theo công thức *bb tt bb tb* mà dùng đến 16 biến thể khác nhau. Trong đó, những cấu trúc hay được dùng là *tb bt tb tb* (8,5%), *tb tt bb tb* (8,4%), và *tb bt tb bb* (8%). Thực ra, chỉ có 45% câu tám chữ được bắt đầu bằng thanh bằng. Về chi tiết phân phối các biến thể này, có thể tham khảo thêm trong Bảng thống kê số 3.

Với 22 biến thể câu sáu chữ và 16 biến thể câu tám chữ, cụ Nguyễn Du có thể dùng đến 22 x 16 = 352 cấu trúc các câu thơ sáu-tám. Tuy nhiên, trong thực tế, cụ Nguyễn Du chỉ dùng 155 cấu trúc (hay 44% của con số 352) mà thôi. Những cấu trúc được dùng từ 20 lần trở lên là:

t b b t t b / t b b t t b b b (20 lần)
t b t t b b / b b t t b b t b (20 lần)
t b b t b b / t b b t t b b b (21 lần)
t b b t b b / t b t t b b t b (21 lần)
t b t t b b / b b t t t b t b (21 lần)
b b t t b b / b b t t t b t b (22 lần)
b b t t b b / t b t t t b b b (23 lần)
b b t t b b / b b t t b b t b (24 lần)
b b t t b b / t b b t t b t b (25 lần)
t b t t b b / t b b t t b b b (25 lần)

** Phân phối nguyên âm và phụ âm*

Theo các nhà nghiên cứu ngôn ngữ học, nguyên âm được chia ra làm hai loại trầm và bổng tùy theo độ khép hay mở của môi khi phát âm. Những nguyên âm này có thể tóm tắt như sau (7):

Bổng Trung Trầm
Khép *i ư u*
Trung *ê ơ/â ô*
Mở *e a/ă o*

Phụ âm cuối trong tiếng Việt cũng có thể chia thành hai nhóm: vang và tắc. Phụ âm vang gồm có *m, n, nh, ng*; và phụ âm tắc gồm: *p, t, ch* và *c*. Những chữ sau đây (gạch dưới) được xem là có dùng nhiều nguyên âm mở và phụ âm vang (7):

Nam đình nghe động trống chầu đại doanh
Dọc bờ sông trắng nắng chang chang
(Hàn Mặc Tử)

Trong số 22.778 chữ trong *Truyện Kiều*, có 13.963 chữ (hay khoảng 61%) có thể phân loại nguyên âm trầm-bổng. Tính trên tổng số 13.963 chữ, có khoảng 21% chữ có nguyên âm bổng, 31% chữ có nguyên âm trầm, và 48% chữ có nguyên âm "trung bình". Phân tích theo độ khép-mở của môi cho thấy khoảng 47% chữ có nguyên âm mở, và chỉ 21% chữ có nguyên âm khép. Tất cả những phân phối này rất tương đương với phân phối trong *Chí Phèo* (xem Bảng thống kê số 4).

Có 10.650 chữ (hay 47% trong tổng số chữ trong *Truyện Kiều*) có phụ âm. Trong số này, 77,1% có phụ âm vang và chỉ 23% có phụ âm tắc. Phần lớn những chữ có phụ âm vang là *n* (khoảng 25%) và *ng* (33,4%). Trong số 23% chữ với phụ âm tắc, 11% là có phụ âm *t* và 8,3% là phụ âm *c*. (Xem thêm trong Bảng thống kê số 5)

Phân tích sự kết hợp giữa phụ âm và nguyên âm cho thấy phần lớn những phụ âm vang là vang-trung (40%), tiếp theo là vang-trầm (23,2%), và vang-bổng (khoảng 16%). Các phụ âm tắc lại tập trung vào tắc-trung (10%) và tắc-trầm (9%); trong khi đó tắc-bổng chỉ chiếm 1,8%. Những phân phối này trong *Chí Phèo* cũng không khác nhau xa với *Truyện Kiều*. (Xem thêm trong Bảng thống kê số 6)

Trong *Truyện Kiều*, những chữ có nguyên âm mở và phụ âm vang chiếm khoảng 39% (nhiều hơn trong *Chí Phèo* khoảng 2%). Tuy nhiên, tỷ lệ này có xu hướng thay đổi tùy theo các đoạn thơ. Chẳng hạn như, trong phần mở đầu (câu 1 đến câu 38), có 40% là những chữ mang âm mở-vang; tỷ lệ này được duy trì từ

đoạn thơ số 2 đến đoạn số 4; tăng lên 41,3% trong đoạn số 5 và có khuynh hướng giảm xuống còn 36% trong đoạn số 6, 39% đoạn số 7 và 29,4% trong đoạn số 8. (Xem thêm trong Bảng thống kê số 7)

Một vài nhận xét

Có thể nói *Truyện Kiều* không những đã đặt nền móng cho văn học Việt Nam hiện đại, mà qua đó, còn biểu hiện cho sự trưởng thành của ngôn ngữ Việt. Bàn về vai trò của Nguyễn Du, và tính tiên phong của *Truyện Kiều* trong ngôn ngữ Việt và văn học Việt Nam, tưởng chưa ai viết đầy đủ hơn cụ Đào Duy Anh: *"Nguyễn Du đã sử dụng một cách tài tình những yếu tố dân gian của ngôn ngữ, những yếu tố văn học của ngôn ngữ dân gian gồm trong các tục ngữ phong giao; Nguyễn Du đã dân tộc hóa một cách tài tình những yếu tố văn học chữ Hán trước kia chỉ được sử dụng một cách dè dặt vụng về trong văn học chữ nôm; do đó Nguyễn Du đã phát triển, hoàn chỉnh và thống nhất hai thành phần quan trọng của ngôn ngữ văn học Việt Nam, yếu tố văn học dân gian và yếu tố văn học chữ Hán, để tạo nên một ngôn ngữ văn học mới, dồi dào, uyển chuyển."* (8) Thực vậy, giá trị đích thực của *Truyện Kiều* không phải ở tư tưởng, đạo đức hay luân lý hay cốt truyện, mà là ở văn chương, ở kỹ thuật miêu tả, tự sự và diễn đạt tình cảm. Chỉ cần đọc qua vài công trình nghiên cứu về *Truyện Kiều* đều cho ta thấy cả một kho tài liệu về điển cố văn chương, cũng như về văn phạm, từ ngữ cực kỳ phong phú được gói gém trong đó. Chính cái phần văn chương đó đã làm cho *Truyện Kiều* trở nên bất hủ. Bài phân tích này nhằm tìm hiểu một khía cạnh nhỏ của kho tàng ngôn ngữ trong *Truyện Kiều* qua lăng kính thống kê học.

Công việc đếm số chữ trong bài phân tích này không phải là mới. Cụ Đào Duy Anh, trong *Từ Điển Truyện Kiều* (8), đã từng làm thống kê số chữ và số lần lặp lại cho từng chữ một cách thủ công. Tuy rằng vào thời kỳ soạn cuốn từ điển này chưa có máy vi tính, nhưng cụ Đào Duy Anh đã đếm số từ cực kỳ chính xác, và có thể nói là còn công phu hơn bài phân tích bằng máy vi tính này. Tuy nhiên, với máy vi tính, công việc làm này rất tiện và nhanh. Toàn bộ phân tích về số chữ và các thống kê kèm theo có thể chỉ tốn khoảng một phút cho máy vi tính!

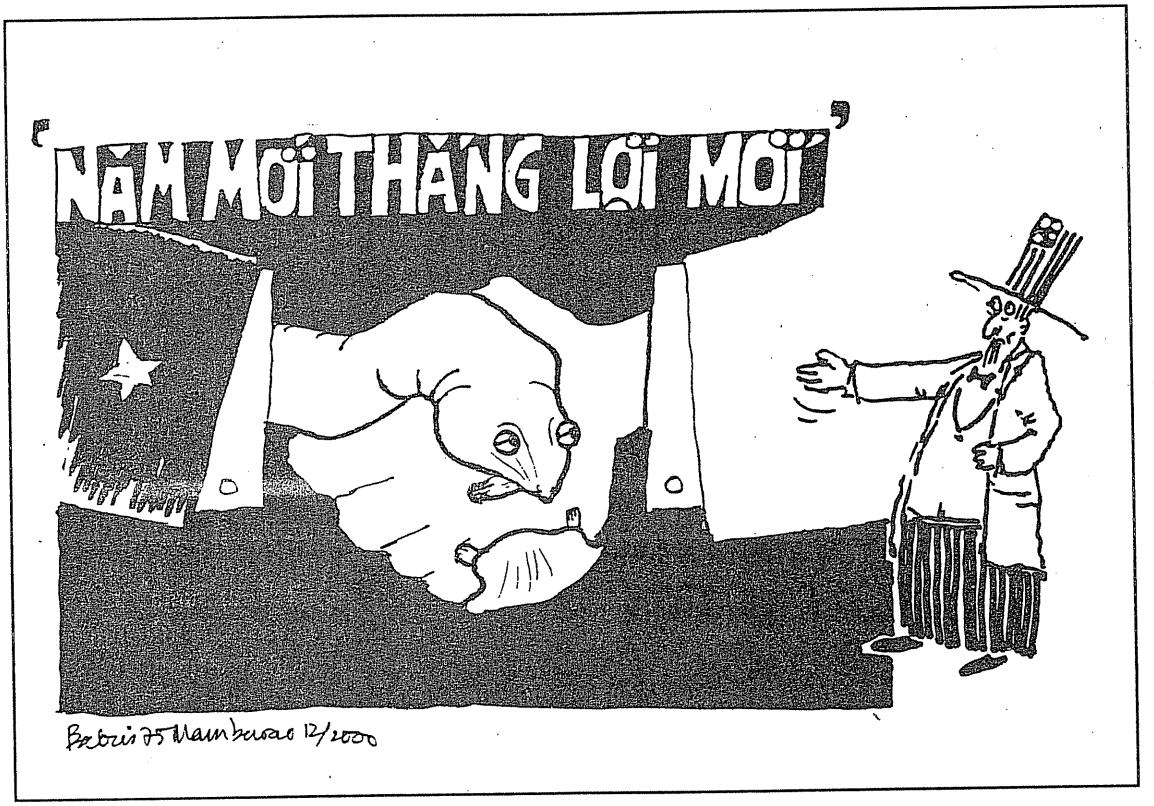

Như đã đề cập trên, toàn bộ *Truyện Kiều*, cụ Nguyễn Du chỉ dùng có 2.407 từ đơn. Tuy nhiên, một số từ đơn được ghép lại với nhau thành các từ kép; do đó, số từ đơn và kép ít

hơn con số trên đây. Theo *Từ Điển Truyện Kiều*, có 2.249 từ đơn và kép.

Có vài kết quả thú vị là: Tính trung bình, những chữ dùng trong *Truyện Kiều* có nhiều mẫu tự hơn trong truyện dài *Chí Phèo* (3.41 so với 3.19 mẫu tự). Ngoài ra, những chữ có dấu huyền và không dấu (thanh bằng) có nhiều mẫu tự những chữ thanh trắc. Tôi không rõ những khác biệt này có ý nghĩa gì, nhưng có lẽ đây là một phân phối "tự nhiên" trong ngôn ngữ Việt, vì khuynh hướng này cũng hiện diện trong các tác phẩm văn chương khác như *Cung oán Ngâm khúc* và *Chinh phụ Ngâm khúc*.

Nếu tính theo quy tắc "chuẩn" thơ lục bát (*bb tt bb / bb tt bb tb*), *Truyện Kiều* phải có 64,3% chữ thanh bằng và 35,7% chữ thanh trắc. Nhưng trong thơ lục bát, cũng như nhiều thể thơ khác, có một vài ngoại lệ, và do đó sự phân phối thanh bằng trắc không nhất thiết phải theo tỷ lệ trên. Những ngoại lệ này là các chữ số lẽ (1, 3, 5 và 7) trong cả hai câu sáu và tám chữ có thể là thanh bằng hay thanh trắc. Do đó trong thực tế, số lượng chữ thanh bằng ít hơn, và thanh trắc nhiều hơn, công thức trên. Trong số 22.778 chữ trong truyện, có 13.608 chữ (tức 59,7%) là thanh bằng, và 40,3% chữ là thanh trắc.

Dựa vào ngoại lệ nằm trong khuôn khổ được cho phép trên, luật bằng trắc có thể đơn giản hóa thành *btb* và *btbb* cho những chữ ở vị trí số 2, 4, 6 (cho câu sáu chữ) và 2, 4, 6, 8 (cho câu tám chữ). Theo "công thức đơn giản hóa" này, nhà thơ "được phép" chọn tất cả 8 biến thể (variations) khả dĩ cho câu sáu chữ, và 16 biến thể khả dĩ cho câu tám chữ. Tuy nhiên, đối với câu sáu chữ, cụ Nguyễn Du không những dùng tất cả 8 biến thể khả dĩ cho phép, mà còn sáng tạo thêm 14 biến thể với 29 câu thơ. Trong số 29 câu "phá luật" này, 19 câu tập trung ở công thức *ttb*, sáu câu theo *bbb*, và bốn câu theo tbb . Trong số 29 câu phá lệ này, có đến 26 câu được viết theo nhịp 3/3, như *"khi hương sớm, khi trà trưa"* hay *"Nền phú hậu, bậc tài danh,"* và chỉ có ba câu không theo nhịp trên (*sao chẳng biết ý tử gì* (1861), *tưởng bây giờ là bao giờ* (3013), *mụ quản gia vãi Giác duyên* (2305). Điều thú vị là trong những câu 3/3 này, chữ "khi" thường được dùng đi dùng lại khá nhiều lần:

Khi hương sớm, khi trà trưa (1297)
Khi Vô Tích, khi Lâm Truy (2291)
Khi chè chén, khi thuốc thang (1749)
Khi gió gác, khi trăng sân (1295)
Khi tựa gối, khi cúi đầu (487)
Khi khóe hạnh, khi nét ngài (1213)
Khi chén rượu, khi cuộc cờ (3224)
Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh (1233)

Tuy nhiên, đối với cấu trúc vần cho câu tám chữ, cụ Nguyễn Du hoàn toàn "tuân thủ" theo luật *btbb*, và dùng tất cả 16 biến thể khả dĩ.

Theo luật *btb / btbb*, thơ lục bát có thể có đến 128 biến thể khả dĩ cho những câu kép sáu-tám chữ. Nhưng trong thực tế, cụ Nguyễn Du đã sáng tạo thêm 27 biến thể để có 155 biến thể trong toàn *Truyện Kiều*. Nói một cách khác, cụ Nguyễn Du đã phá luật đến 27 lần.

Tôi cũng dùng một số phương pháp toán học khác để tìm xem trong *Truyện Kiều* có một khuynh hướng có hệ thống (systematic trend) về cách sử dụng các biến thể khác nhau, nhưng tôi không tìm thấy một khuynh hướng nào để có thể kết luận là có một nỗ lực có ý thức nào đó về cách sử dụng các biến thể. Tuy nhiên, tỷ lệ các chữ thanh bằng có vẻ biến đổi theo một hàm số lượng giác sine (tức là lên xuống) theo từng đoạn văn trong truyện. Thanh bằng được xem là "êm tai", và sự thay đổi về tỷ lệ này có lẽ làm cho âm điệu trong *Truyện Kiều* không nhàm chán!

Phân phối nguyên âm và phụ âm trong *Truyện Kiều* cũng là một điều đáng chú ý. Tính trung bình, tỷ lệ các chữ có phụ âm vang trong *Truyện Kiều* nhiều hơn trong *Chí Phèo*, tuy mức độ khác biệt rất khiêm tốn (77,2% và 75,7%). Tương tự, sự phân phối về nguyên âm giữa *Truyện Kiều* và *Chí Phèo* hầu như không khác nhau. Chẳng hạn như tỷ lệ các chữ có nguyên âm trầm trong *Truyện Kiều* (31,1%) rất tương đương với tỷ lệ tìm thấy trong *Chí Phèo* (31,2%).

Theo giới bình luận thơ, những câu thơ được khen là có nhiều nhạc tính, cứ ngân nga âm vang không dứt chủ yếu là nhờ kết hợp được những chữ có nhiều nguyên âm mở và những chữ có nhiều phụ âm vang. Trong *Truyện Kiều*, tỷ lệ các chữ có nguyên-phụ âm mở-vang chỉ có 39,3%, nhiều hơn trong *Chí Phèo* (37,1%).

Điều khá thú vị là tỷ lệ thanh bằng trắc rất khác nhau giữa các nguyên âm và phụ âm. Chẳng hạn như trong số 2895 chữ có nguyên âm bổng (*i, e, ê*), khoảng 66% là thanh bằng và chỉ 33% là thanh trắc. Trong số 4342 chữ có nguyên âm trầm (*u, o, ô*), những chữ có thanh bằng chiếm khoảng 49%, và phần còn lại (51%) là những chữ có thanh trắc. Về phụ

âm, như ta có thể đoán được là tất cả các phụ âm tắc (*p. t. ch, c*) là những chữ có dấu nặng (43%) và dấu sắc (57%). Tuy nhiên, phần đông những chữ có phụ âm vang (*m, n, nh, ng*) thường tập trung ở thanh bằng (35% dấu huyền và 39% không dấu), và chỉ 26% là thanh trắc (12% dấu sắc, 6% dấu nặng, 4% dấu ngã và 4% dấu hỏi).

Cố nhiên, không ai trong chúng ta thưởng thức *Truyện Kiều* hay thơ văn lại phải dùng đến các hàm số toán học để tính toán xem có bao nhiêu vần bằng, trắc hay sự phân phối của chữ và độ dài của chúng ra sao. Bài phân tích này không nhằm mục đích tìm ra một "công thức" toán học cho một bài thơ hay, mà chỉ trình bày một số dữ kiện thực liên quan đến từ vựng và các biến thể của thể thơ lục bát được dùng trong *Truyện Kiều*, được xem là một tuyệt tác phẩm của thi ca Việt Nam. Có thể một vài kết quả trong bài phân tích này sẽ hoàn toàn không có ý nghĩa văn học hay học thuật gì, nhưng cũng có thể một vài kết quả làm ngạc nhiên nhiều độc giả yêu *Truyện Kiều*. Và trong những trường hợp như thế, những phân tích này hy vọng sẽ giúp cho độc giả tò mò và suy nghĩ thêm.

Ghi chú

(1) Thực ra, cho đến nay vẫn chưa ai biết rõ năm ra đời của *Truyện Kiều*. *Truyện Kiều*, như chúng ta đều biết, bắt nguồn từ *Kim Vân Kiều Truyện* của tác giả Thanh Tâm Tài Nhân, kể lại một câu chuyện tình có thật giữa Vương Thúy Kiều và Từ Hải xảy ra vào thời nhà Minh bên Trung Quốc. Căn cứ vào câu chuyện này, Nguyễn Du đã sáng tác ra cuốn truyện Nôm có tựa đề là *Đoạn Trường Tân Thanh*. Bản gốc bằng chữ Nôm do chính tay Nguyễn Du viết đã thất truyền. Sau đó Tiến sĩ Phạm Quí Thích (1760-1825), một bạn thân của Nguyễn Du, đem khắc in đổi tên là *Kim Vân Kiều Tân Truyện*. Bản của Phạm Qúy Thích cũng không còn nữa. Sau này, hai nhà biên khảo Trần Trọng Kim và Bùi Kỷ đổi gọi là *Truyện Thúy Kiều*. Thi sĩ Tản Đà Nguyễn Khắc Hiếu sau này đổi tên là *Vương Thúy Kiều Chú Giải Tân Truyện*. Tuy nhiên, trong dân gian, người ta quen gọi là *Truyện Kiều*, và tựa đề này sẽ được dùng xuyên suốt trong bài viết này.

(2) Nguyễn Du, hiệu là Tố Như, Thanh Hiên, quê quán tại làng Tiên Điền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh. Cụ sinh năm 1766, tức năm Aất Dậu, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 26 đời Lê, và qua đời vào năm 1820 vì bệnh dịch tả. Có vài bằng chứng cho rằng cụ là hậu duệ hay có cùng dòng dõi với Nguyễn Trãi, tác giả của *Quốc Âm Thi Thập*.

(3) Địa chỉ trang *Văn Học Việt Nam* trên liên mạng (internet) của Trần Duy Trác tại www.vhvn.com

(4) VIQR là một kiểu chữ cho bưu tín, mà trong đó các dấu được mô phỏng theo bàn phím computer và chiếm một vị trí như một mẫu tự chính.

(5) Để hiểu ý nghĩa của chỉ số lệch tiêu chuẩn này, xin lấy một ví dụ sau đây như một lời giải thích. Giả sử ta có ba dãy số như sau: (a) 5, 5, 5, 5, 5; (b) 5, 4, 5, 5, 6; và (c) 2, 1, 1, 3, 18. Cả ba dãy số này đều có chỉ số trung bình là 5. Tuy nhiên, sự phân phối của các dãy số này khác nhau, vì quan sát kỹ qua những con số trong từng dãy số cho thấy mức độ biến thể hay "di động" của chúng rất khác nhau. Trong dãy số (a), hoàn toàn không có biến thể; trong dãy (b), mức độ biến thể tương đối thấp vì các con số phân phối chung quanh 4 và 6; và trong dãy (c), mức độ biến thể rất cao, đi từ 1 đến 18. Chỉ số lệch tiêu chuẩn dùng để đo mức độ biến thiên này. Công thức dùng để tính chỉ số lệch tiêu chuẩn là như sau: sqrt [[(x1 - m)2 + (x2 - m)2 + (x3 - m)2 + ... + (xn - m)2] / (n-1)]]; trong đó "sqrt" có nghĩa là căn số bậc hai, x1, x2, x3, ... , xn là những con số riêng lẻ trong một dãy số, *n* là số lượng con số trong một dãy số, và *m* là số trung bình. Ví dụ như trong dãy số (c), ta tính như sau: sqrt[[(2-5)2 + (1-5)2 + (1-5)2 + (3-5)2 + (18-5)2] / (5-1)]] = 7.3; trong dãy (b) sqrt[[(5-5)2 + (4-5)2 + (5-5)2 + (5-5)2 + (6-5)2] / (5-1)]] = 0.71; và trong dãy (a), dĩ nhiên chỉ số lệch tiêu chuẩn là 0, vì các con số trong đó bất biến.

(6) Theo ông Đào Thái Tôn, Viện Hán Nôm (Việt Nam), thì Truyện Kiều theo bản Kinh có 3258 câu; bản Phường có 3254 câu (xem Tạp chí Văn Học, số tháng 11 năm 1998).

(7) Về phân định nguyên âm và phụ âm, xin xem sách "Ngôn ngữ thơ" của Nguyễn Phan Cảnh, Nhà xuất bản Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, Hà Nội, 1987, trang 126. Tuy nhiên, việc phân định này hình như bắt nguồn từ công trình nghiên cứu ngữ học Việt Nam của Linh mục Lê Văn Lý trong "*Ngôn ngữ Việt Nam, cấu trúc âm thanh và hình thái xét theo chức năng của Việt Ngữ*," Sài Gòn: Tủ sách Viện khảo cổ, số 1, Bộ Quốc gia Giáo dục, 1960.

(8) *Từ Điển Truyện Kiều* của Đào Duy Anh. Không thấy đề nhà xuất bản hay năm ấn hành, nhưng theo lời tựa (viết vào tháng 12 năm 1971) thì sách được hoàn thành vào tháng 11 năm 1965.

Ghi chú của Tòa soạn:

Vì các bảng thống kê đi với bài viết khá phức tạp, có thể quá chuyên môn đối với đa số bạn đọc nên chúng tôi không in theo bài. Tuy nhiên, bạn đọc nào cần, xin viết thư về Tòa soạn, chúng tôi sẽ gửi các thống kê đó đến quý vị để tiện làm tài liệu tham khảo.

CHỨNG NHÂN LỊCH SỬ

Cụ LÊ VĂN LÂU trả lời câu hỏi:

AI TÀI TRỢ CHO PHÁP TRONG CHIẾN TRANH ĐÔNG DƯƠNG?

Phỏng vấn do THỤY KHUÊ *thực hiện*

Chiến tranh Đông Dương có thể coi như đã khởi nguồn từ ngày 24/3/1945, ngày mà tướng de Gaulle tuyên bố: Đông Dương sẽ là một khối các quốc gia liên kết (Etats associés) gồm Miên, Lào và Việt Nam với Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ, được coi như "năm nước" có quy chế tự trị, đặt dưới quyền một viên Cao Ủy Toàn Quyền, đại diện cho nước Pháp.

Ngày 16/8/1945, Pháp cử Đô Đốc d'Argenlieu làm Cao Ủy Pháp tại Đông Dương và tướng Leclerc làm Tổng Tư Lệnh quân đội viễn chinh Pháp.

Đầu tháng 10 năm 1945, tướng Leclerc đến Sài Gòn tuyên bố sẽ bình định Nam Bộ (1). Chiến tranh Việt Pháp chính thức bùng nổ.

*

Cuộc chiến ấy đã tốn kém bao nhiêu tiền?

Về phía Pháp, Jacques Despuech, trong cuốn *Le trafic des piastres* (Buôn Lậu Tiền Đồng) do nhà xuất bản Deux Rives phát hành tại Paris năm 1953, cho biết như sau:

"Những chi phí của chiến tranh từ 1945 mỗi ngày một đè nặng trên ngân quỹ thường niên của Pháp (theo B.E.I.C. (2), trang 82). Những phí tổn hàng năm của nước Pháp cho đạo quân viễn chinh được ghi nhận một cách chính thức, là:

3 tỷ quan trong năm 1945
27 tỷ 1946
53 tỷ 1947
89 tỷ 1948
130 tỷ 1949
201 tỷ 1950
308 tỷ 1951

Tổn thất này tương đương với một phần ba ngân quỹ quốc gia Pháp. Dự đoán lạc quan nhất (tức là ít nhất) cho năm 1952, là 535 tỷ quan. Tổng cộng những tổn thất (nhà nước Pháp) thú nhận là vào khoảng 1.600 tỷ quan. Thật ra, những chi phí thực sự còn cao hơn nhiều, nó vượt quá con số vừa nêu khoảng 800 tỷ." (trích trang 31)

Trước khi đi xa hơn, chúng tôi xin mở ngoặc nói về giá trị tiền quan Pháp trong thời kỳ này. Đây là thời kỳ 45-53, Pháp dùng đồng quan nhẹ còn gọi là quan cũ (đồng quan cũ được lưu dụng đến ngày 29/12/1958. Khi tướng de Gaulle đắc cử tổng thống ngày 21/12/1958, chính phủ Pháp quyết định thay đồng quan cũ bằng đồng quan mới, còn gọi là quan nặng. Một đồng quan mới trị giá 100 đồng quan cũ và đồng quan mới vẫn tồn tại đến ngày nay).

Ở thời điểm 45-53, chính phủ Pháp quy định 1 đồng piastre tức là 1 đồng Việt Nam, trị giá 17 quan Pháp. Trong suốt bộ tài liệu này, chúng tôi nói đến đồng quan cũ và đồng piastre.

Jacques Despuech là một cựu chiến binh, chiến đấu tại Đông Dương. Ông đã nhìn thấy những cái chết thảm khốc của đồng đội trên các mặt trận từ Nam ra Bắc. Trở lại Pháp, Jacques Despuech muốn đánh động dư luận về một "sự thật" mà theo ông, nếu chính quyền Pháp chận đứng hệ thống buôn lậu tiền đồng thì có thể chiến tranh đã chấm dứt. Trong bốn năm, Despuech đã xông xáo vào các cửa quyền, tìm tài liệu và viết cuốn sách này.

Le trafic des piastres là một cuốn sách đúng đắn về mặt thống kê, về cách đưa tài liệu và các con số. Nhưng nó chỉ phản ảnh quan niệm của một người Pháp trên những vấn đề mà tác giả nêu ra.

Về câu hỏi: *Ai chi phí cho chiến tranh Đông*

Dương, chúng ta có thể dựa vào tài liệu của Jacques Despuech để thấy, từ phía Pháp, người ta đã nhìn vấn đề như thế nào. Jacques Despuech viết:

"Dĩ nhiên những phí tổn mà Pháp phải chịu đựng đã đem lại một sự phồn thịnh tương đối cho kinh tế của các quốc gia trong Liên Hiệp Pháp (tức là Việt, Miên, Lào). Từ sự nghiên cứu những dữ kiện khác nhau, nẩy ra một sự kiện không thể chối cãi được là nước Pháp đã một mình chịu hết gánh nặng chi phí về chiến tranh Đông Dương. Bởi vì nước Việt Nam, không có của cải, không có ngân quỹ, nên không thể tài trợ một đồng nào cho cố gắng của Pháp về phương diện này." (trang 32)

Sự thật có đúng như vậy không?

Hôm nay, chúng tôi muốn giới thiệu một nhân chứng về phía Việt Nam, cụ Lê Văn Lâu (sinh ngày 1/6/1911 tại Sài Gòn), người đã làm việc tại Pháp Hoa Ngân Hàng trong 22 năm, đã lần lượt giữ các chức *Secrétaire Général attaché auprès du Président Directeur Général*, Tổng Thư Ký trực thuộc Tổng Giám Đốc, trước năm 1950, rồi Fondé de pouvoir - Quyền Quản Trị của Pháp Hoa Ngân Hàng từ 1950 đến 1959. Ở thời điểm đó chỉ có cụ Lâu và ông Tổng Giám Đốc là có chìa khóa mở code mật của ngân hàng. Cụ Lê Văn Lâu sẽ cho biết ai đã tài trợ cho Pháp trong chiến tranh Đông Dương.

Trong gần nửa thế kỷ, cụ Lê Văn Lâu đã im lặng về vấn đề này. Hôm nay, ở tuổi 90, cụ đang soạn cuốn hồi ký và cụ đã vui lòng dành cho chúng tôi những tiết lộ đầu tiên về hoạt động của ngân hàng Pháp Hoa, Banque Franco Chinoise, tại Việt Nam trong thời kỳ mà cụ làm việc tức là từ ngày 1/10/1937 cho tới ngày 31/12/1959.

Nhân chứng của cụ Lê Văn Lâu đối lập với version chính thức của chính phủ Pháp và chứng tỏ một điều quan trọng: Ngân hàng Pháp Hoa không những kiếm lời trên sức lao động và thổ sản của người dân thuộc địa, mà còn dùng đồng tiền lời ấy để chi phí cho chiến tranh xâm lược. Điều này khiến những ai "nghiên cứu lịch sử" chỉ chú trọng đến tài liệu của Pháp mà không chú ý tìm hiểu những nhân chứng Việt Nam, nên thận trọng.

Những buổi nói chuyện này đã được phát thanh trên đài RFI vào những ngày 30 tháng 9, 7 và 14 tháng 10 năm 2000. Chúng tôi xin ghi lại toàn bộ tài liệu này để gửi đến độc giả *Thế Kỷ 21*. **T.K.**

*

I. Pháp Hoa Ngân Hàng tài trợ cho chiến tranh Đông Dương

Thụy Khuê: *Thưa bác Lê Văn Lâu, trước hết, xin bác trả lời thẳng vào câu hỏi chính mà có lẽ cho tới nay chưa có tài liệu nào nói thẳng và nói thật về vấn đề này, đó là: Ai tài trợ cho Pháp trong chiến tranh Đông Dương, chủ yếu là chiến tranh Việt Pháp từ 1945 đến 1954?*

Lê Văn Lâu: Thưa bà, tôi xin trả lời, đi ngược lợi thời gian, năm 1953, có một hôm ban quản trị của Pháp Hoa Ngân Hàng, Banque Franco Chinoise, được lịnh nhóm. Mỗi lần nhóm như thế thì thành phần những người đi dự là những ông chủ của mấy hãng lớn tại Sài Gòn thời đó. Họ là chủ nhà băng, chủ đồn điền v.v... ở trong tổ chức thương mại của ngân hàng. Họ họp lại để tính sổ, tùy theo số sản xuất, buôn bán lời lãi mỗi năm bao nhiêu, chia thành phần, đặng mà dùng tiền lời dư ra để trả tiền đánh Việt Minh. Ông chủ tịch ban quản trị mới cho hay như thế này: Ông de Lattre de Tassigny vừa gọi điện thoại, xin phải đưa cho ông ấy thêm 150 triệu đồng nữa lúc đó giá gạo mỗi kí lô lối năm cắc, tám cắc, chứ không nhiều- 150 triệu nữa đặng để mà đánh Việt Minh, thì mấy người chủ hãng, chủ ngân hàng đó, họ nhao nhao lên, họ bất đồng ý kiến, họ không chịu.

TK: Thưa bác, tiền mà bác vừa nói đó là đồng tiền Việt Nam hay đồng tiền franc?

LVL: Đồng Việt Nam, piastre đó. Họ mới nói như vầy: Mình trả tiền cho de Lattre de Tassigny và quân lính Pháp đánh Việt Minh, từ ngày mà người Pháp trở lại Việt Nam, là hồi ông đại tướng Leclerc qua cho tới bây giờ, mỗi tháng mình phải trả mấy trăm triệu như thế, mà trả tiếp tục cho đến bây giờ là [năm] 53 rồi mà không ăn thua gì hết thì thôi, không có cho nữa, tại chỗ đó nên...

TK: Thưa bác, xin ngắt lời bác, đó là sự giả lời của hội đồng quản trị nhà băng. Nhưng hội đồng quản trị nhà băng đó gồm những người Pháp hay có cả người Việt nữa?

LVL: Không, không, người Pháp không, chỉ người Pháp không. Sở dĩ có tôi ở trong đó là bởi vì tôi có bổn phận phải ghi lại, để sao lại mà biên cái procès-verbal (biên bản) cho rõ ràng.

TK: Thưa bác, lúc đó chức vụ chính thức của bác là gì?

LVL: Thưa bà, hồi đó tôi là tôi không biết tiếng Việt kêu ra sao- fondé de pouvoir, thành thử ra vì chỗ đó mà mấy chuyện xẩy ra tôi biết rõ là vậy. Họ nói những gì? Họ nói: thôi thì ông Lâu coi lại tiền cho ông de Lattre de Tassigny đánh Việt Minh còn bao nhiêu? Tôi bây giờ thì lâu quá rồi, không nhớ rõ bao nhiêu, có đều là không còn bao nhiêu, tôi nói chắc có lẽ nhiều lắm là độ một hai tháng nữa là hết bởi vì xài nhiều quá đi, mỗi tháng cả mấy trăm triệu, làm sao mà có đủ. Sau cùng họ mới nói rằng: thôi thì dứt khoát tư tưởng, không cho nữa, tới đâu hay đó. Vì chỗ đó mà chúng tôi biết được Điện Biên Phủ sẽ chấm dứt trước đó vài tháng, Điện Biên Phủ 54- thì 53 chúng tôi đã biết trước rằng sẽ hết.

TK: Thưa bác, như vậy là chúng ta có thể tóm tắt được đại ý câu nói của bác: Nếu Pháp Hoa Ngân Hàng không chịu chi tiền nữa thì chiến tranh Việt Pháp sớm muộn sẽ phải chấm dứt vào khoảng 53.

LVL: Đúng, 53. Song vì còn dư chút đỉnh tiền thì chúng nó nói: thôi đã lỡ đưa ra rồi thì cứ xài hết. Có ăn được Việt Minh thì ăn, không ăn được thì thôi vậy. Thưa bà, ở chỗ đó cũng có một chuyện cần phải nói ra là sau đó thì con ông de Lattre chết, ông de Lattre buồn rầu ông cũng chết theo. Một hôm ở Paris đánh điện cho bên Pháp Hoa Ngân Hàng ở Sài Gòn biết rằng ông de Lattre đã mất. Được điện đó, chính tôi mở ra, thấy vậy tôi mới cho ông chủ ngân hàng Pháp Hoa ở Sài Gòn hay, ông trả lời de Lattre chết đi thì thằng khác thế chứ không có gì phải lo.

TK: Thưa bác, xin bác nói rõ về tổ chức của Pháp Hoa Ngân Hàng. Thưa bác, tại sao lại có tên là Pháp Hoa Ngân Hàng và những liên hệ của ngân hàng này với ngân hàng Banque de Paris et des Pays Bas là như thế nào?

LVL: Thưa bà, tại sao lại gọi là Pháp Hoa Ngân Hàng (3), Banque Franco Chinoise? Chuyện đó nó như thế này: Chúng ta đừng quên rằng hoạt động về kinh tế và thương mãi của người Hoa ở Việt Nam mình, từ hồi trước cũng như thể bây giờ, đều hết sức là quan trọng. Pháp Hoa Ngân Hàng trực thuộc vào ngân hàng mẹ là Banque de Paris et des Pays Bas, gọi là PARIBAS.

Tại sao gọi là Pháp Hoa Ngân Hàng? Gọi là Pháp Hoa Ngân Hàng bởi vì vốn của họ chia ra như thế này: 51% của người Pháp, 49% của người Tàu. Trụ sở trung ương của Pháp Hoa Ngân Hàng hiện bây giờ cũng còn ở quận 9, Paris, 74 đường Saint Lazare, gần nhà thờ Trinité. Trong ban quản trị Pháp Hoa Ngân Hàng, người đứng đầu đại diện cho người Hoa, không ai khác hơn là một trong những người em hay anh của bà Tưởng Giới Thạch (Tống Mỹ Linh). Trong thời gian mà chúng tôi cộng sự với Pháp Hoa Ngân Hàng, thì người đại diện của Pháp Hoa Ngân Hàng tại Đông Dương Lào, Cao Miên và Việt Nam- là ông Marc Bénignus. Marc Bénignus là Tổng Giám Đốc của Pháp Hoa Ngân Hàng từ 1937 đến 1954.

Phần tôi, khi ông Marc Bénignus nhậm chức ở Pháp Hoa Ngân Hàng, thì hai tháng sau tôi vô làm liền, dưới quyền của ổng; tôi vào cộng sự với Pháp Hoa Ngân Hàng từ 1937 tới 1959, nghĩa là 22 năm.

TK: Thưa bác, cá nhân ông Marc Benignus, Tổng Giám Đốc Pháp Hoa Ngân Hàng là người như thế nào?

LVL: Marc Benignus là một người, trước hết là protestant, ông theo đạo Tin Lành. Ngoài vấn đề làm việc ra, ông có một tư cách hết sức là đúng đắn với người Việt trong khoảng thời gian đó. Nhất là ông tìm hiểu thêm về đất nước Việt Nam và con người Việt Nam. Tôi được cái hân hạnh mỗi khi có chuyện chi dính dấp đến Việt Nam, ông đều hỏi ý kiến rồi chúng tôi lại bàn rộng thêm ra, cái nào mà tôi hiểu thì tôi nói, có nhiều khi cũng có thể chạm lòng tự ái của ông là một người Pháp, song ông không lấy vấn đề đó để làm phiền hay cái chi. Vì chỗ đó mà chúng tôi làm việc trong hai mươi mấy năm trường, sau đó hai gia đình trở thành bạn thân, bạn thân đến đỗi là ông với bà Bênignus, khi không còn làm nữa, trở về Pháp và trong lúc đó gia đình chúng tôi cũng sang Pháp, thì ông cũng ở gần chỗ chúng tôi ở; thỉnh thoảng ông gọi điện thoại mời tôi: bữa nào anh rảnh, anh cho tôi biết, tôi lợi thăm anh; bởi vì tôi ở gần tour Eiffel, sáng bữa nào tôi cũng lợi đó, tôi đem sách lại tôi xem, tụi mình ngồi nói chuyện rồi bàn này kia bởi vì trong khoảng thời gian hai mươi mấy năm ở Việt Nam, không có ngày giờ mà xem báo, xem sách, không có ngày giờ mà trao đổi ý kiến gì hết. Chúng tôi đã trở nên bạn thân đến mức đó.

TK: Thưa bác, cũng thời gian đó ở Việt Nam còn có một ngân hàng khác không kém phần quan trọng, đó là Đông Dương Ngân Hàng. Vậy xin bác cho biết Đông Đương Ngân Hàng có một vai trò như thế nào so với Pháp Hoa Ngân

Hàng?

LVL: Tôi xin giải thích về hoạt động của hai ngân hàng quan trọng nhất ở Việt Nam trước đây nửa thế kỷ. Trước hết là Đông Dương Ngân Hàng gọi là Banque de l'Indochine và kế đó là Pháp Hoa Ngân Hàng tức là Banque Franco Chinoise. Trong tổ chức của người Pháp lúc đó thì Đông Dương Ngân Hàng, Banque de l'Indochine, chỉ có trách nhiệm là in tiền, in bạc ở Việt Nam thôi, người Pháp họ gọi là banque d'émission, phát hành tiền. Ngoài ra, nếu như thể có những hoạt động về kinh tế hay lý tài gì khác, thì một phần nhỏ nhen chứ không lớn lao, không quan trọng bằng Pháp Hoa Ngân Hàng.

II. Những hoạt động của Pháp Hoa Ngân Hàng

TK: Xin bác nói về những hoạt động của Pháp Hoa Ngân Hàng tại Đông Dương, vì nếu chúng ta biết rõ được những hoạt động của Pháp Hoa Ngân Hàng thì chúng ta có thể hiểu được tại sao họ lại có thể tài trợ cho chiến tranh Đông Dương.

LVL: Tôi có biên ra đây tất cả mọi hoạt động của ngân hàng Pháp Hoa. Thưa bà, tôi xin nói trở lại tất cả những hoạt động của ngân hàng Pháp Hoa tại Sài Gòn lúc đó. Muốn cho dễ hiểu, tôi xin chia làm nhiều phần, để đặng nói từng hãng một.

Phần thứ nhứt là về agriculture, canh nông về cao su, về ruộng, (agriculture, hévéaculture, riziculture) thì có những công ty này:

- *Compagnie des thés et cafés du Kontum* (C.A.T.E.C.K.A), cái này ở tại Kontum, miền Trung;

- *Société Indochinoise de plantation d'hévéas de Xuân Lộc.* Đồn điền cao su này lớn lắm, trên 350 mẫu, luôn trọn 350 mẫu chứ không chia từ khúc, từ khúc, ở tại Xuân Lộc, cách Sài Gòn 150 cây số;

- *Société rizicole de Battambang.* Đồn điền này ở trên Battambang, Cao Miên, 3000 mẫu, gần Thái Lan. Đây là đồn điền thứ nhứt dùng máy móc. Họ trồng lúa và xuất cảng gạo, kêu bằng gạo *de luxe*, thượng hạng, để gởi qua Pháp lấy tên là "Riz Apsara." Apsara là tên một vị thần người Cao Miên. Ông chủ hãng này là một kỹ sư canh nông tên là Pujol, ông lấy cái giống lúa đó đem về Pháp và cũng nhờ cái giống lúa gây ở Việt Nam, đem về, ông cấy ở Camargue.

- *Société foncière et rizicole de Sóc Trăng.* Sau khi Pháp thua Đức ở Âu Châu, Battambang bị quân đội Thái Lan chiếm. Mà chính phủ Thái Lan lúc đó là đồng minh của Trục Đức-Ý-Nhật, hãng *Société rizicole de Battambang* bó buộc phải trở về Việt Nam, họ mới dọn tất cả cái đó về Sóc Trăng. Đó là khoản thứ nhứt.

TK: Bây giờ xin bác nói về những hoạt động khác của Pháp Hoa Ngân Hàng, trước hết là vấn đề bất động sản.

LVL: Vấn đề bất động sản (immobilier) thì có hai công ty hết sức lớn là:

- *Compagnie Générale Immobilière* gọi tắt là COGISA, công ty này có nhà cửa, đất cát, ruộng nương quan trọng ở Việt Nam, Lào và Cao Miên và mấy xứ khác bên Afrique và ở bên Pháp nữa.

- Thứ nhì là *Société Chine Indochine Immobilière* gọi tắt là CHININDO, có nhà cửa ở bên Tàu và vài cái villa ở Sài Gòn. Đó là hoạt động của Pháp Hoa Ngân Hàng về bất động sản.

TK: Thưa bác, còn về ngành chuyên chở công cộng cũng như là vận tải lương thực và dụng cụ chiến tranh, thì Pháp Hoa Ngân Hàng cũng có một vai trò khá quan trọng?

LVL: Tôi xin đề cập đến vấn đề chuyên chở công cộng. Trước hết là *Compagnie de Chemin de Fer de Yunan,* Công Ty Hỏa Xa Vân Nam có một đường từ Hải Phòng xuyên qua Hà Nội đến Đồng Đăng hết sức quan trọng. Đường này dùng để vận tải lương thực và những khí cụ chiến tranh từ Việt Nam sang Trung Quốc. Vì thế khi người Nhật chiếm Trung Quốc rồi, thì họ khóa chặt con đường xe lửa nối liền Hải Phòng đến Đồng Đăng. Vấn đề này tôi biết rõ bởi vì chính tôi đứng ra để chỉ huy các cuộc vận tải sang Trung Quốc. Pháp Hoa Ngân Hàng buộc tôi phải giao luôn qua bên Trung Quốc, song tôi không bằng lòng, tôi không chấp thuận chở đồ qua bên Trung Quốc mà tôi chỉ đi tới Đồng Đăng là cái ải chót của nước Việt Nam. Do đó mấy người có trách nhiệm thu những đồ mà tôi vận tải, phải có mặt ở Đồng Đăng để lãnh.

TK: Về những phương tiện giao thông và chuyên chở khác thì Pháp Hoa Ngân Hàng còn có những gì nữa, thưa bác?

LVL: *Compagnie Indochinoise de Messageries Automobiles* nói tắt là C.I.M.A, Công Ty Vận Tải Đông Đương bằng xe hơi. Công ty này chỉ chở đồ từ Việt Nam qua Lào mà thôi. Tại sao làm như thế? Bởi vì nước Lào một bên là Việt

Nam, một bên là nước Xiêm, nước Lào không có ngõ ra biển. Thành ra họ phải làm cái *téléphérique* mới đi được. Và cái téléphérique đó đi từ Việt Nam sang Savanakhet đi qua Đông Hà. Le Laos n'ayant pas de porte de sortie sur la Mer de Chine est coincé à l'intérieur par le Vietnam, tại chỗ đó mà Banque Franco Chinoise mới làm một con đường téléphérique, có lẽ là con đường téléphérique đầu tiên, cái này cũng là bộn tiền. Nó (Pháp Hoa Ngân Hàng) hoạt động như thế thì làm sao Đông Dương Ngân Hàng làm nổi mấy chuyện đó.

TK: Thưa bác, tóm lại có thể nói là Pháp Hoa Ngân Hàng có một hoạt động kinh tài cho chiến tranh trên toàn cõi Đông Dương.

LVL: Đúng như thế. Về cái này tôi nói rõ hơn, có một cái gọi là *Compagnie Nouvelle de Messageries Automobiles.* Cái này, hồi khởi sự làm năm 1938, họ dấu tôi, họ không nói tại làm sao mà có cái vụ này, có cái hãng này. Một năm sau, họ bó buộc, phải nói sự thật cho tôi biết, chứ không tôi đâu có biết gì mà tôi làm. Công ty này tiếp nối với con đường xe lửa Đồng Đăng đã nói ở trên.

Còn một hãng nữa là *Société de transport du Centre d'Annam,* STACA, Hãng Chuyên Chở Trung Kỳ. Cái này ở Nha Trang. STACA trụ sở ở tại Nha Trang song quản trị trung ương thì ở Sài Gòn. Hãng này chỉ lo chở đồ đạc và hành khách Nha Trang - Sài Gòn và Sài Gòn - Nha Trang mà thôi, mà cũng là đại diện cho hãng Renault ở Trung Việt. Tôi xin nói tiếp chỗ này là cái sức bành trướng của Pháp Hoa Ngân Hàng như thế nào ở tại Nha Trang. Những người Việt Nam có xe hàng chuyên chở riêng không thể nào cạnh tranh với STACA được, thành thử ra họ bó buộc phải đi làm cho hãng STACA. Nó dành hết, nó không cho mình hoạt động gì hết. Mình trở lại làm chauffeur cho nó.

LƯU NGUYỄN

MAI NÀY TA SẼ RA ĐI

Mai này ta sẽ ra đi
người ơi có nhớ, có gì nhắn không
trăm năm mây trắng bềnh bồng
về nơi đã đến mà lòng thảnh thơi.

Mai này ta sẽ ra đi
đừng thương tiếc, bởi có gì tiếc đâu
ở vui, đi cũng chẳng sầu
đời cho quá hậu cơ cầu làm chi.

Mai này ta sẽ ra đi
không ưa người sẽ cười khì hả hê
cười đi, một trận thỏa thuê
rồi vui với cuộc mải mê dòng đời.

Mai này ta sẽ ra đi
bạn thương bạn uống hộ ly rượu mừng
mừng cho bằng hữu thủy chung
câu thơ ta viết nửa chừng - bạn ngâm.

Mai này ta sẽ ra đi
dầu ân nghĩa nặng từ khi quen người
không bên nhau trọn cuộc đời
thì xin gởi lại một trời ái ân.

Mai này ta sẽ ra đi
trăm năm cũng thế có gì khác đâu.

Còn vụ Biển Hồ nữa. Vấn đề Biển Hồ, Tonlésap là như thế này: Có thể nói nó "mua" Biển Hồ. Thủa đó, ở Biển Hồ có nhiều cá lắm. Muốn khai thác Biển Hồ phải là người Cao Miên mới được. Thành ra Pháp Hoa Ngân Hàng tìm được một người, anh đó làm việc cho Pháp Hoa tại Nam Vang. Anh ấy mới đứng ra cho Pháp Hoa mượn tên anh để khai thác Biển Hồ. Khi tới mùa cá đổ xuống, thì ảnh lo công chuyện đó, bán cá rồi thì số tiền bán cá ở Biển Hồ, anh trao lại cho Pháp Hoa Ngân Hàng.

III. Vai trò của Pháp Hoa Ngân Hàng trong lãnh vực thông tin

TK: Thưa bác, bây giờ xin bác đề cập đến vai trò của Pháp Hoa Ngân Hàng trong lãnh vực thông tin đại chúng.

LVL: Thưa, trước hết là vấn đề thông tin, information, nó hết sức quan trọng, tôi sẽ cắt nghĩa sau này, tại làm sao quan trọng. Có một hãng của Pháp Hoa Ngân Hàng tên là *Société Indochinoise de Radiodiffusion* viết tắt là SIRD. Hồi đó gọi là Radio Saigon. Radio Saigon có trách nhiệm quản trị đài phát thanh của chánh phủ Pháp tại Đông Dương. Kế đó là *Agence Havas d'Extrême Orient.* Hãng này chỉ chuyên môn làm quảng cáo. Kế đó là *Société Indépendante Luminescence et Radio* gọi tắt là S.I.L.E.R với một cái nhánh là Tân Việt Nam Thương Xã. Hãng SILER này độc quyền nhập cảng máy hiệu Philips ở bên Pháp và bên Hòa Lan. Sau nữa là *Société Indépendante de Photo d'Extrême Orient,* S.I.P.E.O. Hãng này đại diện cho Kodak và Piano Pleyel. Kế nữa là *Société Indochinoise Films et Cinémas I.F.E.C,* có những rạp chiếu bóng quan trọng nhất ở Việt Nam, ở Lào và ở Cao Miên.

TK: Thưa bác, xin bác trở lại vai trò của đài phát thanh Sài Gòn dưới sự điều khiển của Pháp Hoa Ngân Hàng thời đó.

LVL: Vấn đề đài phát thanh Sài Gòn lúc đó kêu là Radio Saigon thì hết sức quan trọng. Quan trọng bởi vì, trước hết lúc đó không có télévision, không có truyền hình, Radio Saigon được độc quyền, muốn nói cái chi nó nói. Đến chỗ là nó cho một người chuyên môn về phát thanh ở bên Pháp qua. Người đó tên là Jacques Le Bourgeois. Qua rồi ổng viết một quyển sách kêu bằng "Saigon Sans La France" (des Japonais aux Viet Minh), xuất bản ở nhà Plon, năm 1949, mà tôi có một bổn, trong đó ông ta nói chuyện từ ngày Pháp cai trị cho đến khi Pháp không còn cai trị nữa thì nó như thế nào. Ông binh vực nước ông.

TK: Thưa bác, như trên bác đã nói là vai trò của đài phát thanh Sài Gòn lúc đó rất quan trọng, vậy xin bác giải thích rõ hơn về đường lối hoạt động chính trị của đài thánh thanh Sài Gòn ở thời điểm đó.

LVL: Vấn đề truyền thanh trong khoảng thời gian đó hết sức quan trọng là như thế này. Nếu ngược dòng lịch sử thì chúng ta nhớ rằng: nước Pháp lúc đó đã thua trận, trong thế chiến thứ hai. Người cầm đầu nước Pháp lúc đó là Thống Chế Pétain và thủ tướng của ông là Pierre Laval. Lúc đó ông de Gaulle không chấp thuận đường lối chính trị của Thống Chế Pétain nên ông đã đi qua Londres và lập một chánh phủ lưu vong, ở tại Londres. Chúng tôi, ở trong Pháp Hoa Ngân Hàng, được lịnh của ông Tổng Giám Đốc Banque de Paris et des Pays Bas là ông Marc Langlois Bertholet...

TK: Xin phép bác để nhắc lại với quý vị thính giả và độc giả là Marc Langlois Bertholet là Tổng Giám Đốc của ngân hàng Paris et des Pays Bas và ngân hàng này là ngân hàng mẹ của Pháp Hoa Ngân Hàng.

LVL: Marc Langlois Berthelot cho biết rằng tình trạng chính trị của nước Pháp trong lúc đó tại Việt Nam hết sức khó khăn, chúng ta nên thận trọng. Ban quản trị Pháp Hoa Ngân Hàng ở tại Paris ra lệnh hết sức gắt gao trên đường lối chính trị cũng như kinh tế và lý tài của Pháp Hoa Ngân Hàng tại Đông Dương. Tại làm sao có chuyện đó, bởi vì Pháp Hoa Ngân Hàng lúc đó đứng vào một tình thế có thể gọi là, nói bế tắc thì không phải bế tắc, song một bên muốn làm vừa lòng chính phủ Pháp dưới quyền Thống Chế Pétain, một bên muốn làm vừa lòng cho cuộc hoạt động không ngừng của Pháp Hoa Ngân Hàng tại Đông Dương. Tại chỗ đó nên có thể nói rằng Pháp Hoa Ngân Hàng đi hai chưn. Một chưn làm vui lòng cho Pháp, bên Pháp; một chưn làm vui lòng cho tất cả những người ở bên Việt Nam. Pháp Hoa Ngân Hàng ở Paris mới cho biết rằng: Chúng ta phải thận trọng trong chuyện đối xử với những người Việt Nam yêu nước và họ cũng biết rằng lúc đó những người Việt Nam yêu nước đã có mặt tại Sài Gòn rồi. Những người cách mạng có mặt tại Sài Gòn không phải chỉ là bên Việt Minh không, mà có cả những người ở trong những tổ chức quốc gia khác; thành ra ở Sài Gòn phải coi chừng những người đó, có cái chi cho biết họ hoạt động chính trị chống Pháp thì phải cho ban quản trị ở Sài Gòn biết liền, để ban quản trị ở Sài Gòn tìm cách giải quyết tại chỗ trước khi hỏi ý kiến Paris.

TK: Thưa bác, trước những lệnh từ Paris như vậy và trước tình trạng khó khăn ấy, thì ban quản trị Pháp Hoa Ngân Hàng, nhất là ông Marc Bénignus, Tổng Giám Đốc Pháp Hoa Ngân Hàng, đã xử sự như thế nào?

LVL: Đứng trước tình trạng khó xử về phát thanh muốn làm vừa lòng Pháp và làm vừa

lòng cho tất cả dân chúng Việt Nam, thì ông Marc Bénignus không biết làm cách nào, ông mới thành lập một cái ủy ban chuyên môn coi về phát thanh, ở trong đó chia ra nhiều phần:

Phát thanh về tiếng Pháp, dưới quyền điều khiển của ông Marc Bénignus.

Phát thanh về tiếng Trung Hoa và tiếng quan thoại thì của ông Comte de Kermadec, một người Pháp breton, lấy vợ là một công chúa Mông Cổ, đã 20 năm làm cố vấn văn hóa cho tòa đại sứ Pháp ở Bắc Kinh. Ông là một người có văn hóa cao.

Và tiếng Việt Nam là phần của chúng tôi. Lẽ tất nhiên có phần phát thanh bằng tiếng Anh song không quan trọng lắm nên chúng tôi không đề cập tới ở đây. Ủy ban đó, trước hết phải nghe. Và mỗi ngày, trước khi phát thanh, ủy ban đó, trong đó có tôi, được quyền coi trước và nghe trước; nếu như thể có cái chi không có lợi cho đường lối làm việc của Pháp Hoa Ngân Hàng thì chúng tôi cắt. Vì chỗ đó mà có nhiều khi ở trong ban quản trị, phần đông có mặt không đồng ý với tôi, mà không phải một ngày, một lần, mà nhiều lần như thế. Phần tôi thì tội binh vực đường lối của người Việt Nam. Còn họ, thì họ binh vực quyền lợi của nước Pháp.

TK: Thưa bác, đứng ở địa vị một người Việt Nam làm việc với Pháp Hoa Ngân Hàng trong trường hợp đó và làm việc với đài phát thanh Sài Gòn trong trường hợp đó, thì tâm cảm bác như thế nào?

LVL: Riêng phần tôi, cán bộ trong mấy mươi năm của Pháp Hoa Ngân Hàng, tôi đứng trước một chuyện khó xử. Tôi đứng trước tình cảnh hết sức khó khăn, không biết làm sao để binh vực cho những người quốc gia, cũng như Việt Minh yêu nước, để mà, nếu như họ có bị làm khó dễ, bị bắt, thì có thể giúp họ đặng họ tránh khỏi những chuyện bắt bớ hết sức là rắc rối và hết sức là vô nhân đạo của người Pháp lúc đó. Không có cách nào khác, tôi mới đem vấn đề đó ra, trình bày với ông Marc Bénignus, nói cho ông biết rằng: Lẽ tất nhiên là cộng sự viên của Pháp Hoa Ngân Hàng, tôi phải binh vực quyền lợi của Pháp Hoa Ngân Hàng, song riêng về cá nhơn, tôi là một người Việt Nam, nước tôi là Việt Nam, thành ra, tôi không thể nào phản những người quốc gia cũng như những người ở bên Việt Minh lo cho đất nước. Vì chỗ đó mà tôi xin ông Marc Bénignus tìm một giải pháp ổn thỏa, riêng về địa vị của tôi trong nhà băng cũng như riêng về cá nhân tôi đối với đồng bào tôi. Ông Marc Bénignus có một thái độ hết sức rõ rệt và nhứt là ông rất thông cảm, ông mới nói: Thôi, cũng không có gì khó, chúng ta sắp sửa rước ông Marc Langlois Berthelot là Tổng Giám Đốc của Banque de Paris et des Pays Bas qua Sài Gòn, tôi sẽ mời ông Marc Langlois Berthelot mà anh đã biết rồi, với tôi, ba chúng ta sẽ đem vấn đề đó đặt ra để hỏi ý kiến và tìm cách giải quyết cho ổn thỏa, để sau cùng thì chúng tôi đã có một giải pháp hết sức là thỏa đáng.

TK: Thưa bác, thỏa đáng như thế nào?

LVL: Thỏa đáng là như thế này. Đối với những người quốc gia và Việt Minh chống Pháp hay là mang tiếng "chống Pháp," thì phải thận trọng, không nên muốn bắt người ta chừng nào là bắt, không có bằng cớ. Và khi có bằng cớ thật đích xác rồi, thì phải đem ra trước tòa để xử chứ không được đem giam người ta. Ví dầu mà có bằng cớ đi nữa, thì cũng phải xử đàng hoàng chớ không phải là muốn xử sao là xử.

TK: Xin cảm ơn bác Lê Văn Lâu. Đến đây chấm dứt phần chứng nhân lịch sử của cụ Lê Văn Lâu, chúng tôi xin thành thật cảm ơn cụ Lê Văn Lâu đã làm chứng nhân cho tài liệu lịch sử quan trọng này.

Tháng 10/2000

1. Đó là lời tuyên bố đầu tiên khi Tướng Leclerc tới Sài Gòn. Nhưng ngay sau đó, ông cùng cận vệ đi thăm tình hình Nam Bộ hai tuần và khi trở về, trong buổi họp báo tại Sài Gòn, trước khi về Pháp, ông nói lại, đại ý rằng: Tình hình đã thay đổi, người Việt ngày nay không còn để cho Pháp muốn làm gì thì làm nữa. Có thể vì thế mà năm 1946, ông bị thuyên chuyển làm Inspecteur des forces d'Afrique du Nord (Thanh Tra Lực Lượng Quân Đội Pháp tại Bắc Phi) và chết trong một tai nạn phi cơ gần Colomb-Béchar năm 1947.

2. B.E.I.C. Bulletin Economique de l'Indochine du 1er trimestre 1952 (Công Báo Kinh Tế Đông Dương, quý 1, năm 1952). Theo Jacques Despuech, cuốn công báo này cho biết tất cả những con số chính xác về ngân quỹ của Pháp.

3. Ngân hàng B.F.C. Banque Francaise Commerciale, (Ngân Hàng Thương Mại Pháp) là hậu thân của B.F.C. Banque Franco Chinoise (Pháp Hoa Ngân Hàng). Thiết lập từ năm 1913 với tên đầu tiên là B.I.C. Banque Industrielle de Chine (Ngân Hàng Kỹ Nghệ Trung Hoa), rồi sau đó mới đổi tên là Banque Franco Chinoise, với địa bàn hoạt động ở Viễn Đông. Ngân hàng BFC, thập niên 90, hội nhập vào ngân hàng San Paolo.

VINAMALL VÀ VIỆC MUA BÁN TRÊN INTERNET

Thế Kỷ 21 phỏng vấn KICON

Kicon là công ty chuyên về nhu liệu điện toán. Từ khi thành lập năm 1996, Kicon dần dà trở nên một tên tuổi quen thuộc với cộng đồng người Việt hải ngoại, nhờ vào trang VietSpace với rất nhiều tin tức, hình ảnh liên quan đến những vấn đề của đất nước và con người Việt Nam, cả ở tại quê nhà lẫn ở hải ngoại. Trung tuần tháng 12 vừa qua, Kicon khai trương trên lưới internet một thương xá có tên là VinaMall. Nhân dịp này, Giám đốc Kỹ thuật là kỹ sư Lê Cẩm Thạch của Kicon dành cho Thế Kỷ 21 *cuộc phỏng vấn sau đây.*

*

Thế Kỷ 21: *Mới đây Kicon vừa ra mắt VinaMall. Thật tóm tắt, sinh hoạt của VinaMall bao gồm những gì?*

Lê Cẩm Thạch: VinaMall là một thương xá trên internet, là nơi để mọi người, mọi cộng đồng sắc tộc trên thế giới trao đổi buôn bán với nhau, nhưng cộng đồng đầu tiên mà chúng tôi nhắm tới là người Việt khắp nơi. Phương cách sinh hoạt của VinaMall là mọi người có thể tự mở một gian hàng cho mình và tự quản trị. Phương tiện duy nhất cần thiết để tham dự VinaMall là chủ nhân các thương vụ chỉ cần một máy điện toán cá nhân, từ đó, họ sẽ điều hành và kiểm soát mọi dịch vụ buôn bán của họ. Dù ở nhà hay tại sở làm, họ vẫn có khả năng đưa lên VinaMall hình ảnh, giá cả và các chi tiết liên quan đến những sản phẩm mà họ muốn bán trên Inetrnet. Đặc điểm của VinaMall là sinh hoạt thương mại không bị bất kỳ giới hạn nào về số lượng mặt hàng muốn giới thiệu đến khách hàng, và nhất là khách hàng không chỉ là người địa phương mà rộng khắp toàn cầu. Ngoài ra, VinaMall còn tiện dụng là vì chủ nhân các gian hàng tự quản lý, tự giới thiệu sản phẩm của mình mà không phải bỏ tiền nhờ một cơ sở điện toán trung gian (làm các công việc này). Còn về phần người tiêu thụ, việc chọn lựa và đặt mua các mặt hàng đa dạng trên *net* sẽ giúp họ tiết kiệm được thì giờ và công sức, không như phải ra tận cửa hàng mới mua được sản phẩm ưa thích. Cũng cần phải nhấn mạnh là VinaMall ngay giai đoạn khai trương đã sử dụng hai ngôn ngữ là tiếng Việt và tiếng Anh. Dự trù sau này của Kicon là sẽ có thêm phần tiếng Pháp, tiếng Tây Ban Nha, tiếng Nga, tiếng Đức và tiếng Hoa.

Thế Kỷ 21: *Những người muốn tham gia VinaMall có cần phải là một chuyên viên, hay ít nhất, cần hiểu biết lắm về điện toán hay không, và cần những nhu liệu nào để có thể tự đưa các sản phẩm của mình lên net* và quản lý việc mua bán trên *net*?

Lê Cẩm Thạch: VinaMall ra đời để phục vụ nhu cầu của trao đổi, mua bán của mọi tầng lớp tiêu thụ chứ không nhắm vào giới chuyên gia điện toán. Vì thế, bất cứ ai cũng có khả năng tham gia. Họ chỉ cần biết một cách căn bản về máy điện toán, còn ngoài ra, tất cả phần nhu liệu nhằm điều hành mọi hoạt động của VinaMall đã được Kicon viết sẵn và chứa trong bộ phận lưu trữ của thương xá VinaMall.com. Người tham gia chỉ cần vài thao tác đơn giản là đã tạo được một gian hàng của mình.

Thế Kỷ 21: *Cho tới nay, người Việt mình đã quen thuộc với hoạt động trao đổi mua bán trên Internet hay vẫn còn dè dặt với hình thức sinh hoạt mới mẻ này?*

Lê Cẩm Thạch: Theo sự quan sát và ghi nhận của Kicon thì cộng đồng người Việt hải ngoại đã rất quen thuộc với hình thức e-commerce, tức là mua bán trên Internet. Thói quen này bắt nguồn từ hoàn cảnh sinh sống nơi các quốc gia tân tiến, và được tiếp cận với trào lưu tin học ngày càng phát triển trên toàn thế giới. Còn người Việt trong nước thì dù bị giới hạn bởi phương tiện và luật lệ, nên chưa có cơ hội làm quen với e-commerce. Nhưng với nhịp hội nhập hiện nay của Việt Nam với thế giới bên ngoài, chúng tôi tin rằng một tương lai không xa, người dân mình trong nước rồi cũng sẽ thành thạo với việc buôn bán trên net. Riêng trong giới thương mại Việt Nam tại hải ngoại thì chúng tôi ghi nhận là chưa có một thương xá

mang tầm vóc quy mô trên Internet. Sự kiện này có thể được giải thích là thương mại Việt Nam ở hải ngoại đa phần còn chú trọng nhiều vào tích cách địa phương hơn là tính cách toàn cầu cho nên có lẽ sẽ đi sau nhịp sinh hoạt của dòng chính (main stream) của Internet chừng vài năm. Nhưng trước sau gì thì chúng ta cũng đuổi kịp vì sự thông minh và óc sáng tạo của dân Việt.

Thế Kỷ 21: Nguyên tắc chỉ đạo việc làm và mục tiêu tương lai của Kicon là gì?

Lê Cẩm Thạch: Nguyên tắc làm việc của Kicon là tôn trọng quyền tự do ngôn luận, tự do phát biểu ý kiến, quan điểm của mọi người. Những ngày sắp tới, một mặt, chúng tôi sẽ tiếp tục phát triển sinh hoạt của cộng đồng Việt Nam trên internet, hiểu theo nghĩa tiếp tục cung ứng các dịch vụ kỹ thuật để người Việt khắp nơi có thể tận dụng những kỹ thuật tin học mới cho nhu cầu của mình. Mặt khác, vì là một công ty chuyên viết và sản xuất nhu liệu điện toán mà đa phần là dùng trong lãnh vực internet, nên Kicon sẽ tiếp tục phát triển công việc này. Ngoài ra, Kicon cũng đang chuẩn bị để đưa ra những dự án giáo dục trên internet. Đó là ba mục tiêu của Kicon.

Thế Kỷ 21: *Anh vượt biên rồi sau đó qua Mỹ định cư lúc còn là một thiếu niên. Lý do nào anh vẫn luôn gắn bó với quê nhà?*

Lê Cẩm Thạch: Không phải riêng cá nhân tôi, mà tất cả mọi người đều có những thao thức, gắn bó với nơi chốn mình đã sinh ra và lớn lên. Khi đặt chân đến đất Mỹ vào tuổi 15, tôi đã ít nhiều thấm nhuần văn hóa Việt Nam và có những kỷ niệm gắn bó với quê nhà. Nên khi được học hỏi, tìm hiểu những tiến bộ xứ người, tôi chỉ ước mong được đóng góp phần nào những hiểu biết của mình cho đất nước mình đã bỏ đi, bằng cách khai phá một hướng đi như chúng tôi tiến hành từ hơn năm năm qua. Chúng tôi quan niệm Kicon là một cơ sở thương mại, và về mặt này, chúng tôi phải tự xây dựng và phát triển một mô hình kinh tế có khả năng sống còn, và từ đó mới có thể thực hiện ước mơ đóng góp của mình cho xã hội mình đang sống, và nhất là cho quê nhà.

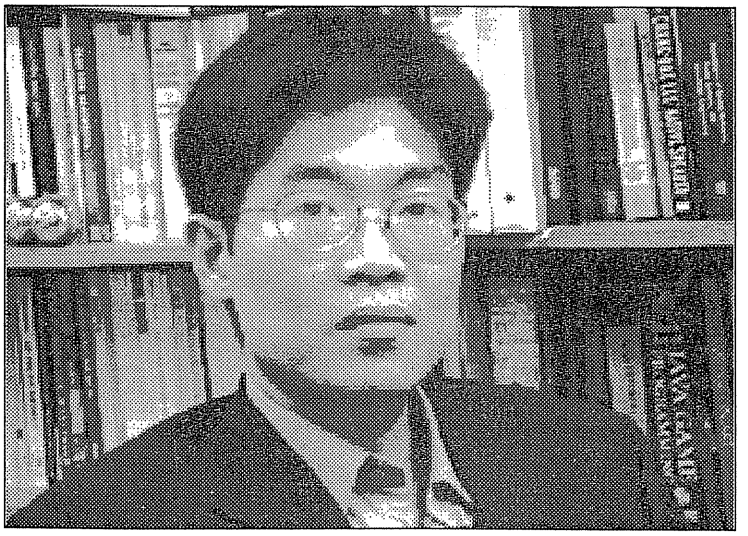
Lê Cẩm Thạch, giám đốc Kicon

Thế Kỷ 21: *Khi đặt tên công ty là Kicon, anh có hàm ý gì không?*

Lê Cẩm Thạch: Việc chọn tên công ty như vậy hoàn toàn phát xuất từ một kỷ niệm có tính cách riêng tư. Thủa tôi còn thơ ấu, gia đình chúng tôi cư ngụ tại một con đường mang tên vị anh hùng của Việt Nam là Kí Con. Vì vậy, để nhắc nhớ thời trẻ thơ đó, tôi đặt tên công ty là Kí Con. Ngoài ra, trong lãnh vực điện toán, chúng tôi muốn danh xưng của công ty sao cho dễ đọc, có tính cách phổ quát, ngắn gọn để cho những sắc dân nói những ngôn ngữ khác nhau có thể phát âm dễ dàng, dễ nhớ.

TIỆM ĂN TRONG BÓNG TỐI

THANH THẢO

Nếu có dịp ghé qua thăm Thụy Sĩ, có lẽ quí vị cũng nên ghé thử đến tiệm ăn rất đông khách mang tên "Con Bò Mù," hay "Blind Cow." Phóng viên Jane Costello, báo Wall Street Journal, trong bài viết ngày 28 tháng 11, đã cho rằng thực đơn trong tiệm không có món nào nhìn hấp dẫn cả, không phải vì các món ăn được trình bày kém mỹ thuật, mà vì thực khách được đãi trong bóng tối hoàn toàn nên có nhìn thấy gì đâu.

Đến ăn tại tiệm này, thực khách phải tập tin tưởng... hoàn toàn vào tất cả những nhân viên phục vụ, từ cô hầu bàn, anh pha rượu, đến nhóm đầu bếp, gần như hầu hết đều bị mù. Chủ nhân nhà hàng là một vị Mục Sư mù, ông Jorge Spielmann, 37 tuổi, người

thường có thói quen bịt mắt khách đến chơi nhà cho vui. Tuy nhiên, trong một dịp đóng vai người pha rượu cho một hội chợ triển lãm về thế giới tối đen của người mù năm 1998, mục sư Spielmann thấy thích thú lây với những người vào xem triển lãm, phải đi qua những hành lang tối mịt để thử khám phá thế giới của người mù. Sau cuộc triển lãm, mục sư Spielmann đã tìm ra... ánh sáng cuối đường hầm. Ông quyết định mở một nhà hàng áp dụng hình thức tạo cho thực khách cảm giác làm quen với thế giới không có một chút ánh sáng.

Mục Sư tìm được bốn cộng tác viên mù khác, với dự định tổ chức một tiệm ăn đem công việc đến cho người mù, và cũng cho người sáng mắt nhìn thấy những khả năng cần thiết người mù phải có để sinh hoạt trong thế giới không có ánh sáng này. Trong thời gian chờ đợi tìm người giúp việc, Mục Sư Spielmann gây quỹ được trên 300,000 francs Thụy Sĩ, tức là khoảng $170,000 Mỹ kim. Mục sư Spielmann cũng tìm được một thánh đường cổ kính bỏ hoang của đạo Tin Lành, hệ phái Lutheran, ngay trong khu vực gia cư, trong một đoạn đồi uốn cong thuộc thành phố Zurich, làm nơi mở tiệm ăn đặc biệt này.

Tiệm ăn 60 chỗ ngồi "Con Bò Mù" khai trương vào tháng Chín năm 1999. Với phong cảnh hữu tình trên đường lên đồi, với kiếng pha màu, và đèn vàng chiếu sáng những bậc thềm dẫn vào phòng đợi, nơi có một tiếp viên ngồi nghe điện thoại, và thực đơn được viết bằng phấn trên một cái bảng, tiệm "Blind Cow" trông giống như những tiệm ăn khác. Tuy nhiên, khi cô hầu bàn mù, đeo những chuông nhỏ kêu leng keng trên những ngón chân, xuất hiện và dặn thực khách đặt tay lên vai để cô dẫn vào phòng ăn tối đen như mực, thì cuộc phiêu lưu bắt đầu.

Theo những thực khách đã từng đến ăn thử tại tiệm "Con Bò Mù," tiệm ồn ào vô cùng, tất cả mọi người đều phải nói lớn tiếng để gọi thức ăn, nước uống, thậm chí để được hướng dẫn đến phòng rửa tay. Nhưng khi đã ngồi yên chỗ, thực khách cũng làm quen được với không khí rất lạ nơi đây. Nhiều người cho biết, vì không nhìn thấy gì hết, họ phải tập lại cách ăn uống, và nhiều lần phải thử sờ tay lên mắt để xem mình có còn thị giác hay không. Nhưng ngược lại, họ không phải sợ có ai nhìn thấy mình dùng sai cây nĩa, hay lỡ không cắt được miếng thịt bò, có cầm luôn miếng steak lên cắn như một người tiền sử cũng không ngại ai nhìn thấy, vì trong thế giới này, người mù thật, hay thực khách chỉ muốn sống kinh nghiệm mù, không thể nhìn thấy cả bàn tay của chính họ.

Thực đơn gồm nhiều món ăn của người Đức, với giá tiền phải chăng, không phải là lý do tiệm ăn lúc nào cũng đông khách, mà chính là khung cảnh, hay đúng ra phải nói là sự thiếu khung cảnh của tiệm Blind Cow, mới thu hút thực khách đến đây.

Khung cảnh tối đen như mực cũng là môi trường cho nhiều người đùa dai. Có ba cặp thực khách đã thử điều này. Đợi ba bà được đưa đi rửa tay, ba ông đổi chỗ ngồi, khi trở về bàn, ba bà được ba ông hôn lên môi. Chỉ có một bà nhận ra người hôn không phải chồng mình, còn hai bà kia cứ tỉnh bơ, không ngờ bị trêu chọc.

Bóng tối hoàn toàn cũng là nơi người ta hẹn nhau gặp gỡ lần đầu trong những cuộc hẹn hò gọi là "blind date." Nhân viên tiệm kể lại rằng có một cặp hẹn nhau, nhưng người nữ được đưa vào ngồi trước trong bàn, người nam vào sau. Sau bữa ăn tối, cả hai ra về riêng rẽ, khiến nhiều nhân viên thất vọng, nhưng ngược lại, có lẽ đối với đôi trai gái này, họ tránh được sự ngượng ngùng vì vẫn chưa hề biết mặt nhau sau cuộc hẹn hò... mù.

Mặc dù mục sư Spielmann tỏ ý lo ngại sự hấp dẫn của cuộc phiêu lưu trong thế giới người mù sẽ mất dần sự thu hút, nhưng theo nhân viên tiệm Blind Cow, tất cả mọi ghế trong tiệm đều đã được đặt sẵn cho đến tháng Ba năm 2001.

Để tạo không khí mới, ông Adrian Schaffner, giám đốc tiệm ăn cho biết kể từ tháng Ba sang năm, tiệm sẽ có chương trình đặc biệt mỗi tối Thứ Hai, gọi là "Tối Hẹn Hò" và sẽ dành ưu tiên cho những thực khách đi có cặp. Chương trình đặc biệt mỗi tối Thứ Hai có thêm phần thuyết trình của những chuyên gia về đôi lứa và tình dục. Ông Schaffner nghĩ rằng không khí những buổi này sẽ hết sức hào hứng vì thực khách có thể hỏi và được trả lời đủ loại thắc mắc trong bóng tối như mực của tiệm Blind Cow.

HẬU BẦU CỬ 2000

TRẦN QUÁN NIỆM

Rồi hồi kết cuộc mà mọi người mong đợi cũng phải tới. 36 ngày hồi hộp với những diễn biến bất ngờ mỗi ngày, có khi mỗi giờ, cuộc bầu cử kết thúc bằng phán quyết của

Tối Cao Pháp Viện Hoa Kỳ, một chung quyết với đa số tương đối, để lại dư vị vui mừng cũng như đắng cay cho phe thắng và bại, cả ứng cử viên lẫn người ủng hộ.

Ba Tòa Ông Lớn

Cương quyết dành phần thắng trong trận chiến một mất một còn, phó Tổng Thống Gore gửi xuống Florida một đội ngũ thật đông đảo 300 luật sư, và chắc chắn Thống Đốc Bush cũng không chịu kém, khiến nhiều phiên tòa số luật sư tham dự lên đến 30 đến 50 người, đông hơn cả dân chúng, đứng ngồi chật phòng xử. Những luật sư nổi tiếng và đắt giá nhất được hai phe Bush và Gore tuyển dụng để tung vào trận chiến.

Lý do để lôi nhau ra tòa, là sau khi đếm phiếu lại lần thứ nhì (bằng máy), số phiếu thắng của Bush tuột từ 1784 phiếu xuống 327 phiếu. Thua đau, Gore bám níu lấy hy vọng là nếu đếm lại bằng tay, biết đâu số phiếu thắng nghiêng về Gore. Nhưng luật bầu cử đã tồn tại trên 200 nay, muốn thay đổi cần phán quyết của tòa án. Phe Gore bảo đếm lại cho công bình, phe Bush bảo đếm là là vi hiến vì đã sửa lại luật sau khi phiếu đã bỏ và kiểm xong.

Phe Gore yêu cầu tái kiểm phiếu bằng tay tại bốn quận (county) mà số cử tri thuộc đảng Dân Chủ đông đảo là Miami-Dade, Broward, Volusia và Palm Beach. Bush chống, nhưng ông toà tại quận Leon không thuận.

Ngày 18 tháng 11, ứng cử viên Bush được bà Katherine Harris, Tổng Thư Ký Tiểu Bang chứng nhận theo luật định, Bush hơn Gore 930 phiếu và là người thắng cuộc.

Gore không chấp nhận, đòi phải cộng thêm số phiếu đếm tay và chống án lên Tối Cao Pháp Viện tiểu bang Florida.

Kể từ ngày đó đến ngày 12 tháng 12, có đến bốn, năm vụ kiện, nhớ không xuể, hết phán quyết này đến phán quyết kia, tòa thấp xử một đằng, tòa cao quyết định một nẻo. Cứ như chong chóng. Dân chúng bu quanh chiếc TV hay Radio theo rõi từng ngày, riết rồi đâm chán, sinh ra tâm trạng "mặc kệ, ai thắng cử cũng được, chán quá rồi."

Cuối cùng ngày 12 tháng 12 Tối Cao Pháp Viện với số phiếu bốn chống, năm thuận, ngưng việc đếm phiếu bằng tay vì lý do vi hiến. Và phán quyết đó đã chấm dứt cuộc "kéo cưa lừa xẻ" dằng dai trên mặt pháp lý đồng thời chấm dứt mọi hy vọng của Gore, trao phần thắng với số phiếu bầu mong manh cho Bush, vị Tổng Thống thứ 43 của Hoa Kỳ.

Điều oái oăm ở đây là từ trước tới nay, Thẩm Phán do Tổng Thống bổ nhiệm, năm 2000 các Thẩm Phán lại được quyền chọn lựa Tổng Thống.

Đục nước béo cò

Một bên (Gore) nói phải tôn trọng ý nguyện của cử tri, không loại bỏ phiếu nào và kiểm lại bằng tay cho chính xác. Một bên (Bush) nói, luật bầu cử đã định, thay đổi luật sau khi mọi người đã bỏ phiếu là vi hiến.

Chỉ đơn giản có thế, người dân thường tưởng chừng hai bên trình bày vài chục phút là xong, thế mà không ngờ các luật sư thượng thặng tranh cãi từ giờ này qua giờ khác, ngày này qua ngày khác, miệng ăn nói dẻo quẹo, không hề vấp váp một câu, thuộc lầu lầu các điều khoản luật lệ lắt léo từ các bộ luật cũ mèm. Nghe và nhìn tài ba của họ trước tòa mới thấy giá thù lao của luật sư Boie là $700 một giờ cũng đáng đồng tiền bát gạo.

Gore gây quĩ được 3 triệu rưỡi và Bush gây quĩ được 7 triệu để trang trải món nợ pháp lý tái kiểm phiếu. Như vậy chỉ trong vòng trên một tháng các ông thầy cãi và đoàn tùy tùng ẵm trọn gần 10 triệu bạc. Boie cố gắng hết sức trong cuộc tranh cãi trước tòa nhưng phe Gore vẫn thất bại. Đám luật sư sau trên 30 ngày làm việc quần quật ngày lẫn đêm, ẵm một mớ bạc khá lớn về nhà ăn Noel. Đúng là "Sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi."

Tại sao Gore quyết chiến bằng mọi giá

Trong 36 ngày quyết chiến giành chức vụ Tân Tổng Thống, nhiều người (chức sắc trong đảng Dân Chủ, ứng cử viên Phó Tổng Thống Dick Cheney, và dư luận dân chúng) khuyên Gore vì quyền lợi quốc gia, vì uy tín của đảng Dân Chủ, nên tuyên bố chấp nhận thua cuộc. Nói như thế có nghĩa là không biết rõ Gore. Thật thế, được nuôi dưỡng trong một gia đình mà ông bố là Thượng Nghị Sĩ, cha mẹ Gore tô bồi và mong ước một ngày Gore sẽ là Tổng Thống Hoa Kỳ. Tốt nghiệp Luật Khoa tại Đại Học danh tiếng Harvard, Gore là Thượng Nghị Sĩ ba nhiệm kỳ, sau đó là Phó Tổng Thống hai nhiệm kỳ, tổng cộng 24 năm ở chức vụ dân cử. Đã có lần nhăm nhe vận động Đảng đề nghị ứng cử viên Tổng Thống trong dĩ vãng, Gore tin tưởng mình sẽ đắc cử Tổng Thống kỳ này, giấc mơ tột đỉnh của Gore và

bố mẹ. Vả lại cá tính của Gore ngay từ còn mài đũng quần trên ghế nhà trường là không có thói quen bỏ cuộc, gan lì chiến đấu tới cùng.

Người khác ở vào trường hợp của Gore chắn chắn cũng sẽ hành động tương tự. Này nhé, Gore thắng Bush 500 ngàn phiếu do dân bầu, trong khi đó chỉ thua 500 phiếu ở Florida trong tổng số 6 triệu phiếu. Sau đêm bầu cử, Gore dẫn đầu số phiếu cử tri đoàn là 267 phiếu so với 246 phiếu Bush có. Và Gore cũng như nhiều người tin tưởng nếu kiểm phiếu bằng tay, Gore có nhiều hy vọng hơn phiếu Bush.

Lại nữa Gore chỉ có một đường là đi tới. Trong bài diễn văn chấp nhận thua cuộc đêm 13 tháng 12, 2000, Gore đã nói lên một sự thực não nề: "Tôi cũng chưa biết sẽ làm gì trong tương lai." Quả thế, nếu Bush thua, ông ta lui về chức Thống Đốc Texas. Dick Cheney thua, ông ta vẫn là người về hưu như trước. Lieberman thua thì trở lại Thượng Viện. Nghĩa là những người khác có hai thế tiến thoái, còn Gore tiến không được thì không biết làm gì trong bốn năm tới. Về lại chốn quê hương bản quán cũng không xong, vì oái ăm thay, tiểu bang Tennesse của Gore kỳ này mất về tay Bush. Do đó chỉ còn đường đi độc nhất là húc tới bằng mọi giá.

Nhưng kẻ thù của Gore là thời gian. Những cái hạn chót (như ngày 18 tháng 11 là ngày chót kiểm phiếu gửi về từ ngoại quốc và cũng là ngày tuyên bố chính thức kết quả cuộc bầu cử, hoặc ngày 18 tháng 12 là ngày chót các cử tri đoàn địa phương bỏ phiếu chính thức chọn Tân Tổng Thống) chạy theo sát nút và đè nặng áp lực lên phe Gore trong khi đó thủ tục Toà Án luôn chậm chạp, cẩn thận. Thêm một sai lầm chiến lược của phe Gore là chỉ đòi kiểm phiếu tại bốn quận thân Dân Chủ, thay vì khắp tiểu bang Florida. Chính điểm này đã khiến Toà phán quyết cuộc kiểm phiếu bằng tay vi hiến vì có tính cách không đồng đều, thiên vị.

Thắng lớn, thua nhỏ và Ngôn ngữ ngoại giao

Về số phiếu dân bầu, Gore hơn Bush 540,435 phiếu (toàn quốc) trong khi đó chỉ thua Bush 530 phiếu tại Florida, nên đành mất 25 phiếu cử tri đoàn của tiểu bang này. Nếu tính về phiếu cử tri đoàn thì Bush được 271 phiếu, trong khi Gore có 267 phiếu. Thật quá sít sao, làm Gore thua mà đau như hoạn.

Trong bài diễn văn chấp nhận thua cuộc, lời lẽ của Gore không chuyên chở đắng cay, bất mãn, thù hận hay đau xót đối với người thắng cuộc. Gore tuyên bố cực lực bất đồng ý với phán quyết của Tối Cao Pháp Viện, nhưng vẫn chấp nhận trong tinh thần thượng tôn pháp luật. Vì quyền lợi cuả quốc gia Gore sẵn sàng cố gắng tối đa để hợp tác với vị Tổng Thống đắc cử trong tiến trình chuyển nhượng quyền hành.

Qua khuôn mặt tươi cười của Gore, tất cả những dấu vết của 36 ngày quyết chiến cùng những thất vọng não nề của chiến bại đã khéo léo được nhận chìm (dù nông hay sâu). Đề nghị hợp tác và cố gắng hàn gắn sự phân hóa của hệ thống lưỡng đảng và lòng dân là điểm son của nền dân chủ Hoa Kỳ.

Và dù sao thì thất bại kỳ này cũng không là ngày tận cùng của trái đất, Gore cần chuẩn bị kỹ lưỡng cho uy thế đảng Dân Chủ và cố gắng đạt tới giấc mộng Đế Vương trong kỳ tái ứng cử bốn năm tới, nếu Gore được Đảng đề cử.

Gia tài để lại

Gore thất cử kỳ này người buồn hơn cả có lẽ là Clinton. Gore ra đi đánh dấu sự cáo chung của một triều đại trị vì suốt tám năm của Đảng Dân Chủ mà hình ảnh nổi bật nhất là Clinton. Clinton có tham vọng bước vào lịch sử như một Tổng Thống vĩ đại đạt được nhiều thành quả rực rỡ với tài khéo léo về ngoại giao, thương lượng thành công với lưỡng Viện, hóa giải được sự chống đối cố hữu của đảng Cộng Hòa đối lập, tạo nền kinh tế thịnh vượng, thất nghiệp giảm, ngân quĩ quốc gia thặng dư v.v.

Nhưng hữu tài hữu tật. Với tính tình trăng hoa, vướng mắc vào bao nhiêu rắc rối về tình dục lăng nhăng, mà trầm trọng nhất là vụ Monica Lewinsky, tý nữa thì bị mất chức, Clinton cũng vẫn đi vào lịch sử với những ghi nhận về các thành quả trên, nhưng bị đánh giá là vị Tổng Thống có giá trị đạo đức thấp nhất, cùng với thành tích "độc đáo" là Tổng Thống thứ hai trong lịch sử Hoa Kỳ bị đàn hạch (impeachment).

Nếu Gore thắng cử, lương tâm Clinton tạm yên ổn là đã có người đàn em nối tiếp sự nghiệp, và chứng tỏ rằng trong xã hội Hoa Kỳ tân tiến, thành công là yếu tố chính, đạo đức chỉ phụ thuộc. Bây giờ Gore ra đi, Clinton không tránh khỏi bị kết án là đã làm di hại đến đảng Dân Chủ và Gore. Trong khi tranh cử, Gore đã cẩn thận tránh xa ảnh hưởng của Clinton,

không muốn Clinton xuất hiện cùng lúc với Gore tại những nơi công cộng vì dễ khiến một số cử tri tức giận, khó quên lỗi lầm của Clinton.

Trong khi tranh cử, Bush nhiều lần nhấn mạnh sẽ đem lại đạo đức và giá trị cho toà Bạch Ốc. Không nhiều thì ít, Clinton cũng làm Gore mất đi một số phiếu, những cử tri chỉ vì không có cảm tình với Clinton mà ghét lây đến đảng Dân Chủ và Gore, và họ bỏ phiếu cho Bush cũng chỉ vì mục đích ấy.

Như đã dự định, mãn nhiệm kỳ, Clinton sẽ về Arkansas vì nơi đây dự trù xây cất thư viện Clinton. Bà Hillary ở lại Washington (ngôi nhà ở New York chỉ là địa chỉ hợp pháp để ứng cử). Clinton "áo gấm về làng" không khỏi pha chút ngượng ngập, ngỡ ngàng vì Arkansas trong kỳ bầu cử này bỏ phiếu cho Bush. Như vậy Tennesse và Arkansas, quê hương của Tổng Thống và Phó Tổng Thống đảng Dân Chủ tại chức đều mất về tay Cộng Hoà, một điều rất hiếm có.

Nếu không có vụ Monica Lewinsky, Clinton sẽ là một Tổng Thống lẫy lừng trong lịch sử, Gore sẽ đắc cử cái vù, không gặp cảnh dở cười dở khóc như hiện tại. Hơn một lần trong lịch sử, đàn bà đã làm sụp đổ một triều đại.

Ông về đuổi gà, bà lên chức Thượng

Cuối tháng 11, các vị Thượng Nghị Sĩ vừa đắc cử được hướng dẫn thăm viếng cơ sở Thượng Viện và nghe thuyết trình về nghi thức hoạt động của Thượng Viện cũng như được chỉ định văn phòng làm việc. Thông thường đây là một sinh hoạt có tính cách thường xuyên, nội bộ, không quan trọng. Nhưng lần nầy thì phóng viên nhà báo bu tới để săn hình ảnh, chỉ vì trong đám "lính mới tò te" này có đệ nhất phu nhân Hillary.

Bà là một trong bốn bà Thượng đắc cử (kể cả bà quả phụ Carnahan được chỉ định thay chồng), nâng tổng số các bà lên con số 13 (10 Dân Chủ và ba Cộng Hòa) trong 100 Thượng Nghị Sĩ.

Đây là bước tiến nhảy vọt của phái nữ trong ngôi vị dân cử cao nhất sau chức vụ Tổng Thống và Phó Tổng Thống, vì trước năm 1992 chỉ có hai bà Thượng Nghị Sĩ mà thôi. Tuy 13 bà, nhưng mấy bà vẫn cảm thấy cô đơn trong cái thế giới mà các ông ngự trị, nên kỳ này các bà mừng lắm, liên kết ngay với nhau (tham dự uống cà phê mỗi sáu tuần) để tạo sức mạnh, dù rằng khác đảng phái. Tuyệt đại đa số các bà Thượng đắc cử nhờ số phiếu của phụ nữ đi bầu, do đó tiếng nói của các bà sẽ để bênh vực phần lớn quyền lợi của phụ nữ.

Mỗi khi có thêm đàn bà chiếm ghế Thượng Nghị Sĩ hay Thống Đốc, là mối hy vọng phụ nữ được đề bạt tranh cử chức vụ Tổng Thống hay Phó Tổng Thống lại gia tăng. Mặc dù bà Hillary không xác nhận, nhưng đã có tin đồn là bà có thể tranh cử chức vụ Tổng Thống năm 2004, dù bà kém thâm niên nhất trong số 13 bà. Sở dĩ người ta nghĩ đến bà vì bà là người có tham vọng, lại đạt được 3 ưu điểm là đệ nhất phu nhân, thượng nghị sĩ của một tiểu bang quan trọng và trong 8 năm qua, nhờ vào uy quyền của chồng, bà thăm viếng nhiều quốc gia trên thế giới và tiếp xúc với nhiều nguyên thủ và các nhà lãnh đạo quốc tế.

Trong khi chồng là Bill chuẩn bị về vườn thì bà lại ở thế vươn lên trong sáu năm tới của nhiệm kỳ Thượng Nghị Sĩ.

Thấy báo chí và truyền hình theo rõi Hillary sát nút trong ngày bà đến Thượng Viện học bài học vỡ lòng, ông Chủ Tịch Thượng Viện ngứa mắt, nhắn khéo bà là tại Thượng Viện những người "quậy" quá thường không phải là những người thành công. Nhưng "cây muốn lặng mà gió chẳng muốn ngừng," khi trở về Toà Bạch Ốc, bà đã tạo ngay một quả bom vĩ đại trên dư luận báo chí. Đó là bà ký giao kèo với nhà xuất bản Simon & Schuster để viết tập hồi ký về đoạn đời tám năm bà sống tại Toà Bạch Ốc với ông chồng "mất nết" thích ăn vụng hết với người đàn bà này đến người đàn bà khác; suýt tý nữa thì thân bại, danh liệt mất luôn chức Tổng Thống. Toàn dân Mỹ Quốc và thế giới vẫn tò mò muốn biết những "thâm cung bí sử" giữa bà và Tổng Thống Clinton và lý do bà gắn bó với ông này tới cùng. Với tiền tác quyền 8 triệu Mỹ Kim, Simon & Schuster đánh bại bảy nhà xuất bản khác trong cuộc đấu giá để độc quyền phát hành quyển hồi ký. Dĩ nhiên với số tiền lớn như vậy (bà được 8 triệu, thì ắt hẳn nhà xuất bản phải dự trù thu về ít ra là 8 triệu hay hơn nữa), chắc chắn quyển sách phải chuyên chở nhiều bí mật động trời về Bill Clinton. Thật là dậu đổ, bìm leo, cuộc sống về vườn của ông Bill Clinton đáng lẽ an nhàn trong tác "đuổi gà, đọc sách" sẽ hứa hẹn nhiều sóng gió trên trang nhất của báo chí. Ấy là chưa kể những tiết lộ ly kỳ hơn (nếu có) trong tương lai của Monica Lewinsky. Hãy chờ xem.●

VƯƠNG HỮU BỘT

SANG THẾ KỶ 21 THẬT

Khi những người chủ xướng chọn đặt tên cho tạp chí này, họ gọi là Thế Kỷ 21, cái tên do anh Lê Đình Điểu đề nghị, chắc có ý hướng về tương lai. Mười một năm trước thì đó là một tương lai khá xa xăm. Năm ngoái tôi đã đề nghị nhân dịp bước vào thế kỷ thứ 21 chúng ta nên tuyên bố "nhiệm vụ" của tạp chí này đã hoàn tất, có thể nghỉ ngơi cho nó khỏe.

Nhưng nhiều bạn cho biết năm 2000 vẫn chưa phải là thế kỷ 21 thật, chưa được nghỉ. Năm 2001 chắc chắn đã sang thế kỷ 21, tôi xin nhắc lại đề nghị cũ. Xin quý văn hữu và độc giả cho ý kiến, chúng ta có nên tự vỗ vai khen ngợi đã hoàn thành nhiệm vụ một cách mỹ mãn rồi cùng nghỉ xả hơi hay chăng? Hay là nên đổi tên làm một tờ báo mới, gọi là "Thế Kỷ 21 Rồi", hoặc "Vẫn Thế Kỷ 21."

Trong mười năm rồi tôi được nghe nhiều người gọi tên tờ báo này theo nhiều cách. Có người ngỏ ý khen báo "Thế kỷ 20," đó là tên một tạp chí do các vị đàn anh như Vũ Khắc Khoan, Nguyễn Khắc Hoạch chủ trương ở Sài Gòn năm xưa. Có người bảo "Tôi vẫn đọc báo Thế kỷ Thứ 21, hay lắm." Thêm chữ THỨ vào đó cũng giống như khen văn ông Nguyễn Bích Liên lại thêm chữ THỊ vì quen miệng. Mỗi lần như vậy tôi đều không cải chính. Cái tên chẳng có gì quan trọng, người ta có quên đi cũng chẳng sao. Khi chọn tên đặt cho tờ báo, muốn có một cái tên dễ nhớ thì hãy đặt là "Lưu Ly Thảo", tên tiếng Anh của loài hoa này là "Đừng quên tôi." Còn muốn có cái tên "thật kêu" thì cứ gọi là báo "Cái Chuông", dù là Cái Chuông Rè cũng không ai quên được.

Trong thị trường tạp chí hiện nay có những tờ Văn học, Văn, Hợp Lưu, hay Đàn Chim Việt còn rất mới ở Ba Lan, Văn Xã cũng rất mới ở Dallas, Texas, v.v. tất cả đều sống lai rai. Chưa kể các tạp chí Thơ, Việt, và những tờ Tư Tưởng ở Úc, Dân chủ và Phát triển, Thiên Chí ở Đức, Diễn Đàn Forum và Thông Luận ở Pháp, v.v. không xuất bản đều đặn mỗi tháng. Còn nhiều tạp chí nữa mà tôi không nhớ hết, xuất bản ở miền Bắc California và vùng Hoa Thạnh Đốn. Ông bạn tôi ở Plzen là Trần Ngọc Tuấn làm nhiều báo quá tôi không nhớ nổi tờ báo hiện nay của bạn tên là gì! Có các tạp chí nghiêng về mặt tôn giáo, như Tin Nhà ở Bỉ, Đối Thoại ở Mỹ, v.v. Tuổi già hay quên, lại ít thời giờ, không thể đi tham khảo hết được xin các đồng nghiệp tha thứ cho.

Hầu như tất cả những tạp chí trên đều làm theo tinh thần thiện nguyện cả, người xuất bản không có lời mà thường phải bù thêm vốn hàng tháng, người viết không lãnh nhuận bút. Ở các nước theo kinh tế thị trường cũng có nhiều tạp chí bất vụ lợi như vậy, độc giả không bao giờ nuôi nổi các tờ báo gọi là "nghiêm trang." Nhưng các báo này thường được các nhà hảo tâm bảo trợ, các cá nhân hoặc công ty, hoặc các tổ chức bất vụ lợi khác. Họ đóng góp cho tờ báo sống và trả tiền công cho nhân viên, trả nhuận bút cho người viết. Nhiều sắc dân thiểu số ở Mỹ vẫn nuôi được các tờ báo "nghiêm trang đứng đắn" nhờ cộng đồng của họ hỗ trợ vì muốn bảo vệ tiếng nói, văn hóa riêng. Các tờ báo thiện nguyện của chúng ta gặp khó khăn cũng vì hơn một triệu người Việt Nam "biết chữ" ở nước ngoài chưa phát triển được những tổ chức thiện nguyện theo lối các nước tư bản. Các cá nhân có tiền không cảm thấy nhu cầu xã hội đó, họ tổ chức các đám cưới tốn đến mấy chục ngàn đô la dễ dàng, nhưng không ai có ý niệm lập một quỹ bảo trợ văn hóa, nghệ thuật bằng cách góp mỗi người vài ba ngàn. Có nhiều hội hè lắm, nhưng cũng không có hội nào muốn giúp các tờ tạp chí bất vụ lợi một cách vô điều kiện cả. Chắc phải đợi đến thế hệ thứ nhì mới thay đổi được. Chứ như bây giờ bắt họa sĩ Khánh Trường một mình vác trên lưng tờ Hợp Lưu, Khế Iêm khênh trên vai Tạp chí Thơ, thấy bất nhẫn quá.

KINH TẾ MỚI, ĐỜI SỐNG CŨNG MỚI

Từ mươi năm nay sinh ra từ "kinh tế mới," nghĩa là nền kinh tế vận hành khác hẳn các quy luật cũ của kinh tế học. Nguyên do, vì công nghiệp điện toán, tin học, internet thay đổi cách quản

trị xí nghiệp, cách mua, bán, làm ăn.

Kinh tế mới thay đổi cách người ta làm việc, thay đổi cả cách người ta sống. Những cuộc nghiên cứu ở cho thấy nhiều khuynh hướng mới.

Cuộc nghiên cứu của Radcliffe Public Plicy Center cho biết trong thế kỷ 21 này mọi người sẽ chú ý đến gia đình nhiều hơn, chứ không hy sinh gia đình vì công việc như thế kỷ trước. Thứ nhất là vì nhiều phụ nữ đi làm, họ vốn coi gia đình là trọng, và họ không ngần ngại nêu mối quan tâm đó ra. Mà đàn ông con trai cũng khá ra. Trong lớp tuổi từ 21 đến 38, có 82% các ông chọn "gia đình là mối quan tâm số một." Ngay lớp người sinh ra hồi giữa thế kỷ 20, ở Mỹ gọi là "baby boomer" bây giờ cũng thấy chỉ cắm đầu cắm cổ lo làm việc là dại.

Nhân viên các xí nghiệp sẽ đòi hỏi ban giám đốc thay đổi giờ làm việc cho linh động hơn. Hội các nữ luật sư ở Massachusetts nghiên cứu thấy 40% các bà đổi sở làm trong hai năm qua có lý do là vì không thỏa mãn với điều kiện làm việc. Bà Tina Traficanti đã đi làm ở văn phòng khác, cho biết trong tương lai phụ nữ sẽ đòi giờ làm việc linh động hơn, vì họ coi nhu cầu trông nom con cái là quan trọng. Phụ nữ sẽ được đối xử ngang hàng với nam giới nhiều hơn trong thế kỷ này vì số các bà đi làm đông hơn.

Vì thiếu chuyên viên, vì cần chiếm lĩnh thị trường nhanh trước các đối thủ, và cũng vì lợi nhuận hứa hẹn cao, các công ty tin học và mạng lưới chiều đãi nhân viên, họ thay đổi sở làm nhanh chóng, nhẩy sở là tăng lương, lại thêm "phụ cấp vào". Có công ty muốn chiêu dụ một chuyên viên từ Texas lên Washington làm đã chịu trả tiền chở cả đàn chó mèo của anh ta bằng máy bay, có người trông nom suốt dọc đường!

Công việc trong các xí nghiệp tin học được hoạch định theo nhu cầu của nhân viên. Người ta hiểu rằng tài sản lớn nhất của một xí nghiệp là người. Mà tài sản đó nằm trong đầu óc nhân viên, nó di chuyển được, nó đi chỗ khác là mất. Mà nếu không có tự do thì óc sáng tạo của nhân viên không phát triển, coi như có tài sản mà không đem sử dụng! Đi làm, họ ăn mặc thế nào cũng được. Giữa giờ làm việc, nếu muốn thì ra ngoài chạy mấy vòng. Công ty nào đáng gọi là công ty cũng có phòng tập thể dục, đôi khi cả hồ bơi trong nhà. Những ưu đãi như thế bây giờ đã thành quen, các nhân viên họ coi như là quyền lợi đương nhiên được hưởng. Từ lãnh vực tin học lan sang các lãnh vực khác.

Người ta sẽ hay đổi sở, mà cũng không thiết tha tìm việc ở những công ty lớn, họ thấy hạnh phúc hơn khi làm cho các xí nghiệp nhỏ. Công ty Andersen nghiên cứu cho biết chỉ có 50% các cô gái tuổi teen nói rằng khi ra trường họ muốn làm ở các xí nghiệp lớn. Andersen cố vấn các công lớn: Hãy thay đổi, làm sao cho người ta thấy quý vị có hình ảnh mới, thân mật và linh động như các xí nghiệp nhỏ.

Các phương pháp dùng để thu hút và khích lệ nhân viên làm việc cũng sẽ thay đổi. Lương cao, bổng hậu, cơ hội được huấn luyện tay nghề cho giỏi hơn, các món mồi cổ truyền đó giờ chưa chắc đã quyến rũ được nhân viên giỏi. Đối với thế hệ công nhân trí óc mới, việc thông tin, liên hệ cá nhân, lòng tín nhiệm, tạo thông cảm giữa người với người trong xí nghiệp là phương tiện khích lệ quan trọng nhất. Ông Di Leo thuộc Công ty cố vấn quản trị William M. Mercer kể chuyện một xí nghiệp chế tạo ở miền Trung Tây không hiểu tại sao mới công bố cho nhân viên hưởng một chương trình bảo hiểm y tế và hưu bổng rất tốt, mà nhân viên không tỏ ra thỏa mãn hơn chút nào cả. Họ thuê người nghiên cứu phỏng vấn nhân viên, và khám phá ra điều quan trọng hơn là phải cải thiện cách truyền thông nội bộ. Nhân viên thắc mắc tại sao công ty lời rất nhiều mà họ không được tăng lương. Khi ban giám đốc tìm nhiều cách giải thích rằng họ đang phải đầu tư rất nhiều tiền ở hải ngoại, nếu không sẽ bị các hãng cạnh tranh đè bẹp trong tương lai, sau đó thái độ của nhân viên thay đổi, họ hài lòng hơn.

Trong thế kỷ tới, công việc làm cũng sẽ bị coi là thứ yếu so với đời sống gia đình, với sự phát triển và đời sống tinh thần của cá nhân. Nhiều công việc sẽ được làm ở nhà chứ không cần tới sở, do đó khó phân biệt được lúc nào là lúc làm việc, lúc nào nghỉ ngơi. Khách sạn Hilton nghiên cứu thị trường cho biết một nửa khách hàng của họ đi nghỉ hè cũng mang theo điện thoại lưu động, máy vi tính sách

tay, laptop. Hai phần ba khách hàng của mạng hotel này đem việc sở về nhà làm.

Ngược lại nhân viên đến sở lại lo việc riêng cũng nhiều, vì có khi họ về nhà rồi vẫn lo việc sở. Có 60% nhân viên thú nhận họ dùng đến một phần tư số giờ ở sở để làm việc riêng. Công ty Ford chế tạo xe hơi đã chính thức chấp nhận quan niệm mới, pha trộn đời sống gia đình, cá nhân với công việc. Họ đã đặt ra cả một chiến lược nhằm phối hợp ba cuộc sống đó với nhau, và huấn luyện giới quản lý của công ty về quan niệm mới đó.

Đại khái, đời sống những người đi làm ở Mỹ đang thay đổi vì nền kinh tế mới. Không biết như thế có thể trở thành những con người mới hay chăng, nhưng nếu đời sống tâm linh và gia đình được phát triển chắc con người sẽ hạnh phúc hơn!

XÂY DỰNG CON NGƯỜI MỚI NHƯ THẾ NÀO

Trên đây là chuyện ở Mỹ, một nước tư bản từ đầu đến chân. Đời sống kinh tế ảnh hưởng đến cách sống con người, đây là điều cụ Karl Marx chắc phải gật đầu đồng ý! Thế còn con người ở các nước cộng sản thì như thế nào?

Các lãnh tụ cộng sản khi nào bí quá không thể giải thích được tại sao chế độ của họ thất bại, thường đem một câu thần chú ra đọc: Muốn xây dựng chủ nghĩa cộng sản phải đào tạo con người cộng sản. Giống như ông Lê Khả Phiêu mới nói ở Sài Gòn ngày 19 tháng Mười Hai để dạy dỗ các đàn em chậm hiểu của ông - phải giả thiết là họ chậm hiểu, nếu không ông Tổng Bí thư chắc không cần nhắc lại. Vì câu nói này đã được ông Lênin nói, ông Stalin nhắc lại, rồi ông Hồ Chí Minh lại nhắc lại dạy dỗ đảng viên nhiều lần, mà chắc ông Lê Duẩn thế nào cũng nhắc lại nhiều lần khác. Cứ mỗi lần nhìn thấy các thất bại rõ ràng không thể đổ tại ai được, các lãnh tụ đều nói là tại vì chưa có con người cộng sản pha chế đúng toa thuốc, nấu nướng chưa đúng cook-book - tức sách dạy làm bếp. Tháng trước ông Lê Khả Phiêu mới vào Sài Gòn lên lớp: "Muốn có Chủ nghĩa Xã hội phải xây dựng con người xã hội chủ nghĩa, không có con người xã hội chủ nghĩa thì cũng không thể xây dựng thành công Chủ nghĩa Xã hội." Đại ý nói rằng sở dĩ đảng ta cứ hô hào suốt 50 năm tiến lên mãi mà vẫn chưa lên đến được Chủ nghĩa Xã hội là vì trong đảng còn toàn những con người cũ, như quý ông Phạm Huy Phước, Ngô Xuân Lộc, Vũ Xuân Trường, Nguyễn Ngọc Bích, v.v.. Do đó, không thể nói rằng cái chủ nghĩa đó không chạy, không bao giờ thấy được hình thù nó cả.

Nhưng lời nói của ông Lê Khả Phiêu mâu thuẫn với tư tưởng của Karl Marx. Marx nói rất rõ ràng: con người ta suy nghĩ, mong ước, tin tưởng thế nào là do hoàn cảnh xã hội nhồi nắn, mà trong cái thượng tầng kiến trúc đó thì tương quan xã hội là do tương quan sản xuất thuộc đời sống kinh tế tạo ra, mà tương quan sản xuất lại phụ thuộc vào lực lượng sản xuất, cái đó thì do dụng cụ sản xuất nó quyết định. Nói nôm na thì đại ý là: thay đổi cách làm ăn đi, thế nào rồi cách người ta sống cũng thay đổi.

Chương trình kinh tế của các đảng Cộng Sản từ thời ông Stalin qua ông Mao Trạch Đông đến ông Pol Pot đều dựa trên niềm tin tưởng đó. Nếu có ai phản đối việc tập sản hóa nông nghiệp của ông Xít, bước nhảy vọt hoặc nhân dân công xã của ông Mao, hay chương trình vĩ đại cải tạo cả nước Campuchia của ông Pol Pot, nếu có ai nhận xét rằng nhân dân trong nước của mấy ông đó chưa phải là công nhân vô sản đúng nghĩa của Marx, họ chưa thể làm việc theo quy mô lớn xã hội chủ nghĩa được, thì mấy ổng đều gạt đi, nói rằng cứ thay đổi cơ cấu sản xuất đi, hạ tầng cơ sở quyết định tất cả, con người sẽ thay đổi!

Nhưng khi các kế hoạch trên thất bại hiển nhiên không chối cãi được, các ông lãnh tụ đều đổ tại dân cả: dân chúng lười biếng chưa cải tạo thành con người xã hội chủ nghĩa, khiến cho các ông lớn mất bao công trình vẫn không xây dựng được Chủ nghĩa Xã hội! Thế con người xã hội chủ nghĩa nó thế nào? Làm sao đẻ ra được những con người mới bây giờ khi cơ cấu quản lý kinh tế và chính trị vẫn chủ yếu là cơ cấu thời phong kiến?

Suốt một nửa thế kỷ mà các lãnh tụ cộng sản còn tiếp tục hô những khẩu hiệu trống rỗng như thế, nó chứng tỏ hai điều. Thứ nhất, họ khinh đảng viên, coi tất cả là một lũ ngu đần. Thứ hai, cái đầu của họ hoàn toàn bế tắc, chính họ cũng không biết làm gì hơn ngoài việc hô mấy khẩu hiệu rỗng tuếch.

QUAN HỆ SẢN XUẤT NÀO?

Ông Lê Khả Phiêu trong bài nói chuyện dậy dỗ các đảng viên ở Sài Gòn đã bàn đến cả nền kinh tế thế giới trong thế kỷ mới. Ông Phiêu nhận xét về nền kinh tế toàn cầu hóa như sau: "Do sự phát triển của khoa học công nghệ, lực lượng sản xuất chung toàn thế giới sẽ có bước phát triển nhẩy vọt, ngày càng mở rộng khắp toàn cầu." Rồi ông Phiêu bắt mạch, chẩn bệnh cho kinh tế toàn cầu: "Nhưng sự phát triển lực lượng sản xuất ấy lại mâu thuẫn ngày càng gay gắt với chế độ chiếm hữu tư bản chủ nghĩa." Câu này lập lại lời chẩn bệnh kinh tế tư bản của Karl Marx cách đây một thế kỷ ruỡi. Theo Marx tiên đoán thì mối mâu thuẫn giữa "lực lượng sản xuất" và "quan hệ sản xuất" do quyền tư hữu tạo ra sẽ đưa kinh tế tư bản đến chỗ sụp đổ, không cách nào thoát được.

Nhưng ông Lê Khả Phiêu không dám nhắc lại lời tiên đoán đó, vì bây giờ mà nói như vậy thì ngay các đảng viên cộng sản trung kiên nhất cũng phải bật cười. Ông Phiêu chỉ rụt rè đặt những câu hỏi: "Liệu khủng hoảng kinh tế ở mức độ này hay mức độ khác có còn xẩy ra không? Cách mạng xã hội ở nơi này hay nơi khác có bùng nổ hay không?" Đặt hai câu hỏi rồi, ông Phiêu không trả lời. Vì không lẽ lại tự trả lời là "tôi cũng không biết." Mà thực ra thì hỏi như vậy nếu trả lời là có cũng chẳng sao. Nói có khủng hoảng cũng được, có cách mạng cũng được, nhưng khủng hoảng ở mức độ nào không biết, cách mạng ở đâu cũng không biết nốt! Nói như vậy không còn là ba phải mà đến bốn, năm phải. Cách nói năng đó giống như thầy bói nói dựa: "Thưa bà, cứ theo lá số này, như Thánh dậy thì gia đạo nhà bà liệu có khủng hoảng mức độ này hay mức độ khác hay chăng? Liệu ông nhà bà có mèo chuột ở nơi này hay nơi khác hay không?"

Cơ cấu kinh tế thế giới giúp cho các nước đều phồn thịnh là thị trường tự do. Một nền tảng của kinh tế thị trường là quyền sở hữu của tư nhân và hệ thống pháp luật bảo đảm quyền sở hữu tư được tôn trọng, bảo đảm các hợp đồng được thi hành. Người ta chỉ phát triển việc làm ăn nếu biết mình làm thì mình sẽ được hưởng, mặc dù ngay ở nước Mỹ là nơi coi như thành trì của kinh tế tư bản, vẫn có ông Bill Clinton hay George W. Bush luôn luôn đứng chờ bên cạnh. Hễ ai kiếm được một đồng thì ông nhà nước móc túi lấy ngay mấy chục xu, gọi là đóng thuế. Nước Mỹ không theo Chủ nghĩa Xã hội 100% nhưng một công ty ở Mỹ kiếm được một đồng mà nhà nước lấy 40 xu, thì có thể nói là kinh tế Mỹ đã trở thành xã hội chủ nghĩa đến 40% rồi! Thà rằng xã hội hóa 40% nhà nước còn thu được nhiều thuế hơn là chiếm lấy cả 100% rồi phá hỏng hết.

Câu hỏi căn bản là "Cơ cấu kinh tế như thế nào thì thúc đẩy người ta làm việc hữu hiệu và gia tăng sản năng lao động?" Kinh tế thế giới tiến, tiến mạnh nhất từ mấy chục năm nay là nhờ các tiến bộ trong khoa học, kỹ thuật, trong công nghiệp tin học. Nhưng tại sao lực lượng sản xuất đó lại phát nhanh, phát mạnh ở nước Mỹ vào thập niên 1990 mà không sớm hơn, mà cũng không phát được mạnh như thế ở các nước như Đức, Nhật, là hai cường quốc kinh tế khác?

Câu trả lời giản dị, bây giờ ai cũng biết, là cơ cấu kinh tế ở nước Mỹ được cởi trói cho tự do hơn từ thập niên 1980 đã khuyến khích, thúc đẩy các tiến bộ trong công nghiệp tin học.

Ở các nước Đức, Nhật, Pháp, nhà nước còn can thiệp vào nền kinh tế nhiều quá, nói cách khác, còn xã hội chủ nghĩa nhiều quá. Khi tư nhân được tự do làm ăn hơn, nhà nước can thiệp ít hơn, thì kinh tế tiến trông thấy. Bài học ở các nước nhỏ như Singapore, Hồng Kông, và gần đây ở Ái Nhĩ Lan, Tân Tây Lan cũng cho thấy như vậy: Kinh tế càng tự do thì càng phát triển nhanh.

Quyền tư hữu trong một thị trường có luật pháp, nền móng của kinh tế tư bản, chính là quan hệ sản xuất thuận tiện nhất để giúp lực lượng sản xuất phát triển mạnh hơn. Khi ông Lê Khả Phiêu nói "sự phát triển lực lượng sản xuất lại mâu thuẫn ngày càng gay gắt với chế độ chiếm hữu tư bản chủ nghĩa" thì không biết ông thấy nó gay gắt ở đâu, ở nước nào? Thực ra ông ta chỉ nhai lại những ý tưởng cũ rích của Marrx đã nói hơn 150 năm trước mà chẳng hiểu câu đó nói gì cả! Không biết gì, nhưng vẫn cứ lên lớp dậy dỗ, đủ biết ông ta khinh thường những người ngồi nghe như thế nào.●

TẤM HÌNH CỦA MỘT THI SĨ

ĐỖ QUÝ TOÀN

Trong ví tôi cất chân dung của một thi sĩ. Mỗi khi tôi mở cái bóp ra có ai tình cờ trông thấy khuôn mặt mầu xanh lục của một người đàn ông trẻ tuổi có ria mép, tôi lại mất công giải thích để tránh mọi hiểu lầm. Tôi không định giữ tấm hình ở đó - có giữ được cái gì mãi đâu? Chắc tôi sẽ bỏ nó đi, nếu biết bỏ chỗ nào cho tiện. Vứt bỏ cái gì cũng rất khó, phải nói thật như vậy. Có những người thản nhiên quyết định buông xả mọi thứ, như vứt bỏ một người mình yêu mười mấy năm, có người dứt khoát vứt luôn cả cuộc đời mình đi, chui đầu vào trong sợi dây thòng lọng rồi nhẩy một cái là xong. Nhưng các vụ quan trọng đó chắc dễ quyết định dứt khoát hơn là khi muốn vứt đi những thứ tầm thường vụn vặt, đồng ý không nào? Có lần tôi đã giữ một tấm vé đi xe điện ở Frankfurt (Main) trong cái ví suốt mấy năm trời, chỉ vì nó bé tí, nó mỏng và gọn quá. Lâu lâu trông thấy nó nằm giữa mấy tấm thẻ nhựa cùng mấy mảnh giấy vụn, những mẩu giấy ghi số điện thoại của ai mà mình cũng đã quên, tính bỏ đi thì lại không biết đem vứt vào đâu. Bỏ ngay vào thùng rác thì tội nghiệp quá, cái vé xe điện nhỏ xíu đó cũng chứa một kỷ niệm êm đềm. Tôi nhớ khi đứng trước cái máy bán vé tự động lúng túng đang đọc để tìm hiểu xem phải bỏ mấy đồng xu, bấm cái nút nào, thì nhìn thấy một cô gái mặc áo trắng đứng chờ sau lưng. Tôi ra hiệu mời cô lấy vé trước thì cô ta cứ từ chối, tôi đưa tay nói "bitte" thì cô ta lại lắc đầu nói, "bitte". Lằng nhằng một lúc, thấy tôi dò dẫm đọc cái bản đồ lộ trình, cô gái hỏi tôi muốn đi đâu? Tôi thành thực không biết. Tôi chỉ định lên xe điện, thế thôi, đi bất cứ chỗ nào cũng được, nhưng không dám thú thực như vậy. Tôi chỉ đại ngón tay vào một cái tên trạm xe in chữ lớn nhất, rồi đổi ý, chỉ vào cái tên trạm ở xa hơn. Cô gái đếm mấy đồng xu lẻ của tôi thấy còn thiếu, mà túi tôi lục lọc cũng hết tiền lẻ, cô móc túi lấy thêm mấy đồng xu của cô nhét vô cái máy, bấm cái nút, thế là một tấm vé đi tầu điện hình chữ nhật tụt ra, trên đó in cả giờ phút mua vé và trạm xe điện sẽ tới. Cô gái từ chối không nhận đồng tiền tôi trả lại, vì một đồng thì nhiều quá, số tiền cô đã bù cho tôi chỉ có mấy chục xu. Trên xe tôi hỏi cô những chỗ nên đi coi trong thành phố này. Cô học văn chương. Cô chỉ đường tới ngôi nhà cũ của Goethe. Tôi nói sẽ tới thăm, tôi lại hỏi có di tích của một thi sĩ nào khác hay không. Cô không có thời giờ đi uống cà phê. Có lúc tôi giải thích cho cô biết rằng người Việt Nam chúng tôi tin nếu mình nợ ai mà không trả, kiếp sau thế nào cũng phải đi tìm mà trả. Tôi muốn đưa cô cả tờ giấy một đồng mark vì tôi không muốn mang nợ. Cô bảo tôi cứ mang nợ đi không sao, kiếp sau tôi cứ đi tìm cô mà trả. Nhưng nếu cô đi tìm tôi thì vẫn dễ hơn, vì cô thuộc đường thuộc xá hơn? Cô hứa kiếp sau sẽ sinh ra ở Việt Nam, ở đó tôi không sợ lạc đường. Nếu có duyên thì sẽ gặp lại, tôi nói!

Thế đấy, đã hẹn với người ta rồi, cái vé xe điện đáng lẽ phải giữ làm tin để kiếp sau lấy làm bằng cớ mà đi trả nợ, thế mà bây giờ bỏ nó đâu tôi cũng quên mất. Chắc lại kẹp trong một cuốn sách nào đó để đánh dấu trang đang đọc dở. Rồi năm, mười năm chưa mở ra đọc lại, giờ muốn tìm cũng phải lật từng cuốn sách ra coi. Có lần tôi hỏi một người bạn: Khi đi đầu thai kiếp khác liệu mình có được phép mang theo mấy cuốn sách cũ đi không nhỉ? Anh bạn trả lời ngay: "Mang gì mà chẳng được. Kẹp 5 đô la vào cái passport là xong

hết." Anh ta không hiểu chuyện.

Cuối cùng thì mình chẳng giữ được cái gì mãi, cho nên đừng có ý định giữ gì cả là hơn, nghĩ được như vậy thì cũng thấy lòng mình nhẹ bớt. Cứ nghĩ phải lo mang cả đống sách cũ sang một kiếp mới chỉ để tìm một tấm vé xe điện thì thấy đời này đã mệt, đời sau còn mệt hơn nữa. Phải quên bớt đi, bỏ bớt đi, đừng ôm lấy nhiều quá. Cho nên thế nào cũng có lúc tôi sẽ vứt bỏ tấm hình mầu xanh lục của một thi sĩ có ria mép cất trong ví này đi, sẽ bỏ đâu đó một cách tình cờ, chính mình cũng quên khuấy. Nhưng hiện giờ thì mỗi lần mở ví ra có ai trông thấy cái hình, nhiều người tưởng đó là một đồng đô la, tôi lại phải nói đây không phải là tiền Mỹ đâu, dù nó cũng mầu xanh. Đó là hình một thi sĩ. Nói tên thì nhiều người cũng chẳng biết thi sĩ đó là ai. Có mấy thi sĩ bây giờ nổi tiếng nhất ai cũng biết, nhưng trông cái hình này không giống hình các thi sĩ Du Tử Lê hoặc Nguyễn Duy vẫn in trên các bích chương, mà chắc chắn không phải hình thi sĩ Trần Mộng Tú thấy trên bìa sách. Hôm nay tôi xin kể chuyện tấm hình của một thi sĩ này, nói một lần cho các bạn nhìn thấy khỏi thắc mắc.

Số là có một đêm ở Budapest, một đêm trăng thượng tuần, chúng tôi đi dạo bên bờ sông Duna, dòng sông xanh nổi tiếng chúng ta thường biết dưới cái tên Pháp là Danube (Đi ngược dòng sông sang đến địa phận nước Áo thì đổi tên thành Danau.) Một đêm trăng, đứng ở hữu ngạn con sông, từ bờ phía Pest nhìn sang nóc những tòa lâu đài cao trên đồi in hình đen thẫm lên nền xanh lác đác sao ở phía Buda, giữa trời trăng lồng lộng, dòng sông trải mênh mang như chứa đầy gió thổi. Một khung cảnh làm ai cũng phải cảm kích.

Buổi chiều hôm đó anh bạn trẻ của tôi ở Budapest nói anh phải dẫn tôi đến thăm lại pho tượng của một thi sĩ người Hung, thi sĩ Joseph Atilla. Linh muốn đưa anh Tuệ đến thăm tòa nhà quốc hội, nhân tiện cho tôi đến thăm pho tượng Atilla lần thứ nhì, chỉ cốt chụp ảnh. Tượng thi sĩ đặt trong vườn hoa phía bên phải tòa nhà quốc hội, bên cạnh dòng sông Duna. Pho tượng bằng đồng tả Atilla đang ngồi trầm mặc, đôi mắt lõm sâu nhìn xuống hướng ra mặt sông. Linh kể rằng người ta đã vận động dựng tượng cho ông để tỏ lòng biết ơn của một dân tộc dành cho một thi sĩ, và chọn nơi trang trọng nhất như thế này. Dòng sông ở sau những hàng cây thưa vẫn luôn luôn ở đó trước khi thi sĩ ra đời và sau khi ông chết. Dòng sông luôn luôn chuyển biến mà vẫn trôi đi như hằng cửu, dân tộc ông và quê hương ông cũng vậy. Một pho tượng thật đẹp. Trông thấy biết ngay đây phải là một thi sĩ - không phải một người đi tìm việc làm, đói bụng, mỏi chân, đang ngồi nghỉ. Không ai đi dựng một pho tượng một người thất nghiệp vô danh. Thi sĩ, chắc lúc nào cũng đang chờ đợi, cũng đang khao khát một thứ gì đó, chính mình không biết, Atilla ngồi như vậy. Con mắt sâu như đã nhìn mãi vào một cõi không cùng, đã biến thành những hố trũng. Đôi mắt chỉ thấy tròng hõm, trống rỗng không có gì hết. Làm sao người ta có thể dùng một không gian trống rỗng để diễn tả nhiều nỗi u ẩn trầm tư đến như vậy? Gò má cao, bàn tay gầy xương xẩu, nếp áo buông hững hờ, một tấm áo khoác cuộn vứt nằm bên chân. Đó là hình ảnh cả một cuộc đời, cả một đời người, vừa ở trong đời vừa lạnh lùng xa cách cõi nhân gian. Trông thấy biết là một thi sĩ. Thật sự như thế nào thì thấy là một thi sĩ, tôi không thể nói được. Nhưng nhìn pho tượng này thì thấy vậy, vì chất thơ tỏa khắp cõi nhân gian.

Linh đã tình cờ dẫn tôi đến coi pho tượng Atilla một lần rồi, cũng vào một buổi chiều. Hôm đó chúng tôi gặp hai bà cụ già ngồi trên ghế đá ở gần pho tượng đang nói chuyện với nhau. Linh làm quen với hai cụ, họ cũng là những người ngưỡng mộ thi sĩ Joseph Atilla vì họ thường ra đây trò chuyện, họ rất cảm động khi thấy những khách phương xa đến đây mà chiêm ngưỡng thi sĩ của họ. Tôi thích ngay hình ảnh Atilla. Ở các viện bảo tàng người ta cấm không được sờ các pho tượng, ở công viên thì mình ta hồ vuốt ve tà áo, xoa trên tóc, chạm tay lên gò má của thi sĩ. Một cái gì đẹp, như pho tượng đẹp mà chỉ được ngắm nghía thì uổng quá, phải chạm tay vào mới đã. Bữa đó chú bạn tôi cứ ân hận không mang theo máy ảnh để chụp cho tôi giữ lại một hình ảnh mà tôi thích. Tôi biết cái gì mình thích đến mấy cũng không giữ mãi được, nên không quen mang máy hình khi đi xa, một phần vì tính hay quên, chỉ ngại làm mất, phần khác vì đã có kinh nghiệm đi chụp bao nhiêu hình rồi cũng bỏ mất. Nếu có thấy tấm hình cũ thì lại động tâm muốn trở lại thăm nơi mình đã tới, nhưng nếu có trở lại thì cảnh và người cũng đã thay đổi. Nơi nào mình đã đi qua thì cũng muốn trở lại, mà làm sao mình có thể trở lại tất cả những nơi mình đã tới trên trái đất này được? Rồi sẽ đến ngày mình thế nào cũng bỏ

hết các thứ kỷ niệm ở đời, không hy vọng mang theo được tấm hình nào cả.

Lần trước, khi mới đến Budapest vào buổi tối, tôi đi bộ với Linh bên bờ sông Duna đến hai giờ sáng, nghe kể lại tiểu sử từng cây cầu bắc qua dòng sông. Các con sông xưa nay vẫn là nơi chứa đầy những mẩu chuyện về loài người, về bao nhiêu cuộc đời. Con sông này khi chảy qua Budapest không mênh mông hoành tráng như dòng Trường giang, "Cổn cổn Trường giang đông thệ thủy..." Tôi từng ước mong đi nhìn cảnh "Duy kiến Trường giang thiên tế lưu," khi tới đó quả nhiên thấy mình sống lại kiếp trước, hàng ngàn năm cũ. Nhưng hơn 50 năm trước đây đã có người ở tận Việt Nam từng ước ao "Hay là chết bên giòng sông Danube." Một ngày trước khi đến Budapest lần đầu tôi đã nhớ câu hát đó của Phạm Duy khi đi thuyền trên khúc sông cũ, Alte Danau ở Wien cùng mấy cô cháu vui tươi như chim sáo. Không, tôi không cần phải chết ở đó.

Buổi sáng đầu tiên tôi thức dậy ở Budapest, Linh đã dẫn tôi đi quanh co các con phố cổ, dừng lại hỏi thăm đường mấy lần để tìm cho ra pho tượng một thi sĩ khác, Petofi Sándor. Năm 1956 vụ nổi dậy của dân Hungary bắt đầu với những người họp nhau trong Câu lạc bộ Petofi. Tôi nghe tiếng ông này từ trước, vì vậy khi đến thành phố này lần đầu đã muốn thăm các di tích của ông. Hoàng Linh bảo tôi đứng dưới chân tượng đài Petofi để chụp hình kỷ niệm, pho tượng ở tít trên đỉnh cái cột, trông không rõ mặt, chẳng thấy có vẻ thi sĩ chút nào cả. Mấy tấm hình này chắc tôi còn giữ đâu đó. Nhưng tới buổi chiều hôm sau, khi chúng tôi đi chơi bờ sông gặp pho tượng Atilla ngồi một mình, một cuộc gặp gỡ tình cờ, thì Linh lại không mang máy hình. Mà pho tượng này mới thật là đẹp, nhác trông đã thấy như đang đọc thơ rồi. Vì thế mùa Thu năm nay khi tôi trở lại Budapest lần nữa, Hoàng Linh nhất định mang theo máy hình đi tìm Atilla để chụp.

Pho tượng đẹp thật. Nét mặt thi sĩ trông thấy vẻ khắc khổ nhưng lại rất trữ tình, cả khối kim loại sờ vào lạnh tay mà nhìn thật mềm mại, nếp quần áo, gò má, cánh tay áo, mớ tóc xòa trên trán, trông thấy chất kim khí chứa hồn người thiên cổ đang thì thầm kể lể với mình. Những ngón tay của nhà điêu khắc đã biến các chất sắt, đồng thành da thành thịt, thành sương gió gian truân của một đời người, thành lịch sử vinh nhục của một quốc gia, thành tình thương, thành lòng yêu nước, thành những nỗi khát khao của cả dân tộc, những đau khổ và hy vọng chất đầy bao nhiêu thế kỷ. Đồng, sắt biến thành thơ.

Buổi chiều hôm đó, sau khi chụp nhiều hình với thi sĩ Atilla tôi nói Linh phải đưa Tuệ và chị Như đi qua nhìn pho tượng của Nagy Imre, nhà lãnh đạo chính trị mà quân Nga đã bắt đảng Cộng Sản Hungary đem ông treo cổ sau khi cuộc cách mạng năm 1956 thất bại. Bây giờ, người Hungary để tượng ông giữa một công viên nhỏ, cây cối rủ chung quanh. Ông đứng trên một cây cầu giả, mặt cầu bằng kim loại cũng phơi bầy những nỗi gập ghềnh. Ông đứng quay nghiêng tựa vào thành cầu, như đang dừng bước băn khoăn, mắt ông trông về phía tòa nhà Quốc hội, phía dòng sông Duna. Trông Nagy như một vị giáo sư già đáng kính đang đi tới lớp học, không có vẻ gì là một nhà cách mạng, một lãnh tụ, một người tuẫn đạo. Đội mũ, đeo kính, tay cầm tập giấy, dáng điệu ưu tư, bước chân như ngập ngừng. Người Hung muốn nhớ đến ông bằng hình ảnh như vậy chăng? Như một người sống bình thường nào đó. Trong đời sống mỗi người, chúng ta chỉ có thể làm cách mạng trong một quãng thời gian nào thôi, có khi trở thành thánh tử đạo trong một giây phút quyết định khó khăn và kinh hoàng nào đó thôi. Nhưng suốt đời người ta, ai cũng có thể sống như một người trí thức băn khoăn và ngập ngừng, một con người suy nghĩ, muốn hiểu biết, dám nghĩ và nói với tinh thần độc lập và tự trọng.

Trông các pho tượng Nagy cũng như Atilla đặt trong thành phố chúng ta thấy người dân xứ này muốn nhớ đến các danh nhân như người hàng xóm, như những người có thể gặp ngoài phố mỗi ngày, chứ không định suy tôn thờ phụng họ như những anh hùng, những thần tượng. Mỗi ngày bao nhiêu người dân Budapest đi làm, đi học, đi dạo qua bờ sông có thể gặp Nagy và Atilla như gặp những người đang sống chung quanh họ. Ai cũng có thể thấy mình sống được như Nagy hoặc Atilla, những người bình thường và giản dị. Sống như người bình thường sung sướng nhất. Bắt một thi sĩ hay một nhà chính trị sống suốt đời như thần tượng cho mọi người ngưỡng mộ thì tội nghiệp cho họ quá. Bắt nhân loại bình thường phải suốt đời làm cách mạng, phải làm anh hùng 24 giờ một ngày thì thật là nhẫn tâm, là thiếu lòng thương xót. Nói theo Boris Pasternàk, những gia vị làm cho thức ăn ngon,

nhưng con người ta không thể sống suốt đời mà chỉ ăn ớt được.

Buổi tối hôm đó, sau khi thăm Atilla và Nagy chúng tôi thơ thẩn ra về, đi bộ tới bờ sông Duna đúng lúc trăng bắt đầu hiện ra tỏa sáng giữa không gian. Thành phố cũng đầy những cột điện, nhưng bên bờ sông đang tối dần dần trăng hiện ra lộng lẫy giữa không gian. Bốn người dừng lại bên bờ sông chiêm ngưỡng tấm nước chảy nhu nhuyễn như vắt ngang bầu trời đầy trăng sáng. Sông trôi quanh co dưới thung lũng, sông uống đầy một bụng toàn những ánh trăng, rồi sông lại nhả ra cho ánh sáng mờ ảo bốc lên trả lại bầu trời. Có lúc mặt nước óng ánh như dừng lại không chuyển động, rồi lại chảy tuôn đi. Sông rướn tấm thân là lụa lên giữa các vẩn mây vàng nhẹ như những ngón tay của một tình nhân. Bên bờ sông sương bắt đầu tỏa, một người đàn ông chui từ ánh trăng ra, bước đến hỏi chúng tôi bây giờ là mấy giờ. Chị Vân Như trả lời bằng tiếng Hungary cho anh ta. Nói cảm ơn xong anh ta bước ra phía bức tường đầy chạy theo bên bờ sông, anh gác chân leo lên, ngả tấm lưng dài nằm xuống, hai tay đặt dưới gáy, mắt nhìn lên phía vầng trăng. Lại một người đang làm thi sĩ. Ước chi mọi người lâu lâu ai cũng có những giây phút hạnh phúc được làm thi sĩ một mình như vậy.

Linh lại có hứng muốn chụp hình. Ai cũng muốn ghi lại hình ảnh một đêm trăng bên bờ sông Duna diễm lệ, dù đoán rằng trong đêm tối như vầy các tấm hình in ra sẽ đen xì, khó nhìn thấy được gì. Nhưng khung cảnh tràn ngập cảm xúc. Con sông đấy. Vầng trăng đấy. Ông Lý Bạch đến đây chắc sẽ chọn chỗ này nhẩy xuống. Xa xa bên kia sông là nóc những lâu đài, những tháp nhà thờ đen thẫm. Trên bờ tường, một thi sĩ vô danh đang nằm mơ mộng. Tôi chỉ để ý đến bộ ria của anh, bộ ria có vẻ được chăm sóc kỹ hơn quần áo anh đang mặc, cái áo bằng dạ kẻ ca rô như các công nhân ở Mỹ thường mặc. Không biết anh ta đang mơ mộng về một người tình nào đây. Những đêm trăng sáng như vầy, ai chẳng nhớ đến một người yêu ở chốn xa xăm? Kể cả những người đã quên mình rồi.

Đèn chụp hình nhấp nháy làm cho chàng thi sĩ vô danh đứng dậy, Linh mời anh ta đứng chụp chung vài tấm hình nữa. Linh hỏi: Trông anh hạnh phúc quá nhỉ? Rồi Linh dịch cho chúng tôi nghe câu anh ta trả lời: Hạnh phúc chứ! Đây là đêm tự do đầu tiên của tôi! Tại sao? Vì tôi mới ở tù ra! Ở tù? Bao nhiêu lâu? Lần này là mười năm!

Nghĩa là còn những lần trước nữa. Vậy mà trông anh ta tưởng như mới ngoài hai mươi tuổi. Không ai hỏi anh ta đi tù vì lý do nào. Linh xin địa chỉ nói sẽ gửi hình mới chụp cho anh. Lúc đầu anh từ chối, nhưng Linh nói mãi, anh ghi cho một cái địa chỉ nhưng nhất định không cho biết tên. Anh nói thêm, anh không tin có người lại tử tế gửi hình cho anh. Người dưng nước lã, gặp gỡ giữa đường, ai lại tử tế với nhau như vậy.

Rồi để bầy tỏ tấm lòng quý mến với những người da vàng từ phương xa tới chia sẻ với anh buổi tối tự do đầu tiên sau mười năm tù, anh rút trong túi ra một tờ giấy mười đồng forint đưa tặng chúng tôi. Tíz Forint. Đó là loại giấy bạc thời xưa, bây giờ không dùng nữa, anh nói. Nhưng vì nó cũ nên mới quý. Tuệ muốn giữ đồng bạc này làm kỷ niệm, đã tính nhét vào trong bóp. Anh đi đâu cũng mang máy hình, có khi hai máy, và hàng chục cuộn phim dự trữ. Mọi người muốn truyền tay nhau cùng coi tờ giấy bạc cũ. Khi truyền đến tay tôi, nhìn thấy chân dung thi sĩ Petofi thì tôi nói đùa: tôi giữ cái này mới đúng. Trước khi đến Budapest tôi đã có ý đi tìm Petofi mà. Nói đùa vậy thôi, chứ thực ra tôi vốn biết mình không thể giữ cái gì lâu được, Tuệ thì cái gì cũng cất đi rất kỹ, để tôi giữ rồi làm mất nó phí đi. Không ngờ Tuệ nhường thật, bảo tôi cầm lấy làm kỷ niệm. Thế là tôi phải bỏ tấm hình trong ví một cách rất long trọng.

Đồng tiền in năm 1969, thời nước Hungary còn theo Chủ nghĩa Xã hội, nhưng họ in hình một thi sĩ đời xưa. Không hiểu sao Petofi Sándor làm tôi nhớ đến Quách Thoại, hoặc Phùng Quán. Cái tên của ông người Tây phương hay viết ngược thành Sándor Petofi tức là tên trước, họ sau. Đến đây tôi mới biết người Hungary viết họ và tên giống như người Á Đông. Con đường mang tên nhạc sĩ Bartok viết là Bartok Bela, tên nhà chính trị viết là Nagy Imre. Ngôn ngữ Hungary cũng thuộc một họ khác hẳn những ngôn ngữ Ấn Âu khác. Hàng ngàn năm trước quân Mông Cổ đã đi qua và đóng lại ở vùng này. Petrovics Sándor sinh năm 1823 ở xứ Pest, xuất bản tập thơ đầu năm 20 tuổi. Khi dân Hungary đứng dậy chống lại đế quốc Áo và đoàn quân Nga định đè bẹp khát vọng độc lập của họ, năm 1848 Sándor viết bài thơ "Talpra Magyar- Vùng dậy, Dân Magyar" đã được dùng làm lời bản quốc thiều.

Ông chết trong khi chiến đấu cho tổ quốc. Lúc mới 27 tuổi. Sống như một thi sĩ, chết như một thi sĩ. Thật là cuộc đời hạnh phúc! Tôi lại nhớ câu thơ cổ: Các con ơi, cha anh chết đều chưa đầy ba mươi! Không nhớ đó là thơ Quách Thoại hay Thanh Tâm Tuyền. Một dân tộc cứ dựng tượng các anh hùng tuẫn tiết như Nagy, như Petofi chắc là một dân tộc đã trải qua nhiều nỗi khổ đau lắm. Có thi sĩ nào muốn làm cho người khác đau khổ, dũng cảm, đi giết người và chết vì thơ của mình gây cảm hứng cho người ta sống như vậy hay không? Hay là định mệnh một dân tộc như thế nên sinh ra những thi sĩ như thế, rồi dựng họ lên thành thần tượng? Có dân tộc nào dựng tượng các thi sĩ sống ngơ ngác giữa đời, và làm cho người chung quanh cũng nhiễm cái tính hoài nghi, thắc mắc suốt đời của mình hay không? Trong một bức thư Maxime Gorky viết cho Bernard Shaw vào năm 1915, ông ca ngợi "Cái tính hoài nghi của dân Anglo Saxon có lẽ là thứ tuyệt diệu nhất được tạo ra trên trái đất này và nó đã đạt tới mức cao nhất trong ông, Shaw ạ..." Rồi mười năm sau, Maxime Gorky viết thư cho Stefan Zweig nhắc đến Anatole France: "Tôi nghĩ nụ cười hoài nghi của một người Pháp sẽ hữu ích cho người Nga chúng tôi, bởi vì chúng tôi luôn luôn quá sẵn lòng tin tưởng, và thường cứ tin tưởng một cách mù quáng." Thư viết năm sau khi Lenin đã qua đời và đang được tôn sùng như thần tượng.

Thế đấy, đó là nguyên do tại sao tôi cất tấm hình thi sĩ Petofi Sándor ở trong ví từ hôm đó tới nay. Trông cái hình này có cái vẻ thi sĩ hơn, trông thi sĩ hơn pho tượng đứng trên cột. Đôi mắt nhìn đăm chiêu thấy có hồn hơn. Thi sĩ chắc phải có tâm hồn như vậy. Nhưng thế nào thì gọi là có tâm hồn thi sĩ, thật tình tôi không biết. Chúng ta gán cho Thơ một cảm tưởng, một tác dụng nào đó, rồi chúng ta muốn thi sĩ phải như thế, như thế. Rồi chúng ta cất một thi sĩ vào trong túi, để ông giữa những đồng tiền Hung, tiền Ba Lan, tiền Đức, tiền Mỹ, làm như vậy để tưởng tượng mình cũng gần với Petofi, gần với thơ. Đối với người tù mới được tự do, đồng bạc Tiz Forint này có thể là một kỷ niệm quý báu nên anh mới lưu giữ suốt mười năm. Hay lúc bị bắt anh ta đã bị lột hết các đồ vật riêng tư giao cho quản giáo cất đi, trong đó có đồng tiền này. Mười năm sau, khi anh được tha, người ta trả lại anh, anh nhìn đồng bạc đó, có thể đã sống lại cả một quá khứ mà anh muốn quên. Tại sao anh bị tù? Chế độ thay đổi mà anh vẫn nằm tù thêm mười năm! Tại sao anh không thiết giữ đồng bạc của quá khứ? Tôi có thể tưởng tượng cả một tấn bi kịch, một mối tình tan vỡ, một cơn ghen tuông giận dữ đã khiến anh chàng hiền lành này phạm tội, như nghe người yêu nói "Em không còn yêu anh nữa." Sau mười năm chắc cô ta đã lấy chồng, có cả một đàn con rồi. Mỗi lần nhìn đồng tiền, chàng lại nhớ ra, không hiểu tại sao mình có thể phạm tội ác ghê gớm vì ghen tuông, vì thất vọng, vì một mối tình trời ơ đất hỡi như vậy. Nhưng đó chỉ là tôi tưởng tượng. Cuối cùng, tất cả cũng đều là tưởng tượng. Dòng sông, mặt trăng, thi sĩ, người tù, đồng bạc cũ. Như vậy thì thế nào tôi cũng sẽ bỏ mất đồng bạc đó, nhưng tôi sẽ không biết mình bỏ mất ở đâu. Mà biết trước để làm gì?

Thế đấy. Tôi cất tấm hình thi sĩ Petofi Sándor vào trong ví, cái ngăn ví mọi người thường để hình ảnh vợ, chồng, Chúa, Phật hay tình nhân. Cho tới bây giờ cái hình vẫn nằm đó.

Đời sống gồm tất cả những chuyện tình cờ, tất cả chỉ là những chuyện vụn vặt tình cờ như thế, chuyện nọ tới sau chuyện kia, chúng ta thường quên điều đó. Mang tấm hình một thi sĩ trong ví chỉ vì chuyện tình cờ. Vì có một đêm trăng. Vì con sông Danube diễm lệ tình cờ chảy qua đây. Con sông đã trở thành huyền thoại của bao nhiêu người từ thuở ấu thơ, một cách tình cờ lúc nào không biết. Vì có một anh chàng ra khỏi nhà tù tình cờ đến nằm bên bờ sông tận hưởng niềm vui đêm tự do đầu tiên - tại sao anh không đi thăm những chỗ khác chắc vui nhộn hơn nhiều?

Đêm hôm đó tôi đã nhắc Hoàng Linh, bây giờ tôi nhắn lại lần nữa: Linh nhớ gửi tấm hình cho người tù vô danh đó nhé. Chính vì những chuyện tình cờ mà cuộc đời mới vui như thế. Linh hãy giúp anh ta thêm một niềm vui và một niềm tin nho nhỏ. Anh ta cần tin rằng trên đời này cũng có những con người tử tế, có người nhớ đến anh. Có người muốn bầy tỏ lòng tử tế với nhau dù suốt đời chỉ gặp nhau có một lần. Có người vẫn giữ lời hứa gửi hình cho anh dù nếu quên cũng chẳng ai đi kiện. Con người ai cũng muốn ăn ở có tình có nghĩa với nhau, anh bạn tù nhân có thể tin như vậy. Ngay cả khi đời sống chỉ là những chuyện vụn vặt tình cờ, mình vẫn có thể đối sử với nhau cho tử tế. Tại sao không? Đó chính là nguồn vui, là hạnh phúc khi sống ở đời.●

SỰ QUAN HỆ GIỮA LUẬT PHÁP VÀ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

NGUYỄN VĂN THÀNH

Phần nhiều văn bản pháp lý có những từ chuyên môn khó hiểu và đôi khi còn tối nghĩa do sự cần thiết phải dùng thuật ngữ (terminology) để diễn đạt một chủ đề nào đó và chỉ có ích lợi cho các luật gia mà thôi. Tuy nhiên, luật pháp đề cập tới mọi khía cạnh của đời sống để giải quyết những vấn đề tương tranh cá nhân và tập thể đã tạo ra một kho tàng văn học mà ít người để ý đến.

Những người không chuyên môn về luật thường cho rằng luật pháp là điều khó hiểu, vượt ra khỏi các hiểu biết thông thường. Như vậy, ta thấy có một khoảng cách giữa chuyên gia và người không chuyên về khoa luật học.

Để rút ngắn khoảng cách nói trên, từ nhiều thế kỷ qua các nhà nghiên cứu đã đề ra hai giải pháp:

1. Phổ biến những áng văn chương liên quan tới luật pháp qua nhiều đề tài và nhiều thể loại như truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch bản, triết học, luận án, biện hộ và buộc tội, tường thuật các phiên tòa, hồi ức, nhật ký, phê bình, thi ca... Xin đơn cử một vài tác phẩm của các nhà văn, nhà thơ như *"vụ Cain và Abel"* (trong Kinh Thánh) của David Werner Amram, *"Socrates bị kết án tử hình"* (Socrates is condemned to death) của Plato, *"Kẻ sát nhân"* (The assassin) của Guy de Maupassant, *"Vụ Crainquebille"* (Jérôme Crainquebille "phỉ báng một cảnh sát viên") của Anatole France, *"Ngày mai"* (Tomorrow) của William Faulkner, *"Hồi ức về máy chém Guillotine"* (Reflections on the Guillotine) của Albert Camus, *"Nhật ký phiên Tòa Nuremberg"* (Nuremberg Diary) của G. M. Gilbert, *"Luật pháp giống như tình yêu"* (Law Like Love) trích trong thi ca pháp lý, tác giả W.H. Auden và còn nhiều nữa...

2. Những sách báo khảo luật cũng cần được phổ biến rộng rãi như tập san khảo luật (Pháp Lý Tập San), được các nhà sử luật coi không những là kho tàng vĩ đại của luật pháp mà còn là kho tàng đồ sộ của văn học (The Law Reports are not only a great treasure of law but they are a great treasure of literature). (1)

Về nghệ thuật, luật pháp đã thu hút nhiều nghệ sĩ danh tiếng qua các thời đại cho đến tận hiện nay, đã đóng góp nhiều kiệt tác có chủ đề pháp lý vào kho tàng nghệ thuật như Giotti, Michelangelo, Tintoretto, Rubens, và Doré, chưa kể nhiều nghệ sĩ ẩn danh. Các tác phẩm vừa đề cập trưng bày tại Viện Bảo Tàng khắp nơi trên thế giới, đặc biệt đối với những quốc gia chịu ảnh hưởng luật pháp Hồng Mao (*Anglo- Saxon*) và luật La-Hy (*Greco-Roman*), gọi chung là luật Tây Phương (*Western law*), trong đó có Việt Nam Cộng Hòa đã áp dụng Bộ Hình Luật Canh Cải, Bộ Hình Sự Tố Tụng do người Pháp du nhập vào nước ta khi Pháp cai trị Đông Dương.

Sẽ là một điều thiếu sót nếu không đề cập tới một bộ sách quí mang tựa đề *Luật Pháp: một Kho Tàng của Nghệ Thuật và Văn Học (Law: A Treasure of Art and Literature* edited by Sara Robbins.) Cuốn sách khổ 33x 25cm, 376 trang trong đó có 198 tác phẩm của các nhà hội họa và điêu khắc. Quí vị độc giả nào quan tâm đến đề tài này và yêu nghệ thuật có thể đến Thư Viện Quốc Hội, Washington D.C. để mượn sách nghiên cứu.

Như thế, ta thấy luật pháp rất gần gũi với văn học và không có sự ngăn cách nào giữa hai lĩnh vực đó. Theo Lord Birkett, luật gia lỗi lạc và còn là một nhà văn, đã nhận xét như sau: *luật pháp và văn học đã có từ lâu và kết hợp chặt chẽ (law and literature have been long and closely associated)* (2).

Để minh họa cho thể loại văn học trong chủ đề luật pháp, chúng tôi xin trích và phỏng dịch

câu chuyện sau đây, về một nghệ sĩ xiếc đã giết chết người vợ trẻ xinh đẹp trong một màn biểu diễn phóng dao. Truyện mang tựa đề:

TỘI PHẠM CỦA HAN (3)

Tác giả: SHIGA NAOYA

Một nghệ sĩ xiếc Trung Hoa, Han, trong một màn biểu diễn thông thường, đã phóng một trong những con dao lớn cắt đứt mạch máu chính ở cổ (*carotid artery*) của người vợ, trước sự kinh ngạc của tất cả khán giả (hai mạch máu gọi là động mạch cảnh "*carotid arteries*" nằm hai bên phía trước cổ dẫn máu từ tim lên nuôi não bộ). Người vợ của nghệ sĩ xiếc chết tại chỗ. Han bị bắt ngay.

Sự kiện xẩy ra tại hiện trường trước sự hiện diện của ông Giám Đốc nhà hát, người phụ tá cho Han, người giới thiệu chương trình và hơn 300 khán giả. Ngoài ra, còn có một cảnh sát viên đứng sau sân khấu. Mặc dầu có sự chứng kiến của tất cả các nhân chứng ấy, vẫn có sự bí ẩn vì không biết đó có phải là vụ giết người có chủ tâm hay chỉ là một tai nạn.

Màn biểu diễn của Han diễn tiến như sau: vợ Han đứng trước một tấm gỗ kích thước như cánh cửa, với khoảng cách gần 4 yards Han phải ném những con dao lớn, mỗi con cách nhau 2 inches chung quanh thân thể người vợ. Cứ mỗi lần con dao rời khỏi tay, Han hét lên một tiếng để gây thêm phần hào hứng cho cuộc biểu diễn.

Lời khai của nhân chứng

Ông Dự Thẩm hỏi cung các nhân chứng:

1. Ông Giám Đốc nhà hát

"Nhân chứng có thấy đó là một màn trình diễn rất khó không?"

"Không, thưa Ngài Dự Thẩm, không có gì khó khăn đối với người biểu diễn có kinh nghiệm. Nhưng biểu diễn màn đó cho đúng cách,người trình diễn cần có thần kinh thật vững vàng và phải tập trung tư tưởng trọn vẹn."

"Tôi hiểu. Nếu sự việc xảy ra như một tai nạn, loại tai nạn này thật hiếm thấy xảy ra có phải thế không?"

"Quả đúng như vậy, thưa Ngài. Nếu những tai nạn có thể xảy ra giống như vậy, tôi sẽ không bao giờ chấp nhận cho biểu diễn màn đó trong nhà hát của tôi."

"Vậy thì nhân chứng có coi sự việc xảy ra được thực hiện với sự cố ý?"

"Không, thưa Ngài, tôi không nghĩ như thế. Và đây là lý do: một hành động như vậy trong màn biểu diễn với khoảng cách 12 feet không những đòi hỏi tài nghệ mà còn phải có trực giác hoàn hảo. Sự thực tất cả chúng tôi đều nghĩ không có một lỗi lầm nào trong màn trình diễn này. Nhưng sau khi sự việc xảy ra, tôi phải thừa nhận lỗi lầm có thể xảy ra trong bất cứ trường hợp nào."

"Vậy thời nhân chứng nghĩ thế nào. Đó là lỗi lầm hay có chủ tâm?"

"Tôi không thể trả lời một cách đơn giản được, thưa Ngài." Ông Dự Thẩm cảm thấy khó xử, Đây rõ ràng là một vụ cố sát (a case of homicide) dù cho đó là một kẻ sát nhân hay kẻ giết người có dự mưu đi chăng nữa cũng khó có thể nói ra cho hết mọi chuyện được. Nếu là kẻ sát nhân thì quả thật là một kẻ rất tài giỏi, ông Dự Thẩm nghĩ như vậy.

2. Người phụ tá cho Han

Tiếp đến, ông Dự Thẩm cho đòi người phụ tá Trung Hoa đã làm việc với Han trong nhiều năm để chấp cung.

"Cách cư xử bình thường của Han ra sao?" Ông Dự Thẩm hỏi.

"Han lúc nào cũng rất chững chạc, thưa Ngài; Han không đánh bạc, không rượu chè hay chạy theo đàn bà. Ngoài ra, năm vừa qua, Han theo Ky Tô Giáo. Đương sự học Anh Văn và những lúc rảnh rỗi thường có vẻ đọc những sưu tầm về thuyết pháp, Kinh Thánh hoặc những sách thuộc vấn đề đó."

"Thế còn vợ Han ra sao?"

"Bà ta cũng vậy, rất đứng đắn, thưa Ngài. Như Ngài đã rõ những diễn viên xiếc sống nay đây mai đó không phải luôn luôn là những người có đức hạnh nhất. Bà Han là một phụ nữ nhỏ nhắn và xinh đẹp. Có một số đàn ông thường đưa ra những đề nghị với bà, nhưng bà không hề mảy may để ý tới các loại chuyện như thế."

"Và tính tình của cặp vợ chồng đó ra sao?"

"Thưa Ngài, luôn luôn tử tế và hòa nhã. Họ rất tốt với tất cả bạn hữu và những người quen thuộc và không bao giờ cãi nhau với ai cả. Nhưng..." Người phụ tá bỗng ngưng và suy nghĩ một lúc rồi tiếp tục.

"Thưa Ngài, tôi sợ rằng khai với Ngài điều này e có thể hại cho Han. Phải thành thật mà nói, cặp vợ chồng này hiền lành và có lòng vị tha nhưng mà lạ thay cuộc chung sống giữa hai người thật đau khổ..."

"Tại sao vậy?"

"Tôi không rõ, thưa Ngài."

"Phải chăng nhân chứng biết tình trạng của

cặp vợ chồng này mới đây?"

"Không, thưa Ngài. Cách đây khoảng hai năm, bà Han có thai. Đứa trẻ đẻ non và khoảng chừng ba ngày thì chết. Sự việc đó đánh dấu sự thay đổi quan hệ giữa hai người. Họ bắt đầu cãi vã với nhau về những chuyện rất nhỏ nhặt, và lúc đó mặt Han thường trở nên tái mét. Han chấm dứt cuộc cãi nhau bằng cách đột ngột giữ thái độ nín lặng. Han chưa bao giờ nổi giận hoặc có cử chỉ gì thô bạo đối với vợ. Tôi cho rằng hành vi đó đi trái với những nguyên tắc của Han. Nhưng mà, thưa Ngài, khi nhìn Han, Ngài có thể thấy sự tức giận khủng khiếp trong đôi mắt của Han! Đôi khi làm ta khiếp sợ.

"Có một ngày, nhìn thấy sự bất hạnh giữa cặp vợ chồng đó, tôi hỏi Han tại sao không xin ly thân. Rồi Han kể cho tôi nghe Han không có lý do gì để xin ly dị cả, cho dù tình yêu đối với vợ đã chết. Thực tình, nàng cũng cảm thấy và dần dần không còn thương yêu tôi nữa. Han đã tự kể tất cả cho tôi nghe như vậy. Tôi nghĩ rằng lý do thúc đẩy Han bắt đầu đọc Kinh Thánh và mọi thuyết pháp sưu tầm được chỉ muốn làm dịu đi sự hung bạo trong trái tim và kìm hãm sự căm ghét vợ, mà thực ra cũng chẳng có lý do gì để ghét bỏ vợ cả. Bà Han là một người đàn bà đáng thương hại. Bà ta chung sống với Han gần ba năm và đi theo Han biểu diễn khắp mọi nơi. Nếu bà ta vì lý do gì bỏ Han và trở về nhà, tôi không nghĩ bà Han sẽ dễ dàng làm lại cuộc đời. Hỏi có người đàn ông nào có thể tin tưởng một người đàn bà sống lang thang suốt gần ba năm như vậy? Tôi đoán chừng đó là lý do tại sao bà Han phải ở lại với Han, dù hai người chung sống với nhau thật khổ sở."

"Vậy nhân chứng thực tình nghĩ sao về vụ giết người này?"

"Ngài muốn nói, thưa ông Dự thẩm, tôi nghĩ đó là là một tai nạn hay thực hiện với chủ tâm?"

"Đúng như vậy."

"Được ạ, thưa Ngài, từ ngày vụ đó xảy ra tôi đã suy nghĩ về mọi khía cạnh. Càng nghĩ bao nhiêu, tôi càng thấy khó hiểu bấy nhiêu. Tôi đã kể chuyện đó với người giới thiệu chương trình và người này cũng nói là không thể hiểu được việc gì đã xảy ra."

"Tốt lắm. Nhưng hãy kể cho tôi điều này: ngay đúng lúc sự việc xảy ra tại sân khấu, nhân chứng có thấy điều gì làm nhân chứng thắc mắc tự hỏi không biết có phải là một tai nạn hay thực hiện với sự cố ý?"

"Thưa Ngài, có, đúng như vậy. Tôi đã nghĩ... Tôi đã nghĩ, 'Han mất trí rồi và đã giết vợ'."

"Với sự cố ý, nhân chứng muốn nói như vậy?"

"Đúng, thưa Ngài. Tuy nhiên người giới thiệu chương trình nói là ông ta đã nghĩ, 'Han đã lỡ tuột tay'."

"Đúng, nhưng người giới thiệu chương trình đã không hiểu rõ các mối quan hệ giữa cặp vợ chồng đó như nhân chứng đã kể cho tôi nghe."

"Có thể như thế, thưa Ngài. Nhưng sau khi sự việc xảy ra, tôi ngạc nhiên tự hỏi không biết có phải vì tôi hiểu rõ tất cả các mối quan hệ đó mà tôi đã nghĩ, 'Han đã giết vợ'?"

"Phản ứng của Han ra sao vào lúc đó?"

"Han la lên, 'Ha'.

"Vừa nghe thấy tiếng la lúc đó, tôi ngước mắt lên và nhìn thấy máu ở cổ bà Han phun ra. Bà Han còn đứng được vài giây tại chỗ, rồi hai đầu gối như muốn quị xuống dưới sức nặng của thân thể và toàn thân bà đu đưa. Khi con dao rơi ra ngoài, bà Han ngã gục xuống sàn, co quắp, tất cả chỉ còn là một đống thịt. Dĩ nhiên không một người nào trong chúng tôi có thể làm được việc gì cả, chúng tôi ngồi đấy quá khiếp sợ, chăm chăm nhìn bà Han.

"Còn về phần Han, tôi thực tình không tả được phản ứng của Han bởi vì tôi không nhìn anh ta. Chỉ khi ý nghĩ 'Han hoàn toàn mất trí và đã giết vợ,' đập vào trí óc tôi, lúc bấy giờ tôi mới liếc nhìn Han. Mặt Han tái mét và hai mắt nhắm lại. Người quản lý sân khấu hạ màn. Mọi người xúm lại nâng cơ thể bà Han lên nhưng bà ta đã chết rồi. Han quì xuống, và cầu nguyện trong yên lặng một lúc khá lâu."

"Han có tỏ vẻ bối rối không?"

"Vâng, thưa Ngài, Han khá bối rối."

"Được lắm. Nếu tôi cần hỏi thêm nhân chứng điều gì, tôi sẽ mời nhân chứng sau."

Lời khai của bị cáo

Ông Dự Thẩm cho người phụ tá về và bây giờ cho đòi bị cáo để chấp cung. Bộ mặt thông minh của Han trông xanh xao và mệt mỏi; có thể nhận thấy ngay bị cáo ở trong tình trạng suy nhược thần kinh.

"Tôi đã hỏi cung ông Giám Đốc nhà hát và ông phụ tá." Ông dự Thẩm nói khi Han đã ngồi ở phòng dành riêng cho nhân chứng.

"Bây giờ tôi đề nghị hỏi cung bị cáo."

Han cúi đầu.

"Hãy kể cho tôi nghe," Ông Dự Thẩm nói, "Bất cứ lúc nào, bị cáo cũng yêu thương vợ có phải không?"

"Từ ngày kết hôn cho đến ngày đứa bé ra đời, tôi đã yêu vợ tôi với tất cả trái tim."

"Thế tại sao khi đứa bé ra đời thì mọi việc lại thay đổi?"

"Bởi vì tôi biết đứa bé không phải là con của tôi."

"Vậy bị cáo có biết ai là cha của đứa bé?"

"Tôi nắm được vấn đề rất rõ ràng. Tôi nghĩ đó là anh họ của vợ tôi."

"Bị cáo biết đích thân người đó?"

"Người đó là bạn thân của tôi. Chính người đó đầu tiên đã gợi ý cho chúng tôi lấy nhau. Chính người đó đã thuyết phục tôi cưới nàng."

"Tôi ức đoán sự quan hệ giữa hai người xảy ra trước đám cưới của bị cáo."

"Thưa đúng. Đứa bé ra đời sau khi chúng tôi kết hôn được tám tháng."

"Theo ông phụ tá, đứa bé bị đẻ non."

"Đó là điều mà tôi đã kể với tất cả mọi người như vậy."

"Đứa bé chết sau khi sanh được ít ngày, có phải vậy không? Lý do nào gây ra cái chết đó?"

"Đứa bé chết ngạt ở vú mẹ."

"Có phải vợ bị cáo cố ý giết đứa bé?"

"Vợ tôi nói đó là một tai nạn."

Ông Dự Thẩm yên lặng chăm chú nhìn diện mạo của Han. Bị cáo ngửng đầu lên nhưng hai mắt nhìn xuống như đợi câu hỏi tiếp theo. Ông Dự Thẩm tiếp tục.

"Vợ bị cáo có thú nhận đã có sự quan hệ đó với người anh họ không?"

"Vợ tôi không thú nhận mà tôi cũng chẳng

TRẦN HỒNG CHÂU

KHUYA TRỪ TỊCH ĐI VÀO RỪNG TÊN DIỄM ẢO

Khói trầm lên trừ tịch về
Hoang mang đen, hồn linh loạn
Ta lững thững vào đêm
Vào tên người
Âm vang, hoài cố nhân
Đêm bỗng kỳ diệu
Chênh vênh sương khuya
Chênh vênh phù kiều đi về hư không
Thế giới nào đây?
Linh đan, linh đan, bình yên không cùng!

Em phảng phất tím hương nhu *thuở ban đầu lưu luyến ấy*
Em mấy thương má núng đồng tiền vườn đào lý xưa?
Em khóe mắt chết đuối người từ ánh nguyệt nhu mì
Em rực rỡ buồn, cánh thoa đan đan sợi nhớ vô cùng
Em bé bỏng, nụ cười bất diệt phơ phất chiều hồng vân
Em hôm nay âm vang phấn son mùa xưa cũ
Em hôm nay hiện thân kỳ ngộ mai sau
Tên phù chú, bùa ngải êm đềm

Em về đâu, ngọt tan đáy sâu hồn người
Em lướt sóng lớn, nữ hoàng từ biển khơi
Em ngời sáng hào quang ba ngàn thế giới

Vào chân không, phiên bản người xưa hóa thạch
Ta đan thêu khắc khoải niềm kỳ vọng
Tên các em kết vòng nguyệt quế
Dâng đỉnh trời hoài niệm đài yêu mê
Tên các em ta giấu kỹ trong những vần thơ
Kỳ bí lời sư nhân đơn độc
Nóng bỏng sa mạc vùng kỷ niệm
Cùng tro tàn cổ mộ khép kín trầm tư

Khói trầm lên trừ tịch về
Huyền linh nét chữ bốn bề hoang liêu...

Chẳng còn gì!
Ta lững thững đi vào không kiếp
Bóng tối lửa hồng hoang mây nhạt nhòa
Tên các em, áo liệm
Một ảo diễm không tên!

1978

bao giờ hỏi vợ tôi về vấn đề đó. Cái chết của đứa bé tựa như một sự trừng phạt cho mọi điều và tôi quyết định sẽ tỏ ra cao thượng được chừng nào hay chừng ấy, nhưng..."

"Nhưng cuối cùng, bị cáo không thể tỏ ra cao thượng được, có phải vậy không?"

"Quả đúng như vậy. Tôi không thể không suy nghĩ về cái chết của đứa bé vì sự trừng phạt vẫn chưa đủ. Khi vợ tôi không ở cạnh tôi, tôi có khả năng suy xét thật bình tĩnh, nhưng vừa trông thấy vợ tôi, tựa như có một điều gì đó xảy ra trong nội tâm của tôi. Khi tôi nhìn thấy thân hình của vợ tôi, cơn giận dữ bắt đầu trỗi dậy."

"Có bao giờ bị cáo nghĩ đến chuyện li dị không?"

"Tôi thường nghĩ tôi phải xin li dị, nhưng tôi không nói cho vợ tôi biết. Vợ tôi cũng hay nói nếu tôi bỏ vợ tôi thì vợ tôi cũng chẳng còn muốn sống nữa."

"Vợ bị cáo có yêu bị cáo không?"

"Vợ tôi không yêu tôi."

"Tại sao bà ta lại nói những điều như vậy?"

"Tôi nghĩ vợ tôi muốn nhắc đến những phương tiện vật chất để sinh sống. Nhà cửa của vợ tôi bị người anh cả làm tan nát, và vợ tôi hiểu rất rõ không có người đàn ông đứng đắn nào lại muốn cưới một người đàn bà từng là vợ của một người biểu diễn phóng dao sống lang thang như tôi. Ngoài ra, chân của vợ tôi quá nhỏ nên vợ tôi không thể làm bất cứ công việc bình thường nào."

"Thế mối quan hệ về thể xác ra sao?"

"Tôi tưởng cũng giống như phần đông các cặp vợ chồng khác."

"Vợ bị cáo có ưa bị cáo chút nào không?

"Tôi nghĩ vợ tôi thực tình không ưa tôi. Sự thật, tôi nghĩ vợ tôi vô cùng đau khổ phải chung sống với tôi như người vợ. Thậm chí cam chịu sự đau đớn, chịu đựng một cách thật kiên nhẫn hầu như không có người đàn ông nào tưởng tượng nổi. Vợ tôi thường quan sát tôi với đôi mắt lạnh lùng và độc ác, lúc đó tôi tưởng cuộc đời tôi tan vỡ ra từng mảnh. Vợ tôi không bao giờ biểu lộ chút thương cảm nào khi thấy tôi vật lộn với nỗi đớn đau tột độ để thoát ra khỏi cảnh khổ cực đi tìm một cuộc sống đích thực hơn, tốt đẹp hơn."

"Tại sao bị cáo không quyết định dứt khoát hoặc sống xa vợ hay ngay cả bỏ vợ nếu thấy cần thiết?"

"Bởi vì tâm trí tôi đầy rẫy những tư tưởng đủ loại."

"Những tư tưởng gì vậy?"

"Tôi muốn cư xử với vợ tôi theo chiều hướng là không có một sự sai trái nào về phía tôi cả. Nhưng cuối cùng tôi cũng không thể thực hiện được."

"Bị cáo không bao giờ nghĩ đến chuyện giết vợ ?"

Han không trả lời và ông Dự Thẩm nhắc lại. Sau một lúc khá lâu, Han trả lời, "Trước khi ý nghĩ giết vợ nẩy ra trong đầu tôi, tôi thường nghĩ thật là một điều tốt nếu vợ tôi chết."

"Được, vào trường hợp đó, nếu không có điều gì là trái luật cả, bị cáo có nghĩ phải giết vợ không?"

"Tôi không nghĩ tới những điều khoản ngăn cấm của luật pháp, thưa Ngài. Điều đó cũng không thể ngăn cản được tôi. Đúng ra tôi quá yếu đuối. Vào lúc đó, tôi lại say mê mong muốn đi tìm một lối sống đích thực hơn."

"Ấy thế mà bị cáo đã nghĩ đến giết vợ, có hay không, tôi muốn nói vào giai đoạn sau này?"

"Tôi không bao giờ có ý nghĩ giết vợ tôi. Nhưng đúng ra, đã có một lần, tôi đã nghĩ đến vấn đề đó."

"Đã bao lâu, trước khi xảy ra biến cố đó?"

"Đêm hôm trước... Hay có lẽ ngay vào buổi sáng đó."

"Bị cáo đã cãi nhau với vợ?"

"Thưa Ngài đúng như vậy."

"Về vấn đề gì?"

"Về chuyện quá nhỏ nhặt không đáng nói ra."

"Hãy cố gắng kể lại việc đó."

"Đó là vấn đề ăn uống. Một đôi khi tôi hay cáu giận khi chưa ăn. Vâng, vào buổi tối đó, vợ tôi quá chậm chạp không sửa soạn kịp bữa ăn tối mà đáng lẽ phải làm xong rồi. Tôi rất tức giận."

"Bị cáo có giận dữ hơn mọi lần không?"

"Thưa không, nhưng mà sau đó tôi hãy còn thấy bị kích động, đó là một điều khác thường. Tôi cho rằng vì tôi bối rối quá nhiều trong mấy tuần lễ vừa qua muốn tìm kiếm một cuộc sống tốt đẹp hơn cho bản thân tôi, và nhận ra rằng tôi không sao thực hiện được ý định đó. Tôi đi ngủ nhưng không sao chợp mắt được. Biết bao nỗi lo lắng và bối rối xâm nhập tâm trí tôi. Tôi bắt đầu cảm thấy cho dù cố gắng xoay sở cách gì đi nữa, tôi cũng không bao giờ có thể thực hiện được những điều thực sự tôi mong muốn. Dù cố gắng vượt mọi trở ngại, tôi sẽ không

bao giờ thoát được những cảnh đáng ghét trong đời sống hiện tại của tôi. Tình trạng buồn và vô vọng của những chuyện xảy ra tựa hồ như có dính dấp tới cuộc hôn nhân của tôi. Tôi tuyệt vọng đi tìm một tia sáng lọt qua kẽ hở dẫn dắt tôi ra khỏi nơi tăm tối, nhưng ngay cả điều mong ước đó cũng dần dần tiêu tan. Hy vọng trốn chạy cuộc sống đáng ghét đó hãy còn le lói và lôi cuốn tôi, và tôi hiểu rằng nếu không sao thoát ra cảnh sống đó, thực tế tôi như người đã chết. Và rồi ý nghĩ đen tối dập dờn trong đầu óc tôi, nếu mà nàng chết! Phải chi nàng chết! Tại sao tôi không giết nàng? Hậu quả về hành động giết người như vậy chẳng có nghĩa lý gì đối với tôi cả. Không còn nghi ngờ gì nữa tôi sẽ vào tù, nhưng mà đời sống trong nhà giam chắc cũng không đến nỗi tồi tệ, có thể còn khá hơn cuộc sống hiện nay của tôi. Và không hiểu sao tôi vẫn có cảm tưởng giết vợ tôi cũng chẳng giải quyết được việc gì cả. Mà né tránh không giải quyết được vấn đề giữa hai chúng tôi cũng chẳng khác gì như cuộc tự sát. Tôi chịu đau đớn từng ngày kể từ khi đứa trẻ sơ sinh chết, tôi tự nhủ; không còn con đường nào để vượt thoát ra cảnh sống đó. Cuộc đời đích thực của tôi: cam chịu đau khổ.

"Tâm trí tôi cứ chạy theo những con đường đó, tôi gần như quên hết duyên cớ của sự đau khổ trong lòng tôi. Quá kiệt sức, tôi nằm đấy nhưng không sao ngủ được. Tôi rơi vào tình trạng hoàn toàn như u mê, và tâm trí tôi bị dày vò trở nên tê liệt, ý nghĩ giết vợ tôi mờ nhạt dần. Rồi cảm giác trống rỗng buồn tẻ xâm chiếm tâm hồn tôi, đưa tôi vào cơn ác mộng. Tôi đã nghĩ tới mọi giải pháp hay nhất để đi tìm cuộc sống tốt đẹp hơn, và nhận ra rằng tôi quá nhu nhược không sao đạt được mục đích đó. Khi trời rạng đông, tôi nhìn thấy vợ tôi, cũng như tôi, không ngủ được..."

"Khi bị cáo thức dậy, hai người có cư xử với nhau một cách bình thường không?"

"Chúng tôi không nói với nhau một lời."

"Nhưng mà tại sao bị cáo không nghĩ tới phải rời xa vợ, khi sự việc xảy ra như thế?"

"Ngài muốn nói, thưa ông Dự Thẩm, đó là cách giải quyết vấn đề của tôi? Không, không, như vậy cũng như lẩn trốn chẳng giải quyết được việc gì cả giữa chúng tôi. Như tôi đã từng thưa với Ngài là tôi đã xác định phải cư xử với vợ tôi làm sao không có một sự sai trái nào về phía tôi cả."

Han nhìn chăm chăm ông Dự Thẩm, thấy ông gật đầu như ra hiệu cho Han tiếp tục nói.

"Hôm sau tôi kiệt lực và thần kinh tôi căng thẳng trở nên lộn xộn. Tôi cảm thấy đau đớn đến cực độ để cố giữ cho được bình thản, và vừa bận quần áo xong, tôi rời khỏi nhà rồi đi lang thang vào vùng vắng vẻ của thị trấn. Suy nghĩ liên miên đeo đuổi tôi như nhắc nhở tôi phải làm một cái gì để giải quyết cuộc đời của tôi, nhưng ý nghĩ giết vợ tôi không còn trong đầu óc tôi nữa. Sự thật có sự ngăn cách giữa ý tưởng sát nhân đêm hôm trước và bất cứ quyết định hiện tại nào để phạm trọng tội! Quả thật, tôi cũng không bao giờ nghĩ tới cuộc biểu diễn vào tối hôm đó. Nếu tôi đã nghĩ tới, tôi chắc chắn quyết định bỏ mục phóng dao. Có hàng tá mục biểu diễn khác để thay thế.

"Vâng, vào buổi biểu diễn tối hôm đó, và cuối cùng đến lượt tôi xuất hiện trên sân khấu. Tôi không có một tý chút linh cảm nào báo hiệu sẽ có một sự bất bình thường xảy ra. Như thường lệ tôi chứng minh cho khán giả thấy những con dao sắc bén của tôi có thể cắt giấy ra từng mảnh vụn và phóng một vài con dao trên tấm gỗ. Ngay lúc đó, vợ tôi xuất hiện tô son trát phấn kỹ càng và bận bộ áo Trung Hoa trau chuốt; sau khi cúi đầu chào khán giả với nụ cười thật duyên dáng, vợ tôi ra đứng trước tấm bảng gỗ. Tôi rút ra một trong những con dao và đứng xa vợ tôi vào một vị trí đã định sẵn.

"Đó mới là lúc mắt chúng tôi nhìn nhau lần đầu tiên từ đêm hôm trước. Ngay lập tức tôi hiểu có một sự rủi ro khi chọn lựa tiết mục đặc biệt này trong màn biểu diễn tối nay! Rõ ràng tôi phải làm chủ bộ thần kinh, nhưng sự mệt nhọc cùng cực đã thấm vào tận xương tủy ngăn cản tôi làm việc đó. Tôi nhận thấy không còn có thể tin cậy chính cánh tay của tôi nữa. Tôi cố trấn tĩnh và nhắm mắt lại trong khoảnh khắc, tôi cảm thấy toàn thân tôi run rẩy.

"Thời điểm trình diễn bắt đầu! Tôi nhắm phóng con dao đầu tiên ở trên đầu vợ tôi; con dao cắm trúng mục tiêu, cao hơn đầu đúng một inch như thường lệ. Vợ tôi giơ hai cánh tay lên và tôi sửa soạn phóng hai con dao kế tiếp, mỗi con ở dưới mỗi cánh tay. Con dao vừa rời khỏi những ngón tay của tôi, tôi có cảm giác tựa hồ như có cái gì đó như muốn giữ con dao đó lại; tôi không còn có khả năng xác định được mục tiêu chính xác nữa. Bây giờ thực ra chỉ còn là vấn đề may rủi nếu con dao trúng điểm đã định, mỗi một cử động của tôi trở nên thận trọng và ngượng ngập...

"Tôi phóng một con dao phía bên trái cổ của vợ tôi và tôi sắp sửa ném con dao khác vào bên phải thì tôi nhìn thấy trong đôi mắt của vợ tôi, sự biểu lộ tình cảm kỳ lạ như bất thần sợ hãi sắp có chuyện gì xảy ra! Phải chăng vợ tôi có linh tính con dao này, chỉ trong vài giây đồng hồ nữa thôi, sẽ găm vào cổ họng của nàng? Tôi cảm thấy choáng váng tựa như muốn ngất. Ráng sức phóng con dao ra khỏi tay, cố nhắm sao cho trúng đích..."

Ông Dự Thẩm yên lặng chăm chú nhìn Han.

"Ngay lúc đó, bỗng một ý nghĩ xuất hiện trong đầu tôi, 'tôi đã giết nàng'," Han nói một cách đột ngột.

"Có sự cố ý, bị cáo muốn nói như vậy có phải không?"

"Thưa đúng. Bất thần tôi cảm thấy đã hành động với sự cố ý."

"Sau đó, tôi biết bị cáo quì xuống bên xác vợ và cầu nguyện trong yên lặng."

"Đúng như vậy, thưa Ngài. Đó chỉ là mưu mẹo chợt nảy ra trong đầu óc tôi do sự thôi thúc của tình thế lúc bấy giờ. Tôi nhận thấy mọi người biết tôi là con chiên ngoan đạo, cho nên tôi giả bộ cầu kinh, thật ra tôi đang tính toán kỹ lưỡng chọn một thái độ nào đó cho hợp lý."

"Như vậy, bị cáo hoàn toàn tin tưởng tất cả những điều gì đã thực hiện đều có chủ tâm?"

"Thưa đúng. Nhưng tôi lại nhận thức ngay tôi có thể nêu ra chuyện đó như một tai nạn."

"Thế tại sao bị cáo lại nghĩ đã thực hiện với chủ tâm?"

"Thưa tôi mất tất cả khả năng xét đoán."

"Bị cáo có nghĩ rằng bị cáo đã thành công làm cho mọi người có cảm tưởng đó chỉ là một tai nạn hay không?"

"Thưa đúng, sau này mỗi khi nghĩ tới việc đó còn làm tôi rùng mình. Tôi giả bộ thuyết phục mọi người là tôi kiệt sức vì quá đau buồn nhưng nếu một người thật tinh ý có thể nhận thấy ngay tôi đang diễn xuất đó thôi. Vâng, đúng ra vào tối hôm đó, tôi đã nhận thấy không có lập luận nào vững chắc cả thì tại sao tôi lại không được tha bổng? Tôi tự nhủ thầm một cách bình tĩnh bởi vì chẳng có chút bằng chứng xác đáng nào bất lợi cho tôi cả. Chắc chắn nhiều người đều biết tôi đau khổ biết chừng nào khi tôi phải chung sống hòa thuận với vợ tôi, nhưng nếu tôi cứ khăng khăng một mực nói đó chỉ là một tai nạn, không một ai có thể chứng minh ngược lại điều đó. Nhìn lại mọi việc đã xảy ra, tôi thấy cái chết của vợ tôi có thể giải thích rất hợp lý giống như một tai nạn vậy.

"Và rồi thì một câu hỏi kỳ lạ thâm nhập tâm trí tôi: Tại sao chính tôi cũng tin chuyện này không phải là một tai nạn? Đêm hôm trước, tôi đã nghĩ tới việc giết vợ tôi, không biết có phải chính ý nghĩ đó là duyên cớ khiến tôi có hành động với chủ tâm chăng? Dần dần tôi nhận xét ra rằng chính tôi cũng không hiểu thực sự việc gì đã xảy ra? Khi đó, tôi cảm thấy thật sung sướng không thể tưởng tượng được, tôi muốn hét lên cho vỡ tung buồng phổi."

"Bởi vì bị cáo đã xem vụ đó như một tai nạn?"

"Thưa không, tôi không thể nói như vậy được: vì tôi không còn ý tưởng nào là tôi có chủ tâm hay không. Do đó, tôi quyết tâm tìm con đường tốt nhất để được tha tội là nên thú hết mọi tội lỗi (to make a clean breast of everything.) Thay vì nói đó là một tai nạn để tự lừa dối mình và những người khác thì tại sao tôi lại không thành thật nói rằng tôi đã không biết việc gì đã xảy ra. Mà sự thật, tôi có thể tự bào chữa là tôi không 'có tội' mà cũng chẳng 'vô tội'."

Lời nói cuối cùng

Han ngưng nói. Ông Dự Thẩm giữ im lặng một hồi lâu, trước khi nói một cách nhẹ nhàng và cân nhắc:

"Tôi tin những điều mà bị cáo khai với tôi là sự thật. Còn một câu hỏi nữa thôi: bị cáo không cảm thấy tí chút đau buồn nào về cái chết của vợ bị cáo?"

"Không có chút nào cả! Ngay khi tôi ghét vợ tôi một cách cay đắng nhất trong quá khứ tôi cũng không bao giờ có thể tưởng tượng cảm thấy sung sướng như thế này khi nói tới cái chết của vợ tôi."

"Thôi được," Ông dự Thẩm nói. "Bị cáo có thể lui ra."

Han yên lặng cúi đầu và rời khỏi phòng thẩm vấn. Ông Dự Thẩm, xúc động một cách kỳ lạ, với tay lấy quản bút và chậm rãi hạ bút xuống tập hồ sơ để trên bàn giấy, phê, "Vô tội." (Not guilty)●

Chú thích

(1-2) *The Law as Literature* Selected and Introduced by Louis Blom-Cooper.

(3) *The World of Law* edited by Ephraim London. I. The Law in Literature.

MỘT THỜI ĐÃ QUA

NHỮNG THÚ TIÊU KHIỂN TRONG MẤY NGÀY TẾT

TỪ NGUYÊN (Paris)

Sinh hoạt trong gia đình trong ba ngày Tết cách đây ngoài nửa thế kỷ thì khác hẳn với ngày nay. Đây là ba ngày nghỉ ngơi sau một năm làm lụng vất vả. Những thú tiêu khiển đó theo sách vở hay theo hồi ức, như thế nào ?

*

Chiều mùng một Tết là giờ của đại gia đình. Sau khi tiệc mãn, khách khứa về hết (vì ta còn tục lệ trong ba ngày Tết ai đi đâu chiều tối cũng phải về), cả nhà quây quần quanh một cái bàn lớn hay ngồi trên sập, trên bộ phản, để chơi bài, vừa chơi vừa nói chuyện, vừa cắn hạt dưa nghe lắc cắc. Tất cả đều tham gia: trong ba ngày Tết mọi người đều rảnh rang.

Bài bạc trong dịp này không phải là để ăn thua (còn gọi là sát phạt nhau !) mà để giải trí và một dịp để gần gũi trong tinh thần gia đình đầm ấm. Chơi bài như *tam cúc* (cỗ bài hay con cờ tướng), bài *tứ sắc, bài tây* hay rút *bấc, cá ngựa*. Có nơi, tân thời hơn, chơi *domino*. Ở Miền Trung, có các món chơi đặc biệt hơn như là *bài tới* hay là đổ *xam hường*.

Trong món đổ xam hường người ta dùng sáu con tào cáo là thú chơi thanh nhã của gia đình khá giả miền Trung. Tiếng hạt tào cáo chạm vào thành bát nghe kêu dòn dã. Chơi đông người, vừa vui vừa hấp dẫn (vì có thể cướp "ông trạng" của người khác) mà cũng có thể ăn thua lớn.

Bài bạc không những giải trí mà còn là dịp để đoán biết vận mạng của mình trong năm mới đỏ đen như thế nào (*đen bạc đỏ tình* là câu an ủi của người thua bài !)

Trong lúc chơi bài, thỉnh thoảng các cụ kể lại cho con cháu những sự tích, những công trạng của ông bà, tổ tiên. Những điều này giúp con cháu hãnh diện về gia tộc mà cố gắng học hành đỗ đạt hay chăm chỉ làm ăn để hiển vinh nòi giống.

Tử vi, coi tướng

Coi *tử vi* và xem *tướng* cũng là chuyện làm trong những ngày đầu Xuân. Những người không chơi bài (vì không thích hoặc hết chỗ) quây quần quanh ông chú, ông bác để nghe đoán số tử vi của mình hay của những người khác trong gia đình để biết năm nay sẽ đỗ đạt, xuất ngoại hay thành gia thất. Những câu đoán

vui đùa, dặm vào những câu đoán lý số theo các câu *phú* của tử vi khiến mọi người thấm ý, nói cười vui vẻ.

Nhiều gia đình cứ mỗi lần có thêm con, cháu, ghi lấy giờ sinh để nhờ thầy tử vi "chấm" số. Các lá số đó được đóng lại thành một tập sách mỏng và đây là lúc tập sách này được trịnh trọng đem ra để giải đoán số, từ đứa bé nhỏ nhất cho đến người lớn để đoán phỏng chuyện gì sẽ xảy ra trong năm tới...

Bói Kiều

Có nơi lại nhờ tài nghệ của thi hào Nguyễn Du để bói toán. Lâm râm khấn niệm, nói rằng sẽ chọn hai hoặc bốn câu thơ thứ mấy kể từ dưới lên trên hay trên xuống dưới, của trang mấy hay bên trái hay nên phải của cuốn Kim Vân Kiều... Đoạn mở ra, kiểm lại các câu thơ đó hay đọc lên, rồi suy nghĩ, bình giải để tìm sự ứng nghiệm với riêng trường hợp của mình. Ví dụ một người năm đó sẽ đi thi mà gặp câu

Lo gì việc ấy mà lo
Kiến trong miệng chén có bò đi đâu!

thì thấy việc thi cử của mình có vẻ chắc ăn lắm rồi. Nhưng nếu gặp một câu kiểu như

Chén đưa nhớ bữa hôm nay
Chén mừng xin đợi ngày này năm sau

thì nhiều phần chắc phải "học đúp" (thi rớt, phải học lại một năm) sang năm lại khăn gói đi thi nữa!

Câu đố, câu đối

Những lần tập họp như vậy thế nào cũng nhắc đến câu đố hay câu đối nhất là trong các gia đình khoa bảng. Câu đố hay câu đối đã được sưu tập từ thuở nào cũng được đem ra thử tài hay là giải trí trong những ngày đầu Xuân. Đây là kho tàng văn chương truyền khẩu hay là văn học cổ truyền của nước ta: hồi đó, không có sách vở nào ghi chép lại các câu đố (thai đố) mà do ký ức của người lớn đem đố lại con cháu. Về sau, nhiều tác giả cũng đã sưu tập và ấn hành một cách công phu. Đó là nói câu đố.(1)

Còn câu đối, trái lại, đã được ghi chép trong nhiều sách biên khảo về thơ văn và cuộc đời của một số văn nhân thi sĩ hay các ông quan hay công thần đối với triều đình.

Có nhiều câu đố, vừa khi đọc xong mấy chữ đầu là các em nhỏ nói ra câu giải đáp rồi, hoặc là vì các em đã được đố nhiều lần trước, hoặc là vì các em đã đọc trong các tập *Sách Hồng* dành cho trẻ em hồi đó (bây giờ thành các cụ cả rồi).

Ví dụ :

Sừng sững mà đứng giữa trời,
Giương lộng giương lá nuốt người thế gian.

(- Cái nhà tranh)

hay :

Đen thui, đen thủi, đen thùi,
Gươm dao không sợ, sợ cái đùi mà thôi.

(- Hạt tiêu)

hay còn nữa :

Tròn vành vạnh như cạnh tía tô
Đi nam, đi bắc, đi mô cũng về.

(- Cái nón)

hay :

Tròn vành vạnh như cạnh tía tô
Đi nam, đi bắc, đi mô cũng không về.

(- Cái mã)

Cũng có câu đố tả cảnh rất nên thơ :

Một đàn chim trắng xuống tắm bờ ao,
Ban đêm lao xao, ban ngày biến mất

(-Ánh trăng trên mặt nước)

Chỉ xin trích dẫn một ít chừng đó để còn mà đố vào những dịp khác.

Câu đối Tết

Về câu đối Tết, sách vở ghi lại khá nhiều. Câu đối của các nhân vật nổi tiếng cũng có mà của kho tàng văn học dân gian khuyết danh cũng nhiều. Ai trong chúng ta mà lại không nhớ những câu đối bất hủ của Quan Huyện Trứ (Nguyễn Công Trứ) :

- Tối ba mươi, công nợ hỏi tít mù, co cẳng đạp thằng bần ra khỏi cửa.

Sáng mùng một, rượu chè say túy lúy, giang tay bồng ông phúc vào nhà.

- Chiều ba mươi, công nợ rối canh tân, ước những mười năm dồn lại một,

Sáng mùng một, rượu chè tràn quý tỵ, trông cho ba bữa hóa ra mười.

- Mua pháo đốt chơi, để anh em nghe có tiếng,

Giật nêu đóng lại, cho làng nước biết không xiêu.

Hay của Hồ Xuân Hương :

- Tối ba mươi, khép cánh càn khôn, ních chặt lại kẻo ma vương đưa quỷ tới,

Sáng mùng một, nới lỏng then tạo hóa, mở toang ra cho thiếu nữ rước xuân vào.

Của Trần Tế Xương :

- Thiên hạ xác rồi còn đốt pháo,
Nhân tình trắng thế lại bôi vôi.

- Đào tiên đã chín hay chưa? Bác mẹ em già, chắp cánh bay xin một quả,

Đối Tết không hay cũng dán! Bà con ai biết, dừng chân lại đứng ngắm vài câu.

Nguyễn Công Trứ nói tới cảnh nghèo, nói tới tình đời, Hồ Xuân Hương luôn luôn tả chân, hàm ý, Trần Tế Xương châm chọc, nhạo đời. Mỗi người một vẻ và đó chỉ là sơ lược một số câu đối Tết.

Trong kho tàng câu đối Việt Nam còn có rất nhiều, nói lên tài trí thông minh của người lớn cũng như trẻ em Việt Nam, kể ra không bao giờ hết. (2)

Ngâm thơ, ca hát

Có những nơi khác, chiều tối mùng một hay trong mấy ngày kế tiếp, hội họp, đọc thơ xuân, xướng họa hay hát bài ca xuân. Hồi đó, chưa có những chương trình văn nghệ tài tử hay là đại nhạc hội...

Thơ của Xuân Diệu, Nguyễn Bính, Thế Lữ, Huy Cận, Chế Lan Viên... được người ta nhắc đến nhiều hơn cả. Thanh niên nam nữ hồi đó có thói quen chép vào những tờ giấy pơ-luya màu xanh hay màu hồng rồi lấy kim chỉ đóng lại thành tập để dành cho mình hay tặng cho người bạn, người yêu.

Những bài hát theo điệu nhạc tây phương thường được nhắc đến là (ví dụ như) bài *Xuân và Tuổi Trẻ* của La Hối, *Xuân, xuân* của Nguyễn Hữu Ba hay bài thơ phổ nhạc cuả Nguyễn Bính nhan đề là Cô Lái Đò.

Bài thơ Cô Lái Đò như sau xin chép lại (theo ký ức) để bạn đọc đỡ mất công tìm kiếm:

Xuân đã đem mong nhớ trở về
Lòng cô gái ở bến sông kia.
Cô hồi tưởng lại ba xuân trước
Trên bến cùng ai đã nặng thề.

Thế rồi người khách tình quân ấy,
Đi biệt không về với bến sông
Đã mấy lần sông trôi chảy mãi
Mấy lần cô gái mòn mỏi trông.

Xuân nầy nữa là đã ba xuân
Đóm lửa tình duyên tắt nguội dần
Chẳng lẽ ôm cầm chờ đợi mãi
Cô đành lỗi ước với tình quân.

Bỏ thuyền bỏ lái bỏ giòng trong
Cô lái đò kia đi lấy chồng
Vắng bóng cô em từ độ ấy
Để buồn cho những khách sang sông.

Một bài khác cũng được nhiều người biết tới là bài thơ năm chữ của Nguyễn Đình Liên:

Mỗi năm hoa đào nở
Lại thấy ông đồ già
Bày mực tàu giấy đỏ
Bên phố đông người qua

Bao nhiêu người thuê viết
Tấm tắc ngợi khen tài
Hoa tay thảo những nét
Như phượng múa, rồng bay

Nhưng mỗi năm mỗi vắng
Người thuê viết nay đâu?
Giấy đỏ không buồn thắm
Mực đọng trong nghiên sầu!

Ông đồ vẫn ngồi đấy
Qua đường không ai hay
Lá vàng rơi trên giấy
Ngoài trời mưa bụi bay

Năm nay đào lại nở
Không thấy ông đồ xưa
Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?

Coi hát, hội chợ

Trong suốt ba ngày đó, trong làng ngoài chợ có các cuộc bài bạc, đỏ đen hay các thú tiêu khiển khác. Ở Bắc, có những "trò vui" mà sách của Phan Kế Bính, Việt Nam Phong tục (3) chép lại là trò "bách hí." Đó là những trò cổ truyền thường có trong mọi hội xuân như đánh đu, cờ người, đô vật, hát ví, thi tài làm cỗ, nấu ăn, v.v..

Ở Trung, ngoài cờ người, còn có bài chòi (một hình thức của "bài tới"), lô tô, bài vụ, nhất lục được tổ chức khắp nơi. Nhiều nơi còn có hội chợ.

Các gánh hát lớn hát bội, cải lương, xiệc, tân nhạc, có những chương trình đặc biệt giúp vui mọi người.

Đi coi hát đầu năm và ngay cả đi coi chớp bóng là để "bói tuồng" nghĩa là coi tuồng đó tốt hay xấu đối với mình và do đó, năm nay hên hay xui. Trong Nam, dân mộ điệu ưa chuộng các cô đào cải lương hay hát tuồng Tàu từ ngoài Bắc vào, còn ở Bắc, đặc biệt chờ đón các cô đào sáu câu vọng cổ từ Nam ra. Để người đi coi chật rạp, chủ rạp thường chọn những tuồng vui vui hay phim diễu của anh hề Sạc lô (Charlot) đem ra chiếu.

Đa số thanh niên thời đó, nói những người ưa đi coi hát, thuộc hết các tuồng tích chuyện

Tàu như Tiết Nhơn Quí chinh đông, Tiết Đinh San chinh tây, Thủy Hử, Ngũ Hổ bình nam, Quan Công phò nhị tẩu... cũng là nhờ những dịp đi bói tuồng cùng bố mẹ.

Các vị quan thời trước, các nhà quyền quí hay văn nhân, thi sĩ, giải trí đầu năm bằng cách họp nhau lại để đánh tổ tôm, tài bàn hay "xoa" mạt chượt ngày nầy qua đêm khác. Nếu không thì rủ nhau đi nghe hát ả đào.

Chờ năm mới

Mọi người rảnh rỗi, nghỉ ngơi vui chơi trong ba ngày Tết. Thật đúng với nhận xét là : Ông bà, cha mẹ chúng ta đầu tắt mặt tối quanh năm, một năm chỉ thực sự thảnh thơi đôi chút trong ba ngày Tết.

Chiều mùng ba, (có nơi mùng bốn) sau lễ cúng cơm chiều, gia chủ hóa (đốt) vàng, mã, đốt pháo tiễn biệt ông bà, tổ tiên. (4) Tới đây, coi như là hết Tết. Trang trại được dọn dẹp, đồ đồng, chén bát lấy thêm ra để xài trong ba ngày Tết, được rửa sạch, cất vào tủ, rương để chờ dịp cần tới. Một năm bắt đầu.

Chú thích

1. Các câu đố kèm theo lời giải được đăng vào các trang sau của các tập Sách Hồng kể lại chuyện cổ tích, thần thoại hay văn hóa Việt Nam rất thịnh hành hồi những năm 50.

2. Về câu đố và câu đối Tết, xin xem thêm :

- *Câu Đố Vui* của Bùi Văn Bảo, Quê Hương Xb., 1983, 104 trang, đề giá 5 mỹ kim.

- *Tục Ngữ Phong Dao*, từ trang 234 tới 290, có in luôn lời giải.

- *Giai Thoại Câu Đối*, của Bảo Vân và Quỳnh Liên Tử, Quê Hương Xb., 1983, đề giá 5 mỹ kim.

3. *Việt Nam Phong tục*, Phan Kế Bính, do Khai Trí Xb. Saigon, 1973, in lại những bài đã đăng trong *Đông dương Tạp chí* từ số 24 đến 49 từ năm 1913-1914.

Viết về Tết nguyên đán còn hai cuốn sau đây : *Nếp Cũ*, Toan Ánh gồm bốn cuốn, cuốn viết về Tết nguyên đán là *Tín ngưỡng Việt Nam*, quyển hạ, xuất bản năm 1968. Sách được nhà sách Xuân Thu, Hoa Kỳ, tái bản, và *Đất lề Quê thói* (Phong tục Việt Nam), Nhất Thanh Vũ Văn Khiếu soạn năm 1968, Cơ sở Xb Đại Nam, Hoa kỳ, tái bản. Bài tựa phân tách nhiều sách khảo về phong tục Việt bằng chữ Hán, quốc ngữ và tiếng Pháp.

4. Bao nhiêu giấy đã được đem cúng đều được đốt sau tuần cúng tiễn gia tiên. Người ta gọi đây là "hóa vàng" nghĩa là một hình thức chuyển số vàng đó tới ông bà cha mẹ đang ở bên kia thế giới.

Ơ Bắc, giấy vàng dành cho người mới chết trong năm qua sẽ được đốt riêng. Sau khi vàng đã cháy hết, người ta thường đổ vào đống tro chén rượu cúng. Tục lệ tin rằng, "có như vậy, dưới cõi âm, các cụ mới nhận được vàng, và vàng đó mới biến ra thứ vàng tiêu được ở âm phủ."

CỔ NGƯ

CÕI XUÂN

Ở trạm xe bus,
Tay nâng nhánh mai vàng, anh đứng đợi mùa Xuân.
Em đi qua,
Quần lượt áo là,
Đầu đội mâm ngũ quả,
Miệng ngân nga
Khúc tình.
Mùa Xuân tinh nghịch, cho anh trễ hẹn,
Chuyến xe bus quên dừng,
Còn anh mải đứng
Ngóng dáng em
Đi, về
Trong tâm tưởng...

Những con đường
Nối liền quê hương-trí nhớ,
Những cổng ngõ
Mở toang vào cõi mộng mơ
Ở đó, có xe ngồi chờ
Chuyến xe bus của mùa Xuân
Sẽ chở chúng mình,
Nhánh mai vàng và mâm ngũ quả
Vào cõi hoa.

Choisy-Le-Roi
Tết Canh Thìn, 05.02.2000

NĂM TỴ NÓI CHUYỆN RẮN

TRẦN QUÁN NIỆM

Trái với rồng vừa cao sang, vừa uy mãnh, nguồn gốc lại thần kỳ, chẳng ai thấy tận mắt bao giờ, rắn xuất hiện thường xuyên nơi thôn dã, sống cuộc đời tầm thường ẩn dật. Có một điều lạ, đa số nhân loại đều sợ rắn, nhất là phái nữ, hễ thấy là nổi ác niệm phải giết cho bằng được, không cần biết rắn độc hay không. Rắn vừa câm, vừa điếc, không tay, không chân, thân mình nhỏ xíu, dài trung bình cỡ một thước, thế mà ai cũng sợ khiếp vía. Thật ra trong hơn 3,000 loại rắn có mặt trên địa cầu, chỉ có một số rất ít có nọc độc.

Đời sống của rắn được vẻ lạ kỳ, bí mật, có lẽ vì hình dáng đặc biệt và lối trườn bò độc đáo. Rắn im lặng ẩn mình nơi bờ bụi, họa hoằn mới thấy phóng nhanh qua đường mòn rồi lại biến mất trong lùm bụi bên kia. Theo các nhà khảo cổ, rắn xuất hiện trên trái đất từ 135 triệu năm về trước, căn cứ trên những mẫu hóa thạch tìm được tại sa mạc Sahara bên Phi Châu, và có lẽ biến thể từ loài thằn lằn thời cổ xưa.

Việt Nam thuộc vùng khí hậu nhiệt đới, rừng rậm ẩm thấp, mưa nhiều nên có đủ loại rắn. Sơ sơ trong bài "rắn đầu biếng học" của Lê Quí Đôn, đã thấy đến tám loại:

Chẳng phải liu điu, cũng giống nhà
Rắn đầu biếng học lẽ không tha
Thẹn đèn hổ lửa, đau lòng mẹ
Nay thét mai gầm, rát cổ cha
Ráo mép chỉ quen lời lếu láo
Lần lưng chẳng khỏi vệt năm ba
Từ nay Châu, Lổ xin siêng học
Kẻo hổ mang danh tiếng thế gia (2)

Ngoài ra còn có các loại khác như hổ đen, hổ hành, cạp nong, cạp nia, rắn giun, rắn lục, trăn... không kể sao cho hết. Riêng loại hổ hành, sở dĩ có tên như vậy vì nó tiết ra mùi hôi như hành sống, thường hay vào chuồng gà ăn trộm trứng hoặc gà con. Lợi dụng điểm này, những tay ăn trộm gà hành nghề nơi thôn quê Việt Nam, sát hành vào tay và vào dọc mùng (một loại khoai nước), luồn vào chuồng gà. Gà tưởng rắn đến, sợ im thin thít không kêu một tiếng, tha hồ cho trộm bắt đi. Tuy nhiên nếu mấy chú chích này sang hành nghề ở Mỹ, chắc bị tổ trác, vì gà Mỹ ở chuồng cao, kín cổng cao tường hơn, có đèn sáng suốt ngày đêm, chắc không có kinh nghiệm về hổ hành.

Ấn Độ có nhiều rắn hơn Việt Nam, đâu đâu cũng có. Hàng năm số người bị rắn cắn lên tới hàng triệu. Con rắn độc đáo, nổi tiếng nhất, có lẽ là con rắn Đeo Kính (một loại hổ mang) thường bị các thầy bắt rắn bắt bỏ vào giỏ, đem ra chợ, thổi sáo cho nhẩy muá, kiếm tiền du khách.

Tương tự rắn đeo kính bên Ấn, Mỹ Châu có rắn rung chuông (rattle snake), sống tại miền khí hậu sa mạc, khô khan. Độc giả ở miền Texas chắc không lạ gì. Sở dĩ có tên như vậy,

vì khúc đuôi có một số khoanh bằng sừng, khi gặp nguy hiểm, rung lên kêu lách cách, vừa để doạ kẻ địch, vừa làm kế nguỵ trang, nếu kẻ thù thiếu kinh nghiệm, thấy đuôi rung, tưởng là đầu, nhào vào tấn công, ắt bị mắc lừa có khi nguy hiểm đến tính mạng. Đồng bào tỵ nạn, khi nhập quốc tịch Mỹ, đều thề trước lá cờ Sao, Sọc (Stars and Stripes), chắc có một điều quí vị không dè là trước khi Sao, Sọc là quốc kỳ Mỹ, thời lập quốc, cờ Mỹ mang hình con rắn rung chuông với khấu đuôi có 13 khúc, tượng trưng tổng số tiểu bang thời đó, và hàng chữ đề "don't tread on me" (đừng chọc tao), sau này thành cờ của tiểu bang Texas). Tương tự, vật tượng trưng cho Mỹ Quốc suýt nữa không phải là con chim ưng, mắt sáng quắc, thần thái uy nghiêm như ta thấy ngày nay, vì đã có người đề nghị con gà tây. May sao, quốc hội thời đó bác bỏ, nếu không dư luận quốc tế lâu lâu lại có dịp cười vỡ bụng vì anh gà tây nhà giầu, ngờ nghệch.

Ở Việt Nam, cũng như các tiểu bang miền Nam nước Mỹ, khí hậu ấm áp, người ta thấy rắn quanh năm, trái lại, những tiểu bang miền Bắc nước Mỹ, khí hậu lạnh hơn, rắn chỉ xuất hiện trong mùa hè, còn mùa Đông chúng biến mất. Xin thưa: rắn là loài máu lạnh, thân nhiệt chỉ bằng nhiệt độ bên ngoài, không duy trì được thân nhiệt cao như loài động vật khác, do đó mùa đông nếu ở ngoài, rắn sẽ chết vì lạnh. Chúng ngủ trong nơi kín đáo, như bọng cây, khe đá hoặc hang hốc, đợi mùa Xuân ấm áp lại bò ra. Người ta tìm thấy nhiều hang rắn, có cả trăm con quây quần lấy nhau cho ấm.

Huyền thoại về rắn

Đông cũng như Tây, có rất nhiều huyền thoại về rắn, có lẽ vì đời sống của rắn âm thầm và bí mật, ít người biết đến. Mà ở đời phàm cái gì bí mật, người ta thường ưa thêu dệt những chuyện ly kỳ, kiểu "vẽ rắn thêm chân." Thiết tưởng cũng nên giải thích rõ như sau:

. *Rắn trả thù*

Người ta tin rằng rắn có khả năng sống lại, khôn ngoan, nhớ dai, biết trả thù. Thành thử "đánh rắn phải đánh dập đầu," thì nó mới chết hẳn, khỏi trả thù. Nhất là đôi vợ chồng, một con chết, con kia thế nào cũng tìm cách báo oán cho bằng được. Chắc độc giả không lạ gì truyện ông Nguyễn Trãi và nàng Thị Lộ. Thuở hàn vi, ông làm thầy đồ dạy học, một hôm sai học trò sáng hôm sau dọn cỏ ngoài vườn. Đêm đó, ông nằm mộng thấy hai vợ chồng nhà kia, dẫn đàn con lại khóc lóc, xin ông khoan đuổi nhà, vì đàn con còn nhỏ dại. Ông bằng lòng. Sáng hôm sau, nghĩ mãi không ra, ông cho là điềm mộng mị vẩn vơ, nên không để ý. Khi học trò vào trình cỏ đã dọn xong, thấy tổ rắn, chúng đánh chết một con lớn và đám con nhỏ, con kia chạy thoát. Ông giật mình nhớ lại giấc mộng, rất áy náy, nhưng việc đã lỡ, không cứu vãn được. Đêm về, ông còn thao thức, đ sách bên án thư, chợt có giọt máu từ xà nhà nhỏ xuống trang giấy. Ngước nhìn, ông thấy một con rắn nằm vắt vẻo trên đó. Giọt máu rơi trúng ngay chữ "đại," và thấm qua ba trang giấy bản, ứng điềm nó sẽ báo thù đến ba đời. Sau ông làm quan to, một hôm vua đi ngang làng ông, ngủ lại đêm với nàng hầu cuả ông là Thị Lộ rồi mất. Triều thần kết tội ông âm mưu giết vua, xử tội chết chém cả ba họ. Người đời cho là Thị Lộ là con rắn hiện lên để báo thù.

Thật ra rắn không biết báo thù như người ta tưởng tượng.

. *Rắn phủ mèo*

Nơi thôn quê Việt Nam, thỉnh thoảng người ta thấy mèo và rắn nằm trong bụi rậm. Rắn quấn lấy mèo trong khi mèo gầm gừ nho nhỏ, thế là người ta nói rắn phủ mèo. Dù chưa ai thấy rắn hay mèo đẻ ra con gì nửa rắn nửa mèo cả, nhưng người ta vẫn tin lời đồn đại. Thật ra mèo và rắn đều là loài săn chuột. Có thể mèo đi ngang bụi rậm thấy rắn đang nuốt chuột, mèo vồ ngay lấy. Chẳng vừa gì, rắn cũng không chịu để mất mồi ngon, bèn quấn ngay lấy mèo trong thế tự vệ. Thế là cả hai lăn tròn trong bụi, để miệng đời hiểu lầm đàm tiếu. Nhân nhắc đến mèo, cũng xin đưa ra một tướng quí của mèo, có liên quan đến rắn, đó là "tứ túc mai hoa, bạch xà quấn cổ" (2).

. *Rắn thôi miên*

Người ta tin tưởng rắn có khả năng thôi miên con mồi, làm con mồi tê liệt trước khi bắt. Mới nghe qua tưởng chừng có lý, vì rắn chậm chạp, còn chuột, sóc, ếch nhái nhẩy nhót nhanh nhẹn, nếu rắn không làm con mồi mê man, làm sao bắt được. Thật ra, mắt rắn ngó trừng trừng vì không có mí và không nháy được. Sở dĩ rắn bắt được mồi vì nó phục kích nơi con mồi thường qua lại, đợi khi con mồi vô tình đến gần, rắn bất chợt tấn công; hoặc lợi dụng đêm tối, rắn dò theo hơi nóng phát ra từ thân thể con mồi đang say ngủ để bắt.

. *Rắn lột da sống đời*

Vì da rắn không tăng trưởng nên mỗi khi

rắn lớn lên, nó phải lột bỏ lớp da cũ nên người ta tưởng rắn lột da sống mãi. Thực ra, rắn sống vài năm rồi cũng chết như mọi loài khác.

. *Da rắn nhớt và ướt*

Thấy da rắn bóng nhẫy, lại liên tưởng tới con vật tương tự là con lươn, người đời lầm tưởng da rắn nhớt và ướt. Thật ra da rắn rất khô và rất sạch.

. *Rắn có khả năng tự chữa bệnh, dù bị chặt làm mấy khúc, rắn cũng nối lại được*

Không đúng. Chỉ có loài thằn lằn, khi bị bắt có thể tự ngắt đuôi mà chạy thoát thân, sau sẽ mọc đuôi mới.

Rắn trong y học

Đối với y học Trung Hoa thì bất cứ loài thực vật hay động vật gì cũng có thể làm thuốc để chữa bệnh hay bồi bổ cho cơ thể con người, nhất là những loài khó kiếm, trong đó có rắn là một. Không tin, bạn cứ ghé một tiệm thuốc Đông Y thì thấy ngay. Dã thú có nhung hươu, gạc nai, xương cọp, sừng tê, tay gấu... hải vật thì có hải cẩu, hải sâm, vây cá, cá ngựa, bào ngư... giống chim thì có bìm bịp, tổ yến... loài bò sát thì có tắc kè, rắn... Rắn được ngâm trong thẩu rượu, cuốn tròn nhiều vòng đầy đủ đầu đuôi, uống trừ bệnh tê thấp. Mật rắn uống cho sáng mắt, da rắn lột, đem đốt lên nghiền ra, chữa bệnh ghẻ lở... Các trự bợm nhậu miền Nam thích nhất món rắn hổ, biến chế thành nhiều món khoái khẩu như rắn hổ bầm xúc bánh tráng, rắn hổ nấu cháo đậu xanh, lẩu rắn hổ... ăn cho nên thuốc (?). Dân Bắc kỳ thích ăn thịt rắn nấu vị thuốc Bắc, theo kiểu Tầu. Tại tiệm thịt rắn bên Nhật Bản, rắn nằm đầy lồng, khách vào tiệm chỉ con nào là đầu bếp xách ra chặt phăng cái đầu, hứng máu vào ly có sẵn rượu sa kê để khách nhâm nhi trước, chờ món thịt rắn xào nấu nóng hổi đem ra trong chốc lát. Các nước Á Đông khác chắc chắn còn nhiều món rắn hấp dẫn nữa. Âu châu cũng tin tưởng khả năng chữa bệnh cùng sự khôn ngoan của rắn, cũng như khả năng cải lão hoàn đồng, lột da sống mãi, nên người Hy Lạp lấy dấu hiệu cây gậy có hai con rắn quấn chung quanh (tiếng Hy Lạp: *caduceus*) biểu tượng ngành y. Đến nay biểu tượng này vẫn còn thịnh hành.

Thần thoại về rắn

Nếu rồng biểu thị chân mạng đế vương hay điềm lành, thì rắn tượng trưng chướng ngại, ngăn trở. Tuy nhiên có hiểm nguy, gian khổ mới rõ mặt anh hùng. Chính vì thế, Lưu Bang chém được rắn trắng cản đường và lập nên nghiệp đế. Con rắn trắng đó chắc hẳn là loài trăn khổng lồ, mình mốc thếch rêu phong.

Loài rắn ngày nay, kể cả loài trăn, về kích thước không lấy gì làm to lớn dị thường như người ta vẫn truyền tụng "nhất điểu, nhì ngư, tam xà, tứ tượng." Con voi đã to, mà còn đứng sau rắn, đủ thấy rắn phải lớn đến bực nào. Có hai giả thuyết, thứ nhất: ngày xưa quả đất còn rộng rãi, đất đai chưa được khai khẩn nhiều, loài rắn có chỗ ẩn núp, có cơ hội sống lâu, tăng trưởng đến mức to lớn hơn cả loài voi chăng? Thứ hai: có thể xà chỉ chung các loài bò sát, trong đó có khủng long, to lớn hơn cả voi? Mong quí vị cao minh chỉ giáo cho.

Tác giả thường nghe nói đến rắn thần bên Ấn Độ, tuy chưa có cơ duyên nhìn thấy tận mắt, nhưng còn nhớ miền quê đất Bắc có những đền miếu thờ thần, coi rắn là linh vật canh giữ đền miếu, và cũng là vật đỡ chân để thần thánh cưỡi đi du ngoạn, được dân gian gọi một cách kính cẩn là "đôi ngựa của các ngài," tượng trưng bằng đôi rắn giấy nằm vắt vẻo trên xà nhà, có mồng đỏ choé, le lưỡi trông rất dữ tợn.

Ngoài ra còn có đền thờ mãng xà vương, hàng năm có lệ cúng tế bằng sinh vật sống như heo, dê để cầu bình yên cho dân làng. Đằng sau đền là một cửa hang to, người ta đồn là có một đôi rắn lớn sống đã lâu năm, trú ngụ ở đó. Đôi mãng xà, con đực có mồng đỏ khé, cắn đuôi nhau mà đi, tiếng kêu rít lên như tiếng còi.

Người Hy Lạp xưa cũng thờ rắn. Họ tin tưởng trái đất nằm trên ba lớp nền. Lớp thứ nhất do bốn con voi đội. Bốn con voi đứng trên lưng một con rùa khổng lồ, và con rùa cưỡi trên mình một con rắn hổ mang vĩ đại. Mỗi khi rắn cựa mình thì sinh động đất.

Rắn trong tôn giáo

Chắc chắn ai cũng biết qua huyền thoại trong đạo Thiên Chúa về Adam và bà Eva, tổ tiên của loài người, sống trong vườn địa đàng an hưởng mọi hạnh phúc. Sau Eva nghe lời dụ dỗ của rắn, cùng Adam ăn trái cấm, nên bị đuổi ra khỏi địa đàng, phải làm lụng cực khổ mới có ăn, cùng chịu bệnh hoạn, khổ não và chết chóc. Con rắn biểu hiện cho quỉ Satan chuyên cám dỗ loài người chống lại Thiên Chúa, bị hình phạt suốt đời phải bò sát bụng

xuống đất, và bị người nữ chà đạp, nguyền rủa. Do đó trong đạo Công giáo, rắn tượng trưng ma quỷ, xấu xa, dục vọng cám dỗ.

Đạo Phật chủ trương chúng sinh bình đẳng. Không những rắn được coi tương đương các loài khác mà còn chiếm một địa vị cao quí, là một trong thiên long bát bộ thần, hộ trì Tam Bảo. Theo sách vở chốn Phật môn, sau khi Phật chứng ngộ đắc quả, ngài tiếp tục thiền tọa tại gốc bồ đề nhiều tuần liên tiếp. Để che cơn bão táp, thần mãng xà Ma Hầu La Đà (rắn hổ mang) phùng mang làm tàn che cho ngài, và dùng thân mình cuộn lại thành nhiều vòng để Phật ngự.

Rắn trong văn chương Việt nam

Nếu nói về rắn và văn chương, ai cũng nghĩ ngay đến bài thơ "rắn đầu biếng học" của Lê Quí Đôn, được dẫn ở đoạn trên. Tục truyền rằng hồi nhỏ ông tuy hay chữ nhưng ham chơi và tinh nghịch. Thầy đồ mắng ông là rắn đầu biếng học, bắt phạt. Ông xin làm bài thơ với đầu đề trên. Thầy đồ đồng ý, nếu thơ hay thì khỏi bị phạt. Ông ứng khẩu thành thơ, và điểm tài tình là câu nào cũng có tên một loài rắn, nhưng ý bài lại không liên quan gì đến rắn cả. Ngoài ra trong ca dao tục ngữ chốn dân gian không thiếu gì câu đề cập đến rắn.

Khuyên bảo ai làm việc gì nguy hiểm cần suy tính kỹ lưỡng và khi hành sự phải quyết liệt dứt khoát để tránh hậu quả tai hại, ta có câu "đánh rắn đừng đánh khúc giữa" hay "đánh rắn phải đánh dập đầu". Những người thày lay, hay bầy đặt, thêu dệt, thêm bớt chuyện này, chuyện nọ là người "vẽ rắn thêm chân." Nơi nguy hiểm là nơi "hang hùm, động rắn," cũng như kẻ có miệng lưỡi độc ác, nói xấu, làm hại người khác, bị gọi là "miệng hùm, nọc rắn," trong khi những kẻ ngoài miệng ăn nói ngọt ngào, tử tế mà lòng nham hiểm lọc lừa, là kẻ "khẩu Phật, tâm xà." Ngôn ngữ Việt Nam ưa lối tỷ giảo (so sánh), người có thái độ lấm lét sợ sệt là người "len lét như rắn mùng năm," những anh con trai thấy gái mắt sáng như đèn pha, thế nào cũng bị các cô chê "tháo láo như mắt rắn ráo," trong khi mấy nàng giọng nói chanh chua "the thé như rắn bắt ngóe" chắc cha mấy người ưa. Ngoài ra, lối lộng ngữ "bao giờ cho đến tháng ba, ếch cắn cổ rắn tha ra ngoài đồng" đề cập đến những việc ngược đời, hiếm có.

Như trên đã nói, kẻ nói dối, nói điều ác độc, thêu dệt, xúi bẩy, vu oan cho người bị coi là kẻ có miệng lưỡi rắn độc (trong tiếng Anh "fork tongue" cũng có nghĩa tương tự), xem thế đủ biết hình ảnh của rắn đi đôi với ác khẩu. Kinh Phật có nói, trong ba nghiệp tạo bởi thân, khẩu, ý, biết bao tai họa nghiệp chướng đã nảy sinh từ nơi miệng lưỡi thế gian.

Chú thích

(1) Liu diu: rắn nước; Ráo: rắn ráo; Lằn: rắn thằn lằn; Học: rắn học trò; Hổ Mang, Hổ Lửa, Mai Gầm: ba loại rắn độc.

(2) Bốn chân có hoa mai, cổ có rắn trắng quấn quanh

ĐYNH TRẦM CA

THIÊN TÀI DỖ VỢ TRƯỚC KHI ĐI ĐẠP XE THỒ (xe ôm)

Thôi em đừng xót thương anh
một đời trôi nổi đã thành xác ma
trôi từ lòng mẹ trôi ra
và trôi suốt cõi người ta miệt mài
roi đời tươm máu hình hài
em lau mấy thủa chưa phai vết bầm
"ơn em ngục ngãi môi trầm"
bỏ quên nhan sắc dỗ dành đời thơ
theo anh tự bấy tới giờ
phong ba còn đuổi tận bờ tương lai
tiểu thư áo lụa rách vai
sá chi thiên tài không đạp xe ôm!

Thôi em khép lại mắt buồn
như anh đã khép những đường tơ xưa
cây đời trốc gốc dưới mưa
tình ta khốn nạn may chưa điêu tàn
thôi em giấu giọt lệ tràn
để anh "phi ngựa" lang thang thồ người
chở trên lưng cả mặt trời
sá chi những chút nghĩa đời lạnh tanh!...

XUÂN VỀ TRÊN THÀNH PHỐ NGÔ ĐỒNG

LÊ ĐÌNH THÔNG

Đông và Tây không thể gặp gỡ, trước hết là ở không gian và thời gian. Thời gian bên nhà và bên này cách nhau tới mấy múi giờ nên năm nào, mùa xuân trên thành phố ngô đồng cũng tới muộn hơn hai thành phố trồng sấu, trồng me. Ở Hà Nội, cây sấu mọc đầy hai bên đường nên thuở nhỏ có nước mắm dầm sấu. Theo Génibrel trong *Dictionnaire Annamite-Francais* (1898), sấu còn có nghĩa là con mắt (oeil sans prunelle) (tr. 693). Phải chăng trái sấu tròn như con mắt nên mới có tên là cây sấu? Như cây (long) nhãn trái giống mắt (rồng)? Vào miền Nam, *nắng Saigon "ta" đi mà chợt mát* là nhờ ở cây me. Lá me xanh mướt, cơn gió làm lá me rụng tơi tả như những confettis chưa kịp vàng. Trái me chua còn rụng cả trong nhiều món ăn ngon, trộn lẫn trong viên ô mai chua chua, ngọt ngọt. Nhờ có sấu chua, me chua, người mình gần gũi với cỏ cây. Khi mới tới Paris, đáp chuyến métro số 6 leo từ hầm tối La Motte-Picquet-Grenelle ì ạch leo lên trạm Dupleix ngất ngưởng ngoài trời, tôi thấy hàng cây xanh mướt trồng hai bên đường, không phải sấu cũng không phải me. Tôi có hỏi mấy người Pháp sinh sống ở Paris. Họ mù tịt, không biết hàng cây quen thuộc đó tên là gì. Về sau, tôi lần mò tìm trong sách vở. Thì ra đó là cây ngô đồng.

Khác với quê nhà, *"cây ngô đồng không trồng mà mọc, rễ ngô đồng rễ dọc rễ ngang,"* người ta trồng ngô đồng ngay hàng thẳng lối khắp phố phường Paris. Tuy vẫn là rễ dọc rễ ngang, nhưng rễ lún rất sâu xuống đất, không cản lối đi.

Hà Nội là thành phố của cây sấu. Sài Gòn là thành phố cây me. Còn Paris là thành phố ngô đồng. Theo thống kê năm tôi mới chân ướt chân ráo tới Paris (1983), thủ đô ánh sáng trồng tất cả 100 024 cây. Một mình ngô đồng (platane) đã chiếm tới 38 639 (38,64%). Tiếp đó là 13 823 cây hạt dẻ (marronnier) (13,82%), 7 862 cây hòe hoa vàng (sophora), 7 382 cây đoạn (tilleul), 6 392 hàng dương (peuplier): *Dưới dòng nước chảy trong veo, Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha.* Lá cây thích (érable) bám chặt lá cờ Canada cũng có tới 5 482 cây mọc khắp Paris. Số cây còn lại chiếm tỷ lệ không đáng kể, vào khoảng 0,30% mỗi loại. Nếu có thể lấy thảo mộc gọi tên thành phố, Paris là *thành phố ngô đồng.*

*

Cả hai thành phố cây sấu, cây me vừa bước sang năm mới âm lịch. Riêng Paris, cây ngô đồng vẫn khẳng khiu trơ trụi, chịu đựng mùa đông buốt lạnh. Vào mùa này, người ta thường thu mình trong bốn bức tường, bỏ mặc mùa đông chơ vơ ngoài phố. Các quán cà phê văn học (cafés littéraires) của Paris ra đời trong hoàn cảnh này. Các quán này du nhập từ phương Đông vào thế kỷ 17. Quán cà phê đầu tiên trên nước Pháp khai trương ở thành phố cảng Marseille vào 1654. Quán cà phê đầu tiên tại Paris tên là *Le Procope*, chủ nhân là một người Ý tên Francesco Procopio dei Coltelli (1672). Những khách hàng đầu tiên là Voltaire, Diderot, Rousseau, Robespierre, Danton v.v. Năm 1720, Paris có 380 quán cà phê. Qua thế kỷ 19, *Le Procope* vẫn còn là tiệm cà phê. Người khách trong thế kỷ này là những tên tuổi lớn của văn học Pháp: Hugo, Balzac, Verlaine, Zola, Musset. Daudet, Dumas, Flaub v.v. Gérard-Georges Lemaire ghi nhận: *"Quán cà phê là nơi loan truyền tin tức, chốn hẹn hò của tao nhân mặc khách phát biểu tự do. Các quán cà phê Paris khác với các quán cà phê đông phương ở chỗ trong quán này, người ta có thể trao đổi tin tức và các ý kiến đối lập nhau."* Người ta thường nói Paris là quê hương của nhân quyền và dân chủ. Không mấy người biết chính các quán cà phê Paris mới là cái nôi thực sự của cách mạng. Các quán cà phê của nước Anh quân chủ chỉ dành riêng cho giai cấp quý tộc. Trái lại, trong các quán

cà phê Paris, tao nhân mặc khách (*intelligentsia*) ngồi chung với phàm phu tục tử (*vulgum pecus*). Vào những năm 70, khu tam giác vàng giới hạn bởi ba quán *Le Flore, Les Deux Magots* và *Lipp* trở thành địa điểm sinh hoạt của văn giới. Léo Larguier ghi lại: *"Trước chiến tranh, thật bình thường khi giám đốc một tập san văn học đọc bản thảo, sắp xếp công việc cho ban biên tập ngay tại quán Les Deux Magots. Quán nước Le Flore* trở nên nơi chốn của Apollinaire, Malraux, Sartre. Sartre viết : "Các nẻo đường dẫn tới quán nước 'Le Flore' là bốn năm thai nghén tác phẩm 'Les Chemins de la liberté' của tôi. Năm 1935, quán Lipp sáng lập giải văn học Cazes. Các tiểu thuyết gia, kịch tác gia, nhà văn viết truyện ngắn, tiểu luận v.v. quyết định tặng giải cho Olivier Todd. Tại quán *Les Deux Magots* trong nhiều năm, cứ vào 10 giờ sáng, Simone de Beauvoir gặp Jean-Paul Sartre để thai nghén nhiều đứa con tinh thần. Các tác phẩm: *Les Rougon-Macquart* của Zola, *La Comédie humaine* của Balzac, *L'Education sentimentale* của Flaubert, *Les Flâneurs des deux rives* của Apollinaire, *Mémoires d'une jeune fille rangée* của Simone de Beauvoir, *Paris est une fête* của Hemingway v.v. ghi lại nhiều mẩu chuyện lý thú lượm lặt tại *Le Flore* và *Les Deux Magots.*

*

Kể chuyện quán cà phê trên đại lộ Saint-Germain là để vẽ lại sinh hoạt văn học của Paris. Nhiều tác giả đã viết chuyện khoa học giả tưởng. Sau đây là câu chuyện văn học giả tưởng rất ngắn. Trang báo xuân của *Thế Kỷ 21* sẽ trở thành *Les Deux Magots* của kinh thành Paris. Xin mời các tác giả đã quen và sắp quen, là các nhà văn, nhà thơ, nhà báo định cư ở Mỹ và Canada : Phạm Phú Minh, Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Lê Tất Điều, Hoàng Xuân Sơn, Trần Mộng Tú v.v. vào quán nước *Les Deux Magots.* Các anh chị kêu thức uống gì nào? Ai cũng uống cà phê cả à? Tuy quán nước ngăn phố phường bằng lớp kính trong suốt nhưng có ai nhìn ra phố phường đâu. Ly cà phê bên này nhỏ hơn tách cà phê quê nhà, có thêm miếng đường mía màu vàng sậm nhỏ xíu. Sao ai nấy đều lặng thinh. Chắc là phải nhờ Hoàng Xuân Sơn bắt đầu bằng một bài thơ. Nhà thơ ngâm hai câu cổ thi: *Ngô đồng nhất diệp lạc, Thiên hạ cộng tri thu* (Một lá ngô đồng rụng, Thiên hạ biết thu sang). Lúc nào Hoàng Xuân Sơn cũng ăn bận chỉnh tề, hút thuốc lá liên miên. Như trong căn phố ở Dakao những năm 70. Tiếng thơ xứ Huế làm xao xuyến lòng người. Tất cả đều lên tiếng ồn ào. *Hồi trước ở Saigon vào mỗi sáng, tiếng máy chữ portable đánh bài làm át đi giọt cà phê phin rơi tí tách.* Có giọng khác thêm vào: *Ối giào, hồi đó ngồi trong quán cóc đường Võ Tánh mới ra được chữ nghĩa. Ngồi trong quán này thấy khó khăn quá!* Một giọng khác biểu đồng tình: *Ờ phải đấy. Tôi chỉ viết được trên mặt sau bản tin télétype vàng khè. Bây giờ, giấy trắng tinh làm phiêu bạt hết cả chữ nghĩa.* Một ý kiến phát biểu: *Không thấy chị Tú nói năng gì cả. Đề nghị chị nói muộn bằng một bài thơ, đăng vào số báo sau.* Tôi không dám hỏi khi nào các anh chị trở về bên kia Đại Tây Dương. Không phải vì tôi ngại cảnh biệt ly đâu. (Năm 1975 đã vẽ riêng cho mỗi người cầu ô thước và chung cho đất nước mưa Ngâu buồn). Chỉ sợ làm tan biến điều giả tưởng. Một ly cà phê, đầu chỉ là tưởng tượng, vẫn nghi ngút khói thơm ngon. Trong quán nước, người ta ngồi uống cà phê với bạn bè. Rất hiếm khi ngồi lẻ loi một mình. Như chúng tôi trong quán *Les Deux Magots* tưởng tượng. Chợt nhớ lại quán *La Pagode* ở góc Lê Thánh Tôn - Tự Do.

Các anh chị muốn rảo quanh một vòng Paris à ? - Vừa đi, vừa kể chuyện Paris nhé! Paris tuy đất rộng người đông, nhưng không khác gì dòng sử Việt. Biểu nhất lãm lịch sử đối chiếu sau đây cho thấy quê hương chúng ta tuy *đi trước* trong một số lãnh vực, nhưng lại *về sau* rất muộn màng:

- Vào năm 52 trước CN: làng Paris của bộ lạc Parisii gồm 25 ngàn dân. Qua thế kỷ III, thành phố mang tên Paris.

- Sau thời gian dài chịu ách đô hộ của người La Mã (52 trước CN), người Germains (280), người La Mã (355), người phương Bắc (Nothmanni) (thế kỷ 9), năm 888, Eudes trở thành vua nước Pháp.

- Năm Mậu Thìn (968): Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt. Năm Canh Thìn (980), Dương Thái Hậu trao ngôi vua cho Lê Hoàn.

- Năm 987 : Hugues Capet sáng lập triều đại Capétiens, nối tiếp hai triều đại Mérovingiens và Carolingiens.

- Năm Canh Tuất (1010) : vua Lý Thái Tổ dời đô đến thành Đại La, đổi tên là Thăng Long.

- Năm Kỷ Sửu (1049) : Vua Lý Thái Tông cho dựng chùa Diên Hựu (Chùa Một Cột).

- Năm Ất Mão (1075) : Vua Lý Nhân Tông mở khoa thi Tam Trường. Lê Văn Thịnh đỗ đầu.

- Năm 1163 : Khởi công xây dựng nhà thờ Notre-Dame de Paris.

- Năm 1257 : Robert de Sorbon sáng lập La Sorbonne.

- Năm 1268 : Hiệp hội Thương thuyền lấy khẩu hiệu: *"Fluctuat, nec mergitur"* (Sóng gió làm con tầu chòng chành, nhưng không chìm). Câu này trở nên phương châm của thủ đô Paris.

- Năm Nhâm Thân (1272) : Bảng nhân Lê Văn Hưu soạn xong *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư,* gồm 30 quyển.

- Năm Đinh Mùi (1427) : Nguyễn Trãi soạn *Bình Ngô Đại cáo: "Nhân nghĩa chi cử yếu tại an dân"* (Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân, bản dịch của Bùi Kỷ) : Nhân nghĩa là hành động trong tinh thần huynh đệ (agir dans un esprit de fraternité). *Yên dân* là quyền sinh sống, quyền tự do và quyền an sinh (droit à la vie, à la liberté et à la sureté) đều là các nhân quyền cơ bản, được ghi trong Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền. (Như vậy, ngước Việt có truyền thống nhân quyền từ lâu đời, chỉ thiếu hoặc không có quyết tâm tôn trọng nhân quyền vào một số giai đoạn lịch sử nhất định).

- 1789 : Dân chúng Paris phá ngục Bastille, Quốc hội Lập hiến nước Pháp thông qua Tuyên ngôn Nhân quyền và Công dân, do Mirabeau, Mounier v.v. soạn thảo.

- Năm Kỷ Dậu (1789) : Vua Quang Trung đại thắng quân Thanh.

- Năm Nhâm Tuất (1802) : Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi vua, đặt niên hiệu là Gia Long.

- Năm Giáp Tý (1804) : vua Gia Long đổi quốc hiệu là Việt Nam. Quốc hiệu *France* do chữ *Francs* (*wrang* : người lưu lạc, *frak* : can đảm). Francs là tổ tiên của hai triều đại lập quốc là Mérovingiens và Carolingiens.

- 2-12-1804 : Napoléon 1er làm lễ đăng quang tại nhà thờ Notre-Dame de Paris.

- Năm Canh Thìn (1820) : Thi hào Nguyễn Du từ trần.

- Năm 1870 : Pháp tuyên cáo thành lập nền cộng hòa.

- Năm 1885 : Văn hào Victor Hugo từ trần.

- 1889 : Khánh thành tháp Eiffel, cao 320 mét.

*

NGUYỄN NGỌC BỘI

ĐÊM HỒNG

dường như em khói sương bay
dìu ta vào chốn tháng ngày lãng quên
mắt em một cõi hư huyền
gọi trong ta dậy bóng thiên đường nhòa
vòng tay em bỗng yêu ma
ta bâng khuâng thở thịt da nữ thần
ơi em nhan sắc ngàn xuân
tóc mây bay tưởng khói trần gian xa

Kinh thành Paris trồng nhiều ngô đồng. Thực vật chí ghi chú sở dĩ tên cây là *platane* vì lá rộng (*platane* do chữ latinh *platanus* có nghĩa là rộng), được nhập từ châu Á. Cây ngô đồng trồng ở công viên Monceau chu vi 7,05 mét là cây đại thụ lớn nhất Paris. Từ quán cà phê *Le Flore* tới vườn Luxembourg không bao xa. Mời anh chị vào thăm. Năm 1922, Phạm Quỳnh đã viết về vườn Luxembourg như sau: *Trong vườn nào là tượng đá, nào là bể nước, nào là chiếu cỏ, nào là thảm hoa, quanh mình rặt những hình tượng đẹp, màu sắc tươi cả, thật như một bức gấm trăm hoa ; Cây lớn thời toàn là những cổ thụ hai ba trăm năm, trồng thẳng băng từng dẫy dài, dưới có lối đi cho khách bộ du. Đẹp nhất là những thứ dương ngô đồng (cây vông tây: platanes), lá xòe như cái tán.* Ở Tây phương, ngoài việc che mát mấy tháng hè, người ra dùng ngô đồng để làm gỗ lát, nghề mộc, hay cùng lắm để làm củi sưởi ấm mùa đông. Nơi quê nhà, cây ngô đồng đi vào thơ văn và trong cung đàn. Nhạc sĩ Trần Văn Khê trong *Musique du Viet-Nam* có viết: *Đàn độc huyền (monocorde) hoặc đàn bầu (instrument à calebassse) làm bằng ngô đồng (éléococca), loại gỗ này thường được dùng để chế tạo các loại nhạc cụ (cổ truyền).*

*

Nếu lần theo đại lộ Saint-Michel (sinh viên thường gọi tắt là *Boul'Mich'*), qua khỏi La Sorbonne là tới cầu Saint-Michel bắc ngang

sông Seine. Bên kia cầu là Notre-Dame. Paris có tất cả 36 cây cầu: Cổ nhất là cầu Mới (Pont-Neuf) (1578-1604). Mới nhất là cầu Charles de Gaulle khánh thành năm 1991. Cầu Alexandre III khánh thành đầu thế kỷ 20 (1900). Nên thơ nhất là cầu Mirabeau (1893), qua thơ Apollinaire: *Passent les jours et passent les semaines, Ni temps passé, Ni les amours reviennent, Sous le pont Mirabeau coule la Seine.* Lý Bạch trong *Tương Tiến Tửu* viết về Hoàng Hà *"Hoàng Hà chi thủy thiên thượng lai, Bôn lưu đáo hải bất phục hồi"* (Sông Hoàng Hà ngọn nước tại lưng trời, Tuôn đến bể khôn vời lại được, Vô Danh dịch). Trong bài *Thề non nước,* Tản Đà viết: *Nước non nặng một lời thề, Nước đi đi mãi không về cùng non.* Lý Bạch (701-762) viết về dòng sông là để nói đến kiếp người. Apollinaire (1880-1918) nói đến những cuộc tình. Còn Tản Đà (1884-1939) cùng Vân Anh bỏ thực bước vào mộng, đề thơ trên bức tranh sơn thủy. Trên suốt lộ trình đó, các anh chị vừa đi qua căn nhà cổ nhất của Paris: nhà số 3 rue Volta (quận 3) xây từ năm 1407, đại lộ rộng nhất: Avenue Foch có chiếu ngang rộng tới 120 mét.

*

Dòng sông có thể là *"nước đi ra bể lại mưa về nguồn."* Nhưng dòng đời thì không, nhất định *"bất phục hồi."* Đi loay hoay một hồi, chúng tôi đi ngang qua nghĩa trang Père-Lachaise. Tôi nhớ bài thơ *Về một địa chỉ mới* của chị Trần Mộng Tú, đề tặng nhà văn Mai Thảo (*Thế Kỷ 21* # 107, 3-1998) nên đề nghị: *Hay là chúng ta vào thăm những địa chỉ cuối?* Dĩ nhiên chị Trần Mộng Tú là người hưởng ứng đầu tiên. Bài thơ của chị Tú dẫn lối cho chúng tôi: *... khi nào anh rẽ khúc quành, thì em chỉ nên đứng nhìn theo (...) Có vườn cỏ non không anh? Tháng Giêng thì bao giờ cũng ở ngay trong tâm mình. (...)* Chúng tôi "đạp thanh" trong nghĩa trang, nhưng không giẫm lên *Tháng Giêng Cỏ Non* của Mai Thảo. *Père-Lachaise* là một thành phố nhỏ có nhiều *địa chỉ cuối*. Nơi đây có bao nhiêu là phố xá và con đường (chemin). Lại có cả số nhà nữa. Père-Lachaise có khoảng mươi địa chỉ nhà văn: Alphonse Daudet (57, Avenue Latérale du Nord), Oscar Wilde (89, Avenue Carette), Marcel Proust (85, Avenue Aguado), Honoré de Balzac (97, Avenue Pacthod), Colette (2, Avenue Principale). Khoảng dăm nhà thơ : Apollinaire (91, Avenue Traversale NẮ 2). Vài triết gia : Auguste Comte (38, Rond-point Casimir-Perier), Alain (79, Avenue Circulaire). Nhiều nhạc sĩ : Frédéric Chopin (20, Chemin Denon), Georges Bizet (101, Avenue de la Chapelle). Vài danh họa : Eugène Delacroix (95, Chemin de la Cave) v.v. Chị Trần Mộng Tú có vẻ mủi lòng: *Còn các nghệ sĩ của ta. Địa chỉ của họ ở đâu?* Tôi mượn ý *"Về một địa chỉ mới": "Tình cảm như hơi nước, theo thời gian sẽ bốc hơi và bay đi." Những người bạn của chúng ta đều không có số nhà, nên khỏi mất công tìm kiếm. Địa chỉ của họ không đâu xa, ở ngay trong lòng chúng ta.*

*

Xin cám ơn các anh các chị đã tới thăm thành phố ngô đồng, vào ngày đầu năm âm lịch chưa phải là mùa xuân trên nước Pháp. Lần sau nếu có dịp, tôi sẽ cùng các anh chị đi thăm Paris vào mùa nắng ấm, mùa lá rụng, trong những khu phố khác. Chị nhặt lá ngô đồng Paris còn rớt lại trên phố hẹp về làm kỷ niệm à? Lá đã úa rồi nên sẽ không vàng thêm nữa đâu.●

Bestseller

Sài Gòn Tuyết Trắng

Việt Nam Tháng 4, 1975

Vũ Thụy Hoàng

44 năm trong ngành báo chí

33 năm với Washington Post

để biết

-Vì sao miền Nam VN xụp đổ?
-Những mưu kế, dòn phép ở hậu trường chính trị VN
-Sài Gòn trong những ngày hoang mang, lo sợ
-Những chuyến bay bí mật di tản khỏi Việt Nam
-Những cuộc di tản tất tưởi ở tòa đại sứ Mỹ, ở Tân Sơn Nhứt, ở bến tàu, trên biển cả

Sưu tầm công phu
Tài liệu xác thực, phong phú
Sách 350 trang. bìa bốn màu
Giá bán: $18. Ngoài Mỹ: $20
Xin gửi check, money order:
Catherine Vũ, P.O. Box 5060
Springfield, VA. 22150-5060
Website: www.geocities.com/vuthuyhoang

CHUYẾN TÀU

TRẦN DOÃN NHO

Vừa bước lên bậc thang tàu, Hạnh nghe giọng Thương nói lớn ở phía sau:

"Coi kìa, sao anh cứ đứng nhìn vậy. Xách đồ lên giùm cho Hạnh đi."

Nàng định quay lui để nói "thôi, mình tự lo được rồi," thì bỗng thấy hai cái xách bị dằn ra khỏi tay, đồng thời với giọng của Cảnh vang lên sát bên tai:

"Chị để tôi xách lên cho. Nặng chứ có phải chơi đâu!"

Vừa nói Cảnh vừa nhanh nhẹn lướt qua khỏi Hạnh, xách hai cái xách bước vào trong, đứng chờ. Hạnh theo sau. Anh nhìn nàng, nói, giọng buồn:

"Đáng tiếc là chiều nay, Thương lại rảnh."

Giọng Hạnh hờ hững:

"Cũng tốt thôi!"

Đợi, nhưng thấy nàng chẳng nói gì thêm, anh mang đồ đạc của Hạnh đi cất, xong trở lại bên cạnh nàng, nói, giọng không dấu được chút bùi ngùi:

"Biết khi nào gặp lại Hạnh nhỉ!"

Hạnh ngước mắt nhìn:

"Anh muốn gặp lại em à?"

"Sao lại không?"

"Thôi. Đừng gặp nữa."

Cảnh tần ngần muốn ngồi xuống bên nàng, nhưng nàng tránh ra:

"Thương đang đợi anh ở ngoài."

Cảnh ngập ngừng:

"Hay là... hay là... Hạnh cho địa chỉ ở Sài Gòn để... để anh vào chơi."

Hạnh nói:

"Em không có địa chỉ nhất định nào cả. Em đi đi, ở ở lung tung. Mà mô có ở lâu trong đó, chỉ vào một hai bữa rồi lại đi."

"Thì kệ, cứ cho anh đi, biết đâu."

"Thôi, chẳng ích gì!"

Tàu hú còi. Cảnh chép miệng:

"Tiếc nhỉ!"

Chuyến tàu chợ số 183 Nha Trang - Sài Gòn chuyển bánh. Hạnh hấp tấp hỏi:

"Chết cha! Đồ của em anh cất ở đâu? Mải nói chuyện em cũng quên mất. À, đàng góc đó há, em thấy rồi. Cám ơn anh. Thôi, anh về đi, cho em gửi lời thăm Thương. Mong có ngày gặp lại."

Cảnh không nói gì, nhìn sững Hạnh, rồi buồn bã quay đi.

Khác với các nơi khác, ở ga Nha Trang, tàu chạy vòng quanh khuôn viên ga khá lâu trước khi ra ngoài. Nàng thò đầu khỏi khuôn cửa, cố nhìn xem hai vợ chồng Thương ở đâu để chào từ biệt, nhưng không thấy. Khi tàu vừa vượt qua con đường nằm sát ga, Hạnh bỗng nhận ra hai vợ chồng Thương ngồi trên chiếc honda trong đoàn người và xe cộ đang dồn đống lại hai bên đường tàu. Nàng nhoài người ra hẳn bên ngoài, vẫy tay chào hai người. Thương ngồi sau yên xe, có lẽ không nhận ra nàng, nhưng Cảnh thì thấy. Anh dang cả hai tay, chồm người tới phía trước, vẫy tay nồng nhiệt. Sau đó, nàng thấy Thương cũng đưa tay vẫy. Nàng nhìn mãi, cho đến khi tất cả khuất hẳn sau khu nhà cửa và các lùm cây. Chào Nha Trang. Chào Thương. Chào Cảnh. Nàng khe khẽ thở dài, tự hỏi không biết nếu còn ở lại Nha Trang thì tình trạng giữa nàng, Cảnh và Thương rồi sẽ như thế nào.

Trái với ý nghĩ của Hạnh lúc đầu, tàu chợ Nha Trang - Sài Gòn không đến nỗi tệ. Mới thoạt nhìn, toa tàu chẳng khác gì toa tàu Thống Nhất mấy. Hai dãy ghế cuối cùng có một số thanh ngang gãy, còn tất cả các dãy ghế còn lại đều trong tình trạng tốt. Sàn tàu không được sạch sẽ cho lắm. Nhiều vết bẩn. Ghế nhiều chỗ tróc sơn. Mới bước vào, nàng nghe thoang thoảng một mùi hôi khó chịu, nhưng khi tàu chạy rồi, gió lồng vào thổi bay đi mất. Tàu vắng. Ghế trống tùm lum. Một mình nàng ngồi một dãy ghế. Hàng hóa vừa phải. Thương cho biết, tàu sẽ đông "dễ sợ" khi dừng lại tại

nhiều ga xép dọc đường. "Dễ sợ" đến đâu nàng không hình dung được, nhưng trông thế này thì cũng không đến nỗi "dễ sợ" như tàu Thống Nhất được. Nàng nghĩ thế và cảm thấy yên tâm. Nàng có chỗ của nàng. Hàng hóa (hai giỏ gà và mấy giỏ xoài) đã đăng ký gửi ở toa hành lý. Nàng đứng dậy, lấy dây cột thật chặt hai xách đồ lỉnh kỉnh để trên giá, rồi dựa người vào ghế, nhìn bâng quơ.

Tàu chạy ào ào được một lúc thì giảm tốc độ, chạy chậm, rồi ngừng. Khách lục tục lên. Một thời gian ngắn sau, tàu chạy. Lần này nó chạy chậm rãi, nhàn tản. Đến một ga khác, lại dừng. Lần này, dừng thật lâu. Hạnh sốt ruột, đứng lên ngồi xuống nhiều lần, ngong ngóng. Hóa ra là tàu dừng để đợi tránh tàu Thống Nhất từ Sài Gòn ra. Gần cả tiếng đồng hồ sau, tàu mới rời ga. Cứ thế, tàu chạy chạy, dừng dừng. Mỗi lần dừng, nàng lại đứng lên ngồi xuống ngong ngóng. Đi tàu Thống Nhất quen, lần này đi tàu chợ, thật sốt ruột. Mỗi một lần tàu dừng, người và hàng lại tuôn lên. Chỗ ngồi của nàng thu hẹp dần lại. Bây giờ có đến bốn người chen chúc trên băng ghế chỉ dành đủ cho hai người. Hàng hóa đầy ắp trên giá, dưới gầm. Cái thì nhét, cái thì cột. Gà, vịt, rau cỏ, mùi trái cây hư và mùi phân súc vật trộn lẫn nhau khiến nàng muốn nghẹt thở. May mà nàng ngồi gần cửa, nên có thể thò đầu ra để hít chút không khí trong lành, tươi mát ở bên ngoài.

Qua khỏi ga Mường Mán, trời bắt đầu tối. Toa tàu chỉ có một ngọn đèn mờ nằm tận cuối toa, ánh sáng nhờ nhờ, bệnh hoạn. Lối đi gần như bị lấp bởi hàng hóa, nhưng người đi lui đi tới không ngớt. Hành khách chuyển hàng. Đám hàng rong giành khách. Kiểm soát viên hỏi vé. Công an hỏi giấy cước, thuế. Nhiều người khác, không biết thuộc loại nhân viên gì, rờ rẫm lục lọi từng xách hàng, hạch hỏi lung tung. Tiếng la, tiếng gầm gừ, tiếng cãi vả, chửi bới, càm ràm không ngớt vang lên. Người thì than bị đạp lên thân mình, kẻ thì rên hàng mình bị dẫm hư, người thì năn nỉ ỉ ôi chuyện thu vé, thu tiền cước. Thỉnh thoảng lại nghe tiếng gà đập cánh, kêu quang quác hoặc tiếng heo kêu lục cục trong mấy cái lồng sắt để dưới gầm. Toa tàu bây giờ trông chẳng khác gì một cái củi di động. Người, vật và đồ vật như một đống hổ lốn chen chúc, chồng chất lên nhau. Thật đúng là tàu chợ! Tàu Thống Nhất cũng đông, nào người, nào hàng hóa, nhưng trông còn có vẻ trật tự hơn, nề nếp hơn. Còn có lối đi. Còn có chỗ để ngồi. Còn có một chút văn minh tối thiểu. Ở đây, tất cả đều hỗn độn. Người có vé và không có vé như nhau. Người và đồ vật, con vật như nhau. Thậm chí người không bằng vật. Người cứ thu lại, bé lại để nhường chỗ cho vật, vì vật đâu có cách nào thu lại được.

Trời tối. Nàng đói bụng, thèm thuồng nhìn những soong cá, thịt kho của mấy người bán cơm mời mọc, nhưng chỗ chèn chật chội, nàng đành nhịn thèm, chỉ mua một khúc bánh mì gặm tạm. Tàu chạy nhanh một đoạn nào đó khá vắng vẻ trong rừng, rồi giảm tốc. Sắp vào một ga nữa. Từ đàng xa, trong bóng đêm, nàng thấy nhiều bó đuốc cháy rực và nhiều người đứng lố nhố bên đường tàu. Nàng định thò đầu ra nhìn cho rõ, thì có tiếng ai đó nói lớn như ra lệnh:

"Đóng cửa lại!"

Nhiều người ngồi gần cửa nghe lời, nhanh chóng kéo cửa toa xuống. Thấy vậy, nàng bắt chước làm theo. Bên ngoài, có nhiều tiếng người nhốn nháo, rồi nhiều tiếng la giận giữ vọng vào, hòa cùng tiếng đập cửa rầm rầm:

"Mở cửa ra, mở cửa ra mau!"

Mọi người làm lơ. Tiếng đập, tiếng đạp mỗi lúc một lớn. Tiếng la càng lúc càng giận giữ hơn, và chuyển qua những tiếng chửi thề thô bạo cùng với các lời đe dọa khác. Các cửa vẫn đóng. Hạnh hồi hộp ép mình sát vào ghế, không dám nhìn đi đâu hết. Đột nhiên, từ hai đầu toa, có tiếng nhốn nháo. Mấy bóng người từ đâu bên ngoài tuôn vào, giọng gầm gừ:

"Đù mẹ, mấy người điếc cả phải không. Đù mẹ, xích ra. Thằng nào, con nào thích vào nhà thương thì cứ nói. Đù mẹ, xích ra..."

Họ dẫm chân đại lên hàng hóa và người, nhảy đến mấy cửa sổ, giật chốt, kéo lên. Cửa vừa mở là từ bên ngoài, những bóng người khác đợi sẵn đâu đó, lập tức lao lên toa. Tiếp theo là những bao, những xách ào ạt tuôn vào. Một thanh niên nhảy qua chỗ Hạnh, đẩy nàng dạt sang một bên, kéo cửa lên rồi xoay người lại, vung tay, muốn đánh xuống. Hạnh kinh hoảng, nép người sau một bao hàng. Có lẽ nhận ra đó là một người đàn bà, nên thanh niên hạ tay xuống, gằn giọng:

"Mày... à... cô coi chừng!"

Toa tàu bây giờ như đang trải qua một cơn bão dữ dằn. Từ các cửa, hàng ào ạt chuyền vào. Người dưới tung, người trên nhận. Nhận hàng xong, tiện đâu họ ném xuống đó ngay lập tức y như ném vào chỗ không người. Họ la,

hét, vung tay, múa chân, tung hoành ngang dọc. Bụi bay mù mịt. Mọi người nín khe. Hạnh ngồi lọt thỏm giữa một đống hàng hóa đủ loại. Nỗi sợ hãi khiến cho nàng không còn cảm thấy khó chịu vì bụi và đủ thứ mùi hôi nữa.

Cơn bão hàng hóa chỉ chấm dứt khi tàu bắt đầu lăn bánh lại. Nhưng đến ga kế, mọi sự tái diễn. Rồi tái diễn. Càng lúc càng tệ hại hơn. Vì tàu dừng tại mỗi một ga không lâu, nên người ta không cần biết có còn chỗ nào để chứa hay không, cứ ném bừa lên càng nhanh càng tốt, sợ tàu chạy mất. Khủng khiếp nhất là ở một ga, hàng lên chủ yếu là than và củi. Trời ơi, những bao than và những bó củi tuôn vào y như những hung thần. Mọi người chỉ biết chui xuống bất cứ xó xỉnh nào, kẻ hở nào để trốn. Hạnh suýt bị nguyên một bao than dài đè xuống, nếu không có cái võng của dãy ghế bên cạnh chận lại.

*

Tàu chạy. Tàu dừng. Đều đặn như một đoạn điệp khúc lập lại. Trong đêm đen, tàu chạy băng băng qua làng qua xóm, qua những cánh rừng, lâu thì chừng bốn mươi lăm phút, nhanh thì chừng nửa giờ, rồi dừng. Mỗi lần như thế, đuốc lại sáng rực. Người lố nhố. Những bóng người lao vào. Những bao hàng tuôn lên. Tiếng la hét, tiếng chưởi thề. Và sợ hãi. Và bụi. Sau đó, chạy. Cứ thế, toa tàu luôn luôn xôn xao, sôi động. Khoảng không gian vốn không mấy rộng trong toa tàu cứ nhỏ lại, nhỏ lại dần cùng với số người và hàng hóa đổ vào, tưởng chừng như sức chứa của nó là vô hạn. Vì thế, các khoảng trống trong toa đều dần dà bị bít kín. Trên, dưới, trong, ngoài. Không còn ghế ngồi. Không còn sàn tàu. Không còn cửa sổ. Hàng hoá chất lên cao, có nơi đụng tới trần, có nơi lấp hẳn khuôn cửa sổ. Chỗ nàng, may mắn thay, có nhiều bao bắp và đậu. Vì thế, nàng có được một chỗ để đặt lưng. Lúc đầu, nàng cảm thấy lộm cộm, khó chịu. Nhưng nghiêng qua bên này một chút, nghiêng về bên kia một chút, rốt cuộc, nàng cũng cảm thấy êm êm. Rồi quá sức mệt, nàng thiếp đi. Nàng bỗng nghe tiếng gõ nhè nhẹ, rồi cửa vụt mở ra. Cảnh! Trời ơi, Cảnh. Sao Cảnh vào được đây? Nàng đang còn sững sờ thì Cảnh đã đến gần nàng. Nàng nhìn ra ngoài vườn. Trời còn sáng trưng. Nàng hỏi: "Thương đâu?" Cảnh lắc đầu. Anh tiến lại, kéo ghế ngồi xuống. Anh đưa tay vuốt tóc, vuốt má nàng. Nàng ngẩn ngơ, không phản ứng, chỉ nhìn quanh xem thử Thương có ở đó không. Anh vuốt xuống lưng và luồn tay vào sâu trong ngực nàng. Nàng vùng vẫy, kêu lên ú ớ. Nhưng Cảnh mặc kệ. Hai bàn tay anh như con rắn, trườn lên trườn xuống, sục sạo hết cả người nàng. Hạnh mất tự chủ dần, để yên. Bỗng nhiên, nàng nghe tiếng ai gọi nhau ơi ới từ xa. Nàng giật mình, cố đẩy Cảnh ra. Tiếng người lớn dần. Nàng hoảng sợ, vùng vẫy, chạy thoát khỏi Cảnh. Nàng tỉnh dậy, thấy một người đàn ông lạ đang nằm ép sát nàng, tay chận lên ngực nàng. Nàng giật mình xô ra, nhưng không được vì cả hai đều nằm lọt dưới các bao hàng. Nàng đưa tay níu vào thanh gỗ trên kệ để hàng, nhổm dậy. Người lạ cũng nhổm dậy, bò trên những bao hàng. Cái áo ca-rô màu đỏ di động, biến mất ở chỗ đầu nối hai toa.

Tàu vào ga. Sân ga khuya huyên náo. Nàng kéo nhẹ tấm cửa lên, nhìn ra ngoài. Sân ga to lớn, đèn điện sáng trưng. Ga Long Khánh. Hèn gì! Nàng nhẹ người, nhủ thầm như thế là tàu sắp đến Sài Gòn. Tàu dừng. Nàng nghe nhiều tiếng gọi ơi ới từ phía dưới sân ga. Rồi nhiều người vội vã nhảy lên tàu. Khách? Không, người ta lên tàu để chuyển hàng xuống. Một cơn bão nữa. Cả toa tàu như rung chuyển khi từng bao hàng, giỏ hàng được tuôn xuống qua các cửa sổ. Mọi người nhốn nháo, vừa tránh đụng chạm lại vừa xem hàng mình có bị lấy nhầm không. Cãi vã, gầm gừ, dằn xé, kéo giựt, khóc, la loạn xà ngầu. Trong một khoảng thời gian ngắn, hàng hóa trên tàu dường như vơi đi một nửa. Chỗ của Hạnh bây giờ thấp hẳn xuống, vì một số hàng nằm phía dưới đã được tuôn đi. Tuy thế, nàng vẫn phải ngồi trên các bao bắp.

Tàu chạy. Hạnh ngã người xuống. Một lát sau, nàng thiu thiu ngủ. Cảnh từ đâu đó trở lại. Cảnh chở nàng đi ăn, đi biển. Rồi anh ôm hôn nàng. Bàn tay Cảnh lại như con rắn trườn vào cơ thể nàng, lờ rẫm, vuốt ve. Nàng nhướng mắt ra nhìn. Ngọn đèn mờ đục khuất sau đống hàng, để lại một khoảng tối trên chỗ nằm. Nàng thấy người nhột nhạt, vì có ai sờ vào. Nàng đưa tay cố gỡ ra, nhưng không được, vì chỗ quá chật. Nàng vẫn trong cơn mơ màng, chập chờn, thiếp đi. Lần này, nàng thấy Lục. Lục ôm nàng. Anh từ tốn gỡ từng nút áo rồi vuốt nhẹ xuống, xoa quanh bụng. Nàng hơi nhột, nhưng vẫn để yên. Đột ngột, không hiểu từ đâu, tay bí thư Tân Hiệp nhảy xổ vào, gạt Lục ra. Ông ta ôm riết nàng, rờ rịt sỗ sàng, nham nhở. Nàng vùng vẫy dữ, nhưng đuối sức

dần, chịu trận, cứ để mặc ông ta làm gì thì làm. Nhưng lúc đó, ông ta bỗng trở nên dịu dàng hơn. Nàng cảm thấy dễ chịu, lâng lâng khoái cảm. Nàng êm êm lắng nghe nhịp đập đều của bánh xe cọ xát trên đường sắt. Bỗng có tiếng ai la lớn ở giữa toa: "Thằng ranh con! Mày mò bà đấy hả? Này, mò này, mò này!" Hạnh giật mình, nhổm dậy, ngơ ngác nhìn. Một người đàn bà đang túm áo một người đàn ông trung niên đấm thùm thụp. Người đàn ông vung mạnh tay, gạt người đàn bà ra, nhảy vội qua đống hàng hóa rồi biến mất ở cuối toa. Người đàn bà lẩm bẩm gì đó một mình. Lát sau, chị ta nằm xuống trở lại, im lặng.

Hạnh tỉnh ngủ, quay nhìn người lạ nằm bên cạnh. À, thì ra thằng cha khi nãy. Nàng nhận ra ngay hắn vì cái áo ca-rô màu đỏ hắn mặc. Tưởng một ông già dịch nào đó, thì ra hắn còn trẻ. Hắn ta trở lại hồi nào vậy? Hắn trở mình nằm nghiêng, hai tay ôm đầu, y như đang ngủ. Nhất định là hắn giả đò, vì vừa rồi, nàng liếc thấy đôi mắt hắn tuy nhắm, nhưng thỉnh thoảng lại động đậy. Nhìn lại thân thể mình, nàng phát hiện ra mấy hạt nút áo phía dưới bị bung ra. Và chợt hiểu. Nàng gài nút áo, bặm môi nhìn hắn, lòng bừng bừng giận dỗi. Cái thằng mất dạy! Nàng xoay sở thân hình, muốn dùng chân tống cho hắn ta một đạp, nhưng không cách gì nhấc chân ra được khỏi cái giỏ hàng nằm gần đó. Nàng đưa tay đẩy vào lưng hắn để ngồi hẳn dậy, rồi dịch về phía gần cửa. Phải cố gắng lắm, nàng mới tách khỏi người hắn ta. Hắn vẫn nằm im. Tát cho hắn một cái?

Đâu có làm thế được. Nàng bất lực nhìn hắn, rồi quay đi. Đoạn đường từ đây về Sài Gòn tàu chạy có vẻ êm ả, và chỉ dừng ở các ga lấy lệ. Cả toa tàu dường như đang ngủ. Kẻ ngủ ngồi, người ngủ đứng, kẻ thì nằm vắt vẻo trên hàng, chân tay gác bậy gác bạ lên nhau. Áo quần xốc xếch. Thân thể hớ hênh. Người cũng như vật. Vật không khác gì người. Không những thế, vật rõ là quý hơn người. Vật giành những chỗ tiện nghi nhất. Người chỉ ngồi ké, nằm ké, sao đó thì sao, không mấy quan trọng.

Người thanh niên nhổm dậy, đưa tay dụi mắt. Hạnh nhìn ra phía cửa sổ, cố tránh không nhìn hắn ta. Nàng kéo vạt áo xuống. Không hiểu sao, nàng cảm thấy bẽn lẽn. Cảm giác êm ái trong giấc mơ chợt trở lại. Một lát, nàng nghe giọng hắn nói khẽ:

"Chị... chị không ngủ được à?"

Nàng đột ngột nhìn lui, ném vào hắn một tia nhìn dữ dội, giọng khô khốc:

"Này, chú đừng có hỗn nha!"

Hắn ta dường như không quan tâm mấy đến thái độ của nàng. Hắn nói tiếp, giọng nghe hiền khô:

"Tui có làm gì đâu mà hỗn. Chị nên ngủ tiếp đi một chút cho khỏe. Tàu sắp đến nơi rồi. Đoạn này êm."

Bây giờ nàng nhìn thẳng vào mặt hắn. Trông hắn không quá trẻ như nàng nghĩ lúc đầu. Khuôn mặt đầy đầy. Không có vẻ gì nham nhở lắm. Nàng bâng khuâng tự hỏi không biết có phải chính hắn là kẻ vừa rờ rẫm nàng khi nãy không. Hay tất cả chỉ là giấc mơ?

*

Hình như tàu tăng tốc thêm nữa, chạy ào ạt. Tiếng bánh tàu nghiến trên đường sắt nghe càng lúc càng hối hả. Những chòm cây, những hàng cao su đen ngòm chạy vun vút bên ngoài. Gió sớm lạnh tê. Tuy thế, Hạnh không muốn đóng cửa. Nàng lục xách lấy chiếc áo len mỏng choàng ngang phía trước ngực. Nàng dựa lưng vào một chiếc cần xé rau của ai đó đặt phía dãy ghế kế dãy ghế của nàng, hai chân ruỗi thẳng về phía hàng ghế trước. Người thanh niên bảo:

"Tàu đang xuống dốc, chắc là sắp đến Dĩ An rồi! Chạy nhanh thật!"

Ừ, chạy nhanh thật, nàng nhủ thầm.

"Chị kéo cửa xuống, kẻo lạnh. Cảm chết!"

Nàng im lặng, nhìn về phía trước. Anh ta nói trổng:

"Hay là đổi chỗ vào ngồi phía trong này đi."

Vẫn im lặng.

"Chị!"

Một bàn tay đặt nhẹ lên vai nàng. À, cái thằng oắc con này gan thật! Nàng lắc mạnh vai, hất bàn tay hắn xuống. Anh ta nói, giọng dường như hơi chùng xuống:

"Xin lỗi!"

Anh ta im lặng. Tàu tiếp tục lao nhanh về phía trước. Hạnh run rẩy. Bây giờ nàng mới thấy lạnh, lạnh thật. Gió ngoài tạt vào dữ dội. Nàng rụt cả người vào, dùng hai tay cố kéo cửa xuống. Được một phần, cửa kẹt lại, không kéo được. Người thanh niên nhanh nhẹn chồm qua người nàng, dùng hai tay, giật mạnh. Cánh cửa rơi ào xuống. Hạnh sợ hãi, ngả người ra một bên để tránh, vô tình rơi ngay vào lòng anh ta. Nàng định đẩy anh ta ra, thì bỗng nghe có tiếng nhốn nháo ở toa kế. Một số người bấm đèn "pin" nhảy vội lên các bao hàng và người, cố băng thật nhanh qua toa. Tất cả họ đều là nhân viên tàu. Nhiều tiếng kêu đau. Nhiều tiếng la ó phản đối. Nhưng họ vẫn cứ băng băng đi. Lát sau, lại thêm một số người nữa, cũng là nhân viên tàu, hối hả chạy tràn qua toa. Mặt mày ai nấy trông có vẻ nghiêm trọng. Bây giờ, cả toa thức hẳn dậy. Nhiều tiếng hỏi dồn dập :

"Cái gì vậy? Cái gì vậy?"

"Ăn cướp hả?"

Hạnh nép hẳn vào cánh cửa vừa đóng, lo lắng. Người thanh niên cũng tìm cách ngồi dựa vào thành toa, thân hình sát với nàng. Hạnh để yên. Nàng sờ nắn mấy chiếc nhẫn đeo ở tay, rồi luồn tay vào trong bụng. Nàng yên tâm vì bịch tiền và khâu vẫn còn đó.

Hai người công an xuất hiện ở đầu toa, lên tiếng:

"Yêu cầu tất cả hành khách, ai ở đâu ngồi đó. Tuyệt đối không được di chuyển. Đồ đạc cũng thế. Hành khách nào ngồi gần cửa, yêu cầu đóng ngay cửa lại."

Giọng một người đàn ông lên tiếng:

"Có chuyện gì thế, đồng chí?"

Một người công an trả lời:

"Đứt thắng!"

Nhiều tiếng hỏi đồng loạt:

"Cái gì?"

Một ai đó trả lời thay:

"Thì tàu đứt thắng chứ còn gì nữa."

Mọi người ồ lên khiếp hãi. Tất cả mất bình tĩnh, nhốn nháo hẳn. Hai người công an, tay thì vịn vào thanh ngang trên đầu toa, tay kia rút súng, chĩa mũi lên trần:

"Yêu cầu tất cả ngồi yên, giữ trật tự. Các đồng chí có trách nhiệm đang kiểm tra sự cố. Có gì chúng tôi sẽ báo cáo lại cho các đồng chí và các bạn rõ. Này, bà kia, làm gì mà loay hoay ở bao hàng đó. Còn thằng nhỏ, mày ngồi yên đó, không được chạy. Này, này, anh kia, đi đâu, đi đâu. Dừng lại. Coi kìa, bộ mày không nghe lời tao sao? Dừng lại, nghe không?"

Anh ta lên đạn lách cách. Mặc! Không ai bình tĩnh nữa. Tất cả đột nhiên náo loạn. Tàu lao nhanh thấy rõ. Gió ào ào bên ngoài như bão. Hạnh kinh hoàng trườn người nằm đại xuống ngay trên đôi chân người thanh niên, ôm lấy anh ta, miệng lâm râm niệm Phật. Người thanh niên nắm lấy tay nàng, siết chặt. Trong tiếng khóc, tiếng la, tiếng đọc kinh, tiếng niệm Phật và tiếng gió, nàng nghe giọng thanh niên thoang thoảng bên tai:

"Đừng sợ, chắc không có gì đâu."

Đột nhiên, một tiếng "ầm" dữ dội vang lên trong đêm. Sau đó là im lặng hoàn toàn.

*

Hạnh cựa mình, mở mắt. Trời còn tối. Nàng tự hỏi không biết đang sống hay là đã chết. Có tiếng người nói lao xao đâu đó. Nàng cố xoay đầu về một bên để nhìn, nhưng không thấy rõ gì, vì mọi vật vẫn chỉ là những khối đen lờ mờ. Nàng lại nhắm mắt. Có tiếng bước chân lại gần. Nàng nghe giọng một bé trai:

"Có người nằm đây, mẹ ơi."

"Đâu? Đâu? Còn sống không?"

"Ai mà biết. Có cái bao gì nằm một bên. À, thêm một người nữa."

"Nằm gần nhau à?"

"Không, nằm gần phía đường ray."

"Được, để tao lại coi thử coi. Chết hay sống?"

"Con không biết. Nhưng nằm im rơ bà rờ hà. Chắc chết."

Hạnh cảm thấy một cánh tay mình bị nâng lên. Người đàn bà hỏi:

"Xem kỹ mấy ngón tay. Có gì không?"

"Dạ, không."

"Còn tay bên kia?"

Tiếp sau lời nói của bà mẹ, bàn tay thằng bé vuốt dọc theo cánh tay bên kia của Hạnh, kéo nó ra khỏi cái bao đè. Tiếng thằng bé reo lên:

"Có, mẹ ơi. Có, mẹ ơi."

Suỵt, nói nhỏ thử coi. Có thì có, gì mà ồn lên vậy. Có cái gì?

"Khâu."

Giọng người đàn bà hớn hở hẳn lên:

"Thiệt không mậy? Mấy cái? Để tao lại coi. Lục tiếp trong người còn gì nữa không? Nghe bàn tay thằng nhỏ sờ soạn, Hạnh cố hết sức rụt tay lại, miệng rên khừ khừ. Thằng nhỏ hốt hoảng đứng vụt dậy, nhảy lùi lại:

"Mẹ ơi, còn sống."

"Thế à. Vậy thôi. Mau lẹ chạy đi tìm người khác. Gặp thì nhớ để tay lên lỗ mũi xem thử sống hay chết. Lẹ lên, trời sắp sáng rồi. Lẹ lên, không thì bọn họ kéo ra cả đống bây chừ. Mày nghe tao nói không?"

Giọng thằng bé run run:

"Dạ, nhưng con ớn quá. Người chết tùm lum."

"Càng tốt thôi. Không ớn gì hết cả. Không chịu khó kiếm chác lúc ni thì khi nào mới có dịp khác. Lẹ lên."

Hai người vội vã bỏ đi. Hạnh nghe tiếng bước chân xa dần.

Bây giờ thì Hạnh biết chắc mình còn sống. Nhờ thằng bé đẩy cái bao sang một bên người, nên nàng có thể cử động cả hai tay và chân. Nàng uốn éo, vặn vẹo cơ thể để xem có chỗ nào đau không. Nàng cảm thấy ran rát ở phía đùi. Sờ vào, thấy ươn ướt. Có lẽ da bị trầy xước. Kéo ống quần lên, nàng nhận ra ống quần rách một mảng. Nàng lấy chân dẫm vào cái bao nằm dưới. Bao bắp. Có phải là cái bao nàng đã từng nằm, ngồi lên trên không? Sờ tay trong bụng. May mắn thay, bịch tiền và vàng vẫn còn đó. Nàng nhớ đến hai mẹ con khi nãy. May mà nàng tỉnh dậy sớm, không thì chắc là bị lột sạch.

Nàng chống tay ngồi dậy. Qua ánh sáng nhờ nhờ từ một khoảng trời phía rừng cao su đàng xa hắt lại, nàng kinh hoàng khi nhận ra cả một đoàn tàu nằm bất động. Có toa lật ngược hẳn, bánh chổng lên trời. Có toa nằm nghiêng một bên. Ngay trước mặt nàng, chỉ cách có vài mét, ba toa dồn lại thành một đống. Về phía phải của nàng, một toa khác gần như bẹp dúm. Một đoàn tàu mấy chục toa giờ chỉ chỉ còn là một khối sắt hỗn độn. Nàng tự hỏi không biết hàng hóa và người trong đó như thế nào. Nàng nhìn quanh, không nhận rõ được vật gì ra vật gì. Tất cả chỉ là những bóng lồi lõm, những mảnh trăng trắng xen lẫn những mảng đen lù lù, những khối, những hình thể bất động. Cả một khu vực ngổn ngang đủ thứ. Nàng có cảm giác tất cả đều im lặng, một im lặng ghê khiếp, chết chóc. Không lẽ tất cả đều chết, nàng tự hỏi. Không phải! Nàng định tĩnh lắng nghe. Thì ra, chung quanh nàng đầy cả tiếng rên, tiếng khóc, tiếng la, tiếng gọi ơi ới. Phải chăng vì quá khiếp đảm nên những người còn sống sót không thốt nên lời hay từ nãy giờ, quá hoảng loạn, nàng đã không để ý. Tiếng động vang lại tứ phía. Từ dưới các toa tàu. Từ trong rừng cây. Từ bên một mô đất. Từ trong các toa nằm bẹp dí. Từ đàng xa. Khắp nơi. Một ai đó bật lửa lên. Có người, chắc là dân địa phương, bưng đèn soi. Nàng lờ mờ thấy những bóng người bò, trườn, đứng dậy, ngã xuống, thất tha thất thểu.

Phải ra khỏi chỗ này thôi, nàng nghĩ bụng. Nàng cố đứng dậy, mệt nhọc bước. Trời sáng dần. Chân trượt trên đá sỏi, đau buốt khiến nàng loạng choạng, suýt ngã, nhưng cố gượng, giữ thăng bằng. Bây giờ nàng mới nhận ra là nàng đi chân không. Nàng đưa tay rờ rẫm chung quanh, thấy rải rác có vài chiếc dép, nàng chọn lấy hai chiếc, xỏ vào. Chợt thấy có người nằm bất động ngay trước mặt, nàng sợ hãi bước lùi về phía sau. Mới bước hai ba bước, nàng vấp phải một vật gì mềm mềm. Nàng cúi xuống xem thử là cái gì. Trời, một cánh tay người. Bàn tay co quắp. Ống tay áo rách toạc để lộ một khoảng thịt chỗ khuỷu tay. Nàng xây xẩm mặt mày, tóc tai dựng ngược. Nàng lết đi. Nàng nhận ra bao, bì, áo quần, giỏ, xách, và người nằm khắp nơi, gần như lấp kín hết phần đất nằm hai bên phía đường ray. Nhiều người khác nằm la liệt, bất động. Người thì bị đè kín dưới một đống bao, xách. Người thì nằm vắt vẻo trên trần tàu, hay ngay cửa tàu. Nàng giật mình khi nhận ra một người khác nằm bẹp dưới một toa tàu, gần ngay chỗ

nàng vừa tỉnh dậy khi nãy. Một nửa thân hình người đó nằm ngoài đất, còn nửa kia kẹt bên trong. Cái áo ca-rô màu đỏ! Nàng dụi mắt, cố nhìn cho rõ. Cái áo ca-rô màu đỏ! Đúng rồi. Chính anh ta, tay thanh niên nằm bên cạnh nàng trên tàu. Nàng kinh hoàng, quay đi. Nàng cảm thấy xương sống mình lạnh buốt y như có một hơi hàn khí vừa thổi thốc vào. Có đúng cái người nằm bẹp dí giữa bánh tàu và đường rây là xác của anh ta? Nàng không dám nhìn, không dám nghĩ tiếp, miệng tự động lâm râm niệm Phật.

Leo lên được một mô đất tương đối bằng phẳng, nàng ngồi xuống. Nàng muốn khóc, muốn la, muốn làm một cử chỉ gì đó, nhưng toàn thân dường như tê liệt hẳn. Nàng ôm mặt, nhắm mắt lại, cố không nghĩ gì hết, nhưng hình ảnh bàn tay nắm lại, co quắp vẫn cứ hiển hiện trước mặt. Và chiếc áo ca-rô mà đỏ! Màu đỏ. Màu đỏ! Trời, đúng là anh ta, không thể là ai khác. Mới đó mà anh ta đã chết rồi sao! Hạnh khóc nấc lên.

*

Vào khoảng tám giờ sáng, Hạnh và nhiều người khác được một số người tốt bụng tại địa phương dìu lên một chiếc xe lam, đưa về bệnh viện Thống Nhất. Tại đây, nàng được chích một mũi thuốc khỏe và nằm nghỉ trên một cái giường trống của một bệnh nhân nào đó vừa xuất viện đêm rồi. Nàng cố ngủ và cố quên đi những hình ảnh hãi hùng của chuyến tàu. Nhưng không được. Hình ảnh các toa tàu đổ đống lại và xác người chết cứ hiện ra trước mắt nàng. Nhất là hình ảnh của anh chàng mặc áo ca-rô nằm bẹp dí dưới bánh tàu. Nàng cảm thấy rờn rợn phía bàn tay trái, nơi anh ta đã táo bạo nắm lấy chỉ có vài giây trước khi đoàn tàu bị nạn và rồi anh ta vĩnh viễn ra đi. Dường như cảm giác ấm ấm của lòng bàn tay xa lạ đó vẫn còn đọng lại đâu đó trên da thịt nàng.

Đến gần trưa, số người chết và bị thương được chở về dồn dập. Bệnh viện càng lúc càng ồn ào, náo loạn với những tiếng rên rỉ, khóc lóc, bàn tán, hỏi han. Toàn là người và người. Kẻ nằm, người ngồi la liệt từ ngoài vào trong. Nạn nhân có, thân nhân có, những kẻ tò mò có. Trời nóng bức. Bệnh viện càng nóng bức hơn, vì hơi người, hơi thuốc. Tất cả chìm trong nỗi lo lắng, hãi hùng, khắc khoải. Mỗi một người được đưa vào là một rừng người ào ra vây lấy, chen nhau nhìn cho được nạn nhân, rồi khóc lóc, kêu gào, than thở. Ai cũng muốn biết có thân nhân của mình ở đó không.

Chịu không nổi không khí đó, Hạnh gượng dậy, nhường chỗ cho một nạn nhân khác, rồi bước vội ra ngoài. Tìm xuống căn-tin mua một đôi dép, nhưng không có, nên nàng cứ mang đôi dép lượm mà đi. Một số người biết nàng là một hành khách bị nạn, nên vây lại hỏi han. Nàng mệt quá, chỉ trả lời qua loa. Nhưng sau đó, khi nghe một vài người cho là nàng quá may mắn, không hiểu sao, nàng đâm ra hứng khởi, quên hết nhọc nhằn, kể huyên thuyên về những giờ phút trước khi tai nạn xảy ra, và những hình ảnh khủng khiếp mà nàng chứng kiến khi tỉnh dậy. Lúc đầu, nàng cố kể thật đúng sự thật mà nàng nghe, nàng thấy, nhưng khi thấy người ta hăm hở, tò mò về biến cố, nàng bắt đầu thêm mắm dặm muối vào câu chuyện. Nàng bịa thêm những kiểu chết, những người chết, những cảnh thương tâm khác, nhất là cảnh hôi của của những người địa phương trên xác của nh người bị nạn. Một người hỏi:

"Làm sao chị về được đây?"

"Tôi là một trong số người may mắn được mấy người tốt bụng dìu lên xe lam đưa về đây. Còn nhiều, nhiều lắm ở dưới đó..."

Một người hỏi:

"Vậy không ai đến cứu giúp gì hết sao?"

"Chẳng thấy ma nào. Chẳng biết cán bộ họ đi đâu hết. Nếu không có những người dân tốt bụng, không hiểu tình hình sẽ tệ như thế nào."

Một ai đó trong đám đông lên tiếng:

"Thì họ chỉ được tài nói dốc!"

Nhiều người muốn hỏi thêm, nhưng cảm thấy thấm mệt và đói, nên nàng cương quyết vẹt đám đông, đi ra. Ra khỏi cổng bệnh viện, thấy có chiếc xe gắn máy thồ đang chờ khách ở bên kia đường, nàng định đi qua để hỏi giá và đường về Sài Gòn, thì chợt có ai ở phía sau đặt tay lên vai nàng:

"Chào chị."

Nàng ngạc nhiên quay lại. Đó là một người phụ nữ, mặc quần tây áo sơ mi trắng bỏ ngoài quần, tóc kẹp dài quá vai. Nàng bực mình, hỏi:

"Chị cần gì?"

Người phụ nữ vui vẻ cười:

"Chị là hành khách trên chuyến tàu vừa bị nạn phải không?"

"Phải. Nhưng cô cần gì?"

"Em công tác trong bệnh viện. Có đồng chí ở trong bệnh viện cần gặp chị."

Nàng ngạc nhiên:

"Lần đầu tiên tôi đến đây, tôi làm gì có quen ai ở đây."

Người phụ nữ vẫn giữ nụ cười:

"Trước không quen thì sau quen, đâu có sao, phải không chị. Vào đó là chị biết ngay hà. Nào, ta đi!"

Hạnh gắt:

"Tôi mệt quá rồi, cần về Sài Gòn gấp. Ai cần gì thì ra đây gặp tôi, tại sao phải gọi tôi vào. Tôi không vào."

Hạnh dậm dự bước đi thì người phụ nữ nắm tay nàng:

"Chị phải đi với em."

Nàng giựt tay ra muốn cự nự tiếp thì người phụ nữ nhìn chị với cái nhìn đầy dọa nạt:

"Chị không được cãi. Chị có cần biết em là ai không?"

Nàng bối rối nhìn xuống và cảm nhận ra có điều gì khác thường nơi người phụ nữ này. Chị ta nhắc lại, giọng khô:

"Nào, ta đi."

Hạnh líu ríu bước trở vào cổng bệnh viện. Người phụ nữ theo sau, nói như ra lệnh:

"Vào cổng, rẽ trái."

Qua khỏi cánh cổng, người phụ nữ bước nhanh tới trước, dẫn đường. Chị ta đến một căn phòng nhỏ nằm kế phòng đợi ở phía bên phải của khu căn-tin, bảo nàng ngồi ở đó đợi. Một lát sau, một người đàn ông từ bên trong bước ra. Anh ta chào:

"Chào chị. Chị bị thương có nặng không?"

Nàng đáp, giọng hơi run:

"Dạ, sơ sơ."

"Sơ sơ thế nào?"

"Dạ, sây sát ở phía dưới chân."

Nàng định đưa vết thương ra cho người đàn ông xem, nhưng anh ta xua tay:

"Khỏi. Tôi có xem hồ sơ chị. Chị là Hạnh?"

"Dạ, em tên Hạnh."

"Hàng hóa chị mang đi có nhiều không?"

"Dạ, ít thôi. Toàn là trái cây."

"Trông bộ chị đã trải qua một đêm lo sợ, phải không?"

"Dạ."

"Chị có mang theo giấy tờ gì không?"

"Dạ có."

Nàng lục đi lục lại mãi mới tìm thấy cái "Chứng minh nhân dân," đưa cho anh ta. Anh ta xem xong, hỏi:

"Chị ở tận Huế lận?"

"Dạ. Em ở Huế."

Anh ta cười nửa môi:

"Dân Huế nhiều người đi buôn nhỉ."

Anh ta ngồi xuống góc bàn, nhìn nàng soi mói. Hạnh bối rối, đảo mắt nhìn ngu ngơ quanh phòng. Căn phòng hẹp, trống trơn, không có gì ngoài chiếc ghế và chiếc bàn nhỏ. Anh ta lên tiếng, giọng gọn, sắc, lạnh tanh:

"Tôi biết chị bị thương, chị vừa trải qua một đêm kinh hoàng. Tôi thay mặt chính quyền và nhân dân địa phương chúc mừng chị được an toàn, thoát qua tai nạn."

Anh ta ngừng lại, mắt nhìn nàng không chớp. Hạnh nín thở, hồi hộp. Anh ta nói tiếp:

"Chị phải biết, Đảng và Nhà nước ta bao giờ cũng chăm lo cho đời sống của nhân dân và không bao giờ mong muốn những vụ việc đáng tiếc như chuyến tàu bị nạn vừa qua. Tất nhiên chúng tôi biết có một số đồng chí làm việc không nghiêm túc, do đó, không kịp thời tổ chức cứu trợ những đồng bào bị nạn. Tuy nhiên, nói chung, cho đến giờ này, công cuộc cứu trợ đã diễn ra tích cực. Chính quyền đã tận dụng mọi phương tiện huy động cán bộ, nhân dân hợp tác để khắc phục hậu quả của tai nạn. Hiện nay, trong nhân dân, có những tin đồn sai lạc. Bọn xấu lợi dụng dịp này để tung tin đồn, làm hoang mang dư luận, phá hoại uy tín của Đảng và Nhà nước. Chị may mắn được các đồng chí trong bệnh viện chăm sóc sớm, bây giờ ra về, chúng tôi yêu cầu chị không nên gặp gỡ, kể chuyện linh tinh và nhất là có những lời lẽ phê phán vô trách nhiệm. Tốt nhất là chị không nên để cho người ta biết là chị vừa bị nạn để tránh sự tò mò của người khác. Chị hiểu rõ những điều tôi vừa nói không?"

"Dạ, hiểu."

"Chị có nhận rằng vừa rồi chị có những lời lẽ không tốt khi trò chuyện với những kẻ tò mò trong bệnh viện không?"

Hạnh đáp lí nhí:

"Dạ, có."

"Chúng tôi có bằng chứng là hiện nay có rất nhiều kẻ xấu đang trà trộn trong nhân dân, lợi dụng cơ hội này để phá rối chính quyền cách mạng. Vậy thì, chị ngồi đây, viết một bản kiểm điểm trước khi chúng tôi để chị ra về."

"Dạ, em...em biết gì mà viết."

"Có sao viết vậy. Có gì tôi sẽ góp ý thêm. Nào, chị có thể bắt đầu."

Anh ta đưa cho Hạnh giấy, bút:

"Khi nào xong, chị gọi tôi ở phòng kế."

Hạnh gật đầu, lòng nhão đi như con bún.

(Còn tiếp)

HỒI KÝ CỦA NGUYỄN THỊ

NGÔ NGUYÊN DŨNG

Phán già đi nhiều. Dám gần mười năm, tôi và Phán không gặp nhau. Chúng tôi là bạn học thuở còn ở quê nhà. Xa nước vì thời thế, đứa trước đứa sau, mỗi đứa một châu, hiếm có dịp thăm viếng. Lần này vì lý do gia cảnh, Phán sang đây, tiện thể ghé ngang.

Tôi biết Phán viết văn, làm thơ cho vài tờ báo văn chương. Tôi có đọc qua, rồi quên. Những bận tâm của Phán và của tôi không giống nhau. Với tôi là chuyện cơm ăn áo mặc cho một gia đình bốn nhân tố. Với Phán là điều gì đó viển vông, mơ hồ, không thực tế. Vì vậy, tôi không mấy ngạc nhiên khi biết Phán vẫn sống độc thân. Tôi đùa, ngần ấy tuổi mà chưa lập gia đình, nếu không bất lực thì cũng là đồng tính luyến ái. Phán không cải chính, chỉ cười. Không phải kiểu cười chấp nhận, chịu đựng mà như ngụ ý, thì đã sao.

Sau bữa cơm chiều, trong khi vợ tôi dọn dẹp bàn ăn, tôi mời Phán ra hiên nhà, uống trà ăn bánh. Chiều xuống chậm. Hè năm nay nóng khác thường. May, những khi hoàng hôn thường có vài ngọn gió phe phẩy. Chuyện trao đổi giữa tôi và Phán coi như cạn. Lâu không gặp, tái ngộ chỉ ôn lại dăm ba chương kỷ niệm còn đọng trong trí nhớ. Những vui chơi nông nổi thời tuổi trẻ. Vài biến động gia cảnh. Dăm ba cái chết. Có người không biết bây giờ ở đâu. Những ly tán buộc phải chấp nhận.

Chuyện vãn gần xa một đỗi, tôi chuyển đề tài:

"Tôi có đọc bài ông viết trên mấy tờ báo."

Nói xong, tôi nhận ra mình vẫn chưa thật sự thuần khẩu với cách xưng hô "tôi, ông." Nhưng vào tuổi này, gọi "mày" xưng "tao," nghe bất xứng.

Phán nhỏ nhẹ:

"Mình viết cho vui ấy mà, như trò giải trí."

Tôi bắt bẻ:

"Thế thì không thể 'lớn' được."

Phán cười hắt:

"Với bạn, thế nào mới gọi là 'lớn'?"

Ngần ngừ vài giây, tôi thành thật:

"Tôi chưa đọc bài nào của ông viết về những thảm trạng chiến tranh, những xung đột ý thức hệ, những phân hoá vì chủ nghĩa của một dân tộc cùng huyết thống."

Nét mặt Phán phân vân thấy rõ. Anh nâng tách trà, hớp một ngụm. Cử chỉ anh từ tốn, thận trọng, như sợ khuấy động những tĩnh vật.

"Mấy điều ông vừa nêu, phải công nhận lớn thật. Nhưng nỗi băn khoăn của tôi, nó khác. Cái lớn của tôi là đôi lẽ sống chết, là cái siêu phàm bao trùm sinh vật. Còn chiến tranh và gì gì đó, với tôi chỉ là những va chạm giữa hai nhóm người, hai phần đất, hai chính kiến. Tẳn mẳn so đo, chuyện lớn nhỏ quả có khác. Nhưng không vì vậy mà tôi cho rằng, chuyện này quan trọng hơn chuyện kia. Chung quy ở bẩm tính. Ông thử nghĩ, nỗi băn khoăn trong thế giới tâm linh của loài bò sát cũng lớn lao lắm chứ, tầm thường như bọn mình làm sao hiểu nổi."

Tôi rót thêm trà vào tách cho Phán. Hương trà sen Thái Nguyên của người quen từ Việt Nam mới qua đem biếu tỏa thơm thoảng. Tôi biết, uống trà cữ này, khuya nay thế nào tôi cũng trăn trở.

Tôi gật gù lấy có. Trời, tôi vừa rặn mọ thốt ra vài ngôn từ dao búa, có ý hù dọa Phán cho vui, ngờ đâu chạm nọc. Anh phun ra một hơi về những băn khoăn của anh và của loài bò sát, làm tôi bỡ ngỡ không ít. Lẽ đương nhiên nó khác. Nhưng lấy gì làm chắc, rằng rắn rết

biết băn khoăn? Đôi khi tôi ngầm so sánh cuộc sống gia đình tôi với đồng hương. Có người, tôi hơn; kẻ khác, tôi không bằng. Nhưng đó toàn là những thứ có thể so giá như cái nhà, chiếc xe hay những chuyến đi nghỉ hè. Còn chuyện hơn kém về tinh thần, hay nói cách khác, về thế giới tâm linh, có khi nào tôi nghĩ tới. Nó không hiện hữu trong đời sống tôi. Hay có, mà tôi vì những nhu cầu vật chất, nên hoàn toàn không để tâm tới. Dù sao, mấy điều Phán vừa bộc bạch, bắt tôi suy nghĩ.

Phán thêm lời:

"Xét cho cùng, tầm phán đoán của con người hạn hẹp lắm. Không ai thấy ra cái tận cùng của ý nghĩ. Vì vậy, trái đất càng già nua, thì mọi quan niệm, mọi suy tư chỉ là sự lặp lại. Khác chăng là cách biểu lộ. Chính cái khác này, theo tôi, gây ra những xung đột mà ông vừa nói."

Xong, Phán bật cười khan. Tiếng cười nghe lạ. Như để tô đậm lời nói, như nét điểm nhãn sau cùng lên bức họa truyền thần. Tôi chợt liên tưởng câu chuyện về một họa nhân vẽ chân dung có tiếng thời xưa. Nét cọ sau cùng là dành cho đôi mắt. Điểm nhãn như một cách truyền sự sống, hà linh hồn vào cái mặt nạ trơ trơ bất động trên khung vải. Khéo, bức tranh được giữ lại. Vụng, sẽ bị rạch nát, vất đi. Một nghệ sĩ, tài hoa hay không, ở chỗ biết nhận ra điểm kém cỏi của mình. Tư lự lam man vậy thôi, chứ tôi không thố lộ cùng Phán, vì biết thế nào cuộc đối thoại cũng sẽ lâm vào ngõ cụt.

Có lẽ nhận thấy buổi chuyện trò bắt đầu nặng nề, sau khi hớp một ngụm trà, Phán đặt tách nghe "cạch" xuống dĩa con, rồi cất giọng:

"Có thời gian dài, tôi thất nghiệp."

Tôi nghiêng mặt nhìn thẳng vào mắt Phán, có cảm tưởng như mình vừa nâng cọ chấm vào hai trũng thị giác Phán cái phần vi tế sống động, vô cùng tinh xảo, đựng bản năng định đoạt cả phận người.

Phán tiếp:

"Một hôm tôi nhận được điện thoại của sở lao động giới thiệu cho tôi một việc làm tạm. Gác dan thư viện ông ạ. Có sao đâu? Cái số mình, tạm trú xứ người thì làm việc gì chẳng được. Ngặt nỗi, họ bảo cần người gác ca đêm. Tôi tần ngần tự hỏi, đời thuở nào lại có chuyện gác ca đêm thư viện? Ai thèm đụng tới cái mớ sách báo loạn phát bề bộn kia? Họ giải thích, chỉ phải gác suốt bốn tuần lễ triển lãm danh họa mượn từ các bảo tàng viện khắp nơi trên thế giới. Tôi nhận lời, nhưng lòng không mấy phấn khởi. Tôi có tật đi ngủ sớm."

Nghe Phán nói tới đó, tôi liếc mắt nhìn đồng hồ tay. Sắp tám giờ tối. Nắng vẫn bịn rịn chưa tắt. Phán rót những giọt trà cuối cùng vào tách. Tôi vừa nhổm người, Phán đã hiểu ý, khoát tay bảo, không cần pha thêm trà, một ly nước suối đủ rồi. Tôi vào trong lấy nước cho Phán. Khoảng cách vào ra đâu bao xa, vậy mà tôi đã hình dung ra điểm thú vị trong câu chuyện Phán vừa khởi đề. Bản tính Phán kín đáo, hiếm khi tôi nghe anh lằng nhằng chuyện người hay mềm giọng tâm tình những ưu tư. Khoảng khắc ngắn ngủi vào ra chợt loé trong tôi vài ý tưởng lạ lùng, tựa như cảm xúc đầu tiên tiếp nhận da thịt tình nhân. Hay cũng có thể đó là thứ giác quan kỳ diệu của tâm linh cho mình cảm tưởng vừa sờ được những chiếc bóng ẩn náu trong tiềm thức. Nhưng chưa bao giờ chúng bắt tôi phải bận tâm. Với tôi, tất cả biến động trong hay ngoài ý thức là lẽ tự nhiên. Tôi không thể hiểu sao lại có người xúc động băn khoăn chỉ vì một dấu môi nơi miệng tách trà, những tiếng chân rụt rè trên sàn gỗ long, hay cảnh người đàn bà trật áo, vắt sữa vào tách trà ly biệt chồng trước ngày nhập ngũ. Giờ đây, trong khoảnh-khắc-ngắn-ngủi-vào-ra này, tôi sững sờ cảm nhận cái lý tính phi thường của những điều xoàng xĩnh, gần như dung tục ấy. Cùng lúc là những nghi hoặc ở ngũ quan mình. Có thật là mình đã thấy đã nghe đã nếm đã ngửi đã tiếp xúc được chúng? Hay mọi sự chỉ là thứ ảo tưởng sống động, lặp đi lặp lại cho tới lúc thành như thật? Tôi cũng có những ảo tưởng, đâu riêng gì Phán hay những kẻ mẫn cảm khác. Đúng hơn, ảo tưởng của tôi là những chiếc bóng của dăm ba người thân đã qua đời. Họ hiện về kín đáo, tế nhị trong một góc chiêm bao nhỏ như chéo khăn tay, vậy mà đủ sức làm loé lên sắc trắng tươi rói, chói lòa cả giấc mộng. Những hiện mất bật tắt, bật tắt cho tới lúc không còn biên giới của thực mộng, của sống chết, làm tái sinh những thứ mà mình tưởng đã tiêu tán. Với Phán là những trang sách kín chữ nối trăm năm này vào trăm năm khác. Có lẽ vậy.

Trở ra ngồi cạnh Phán, đưa cho anh ly nước, lúc ấy tôi mới nhận thấy ngày đang lặng lẽ chia tay. Bóng ngôi nhà phủ kín vườn cỏ vàng ngọn. Vài đốm nắng sót lại, lẻ loi điểm lên bụi nguyệt quế. Dưới gốc, hạt chín rụng đầy. Màu đỏ chói loà, rộn ràng khéo giấu nỗi man mác ly biệt giữa ngày đêm. Tôi sực nghĩ

tới đoạn kết của một câu chuyện liên quan tới sắc đỏ chòm nguyệt quế một đêm giã từ. Và thẫn thờ nhận ra, dường như vừa có vài thay đổi trong tôi. Bất ngờ và âm thầm. Như thể buổi viếng thăm của Phán là khởi điểm làm xáo trộn những quan niệm sống trong tôi. Gần như trọn vẹn.

Tôi nghe giọng mình ngờ vực cất lên:

"Rồi sao nữa?"

Khoé môi Phán động đậy. Hai rãnh mắt nhíp lại. Giọng từ tốn. Tôi lắng tai, mắt ngoảnh nhìn một thoáng bụi nguyệt quế ngoài vườn chiều. Nắng đã khuất. Màu đỏ những hạt rơi, của những khe trống văn chương lấm lét nhoè vào bóng xám cuối ngày, loang ra thứ giao cảm riêng rẽ, không thể giải thích, khó biện luận, nối liền giữa tâm linh tôi và Phán. Thoắt cái, câu chuyện của Phán thẩm nhập vào mọi ngõ ngách ngũ quan tôi. Nghiệm tưởng tôi run rẩy thấy ra trũng đèn vàng tù mù trong một góc thư viện thành phố. Sách và sách. Mực và giấy. Hoá liệu và gỗ. Rừng cây chi chít lá chữ bâu quanh, từng hàng ngăn nắp. Hương liệu trừ mọt xông đắm đắm, như mùi thuốc khử trùng trong một nhà chứa xác. Những thây chữ dựng trên kệ sắt, gáy nối gáy, được sắp theo thể loại, mẫu tự. Mỗi thây, một mã số. Nằm đấy, chờ.

*

Người đàn bà ký vội lên trang giấy, gấp tập hồ sơ, ngẩng mặt cười thân thiện:

"Ông cho phép tôi vắn tắt vài lời. Việc làm của ông bắt đầu từ mười giờ đêm tới sáu giờ sáng. Mỗi ba tiếng ông chịu khó rảo quanh xem xét tầng trệt và lầu một. Người quản thủ thư viện sẽ chỉ dẫn ông tường tận hơn về chuyện này. Tiền lương là 10 đồng một giờ, cộng phụ phí đêm 25 phần trăm. Điều quan trọng, ông nhớ để ý tới mấy điểm phải làm lỡ như chuyện gì xảy ra."

Nói tới đó, người đàn bà bật cười:

"Chẳng có chuyện gì đâu, nhưng đề phòng vẫn hơn. Chúng tôi muốn nói tới những trường hợp rủi ro như hoả hoạn vì... vì... chạm điện, hay như có kẻ gian đột nhập... Ông không đoán được trị giá của ngần ấy danh họa đâu, tỷ chứ không phải triệu."

Tôi hoang mang hỏi:

"Thư viện không có hệ thống báo động sao?"

"Có chứ, nhưng chỉ vài người biết nó hoạt động như thế nào. Chính tôi cũng không rõ. Ông vui lòng ký tên vào tờ giấy này, mang qua phòng ông quản thủ thư viện. Chúc ông nhiều may mắn."

Tôi cười cám ơn, đứng lên bắt tay từ giã bà chủ phòng nhân viên, nhủ lòng, lời chúc được vẻ gì như mỉa mai. Tôi mẫn cảm quá chăng? Nhiều lúc, tính mẫn cảm bất thường này bắt tôi thêu dệt những sự kiện không hề xảy ra. Ảo giác tôi đầy dẫy biến động. Tại một góc phố vắng. Nơi băng ghế công viên ngập xác lá. Dưới đống gạch vụn một ngôi nhà bị phá đổ. Ở chỗ ngồi bỏ trống góc thư viện rộng thênh. Và trên những mặt người.

Ông quản thủ thư viện có gương mặt hình quả lê còi. Cặp mắt mèo hấp háy sau tròng kính cận. Sống mũi dẹp, nhọn, thẳng như được gạch bằng thước. Đôi môi mỏng, tái ngoét. Lúc nói, miệng ông chỉ cử động nhấp chừng. Giọng ông mệt nhọc len qua kẽ răng, rồi rãnh môi, sau đó thở phào nhẹ nhõm lọt vào tai tôi.

Nhưng không phải ông không niềm nở.

" i dào, không thể gọi đấy là việc làm, vì ông chỉ phải ngồi cho có mặt, lâu lâu lại rảo bước kiểm soát một lần. Nói thật, đây là cơ hội tốt để ông tập thiền. Ngồi đấy nhưng phải để ý mọi việc chung quanh. Tai ngóng chừng động tĩnh. Mắt phải tinh nhạy dò xét. Mũi phải bắt được những mùi lạ, tỷ dụ như mùi khét của dây điện cháy hay mùi giấy, mùi sơn bén lửa."

Ông vừa diễn giải vừa dẫn tôi chầm chậm len qua những lối thư viện. Lối chính tính ra dám tới trăm thước. Hai bên chia hàng, dựng kệ sách. Cạnh những khung kính rộng màu lam nhạt, một chiều từ trong nhìn ra, là dãy bàn ghế sơn xám. Cái màu buồn bã như nội cảnh thư viện vào giờ này, vắng tênh. Những chụp đèn soi quanh quẽ lên mặt bàn lẻ loi vài quyển sách ai đó lười sắp lại kệ. Tiếng nói người đàn ông thoắt hiện thoắt mất trong thính giác tôi. Vườn cây lục sẫm và một mảng trời đùn mây lớp lớp hình vòng cung tô lên những ô kính lắp, trông như bức họa ấn tượng.

Giọng người đàn ông nô nức như reo vui:

"Chỗ ngồi của ông."

Tôi nhướng mắt. Bên trái cuối lối đi, một quầy gỗ nâu hình bán nguyệt. Vài chiếc ghế trống. Giàn màn ảnh kiểm soát nhấp nháy. Sau giờ mở cửa, chỉ thấy những hành lang trống. Từ chỗ ngồi này, bằng những bộ mắt điện tử, tôi có thể theo dõi mọi chỗ vào ra trong thư viện.

"Ông có hút thuốc không nhỉ?"

Người quản thủ thư viện nheo mắt hỏi. Tôi lắc đầu. Ông gật gù:

"Tốt. Ở đây hút thuốc là điều cấm kỵ. Những chuyện còn lại, tha hồ."

Tôi không hiểu "những chuyện còn lại" là chuyện gì, nhưng không hỏi mà đoán theo ý riêng, là tính phóng khoáng và phóng túng trong lãnh vực sáng tạo. Tôi muốn nói cho ông biết, tôi cũng là một kẻ sáng tạo tài tử. Mà nói để làm gì, khi tất cả chỉ là một cách ngụy trang, tự phỉnh lừa bằng cường độ bi quan lẫn lạc quan quá đáng.

Tôi vừa hài lòng vừa e ngại với chỗ ngồi của tôi giữa rừng sách tồn trữ qua biết bao thập niên. Hài lòng vì tôi sẽ rộng thì giờ suy tư, ghi ra một bài viết mới. E ngại vì không gian trống trải. Và khuya khoắt.

Đêm đầu tiên tôi chống chỏi cơn đòi ngủ bằng vài tách cà-phê đậm. Lúc tứ chi chớm uể oải, tôi đứng lên bắt đầu rảo bước xem xét thư viện. Hai tầng rộng. Tranh được trưng bày ở tầng trên. Toàn danh họa trường phái ấn tượng đầu thế kỷ 20. Thoạt đầu tôi thích thú dừng chân trước mỗi bức, ghé mặt ngắm nghía. Nét cọ này, bố cục này, sao mà tinh xảo. Nhìn gần, khác. Đứng xa, khác. Chia nhãn quan ra từng ô như mắt ruồi, lại thấy khác. Ngàn cái khác gom thành cái hợp nhất hài hòa kỳ diệu. Giác quan thứ sáu của người tinh nhạy bắt được ngay sinh lực. Tôi có thứ giác quan ấy. Vì vậy, sau đó, cảm xúc bất an từ từ thẩm nhập. Như thể tôi bị theo dõi, rình rập bằng nghìn tia mắt. Không phải của nghệ sĩ sáng tạo, mà của những nhân vật giả tưởng. Họ thoát ra từ những khung tranh. Và kinh khủng hơn nữa, từ vô số lòng sách khép kín dựng trên kệ sắt. Thư viện giữa khuya bỗng rộn lên sống động. Sự sống và tính động âm thầm mà cực kỳ linh hoạt. Họ khiến tôi dè dặt lúc đầu, nhưng dần dà quen đi. Hơi thở của những hồn ma sáng tạo phà vào ngòi bút tôi thành những ý nghĩ kỳ quặc run rẩy trên giấy.

*

Tôi để ý tới người thiếu nữ vì mái tóc dài đen mướt. Cô ngồi bên bàn viết cạnh kệ sách của những tác giả tân tiểu thuyết khu vực Đông Nam Á. Một hôm tôi tới sớm, gặp cô đang thong thả gấp sách dựng lên kệ. Thấy tôi, một người Á châu, nét mặt cô rạng lên giây lát. Tôi khựng bước, gật đầu chào. Tia mắt tôi lướt ngang gương mặt thanh tú. Màu mắt xanh lạ lùng của thiếu nữ đọng lại thị giác tôi. Thứ màu xanh tuyệt vời, không do hoá chất kết hợp, mà chỉ thấy trong thiên nhiên. Phải rồi, đó là sắc xanh của một loại bướm trong khu rừng mưa. Và hương nước hoa vương vướng khứu giác. Tôi không rành về hương liệu, nhưng đã đọc đâu đó, rằng nữ

phải có kích thích tố tiếp ứng hài hoà với một vài loại nước hoa. Vì vậy, tuy dùng cùng một nhãn hiệu mà mỗi người vẫn tỏa ra một thứ hương riêng. Rồi tôi suy diễn sa đà hơn, kích thích tố nữ tăng giảm theo mùa trứng rụng, hẳn ít nhiều ảnh hưởng tới hương thơm.

Cho tới bây giờ, kinh nghiệm về đàn bà của tôi chỉ được góp nhặt từ các văn bản và mấy lời khẩu khí bộc bạch trong cuộc rượu. Đàn bà họ có cái mùi lạ lắm; bảo thơm, không hẳn; bảo không thơm, cũng chẳng đúng, mà kích thích quá chừng. Này, mỗi loài thú có một chất kích dục riêng, nhờ vậy mà đực cái tìm tới nhau. Với chúng, đó là mùi thơm. Với khứu giác hạ đẳng của loài người, là thứ mùi hôi rình, chịu không thấu. Thì ra ngũ quan của động vật người như bọn mình, so đo, chẳng bằng ai cả. Chỉ được tạo hoá ưu đãi ban cho bộ óc tinh xảo mà tạo dựng biết bao kỳ công. Và phá hoại, người khác xen vào. Ấy, câu chuyện đi có hơi xa, mình đang nói về thứ mùi gấy dục của đàn bà mà, rồi lan man qua ngũ quan. Ý mình muốn nói, người khác thú nhờ sở hữu cái linh cảm. Ừ, vì vậy mình khai mở vô biên ngũ quan. Mắt thấy ra cõi vũ trụ tột cùng. Mũi bắt được hương cảm của loài vô tri giác. Tai nghe thấu tiếng gieo động của sương đêm. Lưỡi nếm được mùi vị của thời gian ký ức. Da tiếp nhận tinh lực ấm áp của những giấc mơ. Trời, cái linh cảm kỳ diệu quá sức!

Làm sao tôi quên được hương da thịt của những người đàn bà đã một thời kề cận tôi. Thuở tấm bé, của dì tôi. Chẳng hiểu sao, khi tôi bắt đầu biết ghi nhớ, hằng đêm tôi phải ngủ chung với dì ở nhà sau. Phòng ngủ cạnh căn bếp, cách nhà trên một dải sân tráng xi-măng, chừa một vuông đất trồng cây mận chua. Mùa nắng, trái đơm chùm chi chít. Màu trái hồng nhạt, gợn vân đỏ bầm, mọng nước bóng lưỡng. Trái nhiều quá, ăn không hết, đem biếu thì vô lễ vì không phải loại trái quí, má tôi bày vẽ làm mứt mận. Dì tôi ngồi xên mứt bên hỏa lò lửa than, trong mảnh sân nhấp nháy hoa nắng. Mồ hôi tươm hạt trên gương mặt dì ửng hồng. Dì thiếu nhan sắc. Quai hàm bạnh. Hai gò má nhô, điểm vết nám, mà dì bảo bị nắng ăn. Đôi môi mỏng, khi mím lại, cong đòn gánh. Tính dì đôi lúc cộc cằn, trả treo bặm trợn với má tôi khi dì không vừa ý chuyện gì. Nhưng dì thương tôi. Đêm mùa nóng, dì quạt cho tôi ngủ. Lúc tiết trời trở mát, dì úm tôi vào lòng. Phòng ngủ hẹp, hắt ánh điện đỏ quạch từ trang thờ Phật. Khung cửa lá sách thường mở hoác. Tấm mùng trắng phập phồng những khuya gió. Có đêm, tấn mùng không kỹ, tôi ngủ lăn ra mép mùng, để muỗi vô đầy, vo ve. Dì tôi thức dậy, bật đèn đập muỗi, lòng tay lốm đốm máu.

Tới tuổi yêu đương, thỉnh thoảng dì xin phép má tôi đi xem hát đêm, cũng là dịp hẹn hò với bạn trai. Dì quấp tôi theo. Phim sắc-lô câm, trắng đen, cả rạp cười nghiêng ngửa. Hay cải lương hương xa, có đoạn kép chính bị xử trảm, ở trần, hai nách cạo sạch, trước lúc hành quyết còn xuống sáu câu mùi rệu; đèn bật đỏ, khán giả vỗ tay rần rần. Vậy mà lần nào, giữa chừng tôi cũng ngủ gục. Bận về, dì đèo tôi trên lưng. Đầu tôi ngoặt ngoẹo trên vai dì, dập đềnh theo mỗi bước chân. Khuya phố thị cuối thập niên năm mươi, tiết trời mát rượi, dịu dàng như lòng tay mênh mông. Tôi chập chờn ngủ trộm, thần trí phiêu diêu trong thực ảo của giác quan. Hương tay đêm, hương da thịt dì tôi thuở xuân thì ướp tẩm bờ ngực tấm vải mùng gió lay phập phồng, trắng toát.

Mùi hương thiếu nữ có suối tóc óng ả ám đầy tâm thức tôi, ứa ra những dòng mực lem nhem xuống lòng giấy những khuya thức. Vài đêm đầu, tôi sờ sợ vì không gian tịch mịch. Những đêm sau, tôi quen dần. Cho tới lúc tôi cảm nhận từ khối tịch mịch đê mê ấy vài loại âm thanh. Tiếng sột soạt của giàn nhu liệu điện tử. Tiếng rầm rì mở tắt của hệ thống điều hòa không khí. Tiếng gió chướng cào rát lưng cửa kính. Tiếng bút thép cứa lên ngực giấy, tuôn mực. Và rồi, ngũ quan tôi vượt qua ranh giới thực ảo, cho tôi nghe thấy ngửi nếm cảm được những hiện tượng siêu hình. Điều lạ, chúng không bắt tôi sợ hãi, mà cho tôi cảm tưởng như vừa tìm ra, tái ngộ những thứ những người đã từ lâu bặt tin. Cho nên, một khuya nọ, khi khứu giác tôi tiếp được hương nước hoa rụt rè thoang thoảng, tôi hoàn toàn an tâm. Trực tính trong tôi trỗi dậy, lần bước theo hương thơm, tìm tới chỗ ngồi của thiếu nữ tóc đen. Sự có mặt của cô gái vào giờ giấc cấm đoán này không làm tôi nghi hoặc điều chi. Ngược lại, tôi cảm thấy rạo rực trước vùng ấm áp bao quanh chỗ cô ngồi. Dòng tóc mượt mà ôm lấy lưng ghế. Vạt áo mềm mại vắt ngang đùi. Quần dài phủ kín gót chân. Màu quần áo nhuôm nhuốm ngân nhũ, trắng loá như chiếu sáng. Tôi dừng chân cách đoạn sau lưng cô, trộm ngắm đối lâu. Đơn vị thời gian trong khoảnh khắc ấy xáo trộn như những trang chữ bị gió thốc tán loạn. Tôi biết mình

đang thấy lại một trong những nhân vật mà tôi đã hạnh ngộ đâu đó trong quá khứ.

Tôi bước tới đứng cạnh thiếu nữ. Bàn tay cô chắn ngang lòng sách mở, gương mặt nhếch lên. Màu mắt xanh, ôi màu mắt xanh hoang tưởng. Môi cô nhoẻn cười thay lời chào. Tôi bất động giây lát vì thần sắc linh diệu toát ra từ gương mặt thánh hóa. Thiếu nữ nhỏ nhẹ giải thích bằng ngôn ngữ bản xứ:

"Em xin lỗi đã quấy rầy ông vào giờ giấc khuya khoắt này."

Tôi lắp bắp:

"Cô... cô... vào đây bằng cách nào?"

Thiếu nữ nheo mắt ra chiều bí mật:

"Bằng cách riêng của em. Ông không biết sao? Thư viện có nhiều khung cửa không bao giờ khoá."

Rồi thiếu nữ giơ tay che miệng cười khúc khích:

"Em nói đùa, chắc ông không hiểu. Thật ra em là người thân của ông quản thủ thư viện, có chìa khoá riêng, muốn vào ra lúc nào tuỳ ý."

Tôi khẽ nhíu mày. Tôi chưa hề nghe người quản thủ thư viện nói về biệt lệ này. Nhưng nhìn khuôn mặt quyến rũ của thiếu nữ, tôi không hoài nghi lâu. Linh cảm tôi phát ra chuỗi tín hiệu màu xanh an toàn. Có điều tôi muốn biết, cô gái vào đây tìm đọc những gì? Đoán ra thắc mắc của tôi, thiếu nữ nhỏ nhẹ:

"Em cần một vài chi tiết cho tư liệu, tìm hoài chưa thấy. Ban ngày em không chú tâm được vì nhiều tiếng động. Ông ngồi xuống đi!"

Thiếu nữ nói như ra lệnh, rồi gấp sách lại. Tôi kéo ghế ngồi cạnh, lướt mắt lên bìa sách. "Hồi ký của Nguyễn thị" và tên một tác giả tôi chưa hề nghe. Tự dưng lòng tôi trĩu xuống. Chút thương cảm vô cớ nhè nhẹ dâng lên. Ôi, những kẻ sáng tạo vô danh, những dòng chữ âm thầm theo mối mọt thời gian, những khát vọng không bao giờ thành tựu...

"Em kể ông nghe nhé!"

Ánh mắt thiếu nữ rực lên sắc lửa. Tôi nghiêng mặt lắng tai.

"Có thể nói, mọi ngõ ngách trong thư viện này nằm trong lòng tay em. Ông quản thủ thư viện không kể cho ông nghe chuyện một đứa con gái bị ma thuật của sách vở mê hoặc sao? Ông ấy quên đấy. Em thích đọc sách từ tấm bé. Em đọc đủ cả, từ chuyện cổ tích tới phiêu lưu, từ những hồi ký ấu thơ tới chuyện tình tuổi mới lớn. Vì lẽ đó mà em không có bạn. Chẳng hề gì, vì bạn của em chính là các nhân vật ẩn khuất trong những trang sách vô tri giác. Họ là những chiếc bóng lẽo đẽo đồng hành, san sớt cùng em những buồn vui. Thuở đó thư viện chỉ là một ngôi nhà gỗ, nhỏ thôi, nhưng vô cùng ấm cúng, nằm giữa vườn cây thưa. Một lối đi lát đá xanh từ đường lớn dẫn vào. Những khung cửa lắp kính rộng thoáng. Mái lợp ngói đỏ, dựng ống khói lò sưởi chơi vơi một ổ cò bện cành khô. Chớm xuân, vợ chồng cò trở lại, vùng trời thư viện ấm lên những giao cảm gắn bó giữa người với thú, giữa động vật với thiên nhiên. Những thông điệp văn chương cũng rợn lên đón nhận hơi thở nồng nàn của bàn tay thời tiết. Em yêu chúng, yêu những thông điệp của những ngòi bút vô danh từ các tiểu quốc xa xôi. Những kẻ được sinh ra rồi chết, như thể họ sống chỉ để viết thế thôi. Những chương sách có mặt như lũ trẻ ốm còi, đen đúa, bẩn thỉu, suy dinh dưỡng, nhưng ánh mắt chúng rực lửa tinh anh, bốc hôi hổi sức sống và lòng cương quyết vượt qua mọi chướng ngại. Sinh vật có thể bị chiến tranh, thiên tai, bệnh dịch hủy diệt, nhưng những trang chữ vẫn rành rành đó, kiêu hãnh. Em thấy ra tính bất biến kiên trì của những trạm thiên văn truyền tín hiệu từ các quốc gia nhược tiểu Đông Nam Á. Chúng lẻ loi một cõi, như những tinh tú chớp tắt không mỏi trong thiên hà.

"Cho tới tuổi biết suy luận, em tự hỏi tại sao em có được thứ linh cảm ấy? Và dường như chỉ mỗi mình em. Em bắt đầu tìm hiểu. Câu chuyện khởi sự từ xấp ảnh lưu niệm của cha em cất trên gác. Ảnh đen trắng, màu thuốc rửa nhuốm vàng thời gian, đóng khung những sinh hoạt phiêu lưu của ông thời trai tráng. Ảnh chòi lá ven rừng cây. Ảnh thú dữ bị ông săn giết. Ảnh những thổ dân da màu, gần như lõa thể. Ảnh người đàn bà vận áo cổ cao, mặt phẳng, tóc vấn, đứng ngang vai ông. Tấm ảnh ấy đột nhiên làm tim em rộn lên thứ giao cảm khó tả. Soi gương, em nhận ra mình chỉ có mỗi màu mắt xanh giống cha, còn mọi thứ khác đều lạ lẫm, vay mượn của ai đâu. Em không dám hỏi cha vì sợ. Tật nghiện rượu của ông là bức tường vô hình chắn ngang tình phụ tử. Trong cơn say, ông thét gào như thú hoang những đêm trăng. Ông tự hành xác bằng cách cào cấu thân thể. Tại sao vậy? Ám ảnh nào đã dằn xé ông khiếp đảm thế? Em không hiểu, chỉ biết trèo lên gác, giấu mình co ro trong góc khuất. Màu ngân nhũ mùa trăng đầy vạch khung chữ nhật lên sàn gỗ. Tiếng cha em thống thiết như thú đêm gọi bầy. Những dải

mây lướt ngang khung trăng, cứa vết lên tuổi thơ em, bứt lìa em xa khỏi những chương sách thần tiên. Em dậy thì trước tuổi, và tìm ra bản sắc mình.

"Ông quản thủ thư viện thuở đó là chồng của cô em. Thấy em ham đọc sách, ông dành cho em nhiều đặc quyền, cả quyền có chìa khoá riêng. Em thường gặn hỏi cô em về đời tư của cha và tông tích mình. Cô luôn luôn tránh né, cho tới lúc nhận ra em đã tới tuổi hiểu biết, cô mới tiết lộ.

"Cha em phiêu lưu sang An-nam lúc ông khoảng ngoài ba mươi. Đôi ba năm một lần, gia đình mới nhận được thư và ảnh ông gửi về. Trong bức thư cuối cùng, ông báo tin đã kết hôn với một người bản xứ. Bẵng đi lâu lắm, một khuya mùa đông nọ, bất ngờ ông trở lại, không phải một mình. Cô em bảo, cô vẫn nhớ như in cảnh đêm tái ngộ năm ấy. Ngoài trời bão tuyết tru tréo. Tiếng gõ cửa gấp rút, nối theo hàng loạt tiếng động, thoạt đầu thơi thả rồi huyên náo dần. Cô tốc chăn rời giường, khoác áo len, xỏ giày nỉ, mở cửa lần ra cầu thang gỗ, len lén trông xuống. Một người đàn ông vạm vỡ đứng cạnh một người đàn bà nhỏ thó. Cả hai trông như người tiền sử trong lớp y phục, khăn mũ đùm đụp, trắng tuyết. Ông nội em thúc hối bà giúp việc thắp đèn, đun nước pha trà, rồi tự tay ông sửa soạn củi sưởi. Hai người viễn khách ngồi hơ ấm bên hốc lửa chập chờn, chuyện vãn to nhỏ cùng ông bà nội. Khi bà em tới cạnh người đàn bà, ra dấu bảo tháo khăn choàng thì theo lời cô kể, một dòng tóc óng ả đen mướt bung xuống lưng, dài gần chạm đất. Nghe tới đó, em hỏi ngay: 'Có phải bà ấy la..à... mẹ em?' Cô gật đầu.

"Mẹ em không thích ứng với phong thổ nơi đây, thêm căn bệnh sốt rét, nên sau khi em ra đời được chừng một năm, bà mất. Cha em thay đổi tâm tính từ đó. Ông trở nên lầm lì, lại sinh tật uống rượu. Khi say, ông than gào như thú hoang. Cô em bảo, cha em bị những oan hồn thuộc địa hiện về báo oán. Không hiểu từ đâu, cô biết được những tội ác cha em gây ra ở xứ An-nam: giết người, đoạt đất, cưỡng dâm, bóc lột thổ dân, ... Tới một lúc, có lẽ ông không chịu đựng được nữa, ông hoá cuồng, nổi lửa thiêu huỷ ngôi nhà gỗ. Rồi ông bỏ đi biệt tăm. Có người leo núi, bảo tìm thấy xác ông dưới vực tuyết. Kẻ khác đưa tin, có gặp một người dáng vẻ tương tự tại một đảo quốc tận Thái bình dương.

"Ông thấy đó, dẫu những hưng phế nghiệt ngã, em vẫn trường sinh, vẫn nhẫn nại truy tầm căn nguyên mình. Di sản mẹ em để lại chỉ ngần này."

Dứt lời, thiếu nữ nghiêng đầu, rũ tóc thành dòng xuống vai. Mái tóc mà tôi đã lén lút chiêm ngưỡng nhiều lần. Hương thuốc gội tỏa ngan ngát. Không phải thứ hóa liệu chế biến trong phòng thí nghiệm mà là hương hoa trái nhiệt đới. Đúng rồi, đấy là hương chanh ngậm nắng đồng nội vào mùa lúa chín, đựng cả thứ tình thắm thiết giữa người và đất mẹ. Tôi xúc động, không thốt ra lời. Thiếu nữ cầm sách, đẩy ghế đứng lên. Từ đó cho tới khi tiếng chân cô nhỏ dần rồi mất hẳn, tôi như người bị ma lực thôi miên, đắm đuối trong âm cảnh.

Những đêm sau, tôi có ý ngóng chờ thiếu nữ, nhưng không thấy. Sáng cuối cùng, xong giờ làm việc, tôi vào gặp ông quản thủ thư viện, chào từ giã. Tôi nhắc tới người con gái quên không hỏi tên. Ông quản thủ thư viện lắc đầu:

"Tôi không có người bà con nào như vậy cả. Ông nghe lầm chăng?"

Tôi chậm rãi thuật lại mọi chi tiết. Đôi chân mày người đàn ông nhíp lại, giọng nói đứt khoảng, đầy ngờ vực:

"Không lẽ nào... Khó tin quá. Ông có... ngủ quên rồi mơ tưởng không đấy?"

Tôi lắc đầu quả quyết. Người đàn ông tháo kính, rút khăn lau chậm. Tia mắt ông dại hẳn đi.

"Chuyện xảy ra lâu rồi, khoảng đầu thế kỷ 20. Trời, thời gian qua mau quá. Mới đấy mà thư viện này đã gần trăm tuổi. Quả thật, người quản thủ thư viện thuở ban đầu có một cô cháu gái mê thích đọc sách. Rồi nghe đâu, cô qua đời trong một trận hỏa hoạn. Họ bảo do chính người cha châm lửa. Nhưng không có tang chứng, cũng không tìm ra thủ phạm. Hẳn ông đang thắc mắc tại sao tôi biết được chuyện ấy? Có điều lạ, sau khi dập tắt đám cháy, người ta tìm thấy một quyển tập chép tay, gần như nguyên vẹn, được viết bằng ngôn ngữ an-nam-mít, ghi tựa 'Hồi ký của Nguyễn thị'. Tập được dịch thuật, phổ biến thành sách, tái bản nhiều lần dưới tên của thân nhân người quá cố. Thư viện có lưu trữ quyển sách ấy, ông tìm trong danh mục 'văn chương cận đại vùng Đông Nam Á', sẽ rõ. Mà này, có điều mâu thuẫn... cô bé chết thiêu thuở ấy đâu chừng mười tuổi chứ mấy. Hay là... không lẽ..."●

(06.10.2000)

NGHĨ TRÊN NIỀM NHỚ

LÊ MINH HÀ

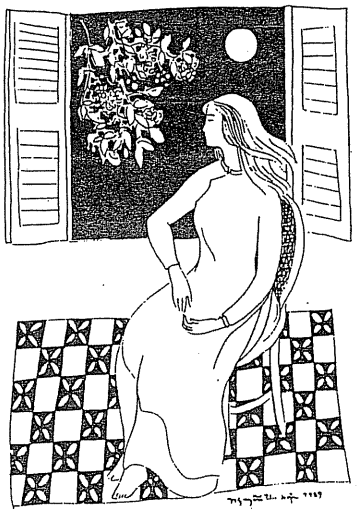

Một người bạn trẻ mới viết cho tôi: "Hung có tuyết rồi chị ạ..." Ở Đức tuyết cũng rơi rồi. Buổi sáng, tuyết trắng tinh lấp lánh dưới ánh mặt trời lạnh lẽo của mùa đông xứ lạnh. Tôi sợ những ngày tuyết rơi mà có nắng. Cái lạnh quê người dường như cắt ruột cắt gan hơn, nhất là khi lang thang trên phố, nơi người ta đang hớn hở, cuống quýt lo mua sắm chuẩn bị đón Noel và năm mới. Nỗi nhớ quê làm lòng người ta chùng xuống.

Nhớ quê lúc này là nhớ tết. Ở nửa kia dải đất quê mình - phương Nam - nơi có những mùa đông ngập nắng, dân mình ăn tết có vẻ giản dị và ồn ào hơn. Mai vàng và bánh tét, thịt kho và... Mỗi một miền Tổ quốc đều có một phong vị tết nhất khác nhau. Với tôi, tết bao giờ cũng gắn với một cái gì đó thật nhà quê Bắc bộ, thật Hà Nội.

Ấy là những ngày cuối năm trời trở gió nồm. Hoa nở bừng bừng, hực hỡ trên từng nẻo phố. Hoa rẻ hơn rau, vốn đã giá "bèo". Người trồng hoa dở khóc dở mếu nhìn vườn hoa cứ vô tư phô màu phô sắc mà oán trời oán đất, mà than vãn cho kiếp nghèo. Kẻ mua, cầm hoa tươi trên tay, thấy bùi ngùi dần lấn chỗ niềm vui được thưởng hoa sớm. Bây giờ, đã lâu lắm rồi, tôi vẫn thấy lòng run nhè nhẹ khi hình dung lại cái dáng khắc khổ của một người đàn ông còn trẻ, phong phanh trong bộ quân phục cũ, quần xắn móng lợn, dầm chân giữa bùn thành phố, dắt một cái xe thồ đi bán rao dưa cải bẹ kèm... hoa cúc. Tôi nhớ anh và nhớ những người gái nhỏ, nhà tận Ngọc Hà, Nhật Tân, Mai Động, Tương Mai, đứng trong ánh đèn đường mờ mịt vì hơi mưa phùn đầu ngõ chợ, ẩm đạm giơ cao những bó hoa tươi nèo khách qua đường mua rẻ. Biết bao người khách qua đường chẳng thiếu từ tâm nhưng lại thiếu tiền để mua giúp các em.

Nhớ tết quê mình, tôi thương cha tôi một đời vất vả. Vất vả đến nỗi ngày tết đến, khi ông khoác lên mình chiếc măng tô sang trọng, dáng vẻ quá trịnh trọng của ông lại làm tôi muốn khóc. Mẹ tôi mất sớm. Mọi việc toan lo trong nhà dồn lại một tay ông. Trước tết cả tháng trời, ông đã loay hoay với đống tem phiếu, bìa gia đình, cân nhắc mua gì bỏ gì, để vừa có quà biếu, vừa có... mỡ... dành ăn lúc ra giêng. Mấy năm gần đây, kinh tế mở cửa ít nhiều, ít phải chạy vạy lo sắm sanh tết nhất sớm như trước, hai tám hai chín ra chợ mua ào cái cũng chẳng chậm gì. Cha tôi đã già, đã về hưu, và vẫn như xưa chẳng bao giờ có tiền, nhưng ông vẫn làm ngần ấy việc: lo bọc quà về biếu bà bác ông cậu đã già lắm còn sống ở quê (trong đó thế nào cũng có dăm bộ quần áo ông vẫn thường mặc và gói mì chính); lo gửi luộc dăm cái bánh chưng để bày bàn thờ ông vải; lo đổi tiền mới để mừng tuổi trẻ con; lo kiếm dăm lạng chè Thái vụ xuân nước trong anh

ánh như nước chè xanh mới ngấu để tiếp mấy ông bạn già đã từng chung trải một tuổi trẻ tràn đầy lý tưởng và đau khổ. Còn bữa cơm ngày tết của cha tôi: bát canh dưa nấu với tóp mỡ, đĩa rau xà lách trộn cùng rau thơm, rau mùi chấm với cà chua chưng. Cha tôi là một người độc đoán. Ngày bé, không biết bao nhiêu lần tôi đã oán giận ông vì "Bố nói gì đúng sai cứ phải làm ngay." Lớn lên, già đi, tôi mới hiểu gánh nặng vật chất tinh thần ông đã phải mang trong cảnh gà trống nuôi con, trong cảnh bị ngờ vực nghi kỵ, tôi mới hiểu sức mạnh tinh thần của ông: một người dân bình thường trong một xã hội bất bình thường cả về vật chất lẫn tinh thần.

Không biết tôi có thừa hưởng được ở cha tôi sức mạnh tinh thần ấy không? Chỉ biết, khi nhớ lại những ngày tháng còn được hưởng tết ở quê nhà bất kể trong khó nghèo hay khấm khá, tôi luôn thấy mình bất chợt vui nhè nhẹ, bởi trái tim vẫn còn biết xôn xao trước hoài niệm xa xôi.

Trong miền ký ức của tôi có hình ảnh xóm nhỏ đã chở che tôi những năm tháng chiến tranh đánh phá lan rộng ra miền Bắc. Ngày tết, đường xóm nhỏ tưng bừng người đi. Ai cũng đội trên đầu một cái mâm thau đánh sáng choang, hay khoác trên tay một cái đãy mây nông lòng và đáy rộng. Trên đó và trong đó có đủ thức bày trên bàn thờ gia tiên: Thịt gà chặt miếng to rắc lá chanh thái mỏng, đĩa xôi, đĩa bánh tẻ. Ấy là người ta đi lễ nhau, nhiều khi phải đi rất xa, sang cả làng khác. Chưa xong thủ tục ấy, ông bà chưa thể yên tâm gọi con cháu vào mâm. Đến nhà ai, thấy mâm cũng hệt nhau: đĩa xôi đã khô se mặt, bát miến trương một màu trắng phớ với những dọc hành thái dài ngoẵng, đĩa thịt lợn luộc toàn mỡ là mỡ nhìn lạnh cả người. Song ai cũng thành kính và phấn khởi xoa xoa tay nói lời mừng năm mới trước khi mở lồng bàn. Chủ nhà được biếu chỉ nhận một chút đồ lễ lấy lộc và đặt lại vào trong mâm một đôi thức gì đó có khi còn nhiều hơn cả chút lễ vừa nhận. Xóm nhỏ tưng bừng trong cái lệ tết nhau đèn cù vừa làm người ta mệt mỏi vừa làm người ta sung sướng ấy. "Đêm nằm năm ở." Có dễ ba mươi năm đã qua rồi... Tôi vẫn thèm một lần được sống lại trong không khí tết nhất chất phác, giản dị, thanh nhàn (dù đó là những năm chiến tranh dữ dội) ở xóm nhỏ xưa. Tôi thèm nếm lại một miếng bánh tẻ được bác chủ nhà cho thủa ấu thơ. Sau này, đời sinh viên, tôi đã biết vị của bao nhiêu loại bánh trái do các bạn đồng học mang lên trường sau dịp về quê nghỉ tết, song chưa bao giờ tôi tìm lại được miếng ngon của thời đã qua. Các bà ở xóm nhỏ xưa làm bánh tẻ cầu kỳ lắm. Gạo tẻ ngon, sàng sảy kỹ mới đem xay thành bột nước, rồi ngâm và thay nước hàng ngày cả tháng trời, sát tết mới đem quấy đều tay trên lửa nhỏ (công đoạn này gọi là "ráo bột") rồi đem gói thành từng chiếc dài dài thanh thanh bằng lá dong như gói bánh chưng. Ăn tới đâu người ta mới ráo bột, gói và luộc tới đó. Bánh chẳng có thứ nhân gì đáng kể ngoài một chút mỡ hành, nhưng thơm và dẻo, lại hơi giòn giòn chứ không dính như bánh gù, bánh nếp như hay thấy bày bán ngoài hàng nước, cũng không mềm và hơi nan nát như bánh giò vốn rất thân thuộc với người Hà Nội. Cầm cái bánh nóng đã bóc, phất phất như một tờ giấy, bánh vẫn không gãy. Bánh ấy, chấm với nước mắm cốt, có nêm tý chút hạt tiêu mới xay giã dập, sao mà ngon lạ lùng. Vũ Bằng xưa, đôi lúc nhớ quay quắt Hà Thành, chỉ muốn được nếm lại món ngon Hà Nội. Còn tôi, từ nơi sơ tán trở về Hà Nội, nhiều khi muốn được về lại xóm nhỏ ven sông, để nếm lại một chiếc bánh tẻ, ăn lại một con cá thiểu nướng rồi đem kho khô cho ba ngày tết nhất. Xóm nhỏ ấy đã giữ của tôi bao nhiêu điều mà Hà Nội tôi yêu tha thiết cũng không thể nào làm đầy trở lại tâm hồn tôi được. Những ngày ấy, những năm tháng ấy, những tết nhà quê ấy đã làm tôi hiểu vì sao người ta có thể viết "Khi ta ở chỉ là nơi đất ở - Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn..." (Chế Lan Viên)

Và dĩ nhiên, ngập tràn ký ức của tôi còn là Hà Nội. Hà Nội Chợ Hoa. Hà Nội Cửa Ô. Hà Nội Hồ Gươm. Hà Nội Phố. Hà Nội Phái. Rồi Hà Nội Váy cái thời tôi ra đi.

Quên được chăng năm ấy, năm 1972. Người Hà Nội từ nơi sơ tán ùn ùn về lại phố. Khâm Thiên đã được dọn quang sau đêm giáng sinh định mệnh, nhưng phố với những khoảng trống, nơi trước kia là nhà, giống như một hàm răng gẫy sau một cuộc đấu sinh tử. Chợ Hoa tràn ngập người. Những mái đầu. Già. Trẻ. Khăn xô còn chưa ngả màu năm tháng. Chợ hoa ấy, với màu đào phai ấy, với màu tím chân chim lãng đãng ấy, với mưa bụi, với những dải khăn xô trắng đại tang không bao giờ buông ký ức của con bé mười tuổi. Tôi. Khi đó. 1972.

Tôi nhớ những sáng ba mươi tết đi mua hoa

tặng thầy cô. Rồng rắn lên mây để khỏi lạc nhau trong chợ Hoa, lúc nhìn ra tay con gái mười sáu tuổi đang khoác nhầm tay cậu bạn ít lời cùng lớp. Xấu hổ mà vui lạ. Tôi thích vô cùng không khí chợ Hoa ngày tết. Có thể biết sự phát triển mốt từng năm của Hà Nội một cách đầy đủ khi dạo qua chỉ một phiên chợ ấy. Với tôi, đi chợ Hoa là để thế, để ngắm hoa, ngắm người. "Nhân diện đào hoa tương ánh hồng" trong gặp gỡ và chia biệt không hề nhuốm chút bùi ngùi. Chứ mua hoa, nhất thiết phải lên mấy làng hoa. Chiều áp tết thơ thới, bài cô giao đã làm xong, đua nhau đạp xe ngược gió Hồ Tây, vai con gái con trai áo mỏng mà sao không thấy lạnh. Ngày tháng lần la rồi hết cấp - Vĩnh viễn chia tay với lớp trường - bạn cũ chẳng còn mong gặp lại - Khi mình đã chọn kiếp tha hương! Cái lạnh ngày xưa không cảm thấy thấm vào trong hồn tự lúc nào, giờ hình như thức dậy.

Tục lệ tết nhất quê mình ai chẳng rõ. Chớ vô tư xông thẳng vào nhà ai trong sáng mồng một. Thành thử sáng ấy Hà Nội vắng lạ thường. Thanh vắng mà không im ắng. Pháo

ĐỖ THÌ KÊNH G

XÔNG NGÕ MƯỜI HAI QUAN CHỨC VÀ NHÂN DÂN

TÝ
Cần kiệm nhắt nhặt cáo vô
Liêm chính chù tính khoét bồ chiếm cư
Chí công xạ vãi vô tư
Chiếm công cống nộp vi tư đồng tình

SỬU
Cấy cầy vốn nghiệp nông gia
Ta không biết cấy thì ta kéo cầy
Bì bọp, lỗ mũi xỏ giây
Vai cong ách gỗ, lưng đầy vết roi.

DẦN
Ông cọp là ông ba mươi
Bà cọp là bà sáu mươi chẵn chòi
Trừ qua trừ lại mà coi
Ai dư ai thiếu? Ai đòi ai vay?

MÃO
Cô mèo cô trèo cây cau
Thăm anh hốc hác ốm đau thế này
Anh mừng bủn rủn chân tay
Cô vồ cho sớm, nhai ngay, đừng vờn.

THÌN
Rồng Ta, rồng Nhật, rồng Tầu
Rồng nào cũng có đủ đầu đủ đuôi
Rồng nào cũng chỉ bơi xuôi
Rồng nào cũng chẳng táp ruồi ăn dơ.

TỴ
Uốn mình xà, thắm hoa môi
Mắt biêng biếc, lưỡi chẻ đôi dịu dàng
Anh xin nộp mạng chão chàng
Nuốt anh, em nuốt khê khàng, van em.

NGỌ
Ngựa đồng hoang, ngựa sa trường
Vút bay vó tuyết, phất giương bờm hồng
Vùn vụt dốc núi khe sông
Thỏa thuê một kiếp tang bồng xông pha.

MÙI
Quí phi cằm phất phơ râu
Hai sừng lêu lểu trên đầu uy nghi
Căng tròn bốn vú phương phi
Hoàng thượng xớ rớ mần chi? Vậy cà!

THÂN
Xưa rừng trút lá sang thu
Bầy ta đít đỏ đánh đu không quần
Nay rừng nảy lộc vào xuân
Bầy ta đít đỏ không quần đánh đu.

DẬU
Bươi bươi, cục cục em ơi
Có con giun, lại mà xơi em à
Lưng em quá đỗi mượt mà
Ngoan, anh lên tí, cơm nhà quà em.

TUẤT
Tháng Giêng, thơ thẩn khóm riềng
Nhớ em, cô chó láng giềng quá tơ
Tháng Năm, chui dậu lá mơ
Cùng em dắt díu phất phơ quên về.

HỢI
Đầu vục, đuôi vẫy, tai vênh
Bồm bộp xốc cám, xong kênh phơi vê
Trong chuồng cái nọng oai ghê
Trên mâm cái nọng càng bề thế hơn.

Xuân Tân Tỵ

nổ xa xa gần gần. Ngày xưa pháo tết thường là pháo tép, cả băng pháo chỉ đếm đôi ba quả pháo đùng bằng ngón tay cái, lúc nổ chỉ đủ làm nên một cái giật mình vui vui, (đôi khi là nũng nịu), mà hương pháo cũng không nồng nặc mùi thuốc súng. Tôi nhớ buổi sáng mồng một thất tình, (đi chơi với nhau đêm ba mươi nhưng chẳng đứa nào hẹn gặp lại vào mấy ngày mồng một, mồng hai, mồng ba tết) tôi đã lang thang một mình dọc phố phường Hà Nội. Bàng vẫn trơ cành gầy nhưng vòm cây cơm nguội đã xanh sáng một màu lá sớm. Đường phố ẩm ướt, vì mưa nhẹ buổi sáng hay vì sương nặng về đêm không biết. Người lâng lâng trong một cảm giác chưa bao giờ nếm trải. Không phải vì đêm trước đón giao thừa nên ít ngủ. Tầm thường quá! Không phải vì nhau. Tôi biết vậy! Mà vì chính tôi. Đã thật lớn rồi! Cảm giác ấy theo tôi từ độ ấy cùng với hương pháo đẫm trong gió xuân một ban mai đầu năm.

Những tết Hà Nội ấy chắc không bao giờ có lại, cũng như đã không thể nào có lại một Hà Nội của thời bà tôi, với áo dài khăn nhung, với guốc phi mã, với bao nhiêu là thứ mứt không thể tìm được ngoài hàng, với thủy tiên, với cành lộc hái ở Trấn Ba Đình một đêm giao thừa rất xa rồi. Mà ngay cả Hà Nội của thời bố mẹ tôi, "Trùng trùng quân đi như sóng - Lớp lớp đoàn quân tiến về... Năm cửa ô đón mừng đoàn quân trở về - Như đài hoa đón mừng mở năm cánh đào," mái tóc dợn sóng buông lơi thay bằng hai dải tết chặt rồi cuộn lại, áo dài xưa thay bằng áo cánh đời mới không eo túi to như túi áo lãnh tụ, tuần tuần tháng tháng đạp xe chất chồng từ gạo củi tới áo quần ngược ra các nẻo ngoại ô về nơi mẹ già con dại tránh bom tránh đạn. Thì cũng là diện mạo của một thời, chẳng hẳn là nghèo, cái chính là đơn điệu, nhưng vẫn có khả năng làm trái tim người bồn chồn thảng thốt khi nhớ về... Ngày tôi đi, Hà Nội của tôi đã khác lắm, khác với chính tôi. "Em ơi Hà Nội váy" thay cho Hà Nội Phố, Hà Nội Phái. Pháo đùng giờ to bằng cái phích nổ rung nhà rung cửa tưởng bom. Và nghe nói bây giờ thành phố cấm pháo... Và Hà Nội giờ ồn ào Karaoke lẫn trong tiếng gầm rú của động cơ xe máy. Và Hà Nội bụi, Hà Nội trọc phú... Có sao đâu, rồi những cái kệch cỡm sẽ phải đi qua, những cái mới có khả năng làm mảnh đất đó phát sáng thì sẽ được lưu giữ. Cũng phải thế chứ thì mỗi thế hệ mới có thể có một vùng tâm tưởng cho riêng mình. Vùng tâm tưởng của tôi, là Hà Nội ấy, là những mùa xuân xa lắc ấy, là những tết nhất đầm ấm bùi ngùi ấy chưa bao giờ tôi muốn lại trở thành hành trang tinh thần của thế hệ con tôi. Dù rằng, nếu chúng biết và muốn biết...

Ngày tết quê nhà, với tất cả toan lo và bận bịu, phấn khởi và bùi ngùi, sung sướng và mệt mỏi, lại trở về trong tâm trí, như một ám ảnh. "Thắp hương bái vọng ông bà - tưởng như hương khói quê nhà thơm sang"... Tôi đã viết như thế, cho chính mình, năm đầu tiên xa nước. Năm nay nước Đức tuyết hình như rơi muộn. Thư nhà viết qua kể chuyện rét ở quê ta đã tự lâu rồi. Chẳng mấy nữa mà lại tết. Tôi sẽ viết gì cho tôi vào năm mới? Như thế nào và vào lúc nào đây? Trong trí, một buổi chiều đi trên phố, "xem duyên thiên hạ nghe tình người ta"...? Hay khi dừng chân bên một quán ăn nhanh của Tàu mà lại nghe loáng thoáng những đổi trao bằng tiếng Việt giữa những người làm...? Hay nửa đêm ngồi dậy thở dài nghe ngoài kia rét mướt vẫn ầm ào tiếng xe đi...? Hay tôi sẽ chẳng viết gì. Sẽ chỉ im lặng.

Như lần được làm quà một tấm bánh chưng chưa luộc giữa đất Đức này. Tôi đã nhận tấm bánh đặc biệt đó cùng một lời dặn: "Lá đắt quá, em chỉ có thể gói một lớp. Chị về bọc thêm lớp giấy bạc bên ngoài rồi hãy đặt lên bếp. Nhỡ lá có rách bánh khỏi nhạt." Tôi đã im lặng gật đầu khi đó. Nói làm sao trước tấm tình của người trai trẻ đồng hương nước Việt với tôi, đã tới châu Âu tự do này từ một miền quê Việt Nam nghèo khó, đã tự nhảy tàu đi lùng mua lá và gạo nếp và thịt và đỗ để gói bánh tặng người quen, trong một trại tỵ nạn gồm người của bốn phương trời và tất cả đều chung đụng. Một ý thích ngông cuồng của đời trai mới lớn hay là sự thúc bách của một hồi ức về quê nhà vừa thức dậy trong anh?

Tết năm nay, ai là người Việt Nam ở đất này, ở những miền bên ngoài quê hương được nghỉ ngơi mà vọng về đất nước? Ai - trong hãng hay trong quán - giữa khoảng ngừng ngắn của công việc ngập đầu lại tự nhắc mình: "Ở nhà lúc này đang..."? Ai - giữa cuộc rượu tha hương - đứng lên run run châm mấy nén hương Tàu thơm một mùi xa lạ để tưởng nhớ quê hương Việt Nam, ông bà, mẹ cha, bạn hữu? Ai - trước khi thiếp ngủ để ngày mai dậy sớm đi làm thầm tự chúc mình: "Năm mới...?"

Khi tôi nghĩ về tôi và những "Ai" như thế, tôi biết rằng chúng ta đang mang Việt Nam đi.

1996 - 2000

NHÌN LẠI MỘT LẦN

Truyện

TÂM THANH

Sương về mẹ lần này không phải như những lần trước. Lần này có thể là lần cuối cùng; nàng về để từ giã, từ giã một nơi suốt đời nàng coi là nơi để về, nơi đầy ắp kỷ niệm và yêu thương.

Đò rời bến, xoay mũi, gió lồng lộng ùa vào khoang. Sương nhìn quanh trong khoang đò, chừng hai chục khách, toàn các bà đi chợ về, trừ hai đứa bé và một người đàn ông búi tó. Hai đứa bé mút hai cục nước đá xong đưa bàn tay áp lên má, lim dim mắt hưởng hơi lạnh. Ông búi tó thì cố đền bù cái thiểu số lạc lõng của mình bằng cách nhìn lên mui ghe mà rung đùi liên hồi. Bà khách ngồi bên trái Sương thảy cái quạt kè vào cái cần xế rỗng, dở giỏ trầu ra têm. Bà bên phải Sương xin bà bên trái miếng trầu. Bà này nói "Để tui têm luôn cho chị" Sương dòm không thấy ai quen. Thời gian gần đây nàng ít về quê quá, và con người thì thay đổi, qua đêm đã lạ lẫm hẳn đi. Khoang đò cũng khác lạ, dường như nhỏ lại, nhưng vẫn cái mùi dầu chai, mùi dầu Nhị thiên đường, pha với mùi dầu nhớt và tôm cá khô. Nơi treo ảnh Đức Bà Hằng Cứu Giúp xưa bây giờ treo ảnh ông Hồ.

"Ghe này của ông Ba, phải không, dì?" Sương quay sang bà bên trái.

Bà quay ra đàng sau, ngoái đầu ra cửa sổ, nhổ nước cốt trầu xuống sông, lấy khăn rằn lau mép, trả lời:

"Ghe Ba Xị chớ ai."

Sương còn hình dung được nguyên vẹn hình thù ông Ba xương xẩu, gân guốc như cây bần, cây đước. Và nàng nhớ nhất lần đầu tiên đi đò xa. Nàng không biết ông bắt đầu chở đò từ khi nào. Nhưng hồi nhỏ nàng cứ tưởng con đò có

từ khi... có con sông. Mỗi lần mái chèo khua xuống nước, cô bé mê truyện cổ tích nghe như có một con cá chép quẫy đuôi và sắp làm phù phép. Mỗi lần đi sông, đi đò, cô bé nhủ lòng phải ngoan hơn, hiền hơn. Cô mơ làm việc lành và ngủ thiếp đi trong tiếng chèo khua nước đều đều. Các bà khách hàng chộn rộn hồi mới xuống, sau đó cũng quay ra ngủ gà ngủ gật. Mẹ cũng ôm Sương như cái gối mà ngủ. Sương ít khi ngủ, nhất là những đêm sáng trăng. Cô bị xao xuyến vì ánh vàng lấp lánh trên mặt sông và sương khói bao trùm hàng cây đen ven bờ. Sương có cảm giác lạc vào một thế giới thần tiên, trong đó chỉ có một người biết đường là ông Ba. Ông vung cặp chèo dài như đôi cánh chim giang ra đẩy con thuyền. Có những lúc Sương thấy "đôi cánh" quá nhỏ so với thân hình "con chim," và cô sinh lòng xót xa xen lẫn cảm phục. Thỉnh thoảng trên bờ có ánh đèn đong đưa của khách gọi đò, ông Ba cho ghe cập vào để rước.

Hai mươi năm chạy một vòng tròn - hồi Sương còn nhỏ, cái ghe này chèo tay; khi cô lên học trường tỉnh, rồi đại học, ghe gắn máy; bây giờ, cô bị đuổi việc, ghe trở lại chèo tay. Nhưng ông bà Ba chủ đò không còn nữa.

Sương còn nhớ nhiều về ông bà Ba. Ông hay chửi bà, không thì cũng quát tháo. Uống rượu say, ông còn đánh đập bà tàn tệ. Có lần ông đá bà xuống sông, rồi lại lấy cây sào vớt lên. Bà bị liệu mà lại không biết bơi, hễ giật mình là nhảy xuống sông. Khi ông bắt đầu say, bà đi đứng rụt rè, sợ bị đá; hễ ông lên tiếng là bà co rúm người lại. Đã thế, nhiều người lại chơi ác hù cho bà lên cơn động kinh nhảy tòm xuống sông để họ coi chơi. Ông vừa chửi thề thằng quỉ nào phá vừa lấy cây sào vớt bà lên. Bà lại âm thầm làm việc bương bả như một con gà mái xác xơ.

Trời mưa, nước ngược, ông bà cùng hết sức chèo chống mà con đò cứ ì ra, có lúc muốn bị nước cuốn xoay ngang, ông phải lội vào bờ để kéo. Ông tròng sợi giây chão vào vai, gập người xuống, lê từng bước trên con đường trơn ướt, như một con trâu. Sương ngồi co ro trong khoang, thấy bà vừa cầm cần lái, vừa nhìn ông lo lắng.

Hè năm đó, Sương bỏ chơi nhảy dây, suốt ngày nằm võng ngoài vườn đọc truyện và thơ. Nhưng Sương vẫn thích giúp mẹ những việc mà trong năm học cô không có dịp làm. Mỗi buổi sáng Sương đều thay chị người làm chèo xuồng trên con lạch nhỏ đi chợ. Ở trên thành phố một thời gian, cô bắt đầu biết quí trọng giờ phút thiêng liêng buổi sáng ở đồng quê với ánh bình minh trong sương mai, tiếng chim ca và không khí mát rượi. Mỗi lần qua Cầu Đúc, cô đều thấy một người con trai ngồi trên gốc dừa trước nhà. Anh ta ở đâu về hay mới lớn trội lên từ đám con nít? Sương không hay. Anh ta nhìn giòng nước, ngắm trời mây, hay nhìn ai... Nghĩ rằng anh nhìn mình, cô thấy nóng ở hai tai, mũi xuống chếch sang bờ bên kia, một cành bần quệt vào đầu Sương.

"Coi chừng!" Anh nói.

Cái giọng thấy... ghét. Sương làm thinh.

Không biết động lực nào thúc đẩy mà Sương đi chợ nhanh hơn thường lệ. Trên đường về, từ xa, cô thấy anh ta vẫn ngồi nguyên chỗ cũ, như đón chờ. Khi chèo ngang chỗ anh ta ngồi, cô vẫn không dám nhìn thẳng, nên không biết anh ta là... đứa nào, mặt mũi ra sao? Nhưng cái cảm tưởng anh ta chờ mình khiến tim cô đập mạnh. Sương cúi gằm mặt xuống và thấy bóng anh ta dưới đáy nước, cái bóng trắng bị khua động vì mái dầm. Cô muốn ngừng bơi để nhìn rõ cái bóng, nhưng tự nhiên tay cô lại chèo nhanh hơn, và lồng ngực như thiếu không khí.

Hôm nào qua Cầu Đúc, không thấy anh ta ngồi dựa gốc cây dừa, Sương bâng khuâng, trống vắng suốt ngày.

Mẹ đang giặt áo ngoài cầu, thấy Sương về, ngắm con gái một cách vừa lạ lùng vừa hãnh diện, nói âu yếm:

"Con làm gì mà mặt đỏ nhừ... Mồ hôi mồ kê ướt áo? Má đã mua xú-chiêng cho con rồi, từ nay đừng mặc áo thung nữa."

"Tại con... chèo xuồng mà!" Sương trả lời và phụng phịu đi vào nhà, gọi chị Hai đang chẻ củi, giao giỏ đi chợ, rồi chạy u ra nhà tắm. Trong nhà tắm, cô cởi áo, và nhớ lại lời mẹ vừa nói đừng mặc áo thung nữa, cô thấy người nóng ran. Sương đưa tay ken lại một kẽ hở trên vách lá có tia mặt trời xuyên qua, rồi xối nước mát lên người.

Nhân dịp gánh cải lương trên Sài Gòn về tỉnh, ông Ba, theo lời năn nỉ của bà con ngoài Vàm chở thêm một chuyến đặc biệt đi từ bốn giờ chiều, và trở về sau khi vãn tuồng. Cả vùng nhộn nhịp hẳn lên. Sương rủ mẹ đi coi, và không ngờ mẹ hào hứng chấp thuận. Cô mặc chiếc áo bà ba đẹp nhất, màu hoa cà, và cẩn thận mang "cái"... má mới mua, chứ không mặc áo thung như trước.

"Tút tu u...u...ut!" tiếng tù và vang từ xa,

nghe ngắn hơn, Sương biết là con nước nhỏ, nhưng lòng cô lại mênh mang đầy ắp những mơ mộng vu vơ. Vì nước cạn, ông Ba phải bắc một tấm ván dài làm cầu xuống ghe. Sương vừa bước lên đò thì trượt chân, làm tuột một chiếc guốc rớt xuống nước.

"Má ơi! Làm sao bây giờ?" Sương cầu cứu mẹ.

"Để má kiếm cái gì khều. Thiệt tình! Guốc với dép!"

Một bạn hàng cho mượn cái đòn gánh, nhưng không tới. Chiếc guốc từ từ trôi. Bỗng thấy có người lội xuống vớt guốc. Anh ta lội ra ngoài mé nước, đưa tay vớt quốc. Mỗi lần vớt hụt, anh lại bì bõm bước theo. Những con cá thòi lòi chạy lăng xăng trên bùn. Cuối cùng anh cũng chụp được chiếc guốc trước con mắt ngạc nhiên của khách đi đò. Có hai cô gái khác bụm miệng cười khúc khích. Sương nhận ra anh "chàng nhìn"! Và lần đầu tiên cô nhìn gần anh ta. Anh ta cẩn thận rửa guốc rồi mới đưa cho Sương. Sương sung sướng và mắc cỡ đỏ bừng mặt.

"Cám ơn." Cô nói lí nhí và bẽn lẽn cầm lấy chiếc guốc.

Má mượn bà Ba cái gầu, đưa cho anh múc nước rửa chân. Trong lúc nhận gầu, anh nhìn Sương một cách dịu dàng ấm áp. Chưa có người con trai nào nhìn Sương như thế. Gương mặt anh toát ra sự ngay thẳng, tự nhiên của một người anh lớn.

Sau khi rửa tay chân xong, anh không ngồi gần mẹ con Sương, mà ngồi một góc ở băng đối diện. "Bộ ai ăn thịt sao mà phải ngồi xa như thế?" Sương nghĩ thầm. Anh nổi bật giữa những người khác, không phải chỉ vì cái áo sơ-mi trắng và quần dài xanh, mà vì khuôn mặt sáng ngời. Anh ta không nhìn trộm, mà

THÁI TÚ HẠP

CÁNH ĐỒNG CHIÊU NIỆM

chiều trở mình nghiêng bóng
le lói hoàng hôn
trên ngõ về quán trọ
phượng tím
gió vi vu
lưng trời gọi dậy
cửa thiên thu
chuyến tàu khuya lặng lẽ
băng qua
cánh rừng trăng thổ huyết
giòng sông định mệnh quê nhà
bầy hạc trắng
rong chơi biền biệt
bỏ nội thành
hoang vắng đêm sương
tiếng đàn nguyệt lạnh
oan khiên đoạn trường
vỡ tan thành lệ
hắt hiu sầu

buổi sáng
buổi chiều
tôi vẫn làm thơ gõ hoài
trên phiến đá
từng trái tim băng giá
từng tháp cổ hoang sơ
từng nhịp thở
của đời sống sau cùng
thông điệp kêu gọi tình thương
đã hủy diệt từ thai nghén
trên quê hương cằn cỗi vô thường
vừng trăng hiện hữu
như chiếc liềm mùa gặt mới
trên cánh đồng chiêu niệm

đóa sen Tịnh Tâm
hay bên hồ Echo Park
tỏa mùi hương kỳ ngộ
núi rừng xưa sóng vỗ tri âm
ngậm ngùi xa xót
có tiếng chim lạ
vừa hót trên rừng đại phong
em chạy băng qua
hàng cây bạch dương hiu quạnh nắng

mơ hồ
trong một thoáng hư vô

ngoài kia
con đường lung linh nắng hạ
phượng tím như dao cắt lòng nhau
gió xưa phiêu bạt quê người
xác xơ kiếp đời lận đận
sầu đưa mấy nhánh sông trôi .

mỗi lần Sương làm một cử động gì, anh nhìn thẳng sang phía Sương. Và trong ánh mắt anh ta, Sương biết mình đẹp. Sương trở nên lúng túng, không dám cử động nhiều. Nhưng càng nhịn, càng khó chịu, bứt rứt trong người. Cô vò nát cả bốn chéo khăn thêu.

Tới gần rạp hát, anh ta đi thẳng lại chào mẹ Sương và giành mua vé giùm hai người. Mẹ Sương trả tiền lại, anh ta không chịu lấy. Mẹ hỏi con cái nhà ai, anh nói anh là cháu kêu ông Năm Nhẫn bằng chú ruột, anh về nghỉ hè. Má nói "cũng người lối xóm." Anh ta tên Đức và đang học lớp đệ nhất trường Tống Phước Hiệp. Sương thấy lớp đệ nhất... cao vô cùng, và... thông thái vô cùng. Trong lúc coi tuồng, lần nào Sương liếc qua cũng bắt gặp Đức nhìn cô. Thế thì có lúc nào... không nhìn?

Vãn tuồng, ba người còn chút thời giờ đi ăn chè.

"Tụi con ăn gì?" Má hỏi.

"Em ăn gì?"

"Anh ăn gì?"

Hai người cùng hỏi một lúc, cùng khựng lại mỉm cười, rồi cùng trả lời một lúc:

"Con ăn chè đậu đỏ bánh lọt."

Lượt về, anh ngồi bên cạnh Sương, im lặng nghe mọi người bình phẩm về tuồng vừa coi, về đào, kép, y phục, có bà còn vạch cái lẽ răn đời trong tuồng, khiến Sương phục quá. Họ vừa cười nói vừa chia nhau những hạt đậu phọng rang, miếng khô mực nướng mua ngoài rạp hát.

Sương ước ao con thuyền trôi mãi dưới ánh trăng đêm đó, đừng bao giờ tới bến bờ nào cả. Nhưng ông Ba đã hô:

"Ba Khía!"

Đêm đó, Sương mơ nhiều giấc mơ đẹp. Sáng ra, soi gương Sương thấy một người con gái lạ, có đôi mắt to hơn, ướt hơn, nhìn mình. Đồng hồ mới gõ tám tiếng, Đức đã lò dò sang xin... cây chuối về cho thím Năm trộn gỏi gà. Trong mơ có lúc Sương thấy anh sang, và lúc thức dậy cô có ý trông đợi, nhưng cô không ngờ anh sang quá sớm như thế. Má vui vẻ sai Sương "giắt anh đi đốn chuối." Anh này không lo lựa cây chuối, mà cứ mải nhìn trời nhìn đất, gặp cái hoa gì cũng khen đẹp, con chim gì cũng khen hót hay, làm như vườn nhà anh không có mấy thứ đó.

"Sao, anh lựa cây nào?" Sương hỏi lấy có, chính cô không muốn đốn chuối sớm.

"Cây... này!" Đức chỉ bừa một cây chuối con đứng gần.

"Cây này là cây chuối già mà!" Sương cười khúc khích.

"Chuối già không ăn được sao?" Đức hỏi.

"Thím Năm không dặn anh lấy chuối sứ hay chuối hột sao?" Sương hỏi lại.

Đức cười bẽn lẽn một hồi, thú thật:

"Có ai sai đâu... Anh, anh tự... sáng kiến."

Trong vườn, sương dịu hơn, chim hót khẽ hơn, đất thơm nồng nàn hơn. Mặt đất chênh vênh, Sương chỉ sợ ngã vào anh.

Sau hôm đó, mỗi lần chèo xuồng qua nhà anh, Sương làm gan liếc lên phía cây dừa. Có lần cô liệng lên cho anh một trái soài, lần khác một trái ổi xá lị cô hái sẵn. Anh ta bắt giỏi lắm. Anh liệng xuống một chùm hoa mười giờ, một đóa thược dược. Nhưng thường hoa rớt xuống nước, không trúng vào xuồng. Sương cho là điềm không tốt, nhưng cố quên đi.

Hết hè, hai người lại hẹn cùng lên tỉnh một lượt. Lần này nước lớn, ghe đậu sát bờ, không cần bắc cầu. Đức nhảy xuống ghe trước, đưa tay dìu Sương qua. Tay anh to mà chắc. Đó là lần đầu tiên Sương chạm vào bàn tay một người con trai. Bao nhiêu năm sau, cảm giác gờn gợn chưa phai. Hôm đó, xảy ra một việc nhỏ. Bà Ba đi thu tiền đò, cầm cái đèn thế nào mà lửa bắt vào một cái khăn rằn của ai đó máng trên cây cột giữa khoang. Đức lanh tay cầm cái khăn liệng xuống nước. Nhưng tấm ảnh Đức Bà Hằng Cứu Giúp treo phía trên đã bị cháy xém một góc. Ông bà Ba không theo đạo mà để tấm hình này, cũng lạ.

Lần Sương về mẹ ăn giỗ bà ngoại, đã chứng kiến một thảm cảnh. Ghe đang xuôi thong thả từ Vĩnh Long về Ba Khía, Sương nghe tiếng bà Ba la ú ớ, rồi tiếng nhảy tòm xuống nước. Ông nhảy theo để vớt bà lên. Trời tháng chạp lạnh và gió. Khi ông vớt được bà lên, đặt trên sàn lái, bà đã xuội lơ. Sương thấy ông cầm tay bà mà lay. Sương không biết lúc được ông cầm tay, bà còn biết gì không. Vì khoảng một tiếng đồng hồ sau Sương thấy nước mắt ông trào ra, nhỏ xuống khuôn mặt vàng như đất sét của bà, Sương biết bà chết rồi. Loay hoay trời đã tối, hành khách âm thầm tản đi hết, người đi bộ, người thuê bao ghe khác đi tiếp. Ông cắm sào trên sông, ngồi bên xác bà, dưới ngọn đèn dầu leo lét.

Suốt trong lúc đi bộ về nhà, Sương bủn rủn hai chân khi nhớ cái xác ướt sũng của bà Ba, và giòng nước mắt trên mặt của ông Ba. Khi đi qua nhà chú của Đức, Sương nghĩ tới anh với nỗi lo sợ. Khi Sương trở lên tỉnh và kể về cái

chết của bà Ba cho Đức nghe, anh xúc động mạnh.

Dì Chín sợ trách nhiệm nên khó hơn cả mẹ Sương trong việc kiểm soát sự giao thiệp của cháu. Dì chỉ cho Đức tới thăm Sương một tuần một lần. Lúc có hai đứa trong phòng, phải để cửa mở, dì dặn. Nhà dì dượng Chín mặt trước nhìn ra sông lớn, chỉ cách bờ sông một con đường sạn đỏ, có những chiếc xe ngựa qua lại. Tiếng vó ngựa lóc cóc, tiếng máy tầu phành phạch, tiếng còi, tiếng tù và thôi thúc, ráng chiều hoang mang, và đêm đêm đom đóm lập lòe trên ruộng rau muống... làm thành một thế giới riêng vây phủ những nỗi thao thức êm dịu trong lòng Sương. Giữa ruộng rau muống đằng sau là một con đường đất nhỏ để những người trong xóm dừa đi ra chợ. Những buổi chiều Đức tới, Sương thấy dường như hoa muống nở nhiều hơn, tím hơn. Và khi anh về thì màu hoa tím rũ rượi, mặc dầu hoa còn tươi. Sương ấp úng kể cho anh nghe cảm nghiệm về màu sắc đó.

"Màu tím rũ rượi?" Đức lim dim mắt hỏi, gần như chế diễu.

Sương giận vì sự vô tình của Đức thì ít, mà vì mình dại dột nói ra một điều riêng tư mơ hồ thì nhiều. Phải, cái sự rũ rượi của hoa muống Sương nhìn thấy thật, chứ không phải bịa ra để làm duyên. Thế mà anh ta lim dim đôi mắt nghi ngờ.

Sương giận đúng một tuần mà không nói duyên cớ. Một điều như thế, nói ra làm sao được?

Lễ thất tuần của bà nội Đức, dì Chín cho phép Sương đi dự. Sương trang điểm và thay đồ xong, ráng ngồi dính trên ghế để khỏi đi luần quần trong phòng. Nghe chị người làm báo Đức tới, tự nhiên Sương cởi cái áo đầm xanh da trời ra, cuống quít mặc cái áo dài lụa vàng vào. Đức xuýt xoa khen đẹp. Ngồi trên xe bên cạnh Đức, Sương hớn hở, nhưng khi bước chân vào căn biệt thự bên bờ sông, Sương chẳng cảm thấy vui vẻ gì, đông người quá, và toàn người lạ. Mẹ và các em gái anh trầm trồ khen Sương đẹp, nhưng giọng có vẻ lạnh lùng, khách sáo. Lại có một chị mặc áo đầm sang trọng, để hở nửa bộ ngực to ra ngoài, không thèm ngó tới mặt Sương, chỉ tíu tít với Đức.

Đức giao nhiệm vụ tiếp Sương cho người em gái có cái mũi cao, lịch thiệp, nhưng xa cách. Cô lớn hơn Sương hai tuổi, nên Sương thấy khó xưng hô. Cô ta hất hàm về phía chị hở ngực nói:

"Chị Lucie là người yêu của anh Đức."

Một luồng lạnh chạy từ đầu xuống xương sống, Sương muốn bỏ về. Đúng lúc đó, chủ nhà bắt đầu mời khách vào tiệc. Sương cảm thấy tủi thân. Sao mình nhỏ bé quá làm chi? Sao mình nhà quê làm chi? Sao mình lại chen chân vào cái xã hội trưởng giả này? Không muốn nhìn, nhưng Sương không thể không theo dõi từng cử chỉ của Đức. Anh phụ cha mẹ mời người lớn vào chỗ xong, xun xoe xếp cho cô gái hở ngực ngồi cạnh một ông mặc lễ phục hải quân, Sương không biết cấp bậc. Sương đoán sau đó Đức sẽ kê đít ngồi cạnh cô người yêu. Nhưng anh ta lại tiến thẳng về phía Sương. Sương làm bộ ngó lơ đi chỗ khác, nhưng anh đã cầm tay Sương giật đi. Sương trì lại, nhưng bàn tay anh cương quyết và phủ hết tay Sương. Anh bảo em gái:

"Em ngồi bên cạnh Lucie đi!"

Anh bỏ một ghế trống bên cạnh em gái, và kéo ghế bên phải cho Sương ngồi, xong anh ngồi vào ghế trống, giữa em gái và Sương. Sương nguôi giận, nhưng suốt bữa tiệc, cô chỉ băn khoăn về câu nói của em gái Đức. Những cử chỉ ân cần của anh trên bàn ăn, Sương không thấy cảm động như những lần anh đến thăm với một chùm mận hồng đào, một gói xí muội.

Anh nhận ra sự khác lạ đó. Trên xe chở Sương về nhà, anh gặng hỏi, Sương không nói. Cuối cùng, khi xe ra bờ sông, Sương bật khóc.

"Tại sao em khóc?" Đức cuống cuồng.

"Nhìn làm chi? Lượm guốc làm chi? Giặt xuống đò làm chi?" Sương nức nở kể.

Đức không hiểu gì cả, vội dừng xe lại bên sông, cầm tay Sương. Cô rút tay về. Đức rên:

"Làm chi? Em không hiểu sao? Anh... anh yêu em!"

Cô hờn dỗi:

"Còn cô Lucie, để cho ai...?"

Đức vỡ lẽ, phá lên cười. Sương lập nghiêm, bậm môi lại, không cười theo. Khi Đức ngưng cười, anh quay ngang, cúi xuống để nhìn khuôn mặt Sương. Trong ánh sáng mờ mờ của ánh đèn đường, Sương thấy đôi mắt anh mở to ngưỡng mộ, say đắm. Gió sông thổi những sợi tóc dài của Sương. Sương biết tóc mình đang đùa trên mặt người yêu. Và chính nàng nhột nhạt, bối rối. Bỗng Sương run bắn người lên khi anh quàng tay quanh hông, và Sương nghe nhịp thở dồn dập của người thanh niên. Một chiếc xe ngựa với chiếc đèn dầu lắc lư đi tới. Đức buông nàng ra. Anh đưa nàng về nhà, lái

xe bằng một tay, tay kia nắm chặt tay nàng.

*

"Ba Khía!" Tiếng hô to kéo Sương về hiện tại.

Sau mười năm trời, và sau cuộc đảo lộn tận gốc rễ, ghe đã đổi chủ, giọng hô nghe lạ tai của một người miền khác tới, nhưng bến vẫn là bến Ba Khía. Bên cầu, cây dừa già vẫn đứng đó, oằn lưng như sắp ngã xuống nước. Gốc trơ ra. Nàng lủi thủi đi, biết rằng chẳng có ai nhìn mình. Giòng nước trôi, không ai ném hoa. Nước mắt Sương tự nhiên chảy ra.

Mẹ già yếu hơn nhiều, đứng đón con trước ngõ, nơi ngày nào mẹ nói con lớn rồi đừng mặc áo thung nữa.

"Má, sao má biết con về?" Sương ôm mẹ.

"Má nghe tiếng tù và." Mẹ vuốt tóc con như khi còn nhỏ.

"Cứ nghe tiếng tù và là má ra đón con sao?" Sương quệt nước mắt, nói giọng vui vẻ.

"Cứ đón... Rồi cũng có lúc con về... Đây nè!" Mẹ vuốt mặt, nắn nót thân hình con.

Bỗng Sương cảm thấy ra đi là một việc mạo hiểm quá lớn. Dù bên ngoài đảo điên ra sao, trong khu vườn này, dưới mái nhà này, bên mẹ, nàng hy vọng có thể tìm thấy sự an toàn. Sương theo mẹ đi quanh quẩn trong vườn, vừa để nói chuyện vừa để ghi nhận những dấu vết nàng sợ sắp mất. Khi nàng nói ra nỗi băn khoăn đi hay ở với mẹ, mẹ nói:

"Cái vách nhà mỏng manh không che được con sóng dữ đâu con. Rồi chẳng bao lâu nữa má chết, con về đây với ai?"

"Nhưng bao lâu má còn sống, con không thể bỏ má một mình."

"Con làm như đi trót lọt ngay vậy. Má ở lại, lỡ con thất bại, con về đây, còn cái nhà mà ở tạm. Nhà trên đó chắc chắn họ tịch thu. Con đi lọt rồi bảo lãnh cho má."

Sương làm thinh. Mẹ biết con đã xiêu lòng, nhưng chưa quyết, hỏi thử:

"Hay con còn tơ tưởng thằng."

Sương thở dài. Mẹ nói trúng tâm sự nàng. Nàng không muốn ra đi trong lúc Đức còn ngồi tù cải tạo. Thấy con im lặng, mẹ nói tiếp:

"Biết ngày nào nó về. Vả lại, con với nó có hứa hẹn gì đâu? Còn tình còn nghĩa thì con lại càng nên đi để sau này độ cho nó."

Sương buồn cười vì tiếng "độ" của mẹ, nhưng thấy phần nào mẹ có lý. Nhiều gia đình đã để một người đi trước để, bằng cách này hay cách khác, "cứu" những người còn lại. Vợ chồng nhiều khi phải chia tay để ra đi. Phương chi, đối với nàng, Đức chưa là gì cả. Từ ngày đó đến nay, bao nhiêu là trở ngại. Lúc đầu cả hai bên cha mẹ đều bảo Sương còn nhỏ quá. Đến khi nàng đủ mười bảy tuổi thì Đức bị động viên. Lại đợi chờ. Cuối cùng mới biết cái cớ thiệt sự của những trì hoãn là sự giằng co trong gia đình chàng. Cha mẹ chàng muốn cưới Lucie cho chàng. Sương biết Đức yêu nàng tha thiết, nhưng chàng không đủ can đảm cưỡng lại cha mẹ, thành ra việc hôn nhân Đức cứ để lằng nhằng tới ngày cộng quân tràn ngập Huế. Bên gia đình Lucie, thấy Đức không nhất quyết, tỏ ý giận, thu xếp đi Pháp theo diện dân Tây, không nhắc nhở gì tới việc cũ. Trước ngày Đức trình diện học tập cải tạo, cha mẹ chàng mời Sương tới nhà, lấy cớ là để chàng từ giã, nhưng thực ra là để làm hòa. Trong phòng riêng của Đức, hai đứa ôm nhau trong hoang mang về một tương lai vô định. Cứ ngỡ một tuần Đức sẽ về. Rồi một tháng. Một năm. Nay đã là bốn năm hai tháng...

"Biết đâu cái cô kia đang tìm cách bảo lãnh cho thằng." Mẹ Sương lên tiếng.

"Làm gì có chuyện đó, má." Sương đáp.

"Nhưng bề gì con cũng không thể chờ một người không có ngày về." Mẹ nói.

"Con ở lại là vì má. Không chờ ai cả." Sương nói, không giấu được giọng chua xót. Và nàng đau đớn biết mình còn yêu đậm quá.

"Nếu vì má thì con phải đi. Má buộc con phải đi." Mẹ cương quyết. Bà tìm tay con, để lên ngực mình.

Cây nhang trên ban thờ đã tắt từ lâu.

Sương từ giã mẹ xuống Rạch Giá, bước xuống tầu vượt biên giữa đêm ba mươi Tết.

Sau không biết mấy đêm mấy ngày mệt lả vì say sóng và ngộp thở, Sương ngồi dậy. Ngoại vật đầu tiên mắt nàng nhận ra được một cách rõ ràng là ảnh Đức Bà Hằng Cứu Giúp trên cột giữa khoang tầu. Tấm ảnh cháy xém một góc, không thể lầm lẫn được, đúng là tấm ảnh trên đò ông Ba. Nàng tưởng mình đang mơ, và không biết mình đang ở trên con sông nhỏ quen thuộc hay trên biển lạ bao la. Nàng quan sát kỹ xung quanh, thấy mình đang ngồi trên một cái ghe đi biển, chứ không phải con đò của ông Ba. Nếu có phép mầu thì nàng ước ao người đàn bà đang ngồi niệm Phật trong góc kia là mẹ nàng, và người đàn ông đang ngồi trên mui ghe, thòng chân xuống kia là Đức. Nhưng chỉ có tiếng sóng vỗ ầm ầm vào mạn tầu một cách vô tình.●

THANH LAM - MÙA THU - HÀ NỘI

Phỏng vấn của
ĐỖ TĂNG BÍ

Thanh Lam là một hiện tượng trong làng ca hát quốc nội từ mười năm nay, và khi còn tiếp tục ca hát, Thanh Lam sẽ còn tiếp tục là hiện tượng, vì cô là người không mỏi mệt tìm tòi, khám phá, sáng tạo. Cô luôn luôn khác người.

Niels Lan Doky, một dương cầm thủ, cũng là một nhà soạn nhạc Đan Mạch có pha giòng máu Việt Nam, nổi tiếng ở Mỹ, đã kể về chuyện làm việc chung với Thanh Lam khi thực hiện album "Asian Sessions" năm 1999: "Cô đặc biệt nổi tiếng vì giọng hát rất khác thường không giống như bất cứ một ca sĩ Á Châu nào. Giọng hát cô sâu thẳm, mạnh mẽ và rất truyền cảm. Trên sân khấu, cô trình diễn hết sức lôi cuốn theo một phong cách riêng. Cô xinh đẹp và quyến rũ, hoàn toàn lịch sự và quý phái. Năm ngoái cô xuất hiện đặc biệt trong đại hội nhạc Jazz ở Montreux, Thụy Sĩ nơi cô được mời hát song ca với ngôi sao nhạc Pop mang hai dòng máu Pháp/Thụy Sĩ Stephan Eicher. Mới đây, tôi mời cô xuất hiện trong một chương trình truyền hình ở Paris, và khán giả người Pháp tại phòng thu đã thực sự sửng sốt, và kính phục sâu sa sau màn trình diễn đầu tiên của cô với đầy xúc cảm nhạc phẩm 'Một Thoáng Tây Hồ'."

Ký giả Kjeld Frandsen đã viết trên tờ Berkingske Tidende tường thuật về chuyến lưu diễn Âu Châu của Niels Lan Doky và Thanh Lam: "... Thanh Lam phối hợp những yếu tố của nhạc Folk và Pop và nâng chúng lên trình độ cao hơn trong phong cách đầy duyên dáng bằng giọng hát cực kỳ quyến rũ... một nhạc phẩm mới với tựa đề Dạ Khúc (Night Song), chất chứa những giai điệu tuyệt vời của Niels Lan Doky. Nhạc phẩm này có phần lời Việt và được Thanh Lam diễn đạt một cách nồng ấm, rõ ràng và đầy thi vị..."

Ký giả Fyns Stitidence, cũng viết về các buổi trình diễ n nà y:"Đó là một buổi tối khi toàn bộ cảm nhận được khơi động, từ nét tĩnh lặng sâu xa của bản độc tấu dương cầm của Doky, cho tới chất đam mê mãnh liệt qua những bài hát do Thanh Lam, một ca sĩ tuyệt đẹp trình bầy..."

Thanh Lam đã hát hai bài bằng tiếng Việt trong album Asian Sessions của Niels Lan Doky, phát hành ở Âu Châu. Hiện nay, cô đang chờ đợi để được hát trọn vẹn một album do người viết nhạc cho ca sĩ hàng đầu thế giới, ca sĩ Celine Dion, soạn riêng cho cô. Ngoài ra, một album do producer trẻ tuổi người Canada, sống ở Mỹ, soạn cho Thanh Lam sắp được phát hành tại Hoa Kỳ.

Một buổi sáng mùa thu giữa Tháng 11 vừa qua, Thanh Lam trong bộ y phục giản dị, sậm màu, khuôn mặt hầu như không vương chút son phấn, đã gặp chúng tôi tại quán Paris Deli, trước Nhà Hát Lớn Hà Nội. Vầng trán mênh mông bướng bỉnh, đôi mắt sáng ánh thông minh, tự tin, cô vui vẻ kể về đời sống, nghề nghiệp, thiết tha nói về những ước vọng mai sau cho âm nhạc Việt Nam. Dưới đây là một phần cuộc phỏng vấn thú vị này.

*

Đỗ Tăng Bí: *Tôi được biết Thanh Lam có đóng góp vào một album ở Đan Mạch, với hai bài là "Biển Cười" và "Một Thoáng Tây Hồ"?*

Thanh Lam: Dạ, thế anh đã nghe đĩa đó?

ĐTB: *Chưa, tôi đang nhờ người ở Âu châu mua cho đĩa này. Cô cho biết qua về chuyện đó chứ?*

ThLam: Em được mời sang Pháp để thu, với một cậu nhạc sĩ, cũng là một tay piano trẻ, nổi tiếng trong giới nhạc jazz hiện đại của Mỹ,

tên là Niels Lan Doky. Bố cậu ấy là Việt Nam, mẹ cậu ấy là Đan Mạch. Cậu ấy muốn tìm về một cái gì đó cội nguồn. Cậu ấy đã nghe nhiều ca sĩ của Việt Nam mình, cuối cùng chọn em là ca sĩ được tham gia album Asian Sessions. Album đó em được thu tại Pháp, ở một phòng thu rất tốt, ở trên một khu dốc rất hay. Đây là lần đầu tiên làm việc với một band người ngoại quốc mới thấy họ làm việc rất chuyên nghiệp, rất giỏi.

ĐTB: *Hình như họ rất hài lòng về cô? Tôi có đọc lời giới thiệu của Doky về Album "Asian Sessions," nói về kinh nghiệm nghề nghiệp của anh: "Làm việc với Thanh Lam và tìm hiểu âm nhạc Việt Nam đã trở thành một trong những kinh nghiệm đáng giá và đầy hứng thú trong cuộc đời nghề nghiệp của tôi... Tôi bị thu hút đặc biệt bởi giọng hát diễm lệ và tràn ngập xúc cảm của Thanh Lam..." Cô nghĩ sao?*

Th Lam: Theo em, người nghệ sĩ có chung với nhau một số điều, như là nỗi đam mê với nghệ thuật, và âm nhạc cũng là một cái gì rất chung, cho nên có thể hiểu nhau, thông cảm nhau dễ dàng dù là người nước nào. Trong khi làm việc như vậy, em thấy họ rất có cảm tình với em, rất thích cách em diễn đạt tình cảm và nội dung bài nhạc.

ĐTB: *Cô là một ca sĩ thành danh từ mười năm nay. Nhưng cô cũng là ca sĩ hay đưa ra những cái mới, kiểu cách mới, và hình như điều đó khiến nhiều người không thích cô?*

Th Lam: Trong cái nghề ca hát của em, khi mình làm một cái gì hơi đặc biệt, hoặc nói nhẹ nhàng hơn là khi mình làm những gì khác người một chút xíu, cũng đủ khiến người khác khó nghe được, khó tiếp thu được. Em nghĩ là với cách hát của em, nếu em biểu diễn ở nước ngoài, thì thính khán giả có thể cảm nhận được. Khán thính giả ngoại quốc sẽ không thấy cái gì gọi là quá quắt trong phong cách biểu diễn đó, nhưng vì mình đang sống ở một xã hội châu Á, người ta thích một phong cách nhẹ nhàng, rất là mượt mà, thì cách hát của em có hơi mạnh mẽ một chút. Cách hát đó đôi khi gây ra hai phản ứng, hai cảm giác trái ngược: Một là có những người rất thích mình, hai là có những người không nghe được mình.

Tuy nhiên, em vẫn nghĩ là với tình yêu nghề nghiệp, với chút khả năng nhỏ nhoi mà ông Trời phú cho, và với nỗi đam mê tràn đầy trong em, em sẽ tiếp tục cố gắng theo cách riêng của mình. Em mong mỏi một ngày nào đó, không phải là ngay bây giờ, nhưng ở sau này, thì khán thính giả sẽ hiểu, sẽ chấp nhận những cố gắng tìm tòi của em trong nghề nghiệp. Trước sau rồi thính giả cũng có thể chấp nhận nếu mình làm được đúng với những gì mình mong muốn, đạt được chất lượng mà thính giả hài lòng.

ĐTB: *Tôi được nghe một đĩa mới của cô, đĩa "Tự Sự." Cá nhân tôi thì nghe mãi đĩa này không chán dù giai điệu các bài trong đĩa rất khác nhau, từ những giòng nhạc dịu dàng tha thiết dí dỏm của một thời xưa cũ cho đến những cuồng loạn đắm đuối đam mê của tuổi trẻ hôm nay. Chính vì vậy tôi cũng ít dám giới thiệu với người khác vì ngại nhiều người "không chịu nổi." Làm sao cô hát được cả từ những bài có hơi hướng ả đào đến những bài giống như nhạc rap?*

Th Lam: Thật ra trước đây em là một ca sĩ trẻ mà hát rất khác người. Lúc mới đầu, còn bé, khán thính giả không thích em, em không được ăn khách. Nhưng xưa nay, em luôn hát với tất cả trái tim mình, nhờ vậy, nhiều khán thính giả cảm được những gì em muốn diễn đạt, và rồi họ chấp nhận cách hát của em.

Em có thể hát ả đào được vì em may mắn sinh ra trong một gia đình cha mẹ đều hoạt động âm nhạc. Ba em là một nhạc sĩ (nhạc sĩ Thuận Yến, chơi piano), mẹ (bà Thanh Hương) lại là người chơi đàn dân tộc, đàn thập lục. Ba mẹ cho em học đàn từ bé. Hồi bé, ba mẹ nghĩ em không thể hát được vì đau yếu luôn, nên sau đó cho em học đàn tì bà từ năm lên chín. Đó cũng chính là điều may mắn cho em, vì với vốn liếng bảy năm học đàn dân tộc, suốt ngày nghe giai điệu dân ca, nên em là một ca sĩ có thể hát mix, có thể đưa những làn điệu dân ca vào nhạc nhẹ. Đó cũng là lý do khiến Niels Lan Doky đã mời em hát trong album phát hành tại Âu châu.

Trong sinh hoạt hiện tại của giới ca nhạc, mỗi ca sĩ có một cách đi trong cuộc sống. Với em, em chọn hướng đi là làm cách nào khẳng định được vị trí ca sĩ Việt Nam trong dòng nhạc nhẹ thế giới. Làm sao khi cất tiếng hát, người nghe cảm nhận ngay bài nhạc nhẹ đó do một cô ca sĩ Việt Nam trình bày. Đó là một điều rất khó, cần phải tiến dần từng tí, khẳng định dần tính chất đặc thù Việt Nam. Em đang đi theo đường hướng đó, mà điều này thực sự chưa được phổ thông, chưa được quần chúng tán thưởng.

Hiện nay rất nhiều ca sĩ hát, sản xuất album, những bài hát theo giai điệu tây phương. Những giai điệu này dễ nghe, dễ chấp

nhận, vì họ chỉ hát những bài hát mang âm hưởng tây như vậy, với lời Việt mà thôi, nên lại ăn khách, được ưa chuộng. Nhưng em tự nghĩ là mình đã theo đuổi nghề ca nhạc này lâu rồi, em đi học nhạc từ lúc tám chín tuổi, cho đến bây giờ đã được 15, 16 năm ca hát rồi, nên em tự nghĩ phải cố gắng làm sao đưa nền nhạc nhẹ VN vào với dòng nhạc nhẹ thế giới, làm quen với trào lưu nhạc nhẹ thế giới. Nếu muốn đưa nhạc nhẹ VN ra ngoại quốc, thì theo em, em không thể hát theo cái kiểu của Whitney Houston, ... vì họ quá giỏi, mình chỉ có cách giới thiệu những gì mang âm hưởng VN. Đó là những điều hiện nay em muốn làm.

Gần đây, sau khi làm chung album Asian Sessions với Niels Lan Doky, cậu ta có cho em một cơ hội rất tốt trong mục tiêu đó, không biết em có thể đạt được hay không. Doky hứa làm Producer cho em, em sẽ thu một số bài làm mẫu để gửi cho các hãng lớn, sau khi nghe, nếu họ đồng ý thì sẽ cấp kinh phí cho em thực hiện album. Em cầu mong chỉ cần có một đĩa như vậy để sánh vai với các ca sĩ khác trên thế giới. Doky hỏi em chọn lựa hai thể loại để trình diễn, hoặc hát những bài phổ thông, dễ hát, hoặc chọn loại có tính cách jazz hiện đại, hơi khó hơn. Doky đã gửi một đĩa của em cho người sáng tác cho cô Céline Dion, Ông ta tỏ ý thích giọng hát và cách thể hiện của em, nên nói sẽ gửi một đĩa để em nghe, em thích thế nào thì ông ta sẽ sáng tác cho em hát bằng tiếng Anh. Hiện em đang chờ chương trình này, và nếu thực hiện được thì đây là cơ hội rất lớn cho nghề nghiệp của em.

Nữ ca sĩ Thanh Lam

ĐTB: *Doky có viết về cô như thế này, mà cô có từng được đọc những gì Doky và báo chí Âu châu viết về cô bao giờ chưa?*

Th Lam: Chưa anh ạ.

ĐTB: *Vậy thì Doky có viết thế này: "Một trong những phẩm chất độc đáo của Thanh Lam là cô có khả năng truyền đạt cảm xúc tới ngay cả những người không hiểu lời tiếng Việt... Giản dị là Thanh Lam là một người trình diễn tuyệt vời đến độ ý nghĩa của bài hát truyền đạt được tới bất cứ ai, bất kể có hiểu lời ca hay không." Nếu hát tiếng Anh cô có gặp khó khăn về phát âm?*

Th Lam: Vừa rồi em có đi Mỹ thu một album mới với một cậu mấy năm trước là ca sĩ nổi tiếng, bây giờ là producer. Đây là một nhạc sĩ người Canada sống tại Mỹ, ở vùng Oakland, vừa rồi em sang thu ở vùng Oakland. Cậu ta làm nhạc rất là hay và đĩa này sẽ phát hành ở Mỹ chứ không chỉ ở châu Âu như đĩa Asian Sessions. Cậu ta làm nhạc rất là lạ, phối nhạc để em đọc thơ bằng tiếng Việt trên nền nhạc đó, em cũng sẽ hát một ít bằng tiếng Anh. Tất nhiên em cũng biết mình không phát âm được như những người nói tiếng Anh điêu luyện, như người bản xứ, nhưng trong âm nhạc, thính giả nghe hát không chỉ bằng lời hát phát ra, mà đa phần bằng cảm nhận từ thanh điệu của lời ca tiếng nhạc. Do đó, em sẽ làm một đĩa hát bằng tiếng Anh, và dù em phát âm không chuẩn tiếng Anh, nhưng người nghe sẽ nghe những thanh âm từ trái tim em, người ta sẽ cảm nhận những gì em muốn diễn đạt. Âm nhạc vừa khó mà vừa đơn giản hơn các môn nghệ thuật khác, vì người ta sẽ dễ thưởng ngoạn, sẽ nghe bằng cảm giác, sẽ thụ nhận âm thanh chứ không phải đơn thuần bằng tiếng nói. Nếu thật sự mình hát, mình diễn đạt được dòng nhạc với tất cả cảm nhận, với tất cả tâm tình của mình thì người nghe cũng sẽ cảm nhận được, và ngôn ngữ sẽ không còn là trở ngại

giữa người trình diễn và kẻ thưởng ngoạn.

ĐTB: *Hình như ông thân của cô, nhạc sĩ Thuận Yến, rất thương cô, nên đã sáng tác bài "Chia Tay Hoàng Hôn" khi cô chia tay với người chồng cũ?*

Th Lam: Về bài "Chia Tay Hoàng Hôn," người ta hiểu lầm là ba em làm bài này cho em do chuyện tình cảm đổ vỡ, thực ra không phải vậy. Có sự hiểu lầm là vì em đã hát bài này đúng vào lúc chuyện buồn xẩy ra. Thực ra, "Chia Tay Hoàng Hôn" là bài ba em viết tặng mẹ em. Ba em sáng tác bài đó khi cả ba và mẹ cùng ở trong đoàn văn công đi biểu diễn ngoài chiến trường. Ba em nói đó là khoảng thời gian 1969, khi mẹ mang bầu em. Bài hát ba em làm tặng mẹ vì trong khi ba phải ở lại chiến trường thì mẹ phải về Hà Nội dưỡng thai.

ĐTB: *Nhân chuyện đổ vỡ đó, cô có thể nói về hạnh phúc cô đạt được bây giờ, và sẽ còn ở mai sau?*

Th Lam: Em nghĩ trong cuộc sống đôi khi không được như mình mong muốn, và có thể có sự góp phần của may rủi. Con người ta sinh ra, sống trong xã hội bằng trí tuệ của mình, bằng khả năng, để có thể vượt qua những khó khăn trong cuộc sống, nhưng đôi khi em có cảm giác là chuyện hạnh phúc gia đình như là chuyện của số phận, không thể biết được, không nói được. Em nghĩ là em cũng như những phụ nữ khác không khi nào muốn một sự thay đổi quá lớn trong cuộc sống, nhất là thay đổi trong chuyện tình yêu. Em thấy rằng con người sinh ra trong một cái mà người ta gọi là kiếp người, như một số phận mà em không lý giải được, vượt ra khỏi sức tưởng tượng của em. Với em, trong cuộc sống hiện nay, hạnh phúc là điều mình tự cảm thấy. Hạnh phúc là điều mình đi tìm, mình muốn có, nhưng trong đời sống không có điều gì có thể đạt đến sự toàn bích, hạnh phúc cũng thế. Em không tin vào hạnh phúc tuyệt đối trong cuộc đời. Có thể có nhưng người có được cái hạnh phúc đó, nhưng em thì không, vì mỗi người sinh ra trong một số phận khác nhau. Bởi thế, em không thể nói ngày mai sẽ ra sao, xin để tương lai trả lời.

ĐTB: *Tôi và một số người quen biết đặc biệt say mê giọng hát, phong cách hát của cô. Chúng tôi vẫn nói với nhau là trước đây chỉ có Thái Thanh là hát với tất cả tâm hồn, với tất cả ước vọng gửi được tâm tình, ý tưởng đến cho người nghe. Thái Thanh không chỉ hát bằng âm thanh, còn hát bằng cả ánh mắt, vẻ mặt, bằng cả trái tim. Chúng tôi nghĩ cô có thể làm được như vậy. Năm nay cô đã 31 tuổi, cô nghĩ sẽ còn đóng góp được bao lâu cho âm nhạc?*

Th Lam: Những ca sĩ ở ngoại quốc như bà Tina Turner, Diana Ross, như bà Cher cũng mới ra một album, họ vẫn làm việc được khi ở vào cái tuổi trung niên hoặc cao hơn. Hoặc như Whitney Houston..., những người vào lứa tuổi em, hơn hoặc kém chút ít, thì họ còn hát được rất lâu nữa. Vậy theo em nghĩ, nếu em ra đời và lớn lên ở ngoại quốc, thì em sẽ còn hát được lâu. Bởi vì, nếu như mình hát để dâng cho đời, để thể hiện những ý tưởng, những tình cảm, chứ không hát để kiếm tiền, thì sẽ hát được lâu hơn. Nhưng ở VN điều đó khó hơn nhiều.

Theo em nhận xét, lớp trẻ VN hiện nay đang trong thời kỳ chuyển tiếp giữa cái cũ và cái mới, gọi là thời kỳ "trung chuyển." Người khác có thể thấy đó chỉ là nhận xét phiến diện của em, nhưng quả thực em cảm thấy thế. Ở giữa cái buổi giao thời này, giới thưởng ngoạn trẻ tuổi thường dễ dãi. Em có cảm tưởng đã được ra đời, rồi làm việc vào đúng cái thời kỳ trung chuyển này, cái thời kỳ hỗn mang giữa cũ và mới, nên nói về chuyện em còn đóng góp được bao lâu thì em tự nghĩ rất khó có thể tồn tại được lâu.

Em là một người đã có mặt trong sinh hoạt âm nhạc một thời gian cũng dài, và hiện vẫn còn đứng được trong sinh hoạt đó. Theo em, âm nhạc khác với các ngành nghệ thuật khác ít nhất cũng ở một điểm, là tài năng không phải năm nào cũng có. Không phải cứ năm nay xuất hiện một người hát hay, sang năm lại có một người hát hay. Đôi khi phải một thời gian rất dài mới có một tài năng thực sự mà lại có được một sức sống mãnh liệt của người nghệ sĩ, sức sống đó là nỗi khát khao luôn luôn sáng tạo và tìm tòi. Em là người cầu học. Em luôn nghe những bạn ca sĩ trẻ khác, những bạn rất nổi gần đây để biết cái gì cần thêm, cái gì nên tránh. Họ rất là mới, họ cũng rất thông minh. Nhưng theo em, không phải ai cũng có được cái bản năng mạnh của người nghệ sĩ.

Trở lại vấn đề em sẽ cống hiến được bao lâu nữa, em xin nói rằng em chỉ biết cố gắng hết sức mình tìm tòi, sáng tạo, học hỏi, tập luyện ít nhất ba năm nữa. Làm cái nghề ca hát này ở VN rất khó, như vừa rồi em có nói, vì đang ở vào thời kỳ "trung chuyển." Thính giả nghe nhạc dễ dãi quá. Ở VN, những chương trình của riêng mỗi người thường là lỗ vốn.

Hát như vậy chỉ cốt để giới thiệu sản phẩm, nghĩa là giới thiệu những công trình mới của mình. Tổ chức một chương trình như vậy tốn kém lắm, mà lại giới hạn số người nghe. Như trên em đã nói, nếu như mình hát để kiếm tiền, thì sẽ không được lâu. Nếu không hát kiếm tiền, người ca sĩ sẽ bị đói.

Sự chán nản hành nghề không chỉ là một cảm giác, có thời kỳ cách đây khoảng ba tháng, nó đã khiến em có những hành động thực sự, là bỏ ca hát. Đã có thời kỳ em bỏ, không muốn hành nghề nữa. Em đã có một thời gian rất buồn, và nghĩ hay là thôi không hát nữa. Gần đây, em mới vực lại được nhờ những suy nghĩ, nhờ người thân và bạn bè khuyên bảo. Vì em tự nghĩ là không nên bỏ phí những gì ông Trời đã cho mình, là chút tài năng, mà em cũng không đến nỗi xấu xí, nên em tự thúc đẩy mình phải tiếp tục chiến đấu. Chiến đấu ở đây là chiến đấu với chính bản thân mình, chiến đấu để mình có đủ lòng tin, đủ can đảm để tiếp tục hành nghề, dù đó là điều rất khó. Ở đâu cũng thế, VN hay ngoại quốc, đều phải cạnh tranh để tồn tại, để tạo cho mình một khoảnh đất riêng. Em đã lấy lại được niềm tin, được sự dũng cảm trong đời sống.

Em đã làm việc trở lại, và đang chuẩn bị cho một chuyến lưu diễn vào Tháng Sáu năm tới (năm 2001), cùng với gia đình. Không biết em có thể thực hiện được điều đó không, vì mỗi lần tổ chức như vậy rất tốn kém. Những lần tổ chức này hoàn toàn chỉ để giới thiệu những gì mình đang tìm tòi, mình đang cố gắng thực hiện. Ngoài ra, em cũng chuẩn bị phát hành một đĩa với Quốc Trung, đĩa "Mây Trắng Bay Về." Đây là đĩa em rất ưng ý, em sẽ hát rất VN, Trung phối khí rất hay.

ĐTB: *Tôi thấy cô hát bài "Im Lặng Đêm Hà Nội" rất hay, mà cũng ít thấy ai hát. Tôi có e mail hỏi một trang nhà về âm nhạc ở trong nước là sao ít thấy ai hát bài đó ngoài cô, học trả lời là cần phải có một trình độ nào đó, một phong cách diễn đạt nào đó, mới thể hiện hết được nhạc phẩm này, và chỉ có cô là thành công. Theo tôi cô là ca sĩ hát nhạc Phú Quang hay nhất. Cô nghĩ sao?*

LUÂN HOÁN

HỎI THẬT

em mê thơ, chẳng tò mò ?
hay là em chỉ giả đò vậy thôi ?

chỉ cần một chiếc lá rơi
hình như em đã thả đời bay theo

thơ tôi là những rong bèo
chân không chấm đất hồn treo mây hồng
thơ tôi là những nhánh sông
chia xa chẳng trở lại dòng cội xưa
thơ tôi là những đọt mưa
trồng trên mái đất sầu vừa bén giây
thơ tôi là những gót giày
đi quanh thế giới một ngày yêu em...

xin đừng vội vã trải lên
sợi tình mỏng mảnh mũi tên sống đời

Th Lam: Thực ra chú Phú Quang là một nhạc sĩ rất cẩn thận. Chú muốn các ca sĩ phải hát đúng từng nốt, từng dấu thăng dấu giảm, từng quãng ngắt. Mà em là là thứ ca sĩ khi hát lại hay đóng góp phần sáng tạo của mình. Anh thử nghĩ, chú sáng tác với tất cả hứng khởi, cả tâm hồn, chú đẻ ra một đứa con với đầy đủ bộ phận chuẩn xác ở mỗi chỗ, mà mình lại đặt sai đi một chút, thì em e rằng nhạc sĩ không bằng lòng. Nhưng với em, khi hát, em không phân biệt là đang hát bài của ai cả. Em không nghĩ mình đang hát bài Phú Quang, bài Thanh Tùng, bài Trịnh Công Sơn,... Em luôn hát với tất cả cảm nhận của mình về bài hát, với tất cả những tình cảm trào dâng khi đang hát.

ĐTB: *Cô mới kể về giai đoạn khủng hoảng, thế cô có biết là trên internet có những người họ làm trang nhà (web site) về cô không?*

Th Lam: Dạ, em không biết.

ĐTB: *Tôi sẽ in ra và sẽ gửi cho cô những gì người ta viết về cô, người ta viết với tất cả sự ái mộ. Thí dụ trong một trang web ký tên PDT, tác giả viết về cô, có đoạn như thế này: "Khi chúng ta nghe tiếng hát Thanh Lam, chúng ta nhận ra rằng Thanh Lam phải là một người có trình độ âm nhạc cao và có đầy nghệ thuật. Nói chung*

Thanh Lam thật tuyệt vời. Cám ơn Thượng Đế đã ban Thanh Lam cho nền âm nhạc VN!" Tôi lại đọc báo trong nước, có người nhận xét là có một số hiện tượng trong ca nhạc ở đây là sản phẩm của quảng cáo, do những ông bầu khéo làm quảng cáo. Có thể nhiều người khác không chia sẻ với nhận xét trên hoặc lời của vị trong trang nhà kể trên, vì họ nghe nhạc một cách khác. Cô nghĩ sao?

Th Lam: Trong nghề này, đôi khi bọn em rất buồn khổ. Như em nói, đã có lúc muốn bỏ nghề. Có thể là vì em có những mong muốn quá cao trong cuộc sống mà cứ gặp những thực tế tầm thường. Người ca sĩ khi hát phải cảm thấy thật hạnh phúc, hạnh phúc vì đang hiến dâng giai điệu, tiếng hát cho người nghe, nhưng hát trong hoàn cảnh như trên thì thật đau khổ. Như thế, mình đã không làm được những gì mình mong muốn, nên trong thời gian vừa rồi có những lúc em đã nghĩ là 90% mình sẽ không đi hát nữa. Bây giờ thì em đã nghĩ lại, tự nhủ mình phải cố gắng thêm. Em tự nghĩ không nên bỏ phí cái cơ hội, hay là cái vận may mà ông Trời đã cho mình, tức là cái khả năng Trời phú cho, cái nghề nghiệp đã tạo dựng được, nên tự bảo mình phải cố gắng thêm lên, lại phải tiếp tục, lại phải chiến đấu.

ĐTB: *Cô có thể nói rõ hơn về những khó khăn đã gặp phải?*

ThLam: Em sinh ra trong một gia đình mà ba mẹ hiền lành, không phải là người mưu toan này nọ. Em hành nghề bằng khả năng của mình chứ không phải bằng những tính toán, những chiến lược, mưu toan trong cuộc sống. Vì vậy em gặp rất nhiều khó khăn trong nghề nghiệp. Em có thể kể anh nghe về một vài khó khăn này.

Em đi vào nghề này rất là khó. Em bước vào nghề này với đầy gian truân. Từ bé, em hát đã không ai thích rồi. (Sau bảy năm học đàn tì bà), lúc 15 tuổi (1984), mẹ em xin cho em chuyển qua học thanh nhạc. Nhà trường bắt em phải ký một cái giấy đại ý nói rằng: Sẽ cho Thanh Lam học thử một năm đầu, vì Thanh Lam không có khả năng ca hát. Nếu năm đầu học được, sẽ cho học tiếp năm thứ hai. Nhưng nếu năm đầu không học được, Thanh Lam sẽ bị đuổi và cũng không được trở lại học đàn tiếp. Ba em còn giữ tờ giấy đó.

Sau đó, mẹ em đi xin các giáo sư thanh nhạc dạy riêng em, không một ai nhận. Người ta bảo rằng những gì lạ và mới thì bao giờ cũng bị xua đuổi và từ chối. Hơn nữa, cái giọng của em lại khàn khàn, em lại hay bị đau cổ, hay bị viêm họng, nên càng khiến không ai nhận em hết. Hai mẹ con rất buồn, nhưng cuối cùng cũng có một cô giáo nhận dạy em. Đó là cô Sĩ Bình. Em phải nói là đã nhờ ơn của Cô rất nhiều. Em nghĩ rằng em đã làm cô giáo buồn phiền nhiều lần vì em vốn là một đứa trẻ bướng bỉnh. Em biết ơn Cô vì nếu không phải là cô Bình thì chắc không ai dạy được em. Cô là một cô giáo rất kiên trì, rất nhẹ nhàng, dù gặp đứa học trò bướng như em. Thú thực khi đang học, em không nghĩ là đã tiếp thu được điều gì, nhưng sau khi học Cô hai năm, em mới thấy mình đã nắm bắt được những gì Cô dạy bảo, đó là kỹ thuật thanh nhạc. Sau hai năm học Cô, em mới biết áp dụng những gì học được, đặc biệt là những cách thức, kỹ thuật do chính Cô truyền cho em. Em rất biết ơn Cô, vì nếu Cô không nhận dạy em thì em đã không được học thanh nhạc. Đó là một vài thí dụ về những khó khăn em gặp phải ngay khi bước chân vào nghề ca hát.

Để em kể một chuyện khác cũng để lại cho em chút hương vị đắng ở những năm bước vào tuổi trưởng thành. Năm 19 tuổi, em dự cuộc thi nhạc nhẹ toàn quốc. Ở vòng một, em đạt điểm rất cao, đến vòng hai, em bị loại khỏi cuộc thi vì bị coi là "sai đề." Bởi vì bài em hát vòng hai có chút ít kiểu như nhạc Mỹ, thế là bị gọi là lạc đề, bị loại không được cho điểm nào.

ĐTB: *Nhưng tôi nghe nói cô đã đạt được giải lớn nhất một cuộc thi với số điểm tuyệt đối mà cho đến nay vẫn chưa có ai đạt được?*

Th Lam: Đó là năm 1991. Năm đó em đoạt được giải, một giải thưởng được coi là có giá trị, được công nhận. Nhưng không phải tự nhiên mà em có được điều đó. Nói chung, em thường gặp rất nhiều khó khăn trong nghề nghiệp, khiến em có cảm tưởng rằng hình như mọi sự trên đời này thường chỉ dành phần khó khăn cho em, kể cả giai đoạn còn bé đến lúc hành nghề hiện nay. Chẳng hạn khi em đi hát, cách hát của em cũng không được hưởng ứng, không được coi là dễ nghe. Em phải cố gắng thật nhiều để dần dần chinh phục, để thu hút khán thính giả. Năm vừa qua có lẽ em cũng làm được đôi phần trong việc chinh phục. Cách hát của em rất mạnh, nhưng cũng có một số khán giả yêu quí, rất yêu quí. Em đã có được một số khán giả ưa thích và chỉ thích mình em, đó cũng chính là niềm hạnh phúc trong cuộc đời ca hát của em. Giữa những khổ đau, buồn bực của cuộc sống tầm thường này,

niềm hạnh phúc đó quả đã kích thích em, nâng đỡ em rất nhiều, giúp em lấy lại sự đam mê trong nghề nghiệp. Anh ạ, em rất cảm ơn những khán giả của em, có những bạn trẻ điện thoại cho em hằng ngày, thắc mắc em mặc màu áo gì, có làm em nổi lên trên sàn diễn. Có nhiều bạn khuyến khích em nói đôi điều trước khi hát, để "lấy lòng khán giả," theo như họ nói. Họ chỉ mong người họ ái mộ ở mãi trên đỉnh cao, em biết ơn những tình cảm đó của các bạn. Thế nhưng em vẫn nghĩ rằng ông Trời không cho ai những gì trọn vẹn, toàn bích cả. Ông ấy đã cho em một sức khoẻ rất tốt, sinh con và nuôi nấng con được. Em có sức khỏe để vừa làm cái nghiệp của người nghệ sĩ, lại vừa làm thiên chức của một bà mẹ. Đó không phải là điều ai cũng làm được, không dễ dàng gì trở lại làm mẹ khi đang bận rộn, say mê với công việc kia. Điều đó khó lắm, cả về sức khoẻ. Do đó, ông Trời không cho em cái năng khiếu nói trên sân khấu. Khi ra sân khấu em chỉ có hát, không nói được. Nhiều khán giả yêu quí, khích lệ em nói như ca sĩ này, ca sĩ nọ, để cho khán giả ưa thích hơn, để các khán giả dễ cảm nhận bài hát của em hơn. Em hứa sẽ cố gắng nhưng cuối cùng cũng không làm được điều các bạn trẻ mong muốn. Ông Trời cho mỗi người một tí, người ta thường nói mồm miệng đỡ chân tay, không biết ông Trời có cho em chân tay khéo léo không nhưng quả thật ông ấy không cho em khéo ăn khéo nói.

Trong thời gian vừa qua, sau khi sinh con xong, vì cuộc sống em phải đi làm, phải trở lại với nghề nghiệp. Em đã lâm vào một bước gọi là khủng hoảng trong cuộc sống. Em thấy cuộc sống vất vả quá, tệ hơn nữa người ta phải bon chen nhiều quá. Xưa nay em vẫn sống cuộc sống gần với những điều thiện tự nhiên, em không hề muốn phải bon chen với cuộc đời. Em không sống cái kiểu phải hại người khác, phải chơi xấu người khác để ngoi lên. Và em đã bị lạc lõng. Không phải em đố kỵ với những ai khác mình trong cách sống, nhưng chạnh lòng, cảm thấy buồn bã.

Trong một bối cảnh như vậy mà em đã trải qua thời gian vừa qua, thời gian em cảm thấy nặng nề quá, mệt mỏi quá, em đã tưởng không chịu đựng nổi, đã quyết định, đến 90% chắc chắn, là sẽ không ca hát nữa. Nhưng những người thân, những bạn bè không cho em làm vậy. Họ nói em không được làm như thế, nếu em bỏ nghề thì quá uổng. Có một người bạn thân là Trần Mạnh Tuấn, tay thổi saxo hay nhất VN, đã nói với em là "Lam không được làm thế, Lam bỏ nghề thì rất là phí cho âm nhạc VN,..." Nói như Tuấn thì hơi quá, nhưng có tác dụng cùng với những lời khuyên của nhiều người khác, em đã được vực dậy. Dần dần, em tự nhủ không được bỏ phí khả năng của mình, mình cần làm việc lại.

(Như một thần giao cách cảm, Trần Mạnh Tuấn từ Sài Gòn đã gọi điện thoại cho Thanh Lam ngay lúc đó, báo tin sẽ là một trong sáu người Việt Nam được mời dự cơm trưa với Tổng Thống Clinton khi ông đến Sài Gòn.)

Sau gần một giờ rưỡi nói chuyện, Thanh Lam đã kể rất nhiều, tâm sự rất nhiều về những năm tháng qua của đời sống, của nghề nghiệp. Trên đây chỉ là một phần có thể phổ biến theo ước hẹn với cô. Để kết thúc bài phỏng vấn này, chúng tôi mượn lời của nhạc sĩ Niels Lan Doky kể về 17 buổi lưu diễn của Thanh Lam ở Âu Châu: "Đặc biệt sự trình diễn của Thanh Lam vô cùng lạ lùng. Khán giả hoàn toàn yêu mến cô và hầu như trong mỗi đêm của chuyến lưu diễn, chúng tôi đã nhiều lần đứng dậy hoan hô cô."●

DONGNAI PHARMACY
HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)

TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM: PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

MÙA XUÂN, ĐỌC
BÊN GIÒNG SÔNG HẰNG

Tác giả: VIỄN ĐẰNG CHU TÁC.
Người dịch: NGUYỄN VĂN THỰC
Người đọc: TRẦN PHONG VŨ

Tổng quan

Sau khi đọc lại lần thứ ba, ý định viết về tác phẩm Bên Giòng Sông Hằng đã đến với tôi một cách mãnh liệt không thể cưỡng lại. Nhưng sẽ phải bắt đầu từ đâu? Đấy là câu hỏi làm tôi băn khoăn mỗi khi ngồi trước bàn viết. Bởi lẽ từ cách hành văn, bố cục, dựng chuyện tới những suy tư sâu sắc phảng phất những ý tưởng trừu tượng thuộc phạm trù triết học và thần học, tác giả đã đưa đẩy người đọc ra khỏi đời thường để dấn sâu, dấn xa vào cõi mịt mùng của thế giới siêu linh, thế giới tôn giáo, với những bí ẩn ngàn đời vô phương lý giải. Bản dịch cuốn sách chỉ vỏn vẹn 310 trang mà gói ghém cả một khung trời thâm u huyền bí của Á Châu cổ kính ít nhiều còn rơi rớt lại đến ngày nay. Bây giờ. Lúc này. Biết bao tình tiết với biết bao mẩu đời sống cùng những tâm thức, những cảm nghiệm khác nhau, kể cả đối nghịch nhau, tròng tréo, quấn quýt, đan quyện vào nhau, đã được tác giả lồng vào nội dung tác phẩm. Điểm nổi bật đáng quan tâm nằm trong chủ ý của Viễn Đằng Chu Tác là mọi tư duy, tác động của nhân vật, ngoại cảnh trong toàn bộ tác phẩm đều quy về một mối. Đó là những quắt quay, trăn trở của con người trước những nan đề bất di dịch, từng được đặt ra từ thời cổ đại và đến nay vẫn còn nguyên tính thời sự: *con người được sinh ra, lớn lên, sống để làm gì? và khi chết sẽ đi về đâu?* Với một cuốn sách có nội dung lớn rộng và sâu xa uyên áo như thế thì đâu là điểm khởi đầu và bằng cách nào người đọc có thể gói ghém những suy tư, những nhận xét, dù hết sức chủ quan, hạn hẹp của mình trong vài ba trang báo?

Mấu chốt câu chuyện xoay quanh những thao thức của tác giả, xuyên qua những nhân vật của ông, về thân phận con người, về mối liên hệ giữa con người và vạn vật cỏ cây mà không khí u mặc, linh thánh bên giòng sông Hằng được coi là điểm hẹn. Để sửa soạn bước vào cái chiều sâu thăm thẳm, bí nhiệm của con sông huyền hoặc ấy, tác giả đã dành quá nửa tác phẩm để đào xới tâm tư một số nhân vật điển hình. Mặc dù không biết tiếng Nhật để đối chiếu nguyên tác, nhưng qua ngòi bút uyển chuyển tài tình, rất Á đông và nhất là nghệ thuật vận dụng khả năng ngôn ngữ đặc chất Việt Nam của dịch giả Nguyễn Văn Thực, người đọc hy vọng nắm bắt được phần nào những tư tưởng sâu lắng bên trong và đằng sau tác phẩm. Trước hết, chúng tôi vô cùng tâm phục lối dựng truyện của Viễn Đằng Chu Tác và nghệ thuật dẫn truyện, giới thiệu nhân vật của ông. Những nhân vật chính phụ tuần tự xuất hiện một cách lớp lang như trên màn

ảnh cùng những gặp gỡ tuồng như tình cờ sau đó của họ trong chuyến hành hương Ấn Độ để mở vào những ngõ ngách phức tạp, bí ẩn của những người trong cuộc, đã chứng tỏ tài năng trác tuyệt của tác giả về nhiều phương diện. Mỗi nhân vật là một thế giới. Họ khác nhau, xa nhau nhưng cũng rất giống và gần nhau. Bởi lẽ họ cùng chia sẻ những hạnh phúc, đớn đau, những âu lo, hy vọng, những băn khoăn, thao thức chung khi đối diện với cái hằng cửu của những thế lực vô hình và cái mong manh của kiếp người, của muông thú, cỏ cây.

Tác giả và những nhân vật trong tác phẩm

Qua tiểu sử, Viễn Đằng Chu Tác được giới thiệu như một nhà văn lớn trong văn học Nhật, từng nhiều lần được giới thiệu tranh giải Nobel văn chương. Ông cũng là tín đồ Công giáo, rửa tội từ năm 12 tuổi để từ đó phải *'khổ sở'* vì *'làm kẻ có đạo'* — khổ sở nhưng vẫn không nguôi lòng tin tưởng tuyệt đối vào mối đạo của mình-. Cho đến khi chết ông còn nuôi khát vọng được nghỉ yên *'ở Trường Kỳ, chiếc nôi của Giáo hội Công giáo Nhật Bản'* (trang 13). Ở khía cạnh này, nhân vật Đại Tân chính là hình ảnh phóng lớn của Viễn Đằng Chu Tác. Ông mượn Đại Tân để gửi gấm niềm khao khát kiếm tìm một hình bóng Giêsu xuyên qua một nền thần học ứng hợp với tâm thức dân tộc Phù Tang của tổ tiên ông. Đấy cũng là khao khát của nhiều nhà thần học thuộc các Giáo hội Công giáo và Tin Lành châu Á hiện nay, trong đó bao gồm một số tư tưởng gia Nhật Bản, Trung Hoa, Ấn Độ, kể cả Việt Nam. Từ đấy, nếu người đọc hết lòng thán phục Viễn Đằng Chu Tác trên cương vị tiểu thuyết gia, thì đàng khác cũng có những điều cần xét lại khi nhìn ông qua lăng kính thần học Thiên Chúa giáo. (Và điều này thôi thúc người đọc muốn đào sâu trước khi kết thúc bài viết.) Một nhân vật khác sắm vai trò không kém phần quan trọng trong tác phẩm là nhân vật Mỹ Tân Tử chính là chất xúc tác giúp làm nổi bật lên cá tính, con người Đại Tân. Nếu Đại Tân là linh hồn của tác phẩm thì Mỹ Tân Tử là chất liệu, là xương thịt làm nên những gì tác giả muốn thể nghiệm khi viết Bên Giòng Sông Hằng.

Mỹ Tân Tử, khuôn mặt nữ tiêu biểu cho lớp thanh thiếu niên Nhật tôn thờ chủ nghĩa hư vô. *'Vào thời điểm này, các phong trào nổi loạn của sinh viên đã dần dần tàn lụi; phần nhiều các sinh viên bị rơi vào tình trạng tinh thần trống rỗng'* (trang 56). Viễn Đằng Chu Tác đã cắm mốc cho bối cảnh sinh hoạt của những nhân vật trong tác phẩm của ông như thế. Như nhiều người trẻ cùng thế hệ, người con gái này đã trải qua những năm tháng dài trống rỗng và cô đơn. Để phá vỡ nỗi cô đơn, trống rỗng ngày đêm dày vò tâm não, với bản chất thích nổi loạn thêm vào lời xúi biểu của đám sinh viên nghịch ngợm đang theo học tại trường đại học do một dòng nam Công giáo điều hành ở Đông Kinh, Mỹ Tân Tử chĩa mũi dùi phá phách vào anh chàng có đạo tên Đại Tân. Có điều khác với lũ bạn, cô đã có những suy nghĩ và hành động quá độ mà tuồng như cô không thể tự kiểm soát. Cô phá Đại Tân không phải vì chính con người chàng sinh viên khờ khạo này mà là cái tôn giáo anh theo, hơn thế, là đấng mà anh hết dạ tôn thờ *'...lần này, người cô trêu ghẹo không phải Đại Tân, nhưng là Đức Chúa Trời mà Đại Tân đang tin'* (trang 60). Với sự đồng lõa của mấy người bạn trong băng phá phách, Mỹ Tân Tử phục rượu Đại Tân vì cô biết rõ là *'...rất khó mà chơi anh chàng này được, mình phải phục rượu mới thành'* (trang 64). Tiếp theo là những màn tống tình rồi đưa điều kiện *'Bắt đầu từ ngày hôm nay anh đừng đến Kultur Heim nữa! Có thế tôi mới cho anh làm người tình của tôi....Từ hôm nay trở đi Mỹ Tân Tử làm như tình cờ ép sát đùi mình vào đùi Đại Tân- anh đừng có đi cầu nguyện nữa'* (trang 70). Và con mồi khờ khạo Đại Tân đã ngu ngơ sa vào lưới nhện! Thế nhưng, bất mãn và cô đơn vẫn tiếp tục hiện hữu trong cõi sâu thẳm của tâm hồn cô. Ngay giây phút người sinh viên ngu ngơ bị quyến rũ bắt bỏ đạo đang chúi mũi trên vùng ngực trần của Mỹ Tân Tử thì cô lại âm thầm tự nhủ lòng: *phải đi kiếm cho ra một cái gì. Một cái gì đó có cội, có nguồn đích thực* (trang 78). Nhưng suốt cuộc hành trình đuổi bắt vô vọng ấy cô đã chẳng bao giờ thỏa mãn. Mỹ Tân Tử lấy chồng một người đàn ông lương thiện, bình thường như mọi người-, những tưởng có thể lấp đầy sự trống rỗng trong tâm hồn, nhưng rồi cô đã ly dị sau khi nhận thức rằng mình chính là hiện thân của điều nhà văn Phước Hằng Tôn đã diễn tả trong cuốn "Nhật Ký Của Horatio": *'Tôi không có khả năng yêu người thực sự. Chẳng bao giờ và chẳng thể yêu ai!'* (trang 176). Khi thử nghiệm lấy chồng, cô muốn sống đời sống bình thường như mọi người, muốn một ý nghĩa cuộc đời giản dị như ý nghĩa mà chồng cô và những bạn của chồng gán cho: golf, tennis, xe ôtô tối tân...

lương thiện, không trộm cắp giết người, thành công trong nghề nghiệp... dâu thảo, vợ hiền... Nhưng với tâm thức Mỹ Tân Tử, sống như vậy là vô nghĩa, không đáng sống Điển hình một cách hài hước, quá độ, và đáng ghét cho lối sống này là vợ chồng Tam Điều, đôi tân hôn cùng tham dự chuyến hành hương-. Sống như vậy là không đi tìm nữa. Mà với cô, cô không thể không đi tìm. Ngay Đại Tân cũng không phải là đối tượng kiếm tìm của cô. Cô đuổi bắt Đại Tân không phải vì chính con người anh, mà vì một *cái gì đó* chưa rõ nét trong đáy lòng cô. *Củ Hành* chẳng hạn. *' -Xin lỗi nếu cô không thích cái danh xưng Chúa mà muốn đổi ra tên khác cũng chẳng sao. Gọi là Cà Chua hay Củ Hành cũng được thôi. - Được rồi. Thế thì Củ Hành là cái gì của anh vậy?* (trang 89) *. Khi nghe *Củ Hành* mời gọi, Đại Tân hồn nhiên như trẻ thơ trả lời: *xin vâng.* Cùng lúc ấy, con người thuần lý, bướng bỉnh Mỹ Tân Tử quyết liệt chống đối. Nhưng cô đã không hiểu rằng: sâu thẳm bên trong hành vi chống đối Thiên Chúa là một cách tin có

Thiên Chúa. Nếu thật sự tin không có Chúa thì chống làm gì? Trong phút giây dìm mình ở giòng sông Hằng, Mỹ Tân Tử đã âm thầm cầu nguyện. Lần đầu trong đời cô tự thú: *'Lời cầu nguyện có vẻ như thật tâm đó, cô cũng không rõ đang hướng về ai. Hướng về Củ Hành, người đã đón nhận Đại Tân chăng, hay là về một cái gì đó Vô Thủy Vô Chung, Cao Vời Khôn Ví?'* (trang 303). Đấy là kinh nghiệm bất ngờ đối với chính bản thân cô. Nó giống như một thúc đẩy, một gọi mời của vô thức. Không cưỡng lại được. Đại Tân bỏ Chúa để thần phục Mỹ Tân Tử nhưng không bỏ được, vì Chúa không bỏ Đại Tân. Mỹ Tân Tử muốn xóa Chúa đi nhưng không nổi vì càng xóa càng hiện rõ trong tâm can sự thiếu vắng. Hư vô, cô đơn nơi Mỹ Tân Tử là một thứ sa mạc của tâm hồn. Và phải chăng đấy là thảm kịch của đời cô?

Đại Tân, chàng sinh viên Công giáo ngoan đạo, tới nguyện đường cầu nguyện mỗi chiều, lúc nào cũng mang bộ đồng phục lỗi thời, tính tình nhút nhát, đỏ mặt khi đối diện người khác phái, nhưng có một tấm lòng bao dung, hòa ái lạ thường. Có điều chẳng ai ưa bộ mặt quá trang nghiêm lúc nào cũng tỏ ra muốn làm vui lòng người khác của anh. *'Tôi thì xưa nay vẫn vậy đó! Cố gắng hòa đồng với mọi người nhưng rồi chẳng đi đến đâu; chỉ làm cho mọi người mất vui!'* (trang 69). Có thể nói rằng Mỹ Tân Tử và Đại Tân là hai thực tại đối nghịch của đời sống nhưng lại cùng bị hấp lực của một đối tượng ở xa, ở ngoài tầm tay lôi cuốn. Lôi cuốn đến không cưỡng lại được. Đó là một hình bóng, một ảo ảnh, một cái gì cao xa ví như một lý tưởng tuồng như không có thực trong đời. Có khác chăng là cách tiếp nhận và phản ứng của hai người không giống nhau, nếu không nói là đối kháng nhau. Điểm tương đồng rõ nét nhất nơi hai nhân vật này là họ cùng đối diện trước một tâm cảnh cô đơn như nhau: *'Tôi vốn dĩ cô đơn nên tôi muốn nói chuyện với cô cũng là kẻ cô đơn'* (trang 182). Trong một bức thư viết cho Mỹ Tân Tử từ một nhà dòng vùng Galilê, Đại Tân đã thú nhận như thế.

Trước hấp lực vô hình của tôn giáo, Đại Tân đặt để một niềm tin tuyệt đối vào Thiên Chúa, vào *Người ấy*, vào *Củ Hành.* Niềm tin tuyệt đối ấy đã khắc sâu trong trái tim Đại Tân, đến nỗi ngay cả khi đứng bên bờ vực của sa ngã, bị Mỹ Tân Tử cưỡng bách bỏ đạo để được làm người tình hờ giai đoạn của nàng, anh vẫn một mực tuyên xưng *'Dù tôi bỏ Chúa đi nữa... thì Ngài vẫn không bỏ tôi'* (trang 68). Về phần Mỹ Tân Tử, từ chốn sâu thẳm của cõi lòng, nàng tha thiết *'muốn tìm cho ra một cái gì, một cái gì có cội có nguồn'* (cái cội nguồn đã thôi thúc cô hơn một lần đuổi theo cái bóng vô hình vô tướng ẩn khuất trong cái bóng hữu hình của Đại Tân, chàng sinh viên có bộ mặt ngu ngơ khờ khạo đáng ghét mà một thời cô ra sức quyến rũ để hành hạ cho bõ ghét rồi đá đi như một miếng giẻ rách: *'Và bây giờ, lại cứ luẩn quẩn đi kiếm cái anh chàng Đại Tân giữa thành phố cô đến thăm này. Có điều là trong những hành vi ngớ ngẩn đó, cô mơ hồ cảm thấy cô đang ước ao cái gì đó. Một ẩn số X bổ túc cho bản thân cô. Nhưng ẩn số X ấy là gì tới bây giờ cô cũng chưa biết được'* (trang 258)). Trong khi ấy, cô vẫn tiếp tục phản ứng theo thú tính một cách ngổ ngáo đến độ tàn nhẫn mà chính cô cũng không thể tự kềm chế. (Nhìn Thỉ Dã, chồng cô đi vào giấc ngủ một cách hồn nhiên vô tư sau khi làm tình, Mỹ Tân Tử bất mãn liên tưởng tới nhân vật Thérèse trong cuốn tiểu thuyết *Thérèse Desqueyroux* của Francois Mauriac. Tâm trạng cô chồng lên tâm trạng mịt mùng, bi thiết của Thérèse, bởi vì từ trong ý nghĩ cũng như cảnh ngộ, cô nhận ra mình giống nhân vật nữ này quá. Và người chồng hiền lành chơn chất của cô cũng rập khuôn với Bernard, chồng Thérèse như hình với bóng. Trong một giây bất định, cô muốn ra tay

hạ sát chồng cô như Thérèse đã làm với Bernard. Cũng tương tự như trong chuyến hành hương Ấn Độ. Khi tình nguyện ở lại thành phố để làm người y tá bất đắc dĩ săn sóc ông Mộc Khẩu, một đồng hương trong đoàn, nhìn người đàn ông già bệnh hoạn đang chìm trong giấc ngủ mệt nhọc, ý tưởng giết chóc cũng đột nhiên lướt nhanh trong đầu Mỹ Tân Tử).

Trong thời gian phá phách ở đại học, vì tò mò và cũng vì muốn thấy tận mắt Đại Tân đã thần phục cô mà bỏ cầu nguyện, một buổi chiều, Mỹ Tân Tử tìm đến Kultur Heim, ngôi nguyện đường cổ kính trong khuôn viên đại học. Giữa không khí trầm lắng của nhà nguyện, tình cờ cô mở cuốn Kinh Thánh gặp đoạn 53, câu 3-4 trong sách Isaia: *'... Ngài không duyên dáng, không oai vệ bắt chúng tôi phải để ý, không có vẻ gì đáng làm cho chúng tôi mến chuộng. Ngài bị khinh khi, và là đồ phế bỏ của người đời, con người đớn đau và những ốm o xo bại, như một kẻ có gặp chúng tôi thì lo giấu mặt, bị khinh khi, và chúng tôi đã chẳng đếm xỉa. Trái lại, chính các bệnh tật của chúng tôi, Ngài đã mang, chính các khổ đau của chúng tôi, Ngài đã vác....'* (trang 71). Nhẩm đọc đoạn sách Thánh, Mỹ Tân Tử cảm thấy khinh khi và chán ngán những kẻ tin vào nó. Nhưng cô không ngờ rằng sau này có lần hồi tưởng lại lời văn tẻ nhạt trên đây lại làm cho cô bồi hồi xúc động tự hỏi: *'Tại sao mình lại cứ đi kiếm Con Người ấy?'* Và Mỹ Tân Tử đẩy xa những suy tư thầm kín của cô: *"Hình ảnh của nữ thần Chàmundà chồng lên Con Người ấy, và trên Con Người ấy, bóng dáng của Đại Tân nhìn từ phía sau, thật tội nghiệp, lại phủ lên. Khi nghĩ lại cô thấy như cô đang theo sau Đại Tân, truy tầm một cái gì đó mà không hay, nhưng đó là một người đàn ông 'chẳng có gì duyên dáng, oai vệ' mà cô đã ruồng rẫy, dù anh ta là một kẻ mà cô xử dụng như một món đồ chơi nhằm thỏa mãn cái tính tự tôn của mình, nhưng rồi bây giờ, chính Con Người ấy đang làm tổn thương cô"* (trang 251-252). Rõ ràng nhân vật nữ này đã đồng hóa Đại Tân với *Củ Hành*. Trước đó, trong khi cùng ông Chiểu Điền đi tìm tông tích Đại Tân tại thành phố có giòng sông Hằng chảy qua, để giải thích cho người đồng hành về sự kiện *'trên đời này thiếu gì những chuyện không thể hiểu được'*, cô nói: *'- Thì tôi đang nghĩ đến cái việc người bạn tôi đang làm trong thành phố này. Con người ấy nếu nhìn theo cái nhìn của bàn dân thiên hạ, thì đúng anh ta đang đi làm cái chuyện điên rồ, nhưng... khi đến đây, tôi không thể coi đó là những hành động điên rồ được nữa'* (trang 235). Lại cũng một loại điên rồ của tình-yêu-thập-giá? (Điều mà Đại Tân với tư cách một Linh mục Công giáo làm lúc bấy giờ là từ sáng đến tối lần mò trong các hang cùng ngõ hẻm, kể cả những ổ ăn chơi, tìm kiếm những tiện dân trong cơn hấp hối, vác họ trên vai, đưa tới những trạm chờ chết để ủi an săn sóc, và nếu là người đã chết thì giúp họ thực hiện điều tâm nguyện cuối đời là được hỏa thiêu hoặc thủy táng trên giòng sông Hằng. Chính trong phút giây làm cái công việc mà kẻ bàng quan cho là điên rồ như thế thì Đại Tân âm thầm cầu nguyện: *'Ngài đã vác thập tự giá leo lên núi Sọ. Ngày hôm nay, con cũng đang dõi theo bước chân Ngài... Ngài đã vác những đau thương của muôn người lên đỉnh Golgotha, bây giờ con cũng đang bắt chước Ngài. Ngài ơi!'* (trang 278). Một cách nào đó, phải chăng Viễn Đằng Chu Tác đã phóng lớn và rập khuôn con người, hành vi của Mẹ Têrêxa Calcutta để chồng lên nhân vật Đại Tân trong tác phẩm của ông? Dĩ nhiên là ở một góc cạnh khác, một mục tiêu khác, không giống với bản chất, lý tưởng của người nữ tu mà thuở sinh thời đã được thế giới cả coi là thánh sống.

Ngoài hai nhân vật chính trên đây, Viễn Đằng Chu Tác còn đưa vào tác phẩm ba mẫu người hoàn toàn khác nhau về nhiều phương diện nhưng đều gặp nhau ở một điểm là giúp tác giả củng cố và làm sáng lên những luận điểm triết học và thần học mà ông muốn biện giải. Nhân vật thứ nhất là ông Cơ Biên, một mẫu người chồng Nhật Bản mà ở bất cứ vòm trời Châu Á nào cũng có, luôn xem nhẹ mối liên hệ phu thê, coi vợ như một nhánh rễ phụ, một người có bổn phận phải phục vụ gia đình như một nghiệp dĩ. Nhưng khi hay tin vợ mắc chứng nan y chỉ còn sống được vài ba tháng, ông cảm thấy hụt hẫng, cuống cuồng lo lắng đến quên ăn mất ngủ và muốn làm mọi cách để chuộc lại những thờ ơ thiếu sót của mình với người bạn đời chung thủy. Và lời trăn trối hàm hồ của vợ ông trong phút lâm chung đã trở thành một ám ảnh khôn nguôi, thôi thúc ông lặn lội qua vùng trời Ấn Độ xục xạo tìm hậu thân của bà, cho dù tự thâm tâm ông không hề tin vào thuyết luân hồi, vào chuyện con người có thể tái sinh trong kiếp khác. *'- Em... biết chắc... em sẽ được tái sinh ở một nơi nào đó trong thế giới này. Mình nhớ đi kiếm*

em... gặp em... Mình hứa đi!... Mình hứa đi mình! Lời trăn trối trong cơn mê sảng đó của bà cứ văng vẳng bên tai ông. Nhưng ông không thể tin vào những chuyện huyền hoặc như vậy, bởi vì, cũng như nhiều người Nhật khác, ông là người vô tín ngưỡng, và cho rằng chết là hết!' (trang 32). Nhưng khi vợ chết ông mới khám phá ra rằng chết là chết! Có điều: chó chết hết chuyện, nhưng người chết thì chuyện hình như vẫn còn dài dài như mối bận tâm của con người trước sự huyền nhiệm của lẽ tử sinh-. Vì sống là sẽ phải chết nên sống mới thành bi đát. Vợ chết, ông Cơ Biên mới thấy mình thật sự sống. Trước kia ông sống bên cạnh cuộc đời, bên cạnh vợ, tức bên ngoài sự sống. Bây giờ ông hành hương qua Ấn để tìm kiếm. Ông ảo tưởng là tìm kiếm hậu thân của vợ mà thật ra là tìm lại, khám phá lại chính ông.

Nhân vật thứ hai là ông Chiểu Điền, một nhà văn chuyên viết truyện nhi đồng. Thế giới truyện của ông là cỏ cây, chó mèo, chim chóc. Thuở thiếu thời, để trốn nỗi cô đơn, day dứt vì cha mẹ tối ngày lục đục và cuối cùng dẫn tới bỏ nhau, chú bé Chiểu Điền trút nỗi cô đơn, buồn sầu của chú vào tai con Mực. Sau này lớn lên lấy vợ, thành nhà văn, ông tiếp tục tự thu nhỏ lại trong nỗi cô đơn của riêng mình để chỉ bầu bạn, tâm đắc, nhỏ to, tâm sự với những con Tê, con Nhồng. Thoát chết trong một cuộc giải phẫu thập tử nhất sinh, nghe vợ cho biết con Nhồng đã chết vào đêm ông trên bàn mổ, ông đã không khỏi bàng hoàng với ý nghĩ mơ hồ là nó đã thế mạng cho ông. Và đấy là động cơ thôi thúc ông ngu ngơ tham dự cuộc hành hương Ấn Độ chỉ với mục tiêu duy nhất là đi thăm những cơ sở bảo vệ các loài muông thú trên đất Ấn. Như một hành vi xuất phát từ vô thức, trong khi cùng Mỹ Tân Tử len lỏi bên giòng sông Hằng, ông tìm mua bằng được một con nhồng chỉ để phóng sinh, coi đấy như một việc vay trả, trả vay.

Nhân vật thứ ba là ông Mộc Khẩu, một cựu chiến binh Nhật trong đệ nhị thế chiến. Đương sự đã trải qua những ngày đêm kinh hoàng lúc tàn quân Nhật bị rượt đuổi tan tác trong rừng già Miến Điện, chứng kiến hàng trăm, hàng ngàn cái chết đau thương của đồng đội vì đói khát, tật bệnh hoặc tự kết liễu đời mình trong phút giây quá tuyệt vọng giữa những cơn mưa lũ, với hình ảnh thây người nằm ngổn ngang, trong đó có những kẻ còn sống nhưng dòi bọ đã bắt đầu rúc rỉa khắp châu thân. Chính ông những tưởng cũng phải bỏ thây nơi xứ lạ nếu không nhờ Trủng Điền, người bạn chiến đấu trung kiên đã hết lòng giúp đỡ bằng cách săn sóc, khích lệ, chia sẻ phần ăn đạm bạc cuối cùng cho ông. Nhiều năm sau gặp lại bạn cũ và cũng là người ơn, ông phát hiện nơi Trủng Điền, con người mang vác cả một trời tâm sự ngổn ngang, u uẩn, tối ngày say sưa như hũ chìm đến nỗi phải nằm bệnh viện vì bị thổ huyết nhiều phen. Biết mình khó tránh khỏi lưỡi hái tử thần, một hôm Trủng Điền đã tâm sự với bạn điều bí ẩn khiến anh đau lòng phải tìm quên bên ly rượu: gặp bước đường cùng trong cuộc lui binh năm ấy, vì cần có một cái gì nhét vào bụng cho qua cơn đói, anh đã nhắm mắt ăn thịt một người, một đồng đội! Trước giây phút lâm chung, Trủng Điền đã được một thanh niên thiện nguyện người Âu có tín ngưỡng Thiên Chúa giáo tên Gaston giải tỏa những ẩn ức trong lòng, và anh đã ra đi với nét mặt bình an thanh thản. Theo gót đoàn hành hương, ông Mộc Khẩu đặt chân đến xứ Ấn không ngoài tâm nguyện thực hiện một lễ cầu siêu cho những đồng đội của ông đã khuất bóng, tại chính quê hương Đức Phật, cho dẫu đạo Phật lúc này chỉ còn là thiểu số so với Ấn giáo và đạo Hồi *'... tôi muốn đến chùa để làm lễ cầu siêu cho các chiến sĩ trận vong, nhưng tôi lại không biết, ở Ấn, tín đồ Phật giáo lại ít đến thế. Mặc dầu nước này là nơi Đức Thích Ca đã sinh ra, thế mà bây giờ là một quốc gia theo Ấn giáo!'* (trang 281).

Vượt lên tất cả những nhân vật chính phụ trên đây là một nhân vật khác được tác giả nhân cách hóa tới tuyệt đỉnh. Đó là Giòng-Sông-Hằng, giòng sông với nguyên nghĩa là Thiên Đường Lai, từ Trời, từ Thiên Đường chảy xuống, giòng sông được Đại Tân mệnh danh là *Giòng-Sông-Củ-Hành, Giòng-Sông-Tình-Yêu, Giòng-Sông-Chuyên-Chở-Sự-Sống-Đời-Đời.* Cùng với tượng nữ thần Chàmundà, nó là mạch máu, là trái tim của tác phẩm, là hấp lực huyền bí lôi cuốn những nhân vật của Viễn Đằng Chu Tác tìm về, để ít nữa, một lần tìm gặp lại chính mình.

Kỳ tới: Vài nhận xét chủ quan

* Từ "*Củ Hành*" được nhân vật Đại Tân dùng để nói tới Chúa hay Chúa Giêsu trong tác phẩm khi đối thoại với nhân vật Mỹ Tân Tử, vì lẽ cô này thường tỏ ý khó chịu, không muốn nghe anh lặp đi lặp lại danh xưng Chúa.

Những món quà ĐẸP và QUÝ tặng nhau dịp đầu năm

Tập truyện

TÀ ÁO VĂN QUÂN

của NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

Truyện tình. Mỗi mối tình là một sắc thái riêng, một tà áo phất phơ bay mãi trong tâm trí tác giả và người đọc.
Những tà áo bay làm xao động cả mùa Xuân,
TÀ ÁO VĂN QUÂN.
Giá (kể cả cước phí): US$16.00 trong nước Mỹ.
US$18.00 ngoài nước Mỹ

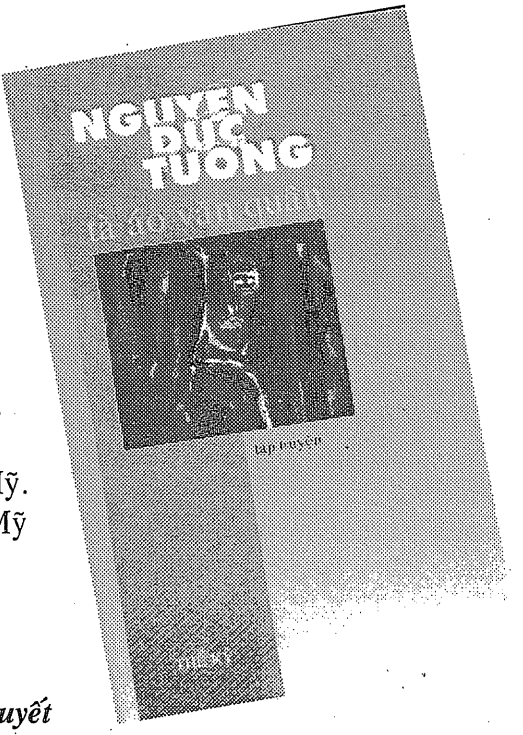

Cuốn tiểu thuyết "vào hàng hay nhất của thời đại chúng ta"

BÊN GIÒNG SÔNG HẰNG

của tác giả Nhật Bản
VIỄN ĐẲNG CHU TÁC - ENDO SHUSAKU
dịch thẳng từ bản Nhật ngữ: **NGUYỄN VĂN THỰC**

Sự khó khăn của Kitô giáo trong tiến trình hội nhập vào tâm thức Nhật Bản là đề tài lớn trong sự nghiệp sáng tác của tác giả. Nhưng phải chờ đến BÊN GIÒNG SÔNG HẰNG (Thâm Hà), kể chuyện một nhóm du khách Nhật Bản đi thăm Ấn Độ, người ta mới thấy được thị kiến về một tâm-thức-mới chuyên chở được muôn dòng sông tư tưởng và tôn giáo.
Nhóm du khách đã đến bên sông Hằng, đã chạm đến cái mênh mông của dòng sông thiêng cũng như của tâm linh muôn thuở...
Giá (kể cả cước phí): US$15.00 trong nước Mỹ.
US$17.00 ngoài nước Mỹ.

Thư từ, tiền bạc xin liên lạc: **YEN TRAN**
9702 Bolsa Avenue # 112, Westminster CA 92683 - USA
Tel: (714) 839-8746

Sĩ Phú Productions xin hân hạnh giới thiệu cùng thính giả thân mến CD mới nhất với tiếng hát quý phái và trữ tình của nam danh ca Sĩ Phú

Chờ Em

với 12 tình khúc đã một thời vang bóng

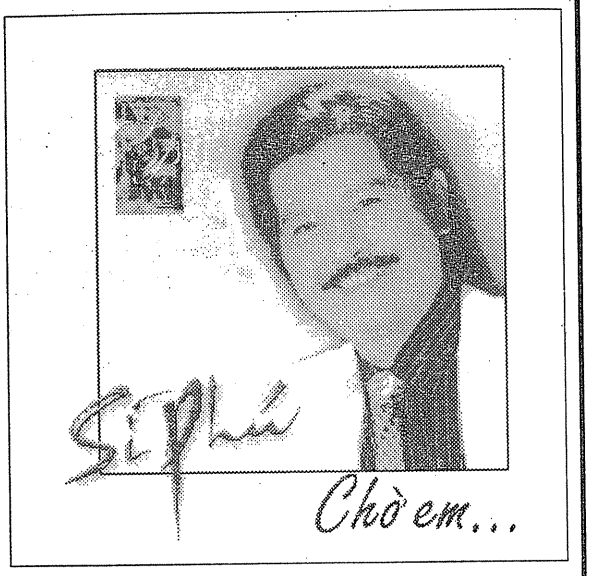

Tác phẩm này là kỷ vật cuối cùng của Sĩ Phú để lại ho những thính giả thân thương của anh. Bìa CD dài 4 trang, trình bày tuyệt đẹp, công phu. Tác phẩm giá trị nghệ thuật này là một cố gắng không ngừng của chúng tôi không ngoài mục đích lưu lại và truyền bá những kỷ vật, di sản quý báu mà Sĩ Phú đã để lại cho đời và cho người yêu dấu của anh. Tất cả số tiền thu được trong các CD của Sĩ Phú như Tà Áo Xanh, Còn Chút Gì Để Nhớ, Chờ Em đã và đang được sung vào Hội Từ Thiện của Sĩ Phú có tên là Sĩ Phú Foundation để làm những công tác từ thiện cho VN, theo đúng như ước nguyện của anh.

Khi quý thính giả thân yêu mua CD do Sĩ Phú Productions phát hành, quý vị đã gián tiếp giúp sức với chúng tôi để làm công tác từ thiện giúp đời thay cho Sĩ Phú.

Chúng tôi xin tri ân những tấm lòng vàng của Quý vị và cầu mong quý vị và gia đình được ơn trên ban nhiều phúc lành. Chúng tôi rất mong muốn được liên lạc với quý vị về tất cả dịch vụ gì liên quan đến tiếng hát Sĩ Phú, xin quý vị liên lạc về địa chỉ sau đây:

NGỌC LAN

1143 Davis Way, Placentia, CA 92870

(714) 985-1715

email colangiengoi@yahoo.com

email siphu@msn.com

visit our website

www.siphuforever.com

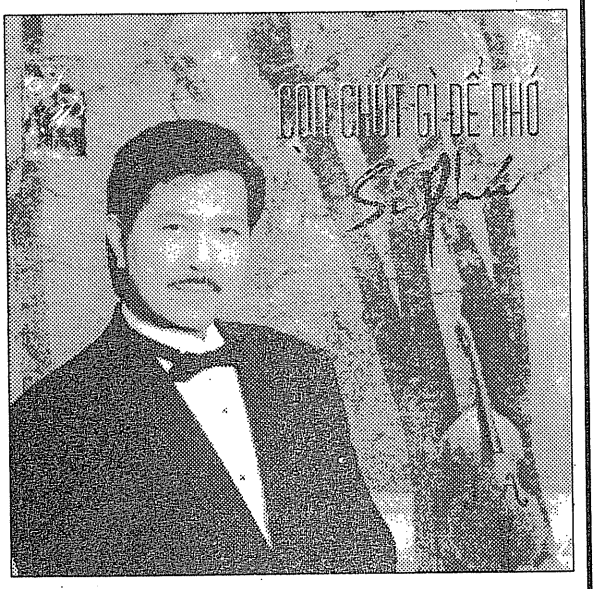

Xin quý vị đón đọc một hồi ký đầy nước mắt của Sĩ Phú lồng trong một chuyện tình đẹp tuyệt vời. Đây là một tác phẩm có giá trị và rất trung thực về Sĩ Phú vì được kể lại bởi chính Sĩ Phú do Ngọc Lan viết. Sách và audio tape sẽ phát hành vào dịp giỗ đầu của Sĩ Phú, July 2001.

XIN LƯU Ý: Chúng tôi rất tha thiết muốn liên lạc với quý vị thính giả nào còn giữ những băng nhạc cũ do Sĩ Phú ca trước 75. Chúng tôi không ngại những băng đã cũ, xin quý vị cứ liên lạc với chúng tôi. Xin chân thành cảm tạ. Xin cứ nói vào máy nhắn, chúng tôi sẽ gọi lại cùng ngày.

Bolsa Medical Center

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - **(714) 531-2091**

AMVI, AMVI / PROSPECT SỐ 27 & BOLSA MEDICAL GROUP

in affiliation with

FOUNTAIN VALLEY REGIONAL HOSPITAL

17100 Euclid Ave., Fountain Valley, CA 92708 - **(714) 966-7250**

TRUNG TÂM Y TẾ TOÀN KHOA

TRUNG TÂM GIẢI PHẪU NGOẠI CHẨN

PHÒNG ĐIỀU TRỊ KHẨN CẤP, QUANG TUYẾN & THỬ NGHIỆM

- Trung tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất của thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà ngay không cần ở lại đêm.
- Trung tâm có bác sĩ chuyên khoa về gây mê, bác sĩ chuyên khoa về tim thường trực để bảo đảm và theo dõi sự an toàn các quý vị.
- Trung tâm được công nhận bởi các cơ sở y tế địa phương và tiểu bang.

CHUYÊN TRỊ:

* Nội, Ngoại Thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Nha Khoa, Bệnh Người Già, Bệnh Đường Tiêu Hóa, Ruột....
* Các bệnh khẩn cấp, nóng sốt, tiêu chảy, ói mửa, tiểu rát, tiểu ra máu người lớn và trẻ em.
* Các tai nạn xe cộ, nghề nghiệp, ở nhà & ở sở - Khâu các vết thương.
* Các bệnh cấp tính đau nhức, đau xương, đau bụng, đau lưng, nhức đầu, đau mắt, bong gân, gẫy xương.
* Các bệnh khó thở, tức ngực, suyễn, sưng phổi, đau tim.

Xin mời quý vị đón nghe Chương trình Hội Thoại Y Khoa của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group, hàng tuần vào mỗi thứ Tư, từ 2:15 PM - 3:15 PM và sáng thứ Sáu từ 6:15 AM tới 6:30 AM trên băng tần 106.3 FM, VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

* *Nhận Medi-Cal, Cal OPTIMA, Medi-Care, HMO & PPO & hầu hết các loại bảo hiểm.*
* *Giá đặc biệt cho khách trả tiền mặt hoặc thẻ tín dụng với các dịch vụ giải phẫu & săn sóc thai nhi.*
* ***Có xe chuyên chở cho quý vị không có phương tiện di chuyển (Xin lấy hẹn)***
* *Có chỗ đậu xe rộng rãi và an toàn đằng sau Trung Tâm.*

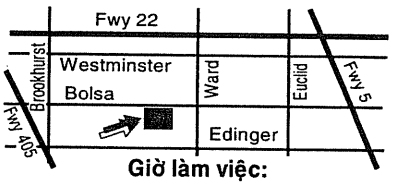

Giờ làm việc:

Thứ Hai - Thứ Sáu: 9 AM - 8 PM & Thứ Bảy: 9 AM - 4 PM

AMVI Medical Group, Fountain Valley Regional Hospital and Medical Center, affiliated with Telnet HealthSystem

DANH SÁCH CÁC BÁC SĨ CỦA BOLSA MEDICAL GROUP

B.S. PHẠM ĐĂNG LONG CƠ, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THỊ LÃM THÚY, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. NGUYỄN HỮU HÙNG, M.D.
Nội Khoa, Bệnh Người Già

B.S. VĂN KỲ CHƯƠNG, M.D.
Giải Phẫu Tổng Quát

B.S. NGUYỄN VĂN LỘC, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. DƯƠNG HỒNG TẠO, M.D.
Tim Mạch, Nội Thương

B.S. HOÀNG THANH VINCENT, M.D.
Nội Khoa và Y Khoa Gia Đình

B.S. HOÀNG THẢO CHRISTINE, M.D.
Sản Phụ Khoa

B.S. NGÔ NGỌC TRÂN, M.D.
Chỉnh Xương

B.S. DAVID NGUYỄN, M.D.
Nhi Đồng, Thanh Thiếu Niên

B.S. PHẠM VIỆT ANH, M.D.
Gia đình, Gây mê, Đau nhức

B.S. PHAN QUỐC QUANG, M.D.
Bệnh Bao Tử, Đường Ruột

B.S. QUÁN TRỌNG THANH LAN, M.D.
Nhãn Khoa

B.S. PETER NGUYỄN, M.D.
Giải Phẫu Thẩm Mỹ

B.S. VŨ QUỐC ĐỊNH, M.D.
Sản Phụ Khoa, Hiếm Muộn

B.S. BÙI THIỆN TRIỆU, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Trẻ Em

BS. NGUYỄN SONG ANH TÚ, M.D.
Nội Khoa, Y Khoa Gia Đình

B.S. LƯU THỊ LỢI, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. LAUREN YẾN CHÂU TRẦN, M.D.
Y Khoa Gia Đình, Phụ Nữ

B.S. HOÀNG QUÝ MINH, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

B.S. NGUYỄN THANH THÙY, M.D.
Y Khoa Gia Đình & Nhi Đồng

Khi quý vị chọn BOLSA MEDICAL GROUP, quý vị đã chọn một Trung Tâm Y Tế có khả năng đem lại cho quý vị những dịch vụ y tế đầy đủ và phẩm chất cao. Trung Tâm Y Tế Bolsa được trang bị bởi những dụng cụ tối tân nhất như hệ thống Laser, Video và đặt trọng tâm vào lãnh vực săn sóc sức khỏe, chẩn và trị bệnh cho cộng đồng Việt Nam. Ngoài Phòng Thử Nghiệm và Phòng Quang Tuyến tối tân đúng tiêu chuẩn của Cơ Quan Y Tế Tiểu Bang California, Trung Tâm Giải Phẫu Ngoại Chẩn của Bolsa Medical Group còn chuyên về các dịch vụ giải phẫu mà bệnh nhân không cần ở lại qua đêm, giúp quý vị tiết kiệm thời gian và tiền bạc.

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

Mới phát hành CD và Cassette THƠ THIỀN

TRÚC LÂM THIỀN PHỔ

Thi phẩm: Trần Nhân Tôn - Thiền sư Vạn Hạnh - Tuệ Trung Thượng Sĩ

THƯỜNG CHIẾU THIỀN PHỔ

Thơ kệ: Thiền sư Thường Chiếu - Thiền sư Thanh Từ - Thiền sư Nhật Quang

Xuân

Tờ mờ sáng hôm nay,
Hương Xuân gọi hồn say
Người người lươi về Tết,
Rộn rã xin lắm thay.

Thiền Sư Nhật Quang

Lý Sắc Không

Thuở bé chưa từng rõ Sắc không?
Xuân về hoa nở rộn trong lòng
Chúa Xuân nay bị ta khám phá
Chiếu trải giường Thiền ngắm cánh Hồng.

Sơ Tổ Trần Nhân Tông

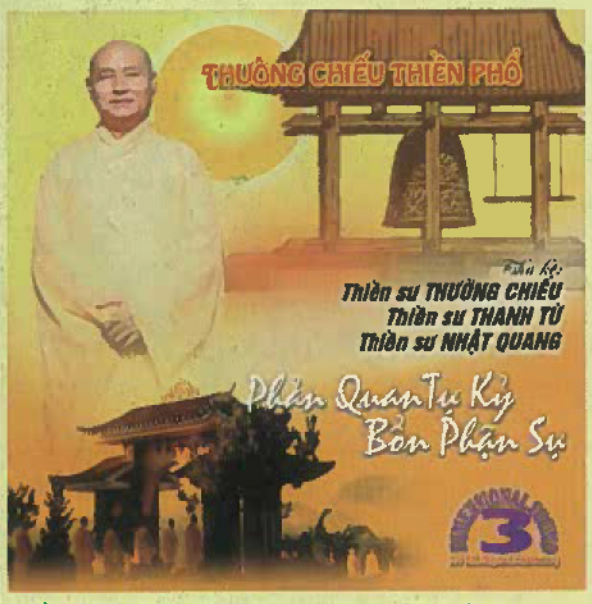

Diễn ngâm: Việt Hùng, Phương Dung, Quỳnh Hoa, Phương Hạnh, Xuân Phát.

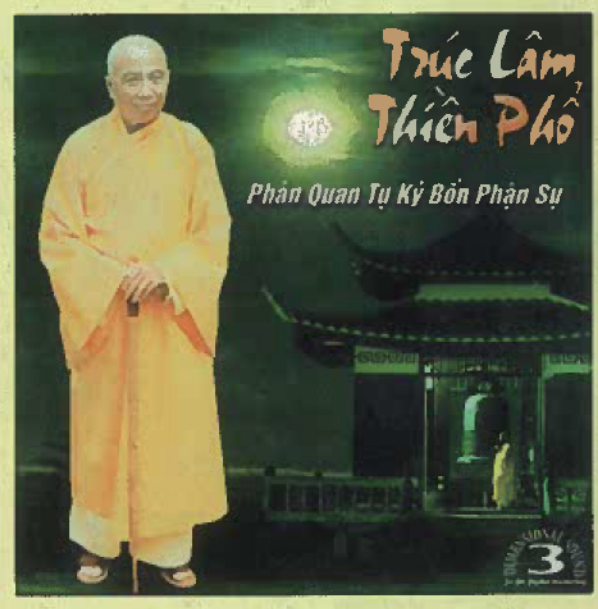

Diễn ngâm: Minh Nguyệt, Bích Thuận, Phượng Vũ, Trọng Nghĩa.

Để chào mừng Thiên niên kỷ thứ III, trong tinh thần Từ Bi, Trí Tuệ, Nhân Bản và Khai Phóng của đạo Phật, chúng tôi xin trân trọng giới thiệu *CD & Cassette* **TRÚC LÂM THIỀN PHỔ** và **THƯỜNG CHIẾU THIỀN PHỔ** gồm các thi kệ bất hủ của: ***Thiền Sư Vạn Hạnh,*** vị Quốc sư đầu tiên khai sáng triều đại Lý; ***Thiền sư Thường Chiếu***, một cao tăng tài ba lỗi lạc vào cuối thế kỷ 12; ***Tuệ Trung Thượng Sỹ*** là thầy của Vua Trần Nhân Tông, Vua Trần Nhân Tông là Sư tổ phái Thiền Trúc Lâm Yên Tử, vào thế kỷ 13; Thiền sư khả kính hiện đại ***Thích Thanh Từ,*** Ngài có công khôi phục Thiền Tông Việt nam cuối thế kỷ 20, đầu thế kỷ 21, Viện trưởng Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt; ***Thiền sư Thích Nhật Quang,*** trụ trì Thiền Viện Thường Chiếu, Long Thành, Đồng Nai.

Phát hành tại: Hoa Phát Dịch Vụ: (714) 531-2700

hay liên lạc **Đạo hữu Mãn Tâm An: (714) 839-6704** - Địa chỉ: 9490 Madison Ave., Westminster, CA 92683. USA

www.truclamthienvien.com * Email: mantaman@truclamthienvien.com

Chúng tôi có phát thanh Chương Trình Học Phật trên làn sóng 1480 AM hàng tuần mỗi thứ Ba từ 5:05AM - 6AM và mỗi thứ Bảy 9:30 PM - 10:00 PM.

Chúng tôi có phát hành Video & Cassette học Phật.

Ấn Phí: 5 Mỹ Kim